

hoạt động

phá hoại

và lật đổ

của CIA ở

VIỆT NAM



CIA

HOẠT ĐỘNG PHÁ HOẠI VÀ LẬT ĐỔ CỦA CIA Ở VIỆT NAM

DƯƠNG THÔNG - LÊ KIM

Những hoạt động

PHÁ HOẠI

VÀ LẬT ĐÒ CỦA CIA

ở Việt Nam

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

HÀ NỘI

Những hoạt động phá hoại và lật đổ của CIA ở Việt Nam

Tác giả: Dương Thông, Lê Kim

NXB Công an nhân dân

Năm xuất bản: Khoảng năm 1990

Scan ebook: fb: Nguyễn Tuấn Đức

chuyển text ebook: fb: Cao Trung Hiếu

Nguồn: quansuvn.net

Epub (02/2019): @lamtam, tve-4u.org

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cho tới nay trên thế giới đã xuất bản rất nhiều sách viết về Cục tình báo trung ương Mỹ, gọi tắt là CIA: “CIA chống Cuba”, “CIA lũng đoạn lục địa Mỹ La tinh”, “CIA trên đất Thụy Sĩ”, “CIA trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai” ... Có thể nói, trên khắp các lục địa của trái đất này, đều có CIA hoạt động. Nước sở tại tố cáo các hành vi tội ác của CIA đã đành, ngay cả nhiều quan chức cấp cao đã từng một thời hoạt động trong hàng ngũ CIA cũng viết nhiều cuốn sách có tính chất hồi ký, phanh phui trước ánh sáng dư luận nhiều mưu đồ và hoạt động đen tối của CIA. Không phải ai khác mà chính người Mỹ đã gọi CIA là “con quái vật”, là “bộ máy gián điệp khổng lồ ngốn nhiều tiền của nhất của nước Mỹ”, là “một chính phủ vô hình” trùm lên chính quyền Mỹ, lũng đoạn cả Nhà Trắng lẫn Lầu năm góc.

Tuy nhiên, cũng cho mãi tới nay, sách báo viết về các hoạt động của CIA tại Việt Nam hãy còn rất ít và quá sơ lược. Trong khi đó, liên tục suốt mấy thập kỷ qua, những tội ác của CIA ở cả hai miền Nam Bắc Việt Nam lại rất nhiều. Nếu cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ tại miền Nam Việt Nam được nhiều nhà sử học Hoa Kỳ đánh giá là một cuộc chiến tranh “kéo dài nhất, đẫm máu nhất, tốn kém nhất” và “thất bại thảm hại nhất, toàn diện nhất” trong lịch sử viễn chinh của đế quốc Mỹ, thì các hoạt động đen tối của CIA ở cả hai miền Nam Bắc Việt Nam cũng “được coi là những hoạt động điên cuồng nhất, đa dạng nhất, dai dẳng nhất” và cũng đã từng chuốc lấy “những thất bại cay đắng nhất” kể từ ngày thành lập.

Lịch sử đã chứng minh, trước khi những binh lính vũ trang của Mỹ kéo vào miền Nam Việt Nam thì Các điệp viên CIA đã từng thâm nhập vào miền Bắc Việt Nam. CIA không chỉ dọn đường cho đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam mà ngay cả khi tên lính Mỹ cuối cùng đã rút khỏi sân bay Tân Sơn Nhất CIA còn để lại một kế hoạch “hậu chiến” đã được chuẩn bị sẵn, ấp ủ nhiều mưu đồ phá hoại lâu dài đất nước Việt Nam. Nhưng lịch sử cũng đã chứng minh, tất cả mưu đồ nham hiểm lâu dài đó của CIA đều đã bị phá sản thảm hại.

Cuộc đấu tranh chống các hoạt động phá hoại của CIA ở Việt Nam

là một cuộc đấu tranh rất lâu dài và vô cùng gay go, phức tạp. Thắng lợi của cuộc đấu tranh muôn hình muôn vẻ, không có ranh giới, không có mặt trận này, trước hết là thắng lợi của tinh thần yêu nước và truyền thống bất khuất của toàn dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn đời bất diệt. Trong chiến công chói lọi của các tầng lớp nhân dân hai miền NamBắc Việt Nam có phần đóng góp xứng đáng của các lực lượng chiến đấu trên mặt trận thầm lặng trong đó có cán bộ và chiến sĩ trong lực lượng an ninh nhân dân Việt Nam.

Nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn của Việt Nam trong năm 1990: kỷ niệm 45 năm ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sau đổi thành Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, kỷ niệm 43 năm ra đời lực lượng công an nhân dân Việt Nam, Nhà xuất bản Công an nhân dân cho xuất bản cuốn “Những hoạt động phá hoại và lật đổ của CIA ở Việt Nam”.

Đây chưa phải là cuốn sách tổng kết toàn bộ hoạt động của CIA ở Việt Nam nhưng qua những tư liệu thực giúp bạn đọc hiểu được tổng quát âm mưu, tội ác của CIA đối với nước ta qua từng giai đoạn cách mạng. Những sự kiện ghi lại trong cuốn sách này đều là “việc thật, người thật”. Nguồn tư liệu để viết cuốn sách này rút từ những văn bản do chính các nhân viên cấp cao của CIA tiết lộ, cùng với những chuyện kể của các cán bộ phản gián và cả những lời khai của một số người trước kia cộng tác với CIA nay đã hối cải. Một số tài liệu tịch thu được của Mỹ ngụy sau khi giải phóng miền Nam Việt Nam cũng được tận dụng.

Vì bản thân các hoạt động của CIA ở Việt Nam, tự nó đã nói lên sự thật, cho nên người viết không phải bình luận phê phán dài dòng mà chỉ ghi lại trung thực những sự việc cần nêu. Dĩ nhiên do khuôn khổ có hạn, cuốn sách này chưa thể thuật lại đầy đủ toàn bộ các hoạt động của CIA ở Việt Nam với tất cả các chi tiết cụ thể. Nhưng dù sao cũng mong rằng những mẫu chuyện dưới đây sẽ góp phần lưu ý bạn đọc ở trong và ngoài nước về những hoạt động của CIA, không phải chỉ riêng ở trên đất Việt Nam mà còn ở nhiều nơi khác trên thế giới: những hoạt động này không phải đã chấm dứt mà nhất định còn tiếp diễn ở nhiều nơi cũng như ở Việt Nam trong hoàn cảnh mới.

Nhà xuất bản cũng như người viết mong nhận được những ý kiến

phê bình, nhận xét của bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

1. CỤC TÌNH BÁO TRUNG ƯƠNG MỸ RA ĐỜI

Sau đại chiến thế giới lần thứ hai, tổng thống Mỹ Truman trình bày trước quốc hội đề án thành lập một cơ quan mang tên Cục tình báo Trung ương Mỹ, gọi tắt là CIA, nhiều nghị sỹ Mỹ hồi đó cũng mới chỉ quan niệm một cách đơn giản, đây là một bộ máy cần thiết nhằm “tìm hiểu một số nước mà chính phủ Mỹ coi là đối tượng nghiên cứu, đề phục vụ lợi ích an ninh của nước Mỹ” Chính vì vậy, kế hoạch thành lập Cục tình báo CIA đã được quốc hội Mỹ thông qua rất nhanh chóng. Cùng với việc phê chuẩn đạo luật an ninh quốc gia 1917, quốc hội Mỹ cũng tán thành cho CIA ngay từ khi mới bắt đầu thành lập, được hưởng một số điều khoản “miễn trừ” như miễn báo cáo trước quốc hội về toàn bộ danh sách các nhân viên được tuyển mộ, về tài chính, về phương thức hoạt động của CIA ở nước ngoài, dựa trên lý do “cần phải giữ bí mật triệt để”. Đến năm 1949 quốc hội Mỹ lại thông qua một đạo luật đặc biệt về các cơ quan tình báo, mở rộng thêm nhiều điều khoản “miễn trừ” cho CIA, thậm chí còn đặc cách cho CIA không phải đặt dưới sự kiểm tra của quốc hội mà trực tiếp do Tổng thống hoặc người được Tổng thống đặc biệt ủy nhiệm chỉ đạo.

Không phải ai khác mà chính một nhân viên cấp cao của CIA là Vichito Masétti đã tố cáo chính những đạo luật “cơ bản” này đã tạo điều kiện thuận lợi cho CIA trở thành một cơ quan lộng hành, một chính phủ “siêu hình” không ai có thể kiểm soát được. Trên thực tế, CIA không phải là một cơ quan tình báo thông thường như các nước khác trên thế giới. Bởi vì CIA của Mỹ không phải chỉ làm nhiệm vụ thu thập tin tức, nghiên cứu, phân tích, tìm hiểu đối phương mà còn trắng trợn can thiệp vào tình hình nội bộ của các nước khác. CIA thành lập các đài phát thanh, hàng ngày, hàng giờ tuyên truyền chiến tranh tâm lý, gieo rắc mầm mống chống đối, bạo loạn tại các nước Mỹ coi là thù địch. CIA còn là một tổ chức buôn lậu, vũ khí lớn nhất thế giới và những vũ khí này chủ yếu dùng để tiến hành các hoạt động phá hoại và lật đổ. CIA, với nguồn tài chính bất minh bằng con đường buôn lậu ma túy và vũ khí, đã bỏ tiền ra tuyển mộ những tên lính đánh thuê nhằm ,tổ chức những toán thổ phỉ, biệt kích, thậm chí cả những đạo

quân nhỏ dùng vào việc phá hoại và lật đổ. Cũng vẫn những “đồng đôla bẩn thỉu” này, CIA có thể “mua” một số nghị sĩ, bộ trưởng, thậm chí cả Tổng thống mà Mỹ cần lôi kéo hoặc lật đổ một Tổng thống hay cả một chính phủ mà Mỹ không ưa thích.

Mới đầu, mục tiêu chủ yếu của CIA là nhằm vào Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Liên sau đó, trước sự lớn mạnh vượt bậc của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới, cộng với cao trào giải phóng dân tộc dâng lên như vũ bão trên phạm vi toàn thế giới mục tiêu của CIA cũng mở rộng không ngừng ngay từ những năm 50 của thế kỷ này. Tức là mới chỉ vẹn vẹn chưa đầy 3 năm sau khi thành lập. CIA đã hầu như “ôm” lấy toàn bộ thế giới: CIA không chỉ dò xét các nước cộng sản mà còn tiến hành các hoạt động tình báo, phá hoại, lật đổ tại tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, tất cả các nước dân tộc chủ nghĩa, thậm chí còn “nắm trong tay” vận mệnh của các nước chư hầu và các nước tư bản đồng minh của Mỹ nữa. CIA thực sự trở thành một cơ quan tình báo và một trung tâm phá hoại, lật đổ lớn nhất thế giới, đồng thời cũng tàn bạo nhất thế giới. Dựa vào cái thế là một cơ quan tình báo “Trung ương”, CIA thu tóm trong tay và khống chế tất cả bộ máy tình báo khổng lồ của nước Mỹ, toàn bộ các cơ quan quân báo của Lầu năm góc, các cơ quan tình báo của bộ ngoại giao, của Sở thông tin, của viện năng lượng nguyên tử Hoa Kỳ... và có thể nói là bất cứ Bộ nào, Cục nào, vụ, viện nào của Mỹ có bộ máy tình báo núp dưới danh nghĩa “cơ quan nghiên cứu” đều phải phụ thuộc vào CIA.

Sự phát triển nhanh chóng của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới cộng với cao trào giải phóng dân tộc ngày càng dâng cao trên các lục địa Á, Phi rồi Mỹ la tinh càng làm cho chính phủ Mỹ phải tăng cường thêm nhiều biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho CIA hoạt động nhằm “ngăn chặn làn sóng đỏ” theo kiểu nói của cơ quan tuyên truyền “chiến tranh tâm lý” Mỹ. Đặc biệt ở châu Á, tình hình diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho chủ nghĩa thực dân cũ và mới càng làm cho đế quốc Mỹ cuống cuống tìm cách đối phó. Tháng 10 năm 1949 nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập trên lục địa rộng lớn, bọn Quốc dân đảng thân Mỹ bị đánh bật ra đảo Đài Loan là một sự kiện được Nhà trắng coi là “nghiêm trọng nhất” kể từ khi kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai. Bước vào năm 1950 sự lớn mạnh vượt bậc của quân đội nhân dân Việt Nam, đánh dấu bằng những thắng lợi

to lớn trong chiến dịch biên giới làm cho đế quốc Mỹ càng thêm lo lắng.

Theo các tài liệu mật của Lầu năm góc, ngay sau khi lực địa Trung Hoa rơi vào tay những người cộng sản Trung Quốc, chính quyền Mỹ đã “tìm cách bắt liên lạc với cựu hoàng Bảo Đại và cung cấp viện trợ quân sự cho Pháp chống lại Việt Minh”. Cũng vẫn theo các tài liệu mật của Lầu năm góc, đường lối chính sách này của Mỹ đã được Tổng thống Mỹ Truman giải thích là nhằm “ngăn chặn sự bành trướng thêm nữa của cộng sản ở châu Á”. Đầu năm 1952, Hội đồng an ninh Mỹ đã họp phiên đặc biệt và sau đó đã ra một bản “tuyên bố về chính sách của Mỹ đối với Đông Nam Á”. Toàn bộ bản tuyên bố này đã được lưu trữ trong đóng hồ sơ “tuyệt mật” của Lầu năm góc, nhưng đến năm 1971 đã bị phanh phui, dư luận rộng rãi trên thế giới đã được biết đến cái gọi là “đường lối chính sách” của Mỹ ghi trên giấy trắng mực đen như sau:

Việc cộng sản kiểm soát được Đông Nam Á, sẽ làm cho vị trí Mỹ ở mắt xích Thái Bình Dương trở nên dễ vỡ và sẽ phá hoại nghiêm trọng lợi ích an ninh cơ bản của Mỹ tại Viễn Đông... Việc bảo vệ được Bắc Kỳ là điều quan trọng đối với nhiệm vụ giữ cho lực địa Đông Nam Á khỏi rơi vào tay cộng sản... Vì vậy, đối với Đông Nam Á nước Mỹ phải... tăng cường các “hoạt động bí mật nhằm giúp đỡ việc thực hiện các mục tiêu ở Đông Nam Á. Đối với Đông Dương, Mỹ phải tiếp tục sự giúp đỡ đối với ba quốc gia liên kết, tiếp tục bảo đảm với Pháp và Mỹ coi cố gắng của Pháp ở Đông Dương là có ý nghĩa quan trọng to lớn về chiến lược, không phải chỉ đối với lợi ích thuần túy của Pháp mà còn cần thiết cho cả thể giới tự do”.

Tuy nhiên, mặc dù từ năm 1950 chính quyền Mỹ đã bắt đầu viện trợ quân sự cho Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược trở lại ba nước Đông Dương, quân đội viễn chinh của thực dân Pháp vẫn liên tiếp bị đánh bại nhất là trên chiến trường miền bắc Việt Nam. Đầu tháng 4 năm 1954, giữa lúc các đơn vị tính nhuệ của Pháp đang bị khốn đốn ở Điện Biên, hội đồng an ninh quốc gia của Mỹ đã lại tiến hành một phiên họp đặc biệt dưới sự chủ tọa của tổng thông Mỹ Aiken. Ngày 5 tháng 4 năm 1954, một ủy ban đặc biệt được thành lập theo chỉ thị của hội đồng an ninh quốc gia đã soạn thảo một 1 “bị vong lục” bao gồm nhiều chỉ thị tuyệt mật dành cho các cơ quan quân

sự, ngoại giao vào Cục tình báo trung ương Mỹ. Bản bị vong lục nhân mạnh: “Chính sách của Mỹ ở Đông Dương trong lúc này là không chấp nhận một điều gì khác ngoài chiến thắng quân sự ở Đông Dương; lập trường của Mỹ là tranh thủ sự ủng hộ của Pháp đối với quyết tâm này của Mỹ và nếu không được như vậy thì Mỹ kiên quyết phản đối mọi giải pháp thương lượng về vấn đề Đông Dương tại hội nghị Giơnevơ”. Bản bị vong lục còn vạch rõ: “Nếu giữ được Đông Dương thì hành động này sẽ tăng thêm sức mạnh cho việc chống cộng sản ở khu vực, nếu như không giữ được Đông Dương thì đường lối hành động cần thiết là: làm chậm càng lâu càng tốt sự mở rộng quyền lực cộng sản tại khu vực Viễn Đông, kết hợp với các hoạt động phản công nhằm giành lại Đông Dương từ tay cộng sản”.

Trong những “hoạt động phản công” nhằm giành lại Đông Dương”, chính quyền Mỹ cũng đã tính đến chuyện đưa quân đội Mỹ đổ bộ vào Đông Dương cứu nguy cho Pháp. Thế nhưng, sau khi cân nhắc kỹ, tổng thống Mỹ Aixenhao thấy rằng hành động phiêu lưu này bất lợi về mặt chính trị và cũng không bảo đảm thắng lợi về quân sự bởi vì Mỹ cũng đã đưa quân vào Triều Tiên nhưng đến năm 1953 lại phải ký hiệp định đình chiến và lui quân về phía nam vĩ tuyến 38. Vì vậy “hoạt động phản công” được coi như phù hợp nhất trong tình hình Đông Dương lúc này là phá hoại lật đổ chính quyền cộng sản. Việc này giao cho CIA.

Qua những tài liệu văn bản ghi trong tập hồ sơ mật của Lầu năm góc bị tiết lộ trước ánh sáng, mọi người đều thấy rõ, ngay từ khi thực dân Pháp còn đang bị bao vây Điện Biên và hiệp nghị Giơnevơ về Đông Dương chưa ký kết, chính quyền Mỹ đã dự kiến trước kế hoạch “thay chân Pháp” đồng thời “phá hoại và lật đổ chính quyền Việt Minh cộng sản” trong trường hợp Pháp buộc phải rút khỏi khu vực này. CIA là cơ quan chủ yếu được giao nhiệm vụ “chặn đứng cộng sản” và “dọn đường cho Mỹ thâm nhập vào Việt Nam” lập tức tuyển mộ ngay một loạt sĩ quan quân báo trước kia đã từng hoạt động trong Sở tình báo chiến lược OSS nhất là những sĩ quan tình báo đã từng hoạt động tại khu vực châu Á, trở lại làm điệp viên của CIA. Trong số những điệp viên cấp cao đầu tiên được cử vào Việt Nam có Etuốt Lênxđen.

Không phải ngẫu nhiên mà Lênxđen lại được tuyển chọn để trao cho “sứ mệnh” này. Theo báo chí Mỹ tiết lộ, trong chiến tranh thế giới

thứ hai Lênxđen đã từng là một sĩ quan quân báo hoạt động tại khu vực Viễn Đông. Khi chiến tranh kết thúc, Sở tình báo chiến lược OSS giải thể, Lênxđen đã được chuyển công tác sang ngành không quân với cấp bậc đại tá. Nhưng liền sau đó chính quyền Mắcxayxaydo Mỹ lập ra ở Philippin đang đứng trước sự uy hiếp của Đảng cộng sản Philippin là một chính đảng đã từng giữ vai trò chủ chốt trong cuộc kháng chiến chống bọn quân phiệt Nhật Bản. đã từng lập ra một đội quân giải phóng và đang đấu tranh giành độc lập thật sự cho Philippin. Cục tình báo Trung ương Mỹ đã tìm đến Lênxđen, bí mật tuyển mộ Lênxđen vào hàng ngũ CIA rồi giới thiệu Lênxđen với Nhà trắng đề cử Lênxđen sang Philippin giúp chính quyền Mắcxayxay “đẹp loạn cộng sản”.

Đúng là trong suốt 5 năm làm cố vấn cho tổng thống Philippin Macxayxay, Lênxđen đã đem tất cả “nhiệt tình chống cộng cùng với kinh nghiệm chống du kích” để giúp Mắcxayxay chống lại đội quân “giải phóng nhân dân” Hukhalahap do Đảng cộng sản Philippin thành lập. Do những thành tích đó Lênxđen đã được cục tình báo Trung ương Mỹ “đánh giá cao”. Đầu năm 1954, CIA đã giới thiệu Lênxđen với chính quyền Mỹ và Lênxđen lại được cử sang làm trưởng phái đoàn quân sự Mỹ tại Sài Gòn rồi làm cố vấn cho tổng thống bù nhìn Ngô Đình Diệm cho tới hết năm 1956 mới trở về nước.

Qua những tài liệu văn bản ghi trong tập hồ sơ mật của Lầu năm góc bị tiết lộ, mọi người đều thấy rõ ngay từ khi chưa ký kết hiệp nghị Giơnevơ 1954 về Đông Dương, chính quyền Mỹ đã dự kiến trước một kế hoạch phá hoại và lật đổ tại miền Bắc Việt Nam trong trường hợp thực dân Pháp phải rút khỏi khu vực này. CIA là cơ quan chủ yếu được trao nhiệm vụ này đã lập tức tuyển mộ ngay những cựu sĩ quan quân báo trước kia đã từng hoạt động tại sở tình báo chiến lược Mỹ OSS nhất là những sĩ quan đã từng hoạt động tại khu vực châu Á, làm điệp viên cho CIA. Đại tá Etuốt Lênxđen là nhân viên CIA đầu tiên được chính tổng thống Mỹ Aixenhao cử tới Sài Gòn, trực tiếp chỉ đạo các hoạt động “ngăn chặn cộng sản”, như chỉ thị của hội đồng an ninh quốc gia Mỹ đã đề ra từ đầu tháng 1 năm 1954.

Theo chính Lêuxđen tự khoe trong cuốn hồi ký xuất bản năm 1972, nhan đề: “Giữa hai cuộc chiến tranh”, thế giới thứ hai, 1939-1955, ông ta đã từng phục vụ trong lực lượng tình báo chiến lược OSS và sau

khi chiến tranh chấm dứt đã được chuyển sang lực lượng không quân mà ông ta tự coi là “đoạn tuyệt hẳn với nghề quân báo”. Nhưng đến năm 1950 lại được CIA tuyển mộ.

Năm 1963, Lénxđên nghỉ hưu với cấp bậc trung tướng và đến năm 1965 lại trở lại Việt Nam giữ chức vụ trợ tá cho đại sứ Mỹ tại Sài Gòn, mãi đến năm 1968 mới về nước hẳn. Năm 1972 Lénxđên cho xuất bản cuốn hồi ký nhan đề “Giữa hai cuộc chiến tranh”, kể lại khá tỉ mỉ các hoạt động của mình tại miền Nam Việt Nam, đồng thời cũng tiết lộ những âm mưu phá hoại “chính quyền Việt Minh cộng sản” tại miền Bắc Việt Nam.

Lénxđên đặt chân tới Sài Gòn hồi cuối tháng 5 năm 1954. Lúc này quân đội thực dân Pháp đã gặp một thất bại “chưa từng thấy” trên chiến trường Điện Biên và hội nghị Giơnevơ về Đông Dương đã bắt đầu họp. Ở Việt Nam, từ ngày 5 tháng 6 năm 1948 Pháp đã ký với Bảo Đại cái gọi là “thỏa hiệp vịnh Hạ Long” và đến ngày 8 tháng 3 năm 1949 đã dựng lên một chính quyền bù nhìn thân Pháp do Bảo Đại làm quốc trưởng. Đến ngày 3 tháng 7 năm 1953 Pháp lại ra tuyên bố nhấn mạnh “đã trao trả độc lập cho Việt Nam” nhưng trên thực tế, chính quyền Bảo Đại chỉ là một chính quyền tay sai của Pháp và “không có thực quyền; Pháp vẫn nắm quân đội, ngoại giao, tài chính, vẫn phát hành và kiểm soát tiền, cũng như vẫn điều hành cái gọi là “ngân hàng quốc gia” Việt Nam. Về phía Mỹ, từ năm 1953 đã thành lập một phái đoàn cố vấn và viện trợ quân sự của Mỹ cho Pháp tại Việt Nam, gọi tắt là MAAG do trung tướng Mỹ Ô Đanieu đứng đầu. Đến năm 1954 lại có thêm một trung tướng Mỹ nữa là Giêm Laotôn Côlon được cử làm đại sứ Mỹ bên cạnh chính quyền Bảo Đại.

Như vậy là trước khi Lénxđên đặt chân tới Sài Gòn, tại đây đã có một tòa đại sứ Mỹ và một cơ quan quân sự Mỹ, Lénxđên đóng vai một nhân viên dân sự làm việc trong tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn hay vẫn mang quân hàm đại tá không quân làm việc tại phái đoàn MAAG? Để bảo đảm “tuyệt đối bí mật” đồng thời trao cho Lénxđên “toàn quyền hành động”, báo cáo thẳng về Mỹ chứ không phải qua đại sứ hoặc trưởng phái đoàn MAAG. CIA kiến nghị nên lập ra một phái đoàn quân sự nữa, gọi là phái đoàn quân sự Sài Gòn viết tắt là SMM để Lénxđên và nhóm nhân viên tình báo dưới quyền Lénxđên có cơ sở hoạt động. Báo chí Mỹ cho biết ngay từ hồi đó rất nhiều người Pháp

và cả người Mỹ ở Sài Gòn cũng thắc mắc, không hiểu sao Mỹ đã có một phái đoàn quân sự MAAG đặt tại Sài Gòn rồi, lại nặn thêm ra một phái đoàn quân sự Sài Gòn nữa, gọi tắt là SMM. Cũng ngay từ hồi đó một số người Mỹ đã mĩa mai châm biếm, cái SMM không phải là phái đoàn quân sự Sài Gòn (Sài Gòn Military mission) mà có lẽ là phái đoàn quân sự bí mật (Secret military mission).

Chính người cầm đầu phái đoàn SMM của Mỹ là đại tá Lénxđên cũng thừa nhận trong hồi ký, khi bắt đầu được trao nhiệm vụ làm trưởng phái đoàn SMM, ông ta đã là một nhân viên cấp cao của cục tình báo CIA. Toàn bộ phái đoàn SMM do Lénxđên phụ trách gồm vên vên có 18 người, tất cả đều là điệp viên CIA, trong đó một phần là cựu sĩ quan quân báo OSS. Một trợ tá đặc lực cho Lénxđên đồng thời là phó trưởng phái đoàn SMM không phải ai khác mà chính là trung tá Luysiêng Cônen, cựu sĩ quan quân báo OSS, trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đã hoạt động tại khu vực biên giới Trung Việt và đã từng thâm nhập vào chiến khu của Việt Minh trong vùng núi rừng Việt Bắc để “giúp đỡ Việt Minh kháng chiến chống phát xít Nhật Bản”. Lénxđên cũng nói rõ, phái đoàn SMM “được lệnh vào Việt Nam một cách bí mật để giúp người Việt Nam (chỉ bọn ngụy) chống cộng sản chứ không phải để giúp Pháp” (như phái đoàn MAAG). Về mặt công khai, Lénxđên đóng vai phó tùy viên không quân Mỹ trực thuộc sứ quán Mỹ tại Sài Gòn nhưng lại sinh hoạt tại cơ quan MAAG và đặc biệt là “liên lạc thẳng với Oasingtơn thông qua chi nhánh CIA tại Sài Gòn!”.

Lénxđên kể lại, ông ta là người đầu tiên trong phái đoàn SMM đã bay thẳng từ Philippin tới Sài Gòn trong chuyến bay sớm nhất kể từ khi nhận được lệnh từ Oasinhtơn và đã tới Sài Gòn bằng một chiếc thủy phi cơ thuộc đội máy bay cấp cứu của Mỹ tại Philippin. Ngay sáng đầu tiên ở Sài Gòn, Lénxđên đã giật mình tỉnh dậy vì những tiếng nổ long trời lở đất do “đặc công Việt Minh tiên đánh một kho đạn của Pháp ở gần sân bay Tân Sơn Nhất”.

Và cũng trong những buổi đầu tiên đó, trong đầu óc Lénxđên đã phác họa một kế hoạch cần phải dựng lên ở Sài Gòn một chính quyền triệt để chống cộng và đặc biệt thân Mỹ, đi đôi với việc làm suy yếu chính quyền “Việt Minh cộng sản”.

Dựa trên kế hoạch rất phù hợp với chỉ thị của chính quyền

Aixenhao này, Lénxđên đã trực tiếp chỉ đạo việc dựng lên một chính quyền “triệt để chống cộng và đặc biệt thân Mỹ” ở miền Nam Việt Nam. Đồng thời sau khi hiệp nghị Giơnevơ được ký kết, Lénxđên đã trao cho phó của mình là Luyxiêng Cônén đặc trách việc phá hoại chính quyền Việt Minh cộng sản tại miền Bắc Việt Nam.

Lénxđên và Cônén đã tiến hành các hoạt động này như thế nào?

2. TÌNH BÁO MỸ THÂM NHẬP VIỆT NAM TỪ BAO GIỜ?

Vào những năm đầu tiên của thế kỷ này, khi thực dân Pháp đẩy mạnh việc bòn rút các tài nguyên Đông Dương đưa về chính quốc, hầu như toàn bộ công cuộc kinh doanh khai thác trên dải đất thuộc địa này đều nằm trong tay các công ty tư bản người Pháp. Tuy nhiên, một số các nhà kinh doanh Anh, Mỹ, Hà Lan,...cũng vẫn cố len vào được, chiếm lĩnh những lĩnh vực mà tư bản Pháp không thể vươn tới. Lúc này, các công ty dầu mỏ Shell, Callex, Standard Oli đang đẩy mạnh việc khai thác dầu mỏ ở Indônêxia, hồi đó còn gọi là Nam Dương và cũng đang ráo riết tìm thị trường tiêu thụ. Từ Nam Dương, dầu mỏ đã được đưa bằng đường biển tới Hải Phòng và Sài Gòn để rồi từ đó lại phân phối đi tất cả cơ sở của chính quyền thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương, đồng thời bán lẻ cho cả nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia dùng vào việc thắp sáng. Chính trong những năm này, chiếc đèn thắp bằng dầu mỏ do Mỹ chế tạo, với tên gọi phổ biến là “đèn dầu Hoa Kỳ” đã tuần tự thay thế những ngọn đèn thắp bằng dầu lạc cò xưa của Việt Nam. Với mặt hàng kinh doanh hầu như độc quyền này, các công ty lũng đoạn Mỹ đã kiếm được khá nhiều lợi nhuận.

Cho tới trước khi bùng nổ chiến tranh thế giới thứ hai, thậm chí ngay cả khi quân đội Nhật Bản đã kéo vào Đông Dương hồi tháng 9 năm 1940 rồi phải đến cuộc chiến tranh Thái Bình Dương ngày 7 tháng 12 năm 1941, các đại lý dầu mỏ của Mỹ, Anh, Hà Lan đặt tại các cửa biển Hải Phòng, Sài Gòn, Đà Nẵng (hồi đó còn gọi là Tuaran hoặc Cửa Hàn) vẫn tiếp tục làm ăn phát đạt. Giám đốc chi nhánh công ty dầu mỏ Slandarde Oil của Mỹ đặt tại Hải Phòng trong khoảng thời gian này là Aontin Glatxơ, một người Mỹ nói tiếng Pháp khá thạo, giao thiệp rộng. Từ Hải Phòng, công ty Standard Oli của Mỹ có cả một hệ thống đại lý suốt dọc đường 5 tới Hà Nội, rồi từ Hà Nội lại trải dài theo con đường thuộc địa số 1 qua các thành phố, tỉnh lỵ, thị trấn tới tận Sài Gòn. Phụ trách các đại lý dầu mỏ này đều là người Việt Nam hoặc người Hoa do Aontin Glatxơ tuyển mộ, trả lương tháng hoặc cho

hưởng hoa hồng, thanh toán sau khi tiêu thụ hết hàng.

Vốn là một nhà kinh doanh cần cù, năng nổ, ông Aontin Glatxơ thường tận dụng con đường “xuyên suốt Đông Dương” để đi thăm các đại lý đặt rải rác ở khắp các địa phương rất chăm chỉ, đều đặn. Mỗi chuyến đi như vậy ông thường kết hợp cả việc du ngoạn thưởng thức phong cảnh, quan tâm đến cả phong tục tập quán của các dân tộc.

Chi nhánh Standard Oil do Aontin Glatxơ đứng đầu cũng có những quan hệ chặt chẽ với các chi nhánh bạn, nhất là với hãng Callex (tên gọi một công ty dầu mỏ Mỹ kết hợp giữa các nhóm thuộc bang Caliphonia và bang Têchxốt). Đứng đầu chi nhánh dầu mỏ Caltex là Laorenxơ Gođơn, một người Anh ra đời ở Canada và làm việc cho công ty dầu mỏ Mỹ. Năm 1940 khi quân đội Nhật Bản đổ bộ lên Hải Phòng được ít ngày. Người ta thấy ông Gođơn trở về Mỹ báo cáo công việc kinh doanh với ban giám đốc, đặt trụ sở tại thành phố Caliphonia. Cuối năm 1941, Ông Gođơn đang chuẩn bị lên đường trở lại Hải Phòng thì đột nhiên Nhật Bản mở cuộc tiến công vào hàng loạt các vị trí chiến lược của Mỹ, Anh, Hà Lan trong khu vực Châu Á và Thái Bình Dương. Gođơn không đi Đông Dương nữa nhưng cũng không ở lại Caliphonia mà lại đi Ấn Độ và dừng lại Niuđêli khá lâu.

Chỉ sau khi chiến tranh kết thúc, mọi người mới được biết, trong chặng dừng chân ở Ấn Độ (lúc đó còn là thuộc địa của Anh) nhà kinh doanh dầu mỏ Gođơn đã được “bí mật phong quân hàm đại úy” và nhận nhiệm vụ của cơ quan tình báo chiến lược Anh. Từ NiuĐêli, Gođơn đã đáp máy bay quân sự của Anh tới Trùng Khánh, nơi đặt cơ quan chính phủ của Tưởng Giới Thạch, đồng thời cũng là nơi đặt trụ sở của bộ chỉ huy quân sự Mỹ khu vực Hoa Nam và các sứ quan Mỹ, Anh. Tại Trùng Khánh, Gođơn đã gặp lại người bạn cũ hồi cùng nhau đảm nhiệm công việc kinh doanh ở Hải Phòng. Đó là Aontin Glatxơ lúc này đã là thiếu tá quân bào. làm việc trong sở công tác chiến lược Hoa Kỳ, gọi tắt là OSS, Aontin Glatxơ đã đình chỉ hẳn công việc “bán dầu” ở Đông Dương và chuyển sang việc “mua tin tình báo” và thu lượm các tin tình báo từ miền Bắc Việt Nam, bí mật chuyển tới Trùng Khánh cho cơ quan OSS. Lúc này OSS đang cần có một mạng lưới điệp viên ở Việt Nam. Theo sự giới thiệu của cơ quan tình báo chiến lược Anh, tướng Uyliam Đônôvan chỉ huy sở công tác chiến lược

OSS của Mỹ đã “kết nạp” luôn Godron làm “cộng tác viên” cho OSS. Từ tháng 4 năm 1944, Godron trở thành một gián điệp kép, vừa phục vụ cho tình báo Anh, vừa phục vụ cho tình báo Mỹ. Trên thực tế, Godron làm việc cho Mỹ nhiều hơn vì những mục tiêu của Mỹ ở Đông Dương hồi đó cũng nhiều hơn của Anh. Việc trước mắt mà sở công tác chiến lược OSS của Mỹ giao cho Godron là điều tra xem có bao nhiêu phi công Mỹ lái máy bay tới ném bom các vị trí quân sự của Nhật Bản và bị Nhật Bản bắn rơi đang bị giam giữ ở những nơi nào.

Cùng hoạt động Với Godron trong thời kỳ này, còn 2 cựu nhân viên hãng Caltex, người thứ nhất là Phrenco Tân, một người Mỹ gốc Hoa sống lâu năm ở Hải Phòng, người thứ hai là Hari Bônát, đã từng làm đại lý cho hang Caltex tại Sài Gòn và thường được nhân dân địa phương gọi theo tên Pháp là ông Becna. Tổ ba người này trong các báo cáo mật gửi tới rụ sở OSS tại Trùng Khánh thường ký tắt là GBT tức là Godron, Bônát, Tân. Nhóm GBT đã bí mật tuyển mộ một số người Hoa và người Việt Nam làm cộng tác viên trong việc dò xét phi công Mỹ bị bắn rơi và bị quân đội Nhật Bản giam giữ.

Tháng 10 năm 1944, đại úy Akênidici Path. Phụ trách mạng lưới tình báo của ORS ở khu vực Địa Trung Hải, được thăng cấp thiếu tá rồi được chuyển tới Hoa Nam, đặc trách về vấn đề Đông Dương dưới quyền tướng Risot Hepnơ, chỉ huy trưởng cơ quan OSS khu vực Hoa Nam, đặt trụ sở tại Côn Minh. Nhiệm vụ của sở công tác chiến lược OSS lúc này không chỉ đơn giản trong việc dò xét các khu vực có giam giữ phi công Mỹ bị bắn rơi ở Đông Dương rồi tìm cách giải thoát mà còn phải điều tra nghiên cứu toàn bộ hệ thống đóng quân của Nhật Bản ở Đông Dương. Lúc này các lực lượng đồng minh ở khu vực Thái Bình Dương đang dồn dập phản công quân đội Nhật Bản. Trong các phương án tác chiến của Bộ Tư lệnh quân đội Mỹ khu vực Thái Bình Dương có dự kiến cả việc đổ bộ vào Đông Dương khi có thời cơ và điều kiện. Cơ quan tình báo chiến lược của Mỹ ở Hoa Nam có nhiệm vụ điều tra mọi hoạt động quân sự của Nhật Bản trên đất Đông Dương, từ việc bố trí quân, điều động quân đến các thành phần binh lực.

Patti vừa tới Côn Minh được vài tháng thì vào ngày 9 tháng 3 năm 1945 quân đội Nhật Bản đóng tại Đông Dương tiến hành đảo chính quân sự lật đổ chính quyền thực dân Pháp. Chỉ trong vài giờ, toàn bộ

hệ thống cai trị của thực dân Pháp thiết lập hàng thế kỷ trên đất Đông Dương bị xóa sạch. Tất cả cá đơn vị vũ trang của Pháp, trừ một vài đơn vị kịp chạy trốn sang Trung Quốc, số còn lại đều bị Nhật Bản tước vũ khí và bắt giam trong các trại tập trung. Hơn thế nữa, nếu như trước kia cơ quan tình báo chiến lược của Mỹ thường dựa vào tổ chức kháng chiến bí mật của Pháp (gồm những người thuộc phái Đờ Gôn) để thu thập tin tức về Nhật Bản, thì sau ngày đảo chính toàn bộ hệ thống kháng chiến bí mật của phái Đờ Gôn trên đất Đông Dương cũng bị tan rã hết, không sao hồi phục lại được. Tất cả các cơ sở tình báo của Aontin Glatxơ cũng như của nhóm GBT mới chỉ cung cấp cho OSS được một bản danh sách gồm họ tên của 9 phi công Mỹ bị bắn rơi còn sống sót và nơi giam giữ họ từ nay cũng bị Nhật Bản quét sạch.

Sau này, theo chính Patti kể lại trong cuốn hồi ký “Tại sao Việt Nam?” xuất bản năm 1980 cho biết, tại Côn Minh lúc này tập trung rất nhiều cơ quan tình báo của Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc, nhưng tất cả đều bị “bật gốc” không có được một chút “chân rết” nào ở Việt Nam. Patti cũng đã tiếp xúc với một loại nhân vật tự xưng là lãnh tụ các phong trào cách mạng đang bị truy nã, phải chạy trốn sang Trung Quốc như Việt Nam quốc dân Đảng, Đại Việt, Việt Nam phục quốc hội nhưng không một phong trào nào trên đây có được thực lực ở Việt Nam.

Vẫn theo lời Patti kể lại, ngay từ khi còn ở Oasinhton, trong lúc nghiên cứu các hồ sơ về những phong trào cách mạng ở Việt Nam, lần đầu tiên Patti phát hiện được một bức điện từ đại sứ quán Mỹ ở Trùng Khánh về nước, đề ngày 31 tháng 11 năm 1942, trong đó đại sứ Mỹ báo tin có một phong trào của người Việt Nam đề nghị chính phủ Mỹ dùng ảnh hưởng của mình vận động chính quyền Tưởng Giới Thạch trả tự do cho ông Hồ Chí Sĩ bị bắt vì một sự hiểu lầm tại Liễu Châu ngày 2 tháng 9 năm 1942.

Lúc đó, Patti cứ tưởng Chí Sĩ là tên vị lãnh tụ đứng đầu mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh hội và là đại diện của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức tới Hoa Nam tìm gặp các lực lượng đồng minh để yêu cầu giúp đỡ, cùng chống đế quốc Nhật Bản. Khi tới Côn Minh, Patti mới rõ thêm. Hồ Chí Sĩ tức là lãnh tụ Hồ Chí Minh. Sau khi tìm gặp, Aoxtin Glatxơ để hỏi thêm Hồ Chí Minh là ai, Patti mới lại được

biết rõ Cụ Hồ là một nhân vật rất có uy tín lãnh đạo phong trào cộng sản ở Việt Nam.

Vào thời gian này, tướng Trương Phát Khuê tư lệnh đệ tứ chiến khu của Tưởng Giới Thạch ở Hoa Nam đã buộc phải trả lại tự do cho Cụ Hồ. Từ Liễu Châu, Cụ Hồ đã về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng nhưng đầu năm 1945 Cụ lại đến Côn Minh và một buổi chiều tháng 4 năm 1945, Patti đã được gặp Cụ. Patti thừa nhận, ngay trong cuộc tiếp xúc đầu tiên này, Cụ Hồ Chí Minh đã gây được một ấn tượng mạnh đối với Patti, một điệp viên tình báo nhà nghề lão luyện của Mỹ. Từ lời nói, cử chỉ, thái độ của Cụ Hồ đều tỏ rõ Cụ là một nhà hoạt động cách mạng lão thành, một nhà yêu nước chân chính, kiên cường chống chủ nghĩa thực dân và đế quốc. Patti cũng thừa nhận, mặt trận Việt Minh là phong trào cách mạng duy nhất có thực lực ở Việt Nam. Mặt trận Việt Minh có căn cứ địa vững chắc, có vùng giải phóng xuyên suốt 6 tỉnh ở vùng thượng du Bắc Bộ, có lực lượng vũ trang đang tiến hành chiến tranh du kích chống lại Nhật Bản. Patti nhận định, muốn có được những tin về hoạt động quân sự của Nhật Bản ở Đông Dương thì nhất định phải dựa vào Việt Minh, bởi vì chỉ có Mặt trận Việt Minh là có cơ sở cách mạng rộng khắp trong nước. Patti cũng nhận định, sau này nếu lực lượng đồng minh đổ bộ vào Đông Dương thì nhất định cũng phải dựa vào Việt Minh là lực lượng duy nhất có thể đánh vào phía sau quân đội Nhật Bản.

Lúc này, giữa đại sự quán Mỹ và cơ quan tình báo chiến lược Mỹ ở Hoa Nam có hai luồng ý kiến trái ngược nhau. Sứ quán Mỹ không muốn giúp đỡ Việt Minh vì “đây là một phong trào có khuynh hướng cộng sản và nhất là trong mặt trận Việt Minh có đang có đảng Cộng sản làm nóng cốt”. Nhưng cơ quan tình báo chiến lược OSS, trên tinh thần thực tế và thực dụng lại chủ trương phải có quan hệ tốt với Việt Minh vì “Đây là phong trào cách mạng duy nhất có thực lực đang chống lại Nhật Bản một cách có hiệu quả ở Đông Dương”. Những người thuộc phái này lập luận, tại sao Mỹ đã bắt tay với Liên Xô để cùng chống phát xít mà lại không hợp tác được với những người Cộng sản Việt Nam để cùng chống “Nhật Bản”? Theo Patti, ngay từ cuối năm 1942, ban tham mưu của cơ quan tình báo chiến lược OSS được sự tán thành của Hội đồng tham mưu trưởng liên quân JCS đã vạch kế hoạch sử dụng các lực lượng kháng chiến của Cộng sản Trung Quốc. Triều Tiên, Việt Nam để chống lại Nhật Bản và đã được

Bộ Ngoại giao Mỹ đồng ý trên nguyên tắc. Riêng tại Đông Dương, từ năm 1944 các báo cáo của nhóm tình báo GBT gửi về OSS đều khẳng định sở dĩ giải thoát được một số phi công Mỹ bị bắn rơi “là nhờ sự cộng tác có hiệu quả của những người Việt Nam thuộc một phong trào chính trị vững mạnh đấu tranh cho độc lập”. Phong trào này Nhật Bản, Pháp và Trung Quốc (Tướng Giới Thạch) đều gọi là “phong trào cộng sản” nhưng các báo cáo của cơ quan tình báo chiến lược Mỹ lại gọi là “phong trào chống thực dân, chống đế quốc Nhật Bản và thân đồng minh”.

Trên cơ sở của những lý lẽ đó, cơ quan tình báo chiến lược OSS của Mỹ ở Hoa Nam tiếp tục quan hệ với Mặt trận Việt Minh. Bộ tư lệnh quân đội Mỹ ở Hoa Nam cũng đồng ý cử một số sĩ quan tới giúp đỡ các lực lượng vũ trang của Việt Minh về quân sự. Patti kể lại, trong những ngày trung tuần tháng 8 năm 1945, cơ quan OSS ở Hoa Nam đã theo dõi chặt chẽ những cuộc hành quân của bộ đội Việt Minh, có một số sĩ quan OSS cũng phối hợp, trên bước đường từ chiến khu Việt Bắc tiến về Hà Nội. Mãi tới ngày 23 tháng 8 năm 1945 Patti mới đáp máy bay hạ cánh được xuống sân bay Gia Lâm để chuẩn bị cho việc giải giáp quân đội Nhật Bản ở Đông Dương thì Việt Minh đã giành được chính quyền ở Hà Nội ngày 19 tháng 8 và đến ngày 23 tháng 8 thì giành được chính quyền trong cả nước.

Patti đã gặp lại Cụ Hồ Chí Minh, đã dự lễ mừng độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại quảng trường Ba Đình, trong đó Cụ Hồ Chí Minh trên cương vị Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa long trọng tuyên bố trước nhân dân Việt Nam và toàn thế giới “Việt Nam là một nước độc lập và trên thực tế đã trở thành một nước độc lập”.

Patti đã ghi lại trên giấy trắng mực đen trong sách sự nhiệt liệt ủng hộ của toàn dân Việt Nam đối với Mặt trận Việt Minh, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong phần cuối cuốn sách dày 612 trang, Patti trân trọng ghi lại buổi lưu luyến chia tay với Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội và những lời Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, hòa bình, có quan hệ hữu nghị và quan hệ kinh tế với các nước trong đó có Mỹ.

Những lời thừa nhận của Patti, người đặc trách vấn đề Đông Dương trong cơ quan tình báo chiến lược OSS của Mỹ đã khẳng định, trước khi thành lập Cục tình báo Trung ương Hoa Kỳ CIA thì tình

báo Mỹ đã thâm nhập Việt Nam. Họ đã phát hiện được những gì? Họ đã tìm thấy ở Việt Nam một dân tộc yêu nước chuộng hòa bình, độc lập, tự do, kiên cường chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc. Họ đã tìm thấy ở nhân dân Việt Nam, qua mặt trận Việt Minh, một lực lượng kháng chiến trên thực tế đã giúp đỡ Đồng Minh, nhất là giúp đỡ Mỹ trong cuộc chiến đấu chung chống đế quốc Nhật Bản xâm lược. Sẽ không xảy ra cuộc đụng đầu lịch sử giữa Mỹ và Việt Nam nếu ngay từ ngày đó chính quyền Mỹ duy trì những quan hệ tốt với Việt Nam.

Thế nhưng sự thật đã trái ngược hẳn. Ngay từ khi lao vào cuộc “chiến tranh lạnh” trên quy mô toàn thế giới Mỹ đã lại tiến hành các hoạt động phá hoại chống Việt Nam (do CIA đảm nhiệm).

3. BAO NHIÊU ĐIỆP VIÊN CIA ĐÃ HOẠT ĐỘNG Ở VIỆT NAM?

Ngày 1 tháng 5 năm 1976, nhân kỷ niệm một năm chế độ tay sai Mỹ ở Sài Gòn hoàn sụp đổ, hãng tin Mỹ UPI đã truyền đi toàn thế giới một mẫu tin “giật gân” như sau:

“Một nhà phân tích chiếm lược của Mỹ, trước kia đã từng làm việc tại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn cho biết: Khi Sài Gòn sụp đổ, nhiều tài liệu tình báo tối mật đã bị cộng sản tịch thu. Những tài liệu này có thể tiết lộ phần lớn những hoạt động tình báo của Mỹ và tên tuổi của bất cứ người nào đã cộng tác với cục tình báo TW Mỹ, dù ở mức độ ít nhất”.

Tiếp đó, tờ Bưu điện Oasinhton số ra ngày 31 tháng 5 năm 1976, cho biết thêm chi tiết.

“...Ông Phranco Xnép là một quan chức Mỹ rời Sài Gòn trong ngày cuối cùng kể lại với bản báo rằng các hồ sơ mật của Nguyễn Văn Thiệu đã bị bỏ lại Sài Gòn, không mang theo được khi di tản. Xnép coi đây là một tấn bi kịch và cho rằng các hồ sơ này có thể tiết lộ rất nhiều về hoạt động tình báo của Mỹ và cho phép cộng sản phát giác được các nhân vật tình báo Mỹ cũng như bất cứ người Việt Nam nào đã giúp tình báo Mỹ ở mức độ nhỏ nhất. Xnép tin là cộng sản có một điệp viên đã nắm được những tin quan trọng nhất của chính phủ Thiệu, trong khi đó giám đốc CIA ở Sài Gòn là Tônét Pôngar và đại sứ Mỹ Graham Martin lại bị mắc lừa do những “màn khói” cộng sản tung ra ...”

Trước khi trích dẫn một số tài liệu “mật”, “tối mật” và “Tuyệt mật” tịch thu được của Mỹ ngay khi quân ta tiến vào Sài Gòn, xin giới thiệu với bạn đọc một tài liệu công khai viết về CIA ở Việt Nam và trên thế giới. Đó là cuốn WHO'S WHO IN CIA do Giuliút Mađơ chủ biên, với sự cộng tác của Môhamet Ap dennabi ở Li Băng, Ambanlan Bhat ở Ấn Độ. Phecnandô Gamma ở Mêhicô và Xôgiô Ôhasi ở Nhật Bản. Đây là một cuốn sách dày tới 605 trang ghi danh sách và lý lịch vắn tắt của 3000 quan chức tình báo Mỹ hoạt động ở 120 nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Trong những trang đầu của cuốn sách, sau lời tựa là ảnh chụp bức thư của thượng nghị Sĩ Giôdep Clac ủy

viên ủy ban đối ngoại thượng nghị Viện Hoa Kỳ, ngỏ lời hoan nghênh nhóm biên soạn đã giúp đỡ thượng nghị viện Mỹ trong cuộc đấu tranh chống sự lộng hành của cục tình báo Trung ương Mỹ CIA. Tiếp đó là một loạt dài dằng dặc họ tên các quan chức tình báo Mỹ xếp theo thứ tự A,B,C,...kèm theo ngày sinh, nơi sinh và những nơi đã hoạt động gián điệp.

Một điều rất đáng chú ý là, cuốn sách điểm mặt 3000 gián điệp Mỹ hoạt động ở 120 nước trên thế giới, nhưng riêng tại hai miền nam bắc Việt Nam đã có tới 133 nhân viên tình báo Mỹ, nhiều gấp bội so với số nhân viên Mỹ đã hoạt động ở Nam Triều Tiên (85 tên), nhiều hơn cả số nhân viên tình báo Mỹ làm việc tại Nhật Bản (122 tên). Chỉ riêng điều đó cũng đủ nói lên tầm chiến lược của Việt Nam đối với Mỹ quan trọng biết chừng nào, và dãi dất miền Nam Việt Nam dưới thời kỳ còn chế độ Mỹ-ngụy đã được cục tính báo Trung ương Hoa Kỳ chú trọng tới như thế nào.

Cũng cần nhấn mạnh thêm, cụm từ “Whós Who” thường chỉ dùng để viết về những người “có tên tuổi” trong cuốn “Vhss Who in CIA” và Giuliút Mađơ dày công sưu tầm tài liệu, cũng mới chỉ thu thập được khoảng 3000 điệp viên thuộc loại “quan chức” trong bộ máy gián điệp của Mỹ phần lớn đều đã lộ mặt. Còn bao nhiêu người nữa đang hoạt động bí mật thì đến quốc hội Mỹ cũng không sao biết được.

Dĩ nhiên, con số điệp viên CIA ghi trong cuốn “danh bạ” này chưa thể nào đầy đủ bởi vì nhóm biên soạn của Giuliút Mađơ không thể nào biết được hết những điệp viên CIA đang còn hoạt động bí mật, chưa bị lộ mặt. Vả lại, cuốn sách này xuất bản từ năm 1958, khi kết thúc nhiệm kỳ của tổng thống Mỹ Lindơn Ben Giônxon, vào thời điểm cả hai viện trong quốc hội Mỹ đang đòi phải đặt cơ quan CIA dưới sự kiểm soát của Quốc hội. Vậy thì, từ năm 1969 đến năm 1975 là khi chế độ ngụy Sài Gòn sụp đổ, các vị tổng thống Risorót Nícxon và Giêron Pho còn ném sang Việt Nam bao nhiêu điệp viên CIA nữa ?

Một điều thú vị là cuốn “danh sách kèm theo lý lịch” 3000 điệp viên CIA này ta đã thu được trong đồng hồ sơ tài liệu chất đầy cơ quan tổng nha cảnh sát ngụy ở Sài Gòn: Rõ ràng cơ quan mật vụ của ngụy vẫn chăm chú nghiên cứu tìm hiểu các hoạt động của quan thầy. Trong số các nhân viên cảnh sát ngụy bị mắc kẹt không di tản được lần lượt ra thú tội với cách mạng có Nguyễn Thị Thanh Thủy, thiếu tá,

chỉ huy lực lượng cảnh sát đặc nhiệm trực thuộc tổng nha cảnh sát thường được gọi dưới cái tên quen thuộc là “biệt đội Thiên nga Trung ương”. Khi được hỏi liệu cơ quan mật vụ này có ước lượng được bao nhiêu điệp viên CIA đã được phái tới hoạt động trên dải đất miền Nam Việt Nam này không? Thủy lắc đầu, phát biểu:

- Thưa ông, có trời mà biết được họ đã sang đây tới bao nhiêu người bao nhiêu lần và đã hoạt động trong các lĩnh vực nào.

Cán bộ ta hỏi gặng:

- Nhưng ít nhất, cô cũng biết được có những nhân viên nào đã tới đây làm “cố vấn” cho tổng nha cảnh sát chứ? Ít nhất, riêng cô cũng biết hoặc cũng quen thân với những nữ nhân viên CIA nào đã tới đây trong khoảng thời gian từ 1969 đến 1975 trên cương vị chỉ đạo hoạt động cho cái biệt động Thiên Nga của cô chứ?

Không cần nghĩ ngợi lâu. Thủy trả lời ngay:

- Dạ, thưa quý ông, điều này thì em rất rành.

Nói rồi, Thủy cầm bút bi, ghi ngay trên trang giấy cuốn sổ tay của cán bộ ta, vừa ghi vừa nói:

- Thưa quý ông, em còn nhớ năm 1965 có nữ thiếu tá Catholin Oaicơ. Năm 1966 có nữ trung tá Bennét. Năm 1967- 1968 có nữ trung tá Sapphin. 1969 - 1970 có nữ trung tá Rôtxi. 1970 - 1971 có nữ trung tá An Xmit. Biệt đội Thiên Nga trung ương của chúng em được thành lập hồi tháng 8 năm 1968. Liền đó, trong khoảng thời gian 1968 - 1969 có nữ thiếu tá Hanlơ huấn luyện nghiệp vụ cho chúng em. Tiếp đó, trong khoảng thời gian 1969 - 1970 có nữ đại úy Rôđomari Ly Đêvit. Bà này, do quen thân nên đến nay em vẫn còn nhớ rõ họ tên, gương mặt, tánh nết. Khoảng 1970 - 1972 có nữ đại úy Bragiơcovich. Đó là bà cố vấn cuối cùng của chúng em, vì bước sang năm 1973 theo hiệp định Pari, quân nhân Mỹ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, ở Sài Gòn lúc đó chỉ còn có nhân viên CIA trong một số ngành dân sự...

Nguyễn Thị Thanh Thủy đã dành hẳn ba ngày, viết báo cáo kể lại với cán bộ ta những hoạt động của “biệt đội Thiên Nga Trung ương”, cũng như các hoạt động của tổng nha cảnh sát ngụy và nhất là các hoạt động của CIA trên đất Việt Nam mà Thủy và các cấp trên của Thủy biết được.

Qua những lời cung khai trên giấy trắng mực đen của Nguyễn Thị Thanh Thủy và đồng bọn cộng với những tài liệu trên giấy tờ văn bản đã thu lượm được ở Sài Gòn sau ngày giải phóng, các hoạt động của CIA trên đất Việt Nam quả là muôn hình muôn vẻ. Những nhân viên CIA được cử tới Việt Nam cũng rất phong phú. Trong số này, có những tên “cáo già” mà ngay đến cả nhiều nhân vật tai to mặt lớn trong hàng ngũ nguy quân nguy quyền khi nghe nhắc đến tên hân, cũng rất gờm, cảm thấy “ớn lạnh sống lưng”. Ví dụ như Luyxiêng Cônên.

Theo kể lại, Luyxiêng Cônên vốn là dân Pháp, đẻ ở Paris. Khi mới 5 tuổi, Cônên đã sớm mồ côi cha. Mẹ muốn đi bước nữa đã gửi Cônên cho chị gái nuôi dạy. Chị Cônên lấy chồng Mỹ, sống ở thành phố Kenxốt. Ít lâu sau Cônên gia nhập quốc tịch Mỹ và trở thành công dân Mỹ. Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, nước Pháp thua trận bị phát xít Đức chiếm đóng. Cônên tình nguyện phục vụ trong sở công tác chiến lược (OSS) tức là cơ quan tình báo chiến lược, tiền thân của CIA. Theo lệnh của OSS, Cônên đã bí mật nhảy dù xuống đất Pháp, bắt liên lạc với đội du kích kháng chiến của Pháp để tiến hành do thám các lực lượng quân Đức chiếm đóng nước Pháp, nhằm phục vụ cho cuộc đổ bộ quy mô lớn của lực lượng đồng minh Mỹ, Anh, Canada lên đất Pháp năm 1944. Khi chiến tranh ở châu Âu kết thúc, Cônên lại được OSS cử sang châu Á, hoạt động trong một đội biệt kích chống phát xít Nhật Bản và đã tiến hành nhiều cuộc hành quân trinh sát trong khu vực biên giới Việt -Trung.

Cuộc đời của Luyxiêng Cônên cho tới khi kết thúc cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, có thể nói là đáng ca ngợi. Đó là một thanh niên yêu nước, một sĩ quan mưu trí dũng cảm, một tình báo viên gan dạ, trung thành với sự nghiệp chống chủ nghĩa phát xít. Nhưng cũng trong lúc Luyxiêng Cônên leo lên tới đỉnh cao của tài năng và phẩm chất thì cũng là lúc anh ta trượt dài trên sườn dốc của một nhân Vật phản động tàn bạo phục vụ cho những mưu đồ phi chính nghĩa.

Sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, sở công tác chiến lược của Mỹ giải tán, Luyxiêng Cônên và nhiều đồng nghiệp đã giải ngũ trở về tổ quốc sống một cuộc sống thanh bình và lương thiện. Nhưng rồi Cục tình báo trung ương Hoa Kỳ được thành lập vào năm 1947. Luyxiêng Cônên và một số cựu sĩ quan của tổ chức OSS lại

tình nguyện phục vụ cho CIA. Dưới sự chỉ đạo quả quan thầy mới, suốt trong những năm 50 của thế kỷ này Luyxiêng Cônê đã tiến hành hàng loạt thành động phá hoại lật đổ, chống lại phong trào giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Việt Nam, Iran, Hunggari,... Khi quay trở lại miền Nam Việt Nam hồi đầu năm 1962, Luyxiêng Cônê đã leo tới cấp bậc trung tá và trở thành một chuyên gia lão luyện về các hoạt động tình báo, gián điệp, chống cộng sản, chống phong trào giải phóng dân tộc. Với những thành tích như vậy, đồng thời lại nổi tiếng là một tình báo viên sành sỏi về các vấn đề châu Á trung tá Luyxiêng Cônê đã được mời giữ chức “cố vấn đặc biệt” cho Bộ Nội Vụ ngụy Sài Gòn. Theo lời nhiều nhân viên mật vụ cũ của ngụy quyền Sài Gòn kể lại, chính Luyxiêng Cônê đã là “giảng sư” chuyên “lên lớp nghiệp vụ” cho nhiều nhân vật cấp cao thuộc Bộ Nội Vụ ngụy. Luyxiêng Cônê cũng có nhiều quan hệ mật thiết với Tổng thống Ngô Đình Diệm, với ông cố vấn Ngô Đình Nhu, bà đệ nhất phu nhân Trần Lệ Xuân, với bác sĩ Trần Kim Tuyến trùm mật vụ Sài Gòn và với hàng loạt tướng ngụy như Trần Văn Đôn, Mai Hữu Xuân, Tôn Thất Đính,... Nhưng rồi cũng chính ngài trung tá Luyxiêng Cônê đã trở thành một đạo diễn chủ chốt trong vụ đảo chính giết hại cả hai anh em Diệm, Nhu hồi đầu tháng 11 năm 1963.

Cho tới “sự kiện” này, bộ mặt tàn ác ghê tởm của CIA nói chung và của trung tá tình báo Luyxiêng Cônê nói riêng càng rõ nét hơn bao giờ hết, gây một sự “choáng váng kinh hoàng” cho bọn tay sai, cũng là một trong nhiều lý do khiến cho bọn ngụy Sài Gòn phải “chăm chú nghiên cứu tìm hiểu” các quan thầy CIA tới “dạy dỗ”, huấn luyện và “trợ giúp”. Cuốn “danh bạ” 3000 điệp viên CIA hoạt động ở 120 nước trên thế giới được lưu trữ trong các tủ sách của nhiều cơ quan mật vụ thuộc ngụy quân ngụy quyền ở miền Nam Việt Nam là một chứng cứ cụ thể.

Vẫn theo lời bọn ngụy kể lại, các điệp viên CIA ùn ùn kéo tới Miền Nam Việt Nam theo nhiều giai đoạn và gồm nhiều lớp người. Thoạt tiên, hầu hết đều là quân nhân như trung tá luyxiêng Cônê, đại tá Etuốt Lênxđê ... phần lớn đều đã được phục vụ trong sở công tác chiến lược OSS. Dần dà về sau, số điệp viên không phải là quân nhân ngày càng tăng và hoạt động hầu khắp các cơ quan dân sự của Mỹ ngụy ở miền Nam Việt Nam.

Cũng trong thời kỳ đầu, CIA đã cử tới Sài Gòn những điệp viên CIA nói rất thạo tiếng Pháp bởi vì trong thời kỳ này từ Diệm, Nhu đến toàn bộ các nhân viên cao cấp, sĩ quan cao cấp của ngụy quyền ngụy quân đều chỉ biết có một ngoại ngữ là tiếng Pháp, thậm chí có những tướng ngụy như Nguyễn Văn Hinh, Trần Văn Đôn... nói tiếng Pháp còn thạo hơn cả tiếng Việt Nam. Nhưng từ nửa cuối những năm 60 và đặc biệt là những năm đầu tiên của thập niên 70 có nhiều điệp viên CIA trẻ tuổi nói thạo cả tiếng Việt. Từ những năm 60 trở đi, số điệp viên CIA biết nhiều sinh ngữ, đồng thời cũng gồm nhiều quốc tịch hoạt động ở miền Nam Việt Nam ngày càng nhiều. Những nhân viên ngụy quyền được hỏi chuyện còn nhớ “như in trong óc” nhiều hình ảnh của các quan chức CIA đã gây cho họ “ấn tượng mạnh”. Ví dụ như ngài tiến sĩ Philip Hapíp đã từng học lâu năm ở Pari, nói tiếng Pháp thông thạo không kém gì tiếng Anh, năm 1946 còn là đại úy trong quân đội, đến năm 1949 chuyển sang Bộ Ngoại giao rồi trở thành một điệp viên CIA “loại cỡ”. Ngài Hapíp đặt chân tới Sài Gòn với cương vị tham tán thuộc tòa đại sứ Mỹ, đã được cả Phủ Tổng thống lẫn Bộ Ngoại giao và cục tình báo Trung ương Hoa Kỳ đánh giá cao, trở thành một cố vấn quan trọng cho ngài tiến sĩ Henri Kitxingiơ trong cuộc hòa đàm ở Pari. Hoặc như ngài tiến sĩ Giôn Texcan Bennét cũng nói tiếng Pháp rất thạo, đã từng là quan chức cơ quan viện trợ Mỹ AID ở miền Nam Việt Nam, tiếp đó là bí thư thứ hai trong tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn.

Số điệp viên CIA biết tiếng Việt Nam phần lớn đều trẻ hơn lớp trước. Ví dụ như Đêvit Enghen, sinh năm 1938 giữ chức bí thư thứ hai trong sứ quán Mỹ ở Sài Gòn, nói thạo tiếng Pháp, Việt Nam. Gioocgiơ Phơnet, sinh năm 1936, ngoài tiếng mẹ đẻ còn nắm vững hai tiếng Pháp và Việt Nam để làm cái “cầu giao tiếp” trong khi giữ chức tùy viên văn hóa tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn. Hoặc như Đắcglot Ranxây, sinh năm 1934, năm 1960 trở thành điệp viên CIA, năm 1965 tới Sài Gòn với chức vụ cố vấn cũng nói rất thạo cả tiếng Pháp lẫn tiếng Việt Nam.

CIA còn phải tới miền Nam Việt Nam nhiều điệp viên thông thạo tiếng Trung Quốc, hẳn là để có những mối giao tiếp thuận lợi với số đông người Hoa sống tại khu vực Chợ Lớn ở Sài Gòn. Trong số này, phải kể tới ngài tùy viên văn hóa Etuôt Cômिंगham, sinh năm 1930, nói thông thạo tiếng Trung Quốc, Việt Nam. Năm 1951, Cômिंगham đã từng làm quân báo Bộ Hải quân Mỹ, đến năm 1955 thì giải ngũ để

giữ chức giám đốc cơ quan nghiên cứu về châu Á. Năm 1958, Cômingham được CIA tuyển mộ, trở thành một quan chức của cục thông tin Hoa Kỳ viết tắt là USIS, đã từng hoạt động ở Đài Loan, Băng Cốc, Hăng gun, Cuala Lămpơ trước khi tới Sài Gòn trong vai trò tùy viên văn hóa tòa đại sứ Mỹ. Risót Lý Kiên, một người Mỹ gốc Hoa, khi tới Sài Gòn làm cố vấn trong cơ quan viện trợ Mỹ cũng là một điệp viên CIA nói thông thạo tiếng Anh, tiếng Pháp ngoài tiếng mẹ đẻ là tiếng Trung Quốc. Norit Xmít, một cựu sĩ quan không quân, cũng là một quan chức cấp cao của CIA, nói thạo tiếng Trung Quốc, đã từng hoạt động ở Đài Loan, Lào, Thái Lan trước khi tới Sài Gòn với danh nghĩa tùy viên báo chí.

Có nhiều nhân viên CIA tuy trên danh nghĩa là công dân Mỹ mang quốc tịch Mỹ nhưng xuất thân lại không phải là gốc Mỹ. Ví dụ như Gioocgiơ Tôsiô Nacamura là quan chức cơ quan viện trợ Mỹ ở Sài Gòn, chính là một người Mỹ gốc Nhật Bản, nói thông thạo cả ba thứ tiếng Nhật Bản, Trung Quốc, Anh. Elidabet Laudao vốn là dòng dõi một gia đình quý tộc Nga, năm 1938 sang Đức học, năm 1944 di cư sang Mỹ, đến năm 1961 trở thành một nữ điệp viên CIA hoạt động ở Sài Gòn, nói thông thạo ba thứ tiếng Nga, Đức, Anh. Tuy nhiên thông thạo nhiều ngoại ngữ nhất có lẽ là ngài bí thư thứ nhất tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, tiến sĩ Letxli Tihant, một người Mỹ gốc Hung, ra đời trên đất Hunggari. Năm 1939, đang học đại học ở Na Uy thì chiến tranh bùng nổ, năm 1940 sang Mỹ phục vụ trong cơ quan OSS rồi trở thành một nhân viên cao cấp của CIA, biết thông thạo các thứ tiếng Hunggari, Na Uy, Phần Lan, Đức, Pháp, Anh...

Có nhiều nhân viên CIA trước khi tới Việt Nam đã từng hoạt động ở nhiều khu vực khác trên thế giới, tận dụng những kinh nghiệm tích lũy được ở những nơi này để phục vụ cho công tác ở Việt Nam. Đồng thời cũng có nhiều điệp viên CIA hoạt động lâu năm và “có thành tích” ở Việt Nam lại được tiếp tục cử đi hoạt động tại nhiều khu vực nóng bỏng khác, leo lên những nấc thang cao nhất trong ngành tình báo Mỹ. Cốtơ phôn, một điệp viên CIA khoác áo quan chức cơ quan viện trợ Mỹ đã hoạt động ở Thượng Hải, Xơun, Carasi, Têhêran rồi mới tới Sài Gòn. Claider Haixơ là một điệp viên CIA “nhấn mặt quen tên” ở Batđa, Khat tum, Niu Dêli, Carasi, trước khi tới Sài Gòn với danh nghĩa là một quan chức trong cơ quan thông tin Mỹ. Rô bốt Mác Clintôc, nói tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha rất thạo, đã từng hoạt động

tỉnh báo ở Phần Lan từ năm 1942, năm 1954 khoác áo đại sứ Mỹ ở Campuchia, năm 1957 đại sứ ở Li băng, năm 1957 đại sứ ở Apganixtan rồi “bí mật công tác” ở Sài Gòn, Viên Chấn đến năm 1964 mới trở về Mỹ làm cố vấn tình báo cho học viện hải quân Mỹ. Henri Lôi Thonen trước chiến tranh là giám đốc một ngân hàng tư nhân ở Mỹ, từ năm 1940 đến năm 1916 phục vụ trong quân đội Mỹ tới cấp bậc đại tá, năm 1918 “chuyển ngành” sang Bộ Ngoại giao đồng thời là nhân viên CIA đã từng giữ chức vụ trưởng vụ Cận Đông, vụ trưởng vụ Đông Nam Á, vụ trưởng vụ Tổng hợp tin tình báo thuộc Bộ Ngoại giao trước khi tới Sài Gòn khoác áo tham tán tòa đại sứ Hoa Kỳ. Uyliam Cônбай, một điệp viên CIA khét tiếng tàn ác đã từng chỉ đạo “Chiến dịch Phượng hoàng” giết hại rất nhiều người yêu nước và cả những người dân thường bị tình nghi và đã leo lên đến nấc thang tột đỉnh của ngành tình báo Hoa Kỳ, tức là Giám đốc Cục tình báo trung ương.

Điệp viên CIA ở Việt Nam đúng là “nhiều vô kể” và có mặt hoặc công khai hoặc bí mật ở hầu hết các cơ quan quân sự, dân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Mới đầu, khi quân đội thực dân Pháp còn đóng trên dải đất miền nam Việt Nam, các nhân viên tình báo CIA thường là các sĩ quan, hoạt động trong phái đoàn quân sự Mỹ ở Sài Gòn gọi tắt là SMM, như trung tá Luyxiêng Cônen và đại tá Etuôt Lênxđên. Sau khi Mỹ đã hoàn toàn hất cẳng thực dân Pháp, cơ quan CIA ngang nhiên hoạt động công khai bên cạnh tòa đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn. Trong thời kỳ Ngô Đình Diệm, giám đốc CIA ở Sài Gòn là Giôn Rissácson, Công khai in danh thiếp ghi bằng chữ nổi họ, tên và chức vụ là người đứng đầu cơ quan tính bảo trung ương Hoa Kỳ tại Sài Gòn!

Đến thời kỳ Nguyễn Văn Thiệu, chi nhánh CIA ở Sài Gòn. Tômet Pôngar phụ trách đã phát triển thành một cơ quan tình báo rất bề thế, gồm 11 ban, 1 đội hành động đặc biệt và 4 đội công tác tại 4 vùng chiến thuật, tứ 4 quân khu của ngụy.

Theo lời khai báo của những nhân viên đã từng hoạt động cho CIA ở miền nam Việt Nam thì 11 ban nói trên là:

1-Ban Tổng hợp tin tức tình báo có nhiệm vụ tổng hợp và phân tích những tin tình báo có được từ tất cả các nguồn đề báo cáo về cơ quan tình báo trung ương ở Mỹ.

2 - Ban Chính trị, chuyên trách về các vấn đề có liên quan đến tình hình chính trị ở miền nam Việt Nam.

3 - Ban An ninh, chuyên trách các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị của Mỹ ngụy ở miền Nam Việt Nam.

4 - Ban Hành chính.

5 - Ban Nhân sự.

6 - Ban Hậu cần.

7 - Ban cố vấn, phụ trách lực lượng điệp viên CIA trong hàng ngũ cố vấn Mỹ ở miền nam Việt Nam.

8 - Ban Việt Cộng, chuyên trách theo dõi phong trào cách mạng ở miền Nam Việt Nam.

9 - Ban Bắc Việt, phụ các vấn đề liên quan tới việc thu thập tin tình báo của miền Bắc Việt Nam, đồng thời chỉ đạo các hoạt động, do thám, phá hoại và lật đổ ở miền Bắc Việt Nam.

10 - Ban Hoa kiều, đặc trách theo dõi và thu lượm tin tình báo từ người Hoa ở miền Nam Việt Nam.

11 - Ban Kiều dân nước ngoài, đặc trách theo dõi các kiều dân nước ngoài như Pháp, Anh, Ấn Độ... và cả kiều dân Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Cơ quan CIA ở miền Nam Việt Nam còn có những quan hệ rất chặt chẽ với các cơ quan tình báo quân sự thuộc các lực lượng lục quân, không quân, hải quân và lính thủy đánh bộ của Mỹ ở miền Nam Việt Nam vào cuối nhiệm kỳ của tổng thống Mỹ Giôn xơn. Khi quân đội viễn chinh Mỹ ùn ứ kéo vào miền Nam tới mức cao nhất thì các cơ quan do thám của Mỹ ở miền Nam Việt Nam cũng phát triển mạnh nhất và trung tâm vẫn là chi nhánh CIA bên cạnh tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn.

Bên cạnh những nhân viên tình báo, những sĩ quan quân bảo và những tùy viên quân sự mà thực chất cũng là điệp viên của Mỹ ở Sài Gòn, hoạt động công khai hoặc nửa công khai, cục tình báo trung ương Hoa Kỳ còn liên tục cử tới miền Nam Việt Nam rất nhiều điệp viên hoạt động bí mật trong tòa đại sứ Mỹ (thường giữ chức bí thư thứ hai hoặc tùy viên) trong các cơ quan viện trợ quân sự, dân sự, cơ quan thông tin. Rất nhiều nhà báo, nhà nghiên cứu, nhà hoạt động xã hội, nhà kinh doanh cùng với nhiều khách du lịch đã liên tiếp tới miền

Nam Việt Nam trong đó không ít là điệp viên của CIA. Ngoài những quan chức CIA chuyên nghiệp, ăn lương tháng, CIA còn có một mạng lưới cộng tác viên rất rộng rãi, rất linh hoạt, hoạt động có tính chất “nghiệp dư” tức là bán tin tình báo đã thu lượm được cho CIA.

Vậy quả là không tài nào “đếm xuể” có bao nhiêu nhân viên CIA đã hoạt động tại miền Nam Việt Nam, có bao nhiêu lượt điệp viên đã được cử tới Việt Nam, có bao nhiêu người đã công tác dài hạn và ngắn hạn với CIA Mỹ ở Việt Nam, có bao nhiêu người đã bán tin thu lượm được ở Việt Nam, nhất là ở miền Bắc Việt Nam cho CIA.

4. CIA VÀ CON BÀI NGÔ ĐÌNH DIỆM

Vẫn theo chính Lênxđên tiết lộ trong hồi ký, Lênxđên bắt đầu đặt chân tới Sài Gòn ngày 1 tháng 6 năm 1954, nhưng mãi đến tháng 8 toàn bộ nhân viên phái đoàn SMM mới tập trung đầy đủ. Vì vậy, phái đoàn SMM do Lêuxđên chỉ huy chỉ “thật sự bắt tay vào việc” từ tháng 8 năm 1954.

Lúc này, hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký từ ngày 21 tháng 7 năm 1954. Theo các điều khoản ghi rõ trong hiệp định: phía Pháp phải long trọng công nhận Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Hiệp định Giơnevơ cũng ghi rõ trong năm 1955 hai miền Nam Bắc của Việt Nam sẽ tổ chức hiệp thương và đến năm 1956 sẽ tổ chức tổng tuyển cử để thành lập một chính quyền thống nhất trong cả nước. Trong khi chờ đợi, các lực lượng vũ trang và cán bộ của Việt Nam dân chủ cộng hòa từ miền Nam sẽ tập kết ra Bắc, ngược lại tất cả các lực lượng vũ trang của Pháp cùng với các nhân viên chính quyền và quân đội của Bảo Đại ở Miền Bắc cũng phải rút hết vào Nam. Vĩ tuyến 17 được chọn là đường ranh giới tạm thời phân chia hai miền, dọc theo vĩ tuyến là khu phi quân sự nhằm cách ly các lực lượng vũ trang của hai phía.

Ngày 21 tháng 7 năm 1954, chỉ trừ có đại biểu Mỹ là người duy nhất vắng mặt, còn tất cả đại biểu các nước tham dự hội nghị Giơnevơ đều ký và bản “tuyên bố cuối cùng về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương”. Trước đó 3 hôm, tức là ngày 18 tháng 7 năm 1954 phía Mỹ đã tuyên bố: “chính phủ Mỹ không sẵn sàng ký vào bản tuyên bố chung này”.

Không phải ngẫu nhiên chính quyền Mỹ bộc lộ thái độ như vậy. Những tài liệu mật của Lầu năm góc sau này tiết lộ. Cục tình báo CIA đã dự kiến, nếu tổ chức tổng tuyển cử trong cả nước Việt Nam thì nhất định Cụ Hồ Chí Minh sẽ thắng phiếu và toàn bộ nước Việt Nam “sẽ rơi vào vòng ảnh hưởng của cộng sản”. Do đó, Mỹ đã không ký vào bản tuyên bố chung để rảnh tay phá hoại hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương.

Hơn thế nữa, hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương chưa được

kí, Mỹ đã có kế hoạch thay chân Pháp độc chiếm lấy miền Nam Việt Nam, hòng dùng lãnh thổ miền Nam Việt Nam làm bàn đạp quân sự, vừa ngăn chặn “làn sóng đỏ tràn xuống khu vực Đông Nam Á” và chuẩn bị tiến công chiếm đóng miền Bắc Việt Nam khi có thời cơ và điều kiện. Chính quyền Bảo Đại bị CIA đánh giá là “quá thân Pháp”, không thể tin cậy lâu dài. CIA kiến nghị với chính phủ Mỹ nên tìm một nhân vật khác gắn bó với Mỹ hơn để thay thế Bảo Đại. Con bài mới này chính là Ngô Đình Diệm. Theo nhận xét của CIA, Ngô Đình Diệm tuy trước kia có làm quan trong triều đình Huế nhưng đã ít nhiều tỏ thái độ “chống Pháp và chống cộng sản”, khác hẳn với Bảo Đại là một ông vua bù nhìn do thực dân Pháp nuôi dậy rồi sau đó lại “hợp tác với Việt Minh cộng sản trong vai trò cố vấn tối cao”. CIA còn đặc biệt nhấn mạnh, Ngô Đình Diệm còn là một tín đồ thiên chúa giáo, mà đạo Cơ đốc lại chống chủ nghĩa cộng sản vô thần, cho nên dứt khoát Ngô Đình Diệm sẽ “chống cộng đến cùng”. Hơn thế nữa, Ngô Đình Diệm lại sống lưu vong nhiều năm ở Mỹ được Hồng y giáo chủ Xpênan tin cậy, cho nên cũng dứt khoát “thân Mỹ và trung thành gắn bó với Mỹ hơn Bảo Đại”

Từ tháng 6 năm 1954, Mỹ đã liên tục gây sức ép với cả Pháp lẫn Bảo Đại, đòi Pháp phải chấp nhận để Ngô Đình Diệm về nước làm “thủ tướng cho Quốc trưởng Bảo Đại”. Mỹ cũng mời chài Bảo Đại, hứa sẽ trực tiếp viện trợ cho chính quyền Bảo Đại, không qua trung gian là Pháp như trước nữa. Dĩ nhiên, cả Pháp lẫn Bảo Đại đều phải nhượng bộ và ngày 16 tháng 6 năm 1954 Ngô Đình Diệm đã nhận được thư của Bảo Đại “khẩn thiết mời về nước giữ chức thủ tướng”.

Lúc này, Etuôt Lênhđên đã có mặt tại Sài Gòn. Trong hồi ký Lênhđên thừa nhận: “tại Sài Gòn, tôi đã nhận được một bản tiểu sử Ngô Đình Diệm từ Mỹ gửi tới, củng cố thêm cho tôi nhiều tài liệu cụ thể. Qua bản tiểu sử này, tôi được biết ông Ngô Đình Diệm và toàn thể gia đình ông đều theo đạo Thiên chúa, là tôn giáo đối lập sâu sắc ý thức hệ với chủ nghĩa cộng sản. Anh ruột Diệm là Ngô Đình Khôi đã bị Việt Minh kết án tử hình năm 1945 về tội chống phá cách mạng. Chính Diệm cũng đã bị Việt Minh bắt giam một thời gian, sau đó đã được ông Hồ Chí Minh ra lệnh tha. Ông Hồ Chí Minh mời ông Ngô Đình Diệm tham gia chính phủ, nhưng ông Diệm từ chối. Năm 1950, Diệm rời bỏ tổ quốc đi di tản ra nước ngoài, thoát đầu tới Nhật Bản rồi sang Mỹ, sống nhiều tháng tại Niu Giơđi, trong một nhà tu thuộc dòng

Marichnon ở Likcóut.

Như vậy. Ngô Đình Diệm đã hội tụ được tất cả những tiêu chuẩn lý tưởng của một con bài mà Mỹ mong muốn: “chống cộng sản về ý thức hệ, thù Việt Minh về chuyện gia đình, rất thân Mỹ vì đã sống lưu vong ở Mỹ, nhờ cậy Mỹ và tu ở Mỹ”.

Lênxđen viết tiếp trong, hồi ký:

“Buổi sáng ngày 16 tháng 6 năm 1954, khi nghe tin ông Diệm về nước, tôi đã lần mò ra sân bay để xem mặt mũi nhân vật này. Từ đằng xa có tiếng còi hụ và tiếng xe mô tô. Dân chúng đứng hai bên đường chen lấn nhau để quan sát. Những chiếc xe của cảnh sát chạy thành hai hàng và nối đuôi nhau, hú còi chạy vút qua rồi đến chiếc xe Limuđin màu đen, mũi xe cắm cờ, cửa xe đóng kín, không thể nhìn thấy rõ người ngồi bên trong. Vèo một cái cả chiếc xe lẫn đoàn mô tô hộ tống đều vút qua rất nhanh. Mọi người chung hửng nhìn nhau bàn tán: có phải “ông ấy” không? “Ông ấy” cũng chẳng thèm ngó nhìn ai cả. Thế là đám đông giải tán.”

Trở về sứ quán Mỹ, Lênxđen thuật lại với đại sứ Mỹ Doren Hit về thái độ phản ứng của dân chúng đối với Ngô Đình Diệm. Theo nhận xét của Lênxđen, Ngô Đình Diệm đã rời bỏ Tổ quốc quá lâu, cần phải sự giúp đỡ kèm cặp của Mỹ. Lên xđen tình nguyện làm “cố vấn” cho Ngô Đình Diệm và khẩn khoản nhờ đại sứ Mỹ giới thiệu. Sau đó ít hôm, Lênxđen được dẫn tới “dinh thủ tướng”, nơi làm việc của Ngô Đình Diệm. Lênxđen thuật lại trong hồi ký:

“Mới thoát nhìn, Ông Diệm không có vẻ gì đáng để ý lắm. Đó là một con người béo lùn, mặc âu phục, ngồi trên ghế bành thõng chân xuống nhưng bàn chân không chạm tới đất. Tôi nghĩ bụng, có lẽ chân ông ta rất ngắn. Tóc ông Diệm đen và dày, chải gọn ghề, khuôn mặt đầy đà có những múi thịt nổi cộm trên má như lúc nào cũng cười. Tôi tự giới thiệu rồi đi ngay vào đề. Sau đó tôi và Ông Diệm gặp nhau thường xuyên hơn trong những tuần kế tiếp. Đến những tháng sau, hai chúng tôi đã có thói quen gặp nhau hằng ngày. Tôi còn được ông liên tục mời đến ăn cơm cùng toàn bộ gia đình, trong đó có tổng giám mục Ngô Đình Thục là anh ông Diệm, vợ chồng ông Ngô Đình Nhu, vợ chồng ông Ngô Đình Luyện là các em ông Diệm. Chỉ có ông Ngô Đình Cần, em út của ông Diệm là tôi chưa hề gặp, vì ông này sống với bà cụ thân sinh ở Huế”.

Như vậy là, ngay cả trước khi toàn bộ phải đoàn quân sự SMM của Mỹ kịp tới Sài Gòn. Lénxđên đã rất nhanh chóng trở thành cố vấn của Ngô Đình Diệm. Trên cương vị này, Lénxđên đã trực tiếp “bồi dưỡng” cho Diệm cung cách tổ chức guồng máy chính phủ, có nghĩa là gạt những phần tử thân Pháp, thân Bảo Đại ra ngoài và đưa những người thân Mỹ vào nắm các cương vị chủ chốt. Vấn đề này quả là không đơn giản. Cả Pháp lẫn Bảo Đại tuy đã chịu để cho Diệm trở về giữ chức thủ tướng nhưng vẫn còn “cài” lại nhiều nhân vật rất trung thành gắn bó với Pháp và Bảo Đại. Quân đội Pháp lúc này vẫn chưa bắt đầu rút khỏi miền Nam Việt Nam. Cái gọi là “quân lực quốc gia Việt Nam” trên danh nghĩa là lực lượng vũ trang chính quy của quốc trưởng Bảo Đại nhưng vẫn do chính phủ Pháp trả lương. Tổng tham mưu trưởng quân lực là tướng Nguyễn Văn Hinh, lấy vợ Pháp, nói tiếng Pháp thạo hơn tiếng Việt Nam. Cầm đầu lực lượng cảnh sát là Bẩy Viễn cũng là một phần tử thân Pháp, có nhiều quyền lợi vật chất gắn bó với Pháp, ngoài ra, tại Sài Gòn hồi đó còn có những giáo phái Cao đài, Hòa hảo tuy ít nhiều có chống Pháp chống thủ tướng mới Ngô Đình Diệm. Hai giáo phái này đều có lực lượng vũ trang riêng.

Vấn theo Lénxđên tiết lộ trong những khó khăn lớn để Lénxđên củng cố nội các Ngô Đình Diệm là “cái gai Nguyễn Văn Hinh”. Theo nhận xét của Lénxđên, Hinh là một sĩ quan chuyên nghiệp của Pháp do Pháp đặt vào cương vị chỉ huy quân lực của Bảo Đại, vì vậy không thể nào có uy tín một khi quân đội Pháp rời khỏi miền Nam Việt Nam.

Lénxđên nhấn mạnh, sau khi người Pháp bị đánh bại ở Điện Biên Phủ thì ngay đến các nhà lãnh đạo quân sự của Pháp cũng chẳng còn được kính nể nữa huống chi đây lại là Nguyễn Văn Hinh. Vì vậy, ngay từ khi mới đặt chân tới Sài Gòn, Lénxđên tiếp xúc với đại tá Lê Văn Kim, thiếu tá Trần Văn Đôn, trung tá Dương Văn Minh. Nhưng tất cả những sĩ quan trẻ mà Lénxđên tìm cách làm quen đều do Pháp đào tạo, cần phải có thời gian để ở “lái” họ vào quỹ đạo của Mỹ. Trong khi đó, Nguyễn Văn Hinh đánh hơi thấy địa vị bấp bênh của mình đã công khai tuyên bố “sẽ làm đảo chính quân sự lật đổ Ngô Đình Diệm” và có lần huy động quân đội diễu võ giương oai trước dinh Tổng thống nhằm uy hiếp Ngô Đình Diệm và phô trương sức mạnh của mình. Hinh còn sử dụng đài “phát thanh quân đội” để liên tục công kích Ngô Đình Diệm.

Trước tình hình đó, Lénxđên đã nảy ra một âm mưu thâm độc. Sau khi nắm được nguồn tin Nguyễn Văn Hinh dự định tiến hành đảo chính lật Ngô Đình Diệm vào ngày 12-9-1954, Lénxđên cấp tốc “mượn” tướng Ô Đamien một chiếc máy bay quân sự bay ngay sang Philippin bàn với Tổng thống Macxayxay gửi điện mời một phái đoàn quân sự Việt Nam sang thăm Philippin. Kế hoạch đảo chính của Nguyễn Văn Hinh bị phá sản vì các sĩ quan thân cận bị “cuốn vào chuyển viếng thăm Philippin”. Tiếp đó, Lénxđên lại kiến nghị với tướng LaotonCôlin (vừa mới tới Sài Gòn, là đại sứ thay Đônan Mit) gây sức ép với Pháp để “buộc Nguyễn Văn Hinh phải sang Pháp nghỉ, trao lại chức vụ cho tướng Nguyễn Văn Vỹ làm tổng tham mưu trưởng quân lực Việt Nam”, Nguyễn Văn Vỹ cũng là một sĩ quan do Pháp đào tạo, nhưng sau ngày Nhật bản làm đảo chính lật Pháp ở Đông Dương (9-3-1945) Nguyễn Văn Vỹ đã kịp chạy theo đám tàn quân Pháp rút sang Trung Quốc. Từ Trung Quốc, Vỹ lại được Pháp cử đi dẫn đường cho một nhóm sĩ quan tình báo chiến lược OSS của Mỹ thâm nhập vùng biên giới miền Bắc Việt Nam. Chính trong cuộc hành trình bí mật này, Nguyễn Văn Vỹ đã tiếp xúc với Luysiêng Cônen, hiện là phó cho Lénxđên trong phái đoàn SMM của Mỹ ở Sài Gòn.

Như vậy là, sau khi đã loại trừ được Nguyễn Văn Hinh, Lénxđên đã “cài” được một sĩ quan từng làm tình báo cho cơ quan OSS của Mỹ nắm giữ chức vụ tổng tham mưu trưởng quân lực quốc gia Việt Nam mà nhân dân miền Nam Việt Nam lúc đó vẫn gọi tắt là “lính Bảo Đại”. Tiến thêm một bước nữa, Lénxđên xúc tiến kế hoạch thủ tiêu các lực lượng vũ trang của Bảy Viễn và các giáo phái. Thoạt đầu, Lénxđên đưa ra chủ trương thuyết phục Trịnh Minh Thế chỉ huy các lực lượng vũ trang của giáo phái Cao Đài trở về hợp tác với Ngô Đình Diệm, Kế hoạch này được tướng Ô Đamien ủng hộ và được chính phủ Mỹ chấp thuận. Lúc này đội ngũ “du kích” của Trịnh Minh Thế gồm khoảng 2.000 binh lính đang bị quân đội Pháp vây đánh (năm 1951 Trịnh Minh Thế đã cầm đầu việc ám sát tướng Săngsong, tư lệnh quân đội Pháp ở Nam Bộ). Nếu đưa được lực lượng của Trịnh Minh Thế về với Ngô Đình Diệm sẽ có một lực lượng “nòng cốt” vừa chống cộng lại vừa chống Pháp. Ngay giữa lúc Nguyễn Văn Hinh đang “học hặc” với Ngô Đình Diệm, Lénxđên đích thân tìm gặp Trịnh Minh Thế tại một căn cứ của giáo phái Cao Đài ở chân núi Bà Đen. Ngay cuộc tiếp xúc

dầu tiên này, Trịnh Minh Thế tỏ vẻ “khâm phục” một người Mỹ (là Lénxđên) đã “dám” mạo hiểm vượt qua vòng vây của Pháp đến tận “căn cứ địa” của Cao Đài làm nhiệm vụ “thuyết khách” cho Thủ tướng Ngô Đình Diệm. Đến lần tiếp xúc thứ hai, Trịnh Minh Thế đã tin cậy tới mức bộc lộ với Lénxđên, lực lượng của Cao Đài ngoài việc bị Pháp bao vây còn bị cả lực lượng của Hòa Hảo (trước kia đã liên minh với Cao Đài) đang tiến công vào lực lượng Cao Đài từ phía sau lưng. Trịnh Minh Thế còn ngỏ ý nhờ Lénxđên đứng ra là trung gian dàn xếp mâu thuẫn nội bộ giữa hai phái Cao Đài và Hòa Hảo. Cuối cùng, ngày 13 tháng 2 năm 1955, Lénxđên đã “hoàn thành nhiệm vụ” tổ chức cho 2.500 quân Cao Đài về Sài Gòn sáp nhập với quân đội “quốc gia Việt Nam”.

Bước vào năm 1955, tiếp theo 2.500 quân của Trịnh Minh Thế lại đến 8.300 quân (cũng thuộc giáo phái Cao Đài) của Nguyễn Thành Chương rồi cuối cùng là gần 10.000 quân Hòa Hảo thuộc lực lượng Ba Cụt cũng trở về Sài Gòn “hợp tác với thủ tướng Ngô Đình Diệm”. Theo “sáng kiến” của Lénxđên một “mặt trận giáo phái thống nhất” được thành lập tại Sài Gòn. Giáo chủ Cao Đài Phạm Công Tắc được cử làm thống soái tối cao. Ba Cụt được chỉ định làm tổng chỉ huy. Bảy Viễn chỉ huy lực lượng Bình Xuyên cũng “chấp nhận trên nguyên tắc” “sẽ đặt lực lượng quân sự Bình Xuyên dưới sự chỉ huy chung của mặt trận giáo phái thống nhất khi tình hình trở nên khẩn cấp”.

Tuy nhiên, vẫn theo lời kể của Lénxđên lúc này Bảo Đại đang “ngủ ngoi tại Pháp” vẫn “chỉ đạo từ xa” cho lực lượng Bình Xuyên của Bảy Viễn chống lại Ngô Đình Diệm. Tình hình Sài Gòn trở nên “cực kỳ rối loạn” vì các lực lượng giáo phái và Bình Xuyên lại đánh lộn nhau và không chịu phục tùng mệnh lệnh của thủ tướng Ngô Đình Diệm. Đại sứ Mỹ Laoton Côlin nhận được điện khẩn phải trở về Oasinhtơn trực tiếp báo cáo tình hình cụ thể với tổng thống Mỹ Aixenhao. Sau khi nghe báo cáo, chính Tổng thống Aixenhao đã gợi ý nên thành lập một “chính phủ liên hiệp” tại Sài Gòn, cụ thể là tìm cách điều hòa những mâu thuẫn giữa Bảo Đại và Ngô Đình Diệm, tạm thời nhân nhượng Pháp, nhường vài ghế trong “chính phủ” cho một số bộ trưởng thân Pháp.

Lénxđên khẳng định bám giữ ý kiến, đây là thời cơ tốt để loại trừ các phần tử thân Pháp, tiến tới loại trừ cả Bảo Đại đồng thời kiến nghị

giúp đỡ Ngô Đình Diệm. Lên xđên cử hai sĩ quan thân cận là Côben và Alen thuyết phục Nguyễn Văn Võ, cuối cùng Nguyễn Văn Võ đã chống lại lệnh của Bảo Đại, để cùng với Dương Văn Minh, Lê Văn Kim... tiêu diệt lực lượng Bình Xuyên của Bảy Viễn. Đến ngày 9 tháng 5 năm 1955, lực lượng Bình Xuyên bị đánh bật khỏi Sài Gòn. Đám tàn quân rút về “Rừng Sắt” cố thủ vài ngày, cuối cùng phải xin hàng. Bảy Viễn kịp chạy trốn sang Pháp, toàn bộ “gia sản” gồm khá nhiều khách sạn, tiệm nháy, sòng bạc, hộp đêm tại Sài Gòn bị Ngô Đình Diệm tịch thu. Tiếp đó, Trịnh Minh Thế cũng bị ám sát, Ba Cụt bị bắt rồi bị xử tử. Nổi gót Bình Xuyên, các lực lượng vũ trang của Cao Đài, Hòa Hảo lần lượt bị tiêu diệt nốt.

Ngày 10 tháng 5 năm 1955 khi Gioocgiơ Phridirich Renhát tới Sài Gòn thay tướng Laoton CôLin làm đại sứ Mỹ ở miền Nam Việt Nam thì tình hình Sài Gòn thật sự trở lại yên tĩnh. Được sự giúp đỡ tận tình của cố vấn CIA Lênxđên, Ngô Đình Diệm đã loại trừ được toàn bộ các lực lượng chống đối. 28 năm sau khi nhắc lại “thành tích to lớn” của Lênxđên, trong giai đoạn 1954-1955 tại miền nam Việt Nam, một điệp viên cấp cao của CIA là Ráp Mácghi đã kể lại trong cuốn hồi ký nhan đề “Sự lừa dối khủng khiếp - 25 năm hoạt động của tôi trong hàng ngũ CIA “xuất bản Ở Niu Yooc-Mỹ năm 1983, Mácghi viết:

“Mãi tới giữa năm 1954, Ngô Đình Diệm mới trở về Việt Nam, nơi ông được đại tá Etuốt Lênxđên người chỉ huy tình báo trong phái đoàn quân sự Mỹ ở Sài Gòn, đích thân đi đón. Lúc này, gần như tất cả các tầng lớp xã hội ở miền Nam Việt Nam đều chống lại vị thủ tướng mà người Mỹ áp đặt cho họ. Chống tại Diệm lúc này không phải chỉ có những người ủng hộ vua Bảo Đại, mà tất cả các giáo phái có tư tưởng thân Pháp, những người theo đạo Phật, những người còn sót lại của các tổ chức theo chủ nghĩa quốc gia và dĩ nhiên là cả những người ủng hộ cụ Hồ Chí Minh. Lúc đầu, Ngô Đình Diệm không có quân đội, không có cảnh sát, không có chính phủ, nói tóm lại là không có gì có thể giúp ông ta xây dựng chính quyền của mình. Nhưng ông ta lại được sự ủng hộ vô điều kiện của đại tá Lênxđên, người đã cung cấp cho vị thủ lĩnh mới được Mỹ đào tạo, đôla Mỹ, vũ khí Mỹ, cố vấn Mỹ, nhân viên tuyên truyền tâm lý Mỹ, nói gọn lại là được cung cấp tất cả những gì mà CIA có thể tiến hành các hoạt động phá hoại của mình.

Thanh toán được lực lượng vũ trang của các giáo phái và các phần tử đối lập có nghĩa đã củng cố được thế lực cho Ngô Đình Diệm một cách cơ bản. Với hơn 4 năm công tác tại Philippin, Lénxđên đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm trong việc tung đồng tiền để mua chuộc, dùng vũ lực để uy hiếp, dùng miệng lưỡi để lôi kéo, từng bước chia rẽ phá hoại lực lượng kháng chiến Hukbalahap và củng cố thế lực cho tổng thống Macxayxay. Những thủ thuật đó nay lại được Lénxđên tái diễn ở miền Nam Việt Nam nhằm củng cố vị trí cho Ngô Đình Diệm.

Bước vào cuối năm 1955, quân đội Pháp xúc tiến việc chuẩn bị rút hết khỏi miền Nam Việt Nam, Bảo Đại và các thế lực thân Pháp rõ ràng đứng trước nguy cơ mất hẳn một chỗ dựa trong cuộc độ sức với các lực lượng thân Mỹ do Ngô Đình Diệm cầm đầu. Viện trợ quân sự của Mỹ đã trực tiếp trao cho Ngô Đình Diệm, không qua khâu trung gian là Pháp. Các cố vấn quân sự Mỹ cũng bắt đầu kéo tới Sài Gòn mỗi ngày một đông, nắm giữ việc huấn luyện đồng thời kiểm soát chặt chẽ quân đội nguy. Nhiều sĩ quan trẻ được cử sang Mỹ học tập lại các trường cao đẳng quân sự. Những sĩ quan cấp cao trước kia do Pháp đào tạo, nay cũng lần lượt được đưa sang Mỹ, bỏ tức nghiệp vụ. Kẻ nào nhậy bén trước thời cơ, ngã hẳn vào quỹ đạo Mỹ lập tức được “trọng dụng và nâng đỡ”, bổ trí vào các chức vụ then chốt trong quân đội. Kẻ nào lừng khờ, vẫn còn vẩn vơ đầu óc thân Pháp tất nhiên sẽ tuần tự bị loại trừ. Chi nhánh CIA của Mỹ tại Sài Gòn không chỉ đảm đương việc dò xét lí lịch các sĩ quan nguy mà còn trực tiếp lôi kéo những phần tử “thích nghi với thời đại”, lìa bỏ Pháp để quay sang Mỹ, cũng có nghĩa là bỏ rơi Bảo Đại để phục vụ Ngô Đình Diệm.

Một trong những công cụ mà Lénxđên khoe góp phần đắc lực “trong việc lôi kéo những phần tử” trước kia do Pháp đào tạo, ngày do Mỹ bồi dưỡng là “các lớp truyền bá tiếng Anh dành cho các sĩ quan người Việt và cả vợ con họ”. Những cơ quan gọi là “phòng thông tin Mỹ” cũng được khai trương tại Sài Gòn và các thành phố đông dân ở miền Nam Việt Nam, tuyên truyền sức mạnh của Mỹ, Sự giàu có của Mỹ và nhất là “lối sống Mỹ”. Tại miền Nam Việt Nam trong cái buổi gọi là “giao thời” đó, Pháp chưa đi hết nhưng Mỹ đã vào.

Tình hình như vậy mà Quốc trưởng Bảo Đại vẫn còn la cà ở Pháp chưa chịu về nước. Dù sao, cả thế và lực của Bảo Đại ở miền Nam

Việt Nam đã xuống lăm rồi.

Từ tháng 8 năm 1955, sau khi trắng trợn cự tuyệt nhằm hiệp thương để chuẩn bị cho tổng tuyển cử thống nhất đất nước, Ngô Đình Diệm đã tính đến chuyện thanh toán nốt Bảo Đại Trong đầu óc Ngô Đình Diệm, việc gạt bỏ Bảo Đại vào thời điểm này không có gì khó khăn lắm bởi vì thực dân Pháp đang trong thời kỳ “rã đám” chẳng quan tâm gì tới việc tranh chấp giữa Ngô Đình Diệm và Bảo Đại. Mặt khác, Ngô Đình Diệm cũng đã nắm chắc được hai lực lượng cảnh sát và quân đội bằng cách chuyển những phần tử thân cận với Bảo Đại đi nơi khác hoặc cho về hưu và bố trí những “người của Diệm” vào các chức vụ then chốt. Cách thức truất phế Bảo Đại cũng rất đơn giản, chỉ cần vin vào bất cứ một lý do nào đó, trong vô vàn mâu thuẫn giữa quốc trưởng và thủ tướng, rồi thủ tướng họp nội các, gây sức ép với các bộ trưởng ra một bản tuyên bố cách chức Bảo Đại khỏi nhiệm vụ đứng đầu nhà nước là xong. Đi đôi với bản tuyên bố này sẽ huy động quần chúng nhân dân tổ chức mít tinh, biểu tình, hô vang các, khẩu hiệu “Đả đảo Bảo Đại” và “Ủng hộ Ngô Thủ tướng” là sẽ tạo được bầu không khí sôi động. Lúc này Ngô Đình Nhu cũng đã tổ chức xong cái gọi là “ Phong trào cách mạng Quốc gia”, tập hợp được một số thanh niên, sinh viên và học sinh đô thị. Sử dụng cái phong trào cách mạng Quốc gia này để hậu thuẫn cho hành động thủ tướng Ngô Đình Diệm truất phế Quốc trưởng Bảo Đại là rất chắc tay.

Tuy nhiên, khi Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu cao hứng trình bày “kế hoạch đảo chính” này với cố vấn Lénxđê thì không phải ai khác mà lại chính là Lénxđê không vừa ý, hoặc “chỉ đồng ý về nội dung, không hài lòng về hình thức truất phế Bảo Đại”. Ngô Đình Diệm nói rằng: nếu nhân dân chọn Ngô Đình Diệm thì Ngô Đình Diệm sẽ “phục tùng ý dân, tiếp tục gánh vác công việc quốc gia bằng cách đảm đương nhiệm vụ tổng thống của một chế độ Cộng hòa. Nếu nhân dân chọn Bảo Đại thì Bảo Đại sẽ tiếp tục giữ ghế Quốc trưởng, còn Ngô Đình Diệm xin tiếp tục... đi tu để trọn đạo thờ chúa!”

Đúng là, chỉ mới nghe Ngô Thủ tướng tâm sự như vậy, những người nhẹ dạ cả tin đã vội cho ngay Ngô Đình Diệm là bậc chân tu, biết thuận theo ý dân, ý chúa. Số người “thương cảm” Ngô Đình Diệm và oán trách Bảo Đại không phải ít. Để chuẩn bị cho cuộc ở trung cầu ý dân, hàng chục vạn ấn phẩm giới thiệu tiểu sử Ngô Đình Diệm và

Bảo Đại được phát hành rộng rãi, gần như cho không. Bản tiểu sử Ngô Đình Diệm trân trọng: Ngô Chí Sĩ là một nhà yêu nước vĩ đại liên tục chống triều đình phong kiến, chống thực dân Pháp đô hộ và chống Việt Minh cộng sản nhiều năm “bôn ba hải ngoại” thờ chúa trọng dân, gặp lúc nước nhà hoạn nạn, phải dấn thân, liều mình đảm đương trọng trách để an dân, dựng nước. Bản tiểu sử của Bảo Đại cũng không cần thêm bớt điều gì mà chỉ thuật lại “đúng như in” rằng: Ngài Vĩnh Thụy là dòng dõi triều Nguyễn Gia Long, thuở nhỏ được sang Pháp du học, rồi lên ngôi vua, thời kỳ Nhật Bản đảo chính Pháp, đã bỏ Pháp theo Nhật, thời kỳ Nhật bại lại bỏ Nhật theo Việt Minh làm cố vấn tối cao cho Việt Minh rồi lại quay trở về với Pháp và hiện nay vẫn... đang sống cùng với vợ con ở Pháp. Bên cạnh những bản tiểu sử này, còn có những cuốn sách nhỏ giải thích chế độ “tổng thống” là một chế độ cực kỳ dân chủ, văn minh tân tiến, giống như chế độ tổng thống ở... Mỹ, còn chế độ Quốc trưởng là một chế độ độc tài, độc đoán giống như chế độ... phát xít với Quốc trưởng Hitle!

Trong hồi ký, Lénxđêrô còn khoe, chính Lénxđêrô đã gợi ý cho Ngô Đình Diệm nên in hai loại phiếu “trưng cầu dân ý”. Loại phiếu có hình Ngô Đình Diệm được in trên nền màu đỏ thắm, tượng trưng cho hạnh phúc và vận may. Loại phiếu có hình Bảo Đại thì in trên nền xanh sẫm, tượng trưng cho sự rủi ro và, xúi quẩy.

Ngày 26 tháng 10 năm 1955, cuộc trưng cầu ý dân được tiến hành rất rầm rộ tại Sài Gòn và các tỉnh miền Nam dưới sự có mặt của Ngô Đình Diệm và vắng mặt của Bảo Đại. Dĩ nhiên, Ngô Đình Diệm đắc thắng với một tỷ lệ áp đảo. Lénxđêrô nhận xét, sở dĩ Ngô Đình Diệm thắng phiếu, chủ yếu là vì, dân miền Nam “đổ xô vào chọn những tờ bia màu đỏ thắm bỏ vào thùng phiếu”. Lénxđêrô khẳng định một cách tự mãn: kết quả này xuất phát từ tâm lý người dân mà CIA đã điều tra được.

Thật ra, bất kể số phiếu thu được là bao nhiêu thì Ngô Đình Diệm vẫn cứ thắng vì tất cả các cơ quan tổ chức bỏ phiếu và kiểm phiếu, từ đô thị đến nông thôn đều là tay chân của Ngô Đình Diệm. Hơn thế nữa Bảo Đại lúc này đâu có là đối thủ của Ngô Đình Diệm! Cũng từ đó, ngày 26 tháng 10 được Ngô Đình Diệm chọn là “Quốc khánh”. Miền Nam Việt Nam lọt hẳn vào quỹ đạo của Mỹ với cái gọi là “chế độ cộng hòa” do Ngô Đình Diệm là tổng thống.

Dù sao, thắng lợi vẫn chưa đủ làm cho Lênin yên tâm. Tình báo Mỹ nhận định, muốn “bảo vệ” được cái chế độ thân Mỹ ở miền Nam Việt Nam thì phải đồng thời phá hoại tiến tới lật đổ chế độ Việt Minh cộng sản ở miền Bắc. Vấn đề này, Lênin cũng đã từng nghĩ tới ngay từ khi mới đặt chân tới Sài Gòn, tức là từ tháng 6 năm 1954, trước khi ký hiệp định Giơnevơ về Đông Dương!

5. CIA TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁ HOẠI MIỀN BẮC VIỆT NAM

Theo qui định của hiệp nghị Giơnevơ về Đông Dương, phía ta bắt đầu tiếp quản thành phố Hà Nội ngày 10 tháng 10 năm 1954 và thành phố Hải Phòng ngày 16 tháng 5 năm 1955. Những thế lực phản động trong hàng ngũ Pháp lợi dụng luôn quãng thời gian chuẩn bị cho việc tập kết lực lượng và bàn giao chính quyền để xúc tiến các mưu đồ phá hoại, sau khi buộc phải rút hoàn toàn khỏi miền Bắc Việt Nam. Cục tình báo trung ương Mỹ cũng chớp luôn thời cơ để thực hiện các mưu đồ phá hoại của Mỹ.

Tháng 8 năm 1954, Lênxđen từ Sài Gòn đáp máy bay ra Hà Nội tiếp xúc với một số giám mục đạo Thiên chúa và một số “lãnh tụ” đảng Đại Việt, vừa để tìm hiểu tình hình, vừa để bàn bạc âm mưu chống phá “Việt Minh cộng sản”. Dựa vào lực lượng Công giáo để chống lại cộng sản vô thần vẫn là chủ trương nhất quán của CIA. Về lực lượng Đại Việt, CIA thừa hiểu đây chỉ là một nhóm phần tử cơ hội, khi Nhật Bản thắng thế thì dựa vào Nhật Bản để làm chỗ dựa “chống Pháp”, đến khi Nhật Bản bại trận thì lại tìm cách “bắt liên lạc” với Mỹ để có quan thầy mới. Không phải ai khác mà chính Patti là cựu sĩ quan OSS, khi tới Vân Nam, hồi đầu năm 1954 đã nhận xét, Đại Việt cũng như Quốc dân đảng đều không có lực lượng ở trong nước. Nhưng trong lúc Mỹ đang cần tập hợp các lực lượng phản động để chống lại Việt Minh cộng sản thì chẳng có một “đảng phái chính trị” nào khác ngoài những tàn dư của đảng Đại Việt mà tiêu biểu là một số “nhà trí thức” cơ hội chủ nghĩa, đang sống trong khu vực Hà Nội, tạm thời bị Pháp chiếm đóng. Vì vậy, Lênxđen đã tìm đến bọn chúng nhằm lôi kéo chúng làm tay sai cho Mỹ.

Lênxđen chỉ ở lại Hà Nội vài ngày rồi lại đáp máy bay vào Sài Gòn. Liền sau đó, phó của Lênxđen là Cônên, lúc này đeo lon thiếu tá, lại bay ra Hà Nội cùng với một nhóm 6 sĩ quan SMM. Cônên đặt trụ sở chính thức tại Hà Nội, tiếp đó lại lập thêm một “chi nhánh” nữa tại Hải Phòng. Trong buổi họp báo công khai tại Hà Nội, Cônên tự giới thiệu là người cầm đầu phái đoàn Mỹ, trông nom việc giúp đỡ những người

Việt Nam “lánh nạn cộng sản” từ miền Bắc di cư vào Nam. Cộnen chính thức báo tin chính phủ Mỹ đã huy động một số tàu vận tải quân sự và cả máy bay quân sự để đưa những người Việt Nann di cư từ Hà Nội,Hải Phòng vào Sài Gòn.

Lênxđen khoe, trong nhóm sĩ quan SMM được cử ra Hà Nội, Hải Phòng hoạt động. Có cả chuyên gia về “chiến tranh tâm lý” rất thành thạo môn “tuyên truyền rỉ tai”, tức là phao tin đồn nhằm để kích động nhiều người di cư vào Nam. Đúng là trong thời kỳ này, CIA đã hoạt động rất tích cực và được sự hỗ trợ rất “hào phóng” của chính quyền Mỹ. Từ Oasinhton qua Sài Gòn đến Hải Phòng, Hà Nội, các sĩ quan CIA rất thành thạo về khoa tuyên truyền kích động, đã phối hợp với nhau, hoạt động trên một qui mô rộng lớn. Tại các vùng công giáo ở miền Bắc Việt Nam hồi đó, người ta thấy khá nhiều cha cố, liên miên tổ chức những buổi giảng đạo để rồi cuối cùng kết luận bằng một câu: “chúa đã vào Nam, các con chiên ngoan đạo nên đi theo chúa”. Dĩ nhiên, phần lớn những người quá mê tín đều tưởng thật, vội vàng thu xếp di cư. Tuy nhiên cũng còn có những người phân vân do dự, phần vì tin chắc chính phủ Cụ Hồ không khi nào lại ngược đãi giáo dân, ngăn cấm tự do tín ngưỡng, một phần nữa còn vì đã bao năm gắn bó với quê cha đất tổ không lẽ trong chốc lát có thể rời bỏ ruộng vườn làng mạc, dấn thân vào nơi vô định. Lập tức, tại một số nhà thờ, người ta thấy có hiện tượng “chúa chảy nước mắt thương khóc con chiên” Trò ảo thuật này rất đơn giản. Trước khi làm lễ, chỉ cần một linh mục nào đó, đã được tay chân của CIA lôi kéo, nhỏ một ít glyxêrin vào mặt pho tượng Đức bà đồng trinh hoặc tượng Đức chúa Giêsu. Lúc cha cố giảng đạo. Các con chiên đều cúi đầu chăm chú nghe đọc thánh kinh, hầu như không ai “phân tán tư tưởng” để ý đến sự việc diễn ra chung quanh. Khi đọc kinh xong, linh mục quay lên lấy nước thánh, lúc đó mới giả vờ thốt lên một tiếng kêu kinh ngạc làm như bất chợt vừa mới phát hiện ra “chúa chảy nước mắt...” thế là, một đồn mười, mười lại đồn trăm, trong số dân công giáo ở miền Bắc hồi đó loan truyền rất nhanh chóng hiện tượng kỳ lạ này.

Tại Sài Gòn, Lênxđem “tặng viện” thêm cho Cộnen bằng cách “móc nối” với một tên “thầy tướng” người Việt gốc Hoa tên là Triệu Dinh, có biệt tài sáng tác những câu ca dao, hò, vè “ngụy trang bằng danh từ “sấm truyền”. Những câu “sấm truyền” do Triệu Dinh sáng tác “tiên đoán” sau khi chúa vào Nam, miền Bắc sẽ gặp nhiều tai họa như

động đất, sóng thần “mười phần chết bảy còn ba, phần ba còn lại chẳng ra hồn người” hoặc “mười phần chết bảy còn ba, phần ba còn lại nửa ma nửa người”, hoặc “mười phần chết bảy còn ba, phần ba ngắc ngoải kêu mà ai thương”. Được Lênxđên cho tiền, Triệu Đình còn biên soạn cuốn lịch năm mới (tức năm Ất Mùi 1955) giấy tốt, chữ đẹp và lẫn vào nhiều tờ lịch là những câu “sấm truyền” nói bóng gió đến những “thảm họa” mà miền Bắc Việt Nam sẽ phải gánh chịu trong năm 1955. Tay chân của Lênxđên và Cônen còn phao tin, chờ đến khi quân đội Pháp từ miền Bắc rút hết vào Nam, lúc đó Mỹ sẽ “ném bom nguyên tử”, biến Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình... thành tro bụi. Thời kỳ cuối năm 1954 đầu năm 1955 quả là CIA đã gây ra rất nhiều tai họa cho hàng triệu gia đình giáo dân miền Bắc. Có những vùng công giáo toàn tòng, nhân dân từ bao đời nay vẫn bám chặt thửa ruộng mảnh vườn quanh ngôi nhà thờ cổ kính, nay đột nhiên tất cả mọi người bỏ vào Nam hết, không phải chỉ có toàn bộ gia đình, mà là toàn thể chòm xóm. Những người do dự chưa muốn rời quê cha đất tổ đã bị các cha cố, các trùm trưởng “thuyết phục”, thực tế là hăm dọa. Rõ ràng, đây là những vụ “cưỡng ép di cư” rất trắng trợn, mà chính một số thành viên trong Ủy ban giám sát và kiểm soát đình chiến ở Việt Nam hồi đó cũng phải thừa nhận.

Cũng không phải chỉ có nhiều giáo dân từ miền Bắc di cư vào Nam để Ngô Đình Diệm kiếm được nhiều là phiếu ủng hộ trong cuộc tranh giành quyền bính Với Bảo Đại “như một số báo chỉ xuất bản ở các nước phương Tây, hồi đó đã nhận định. Mưu đồ của CIA, và cũng là mưu đồ của chính quyền Mỹ hồi đó, còn sâu xa hơn nhiều. Bởi vì, không phải chỉ có nhiều giáo dân thuộc vùng đồng bằng sông Hồng “theo Chúa vào Nam” mà hàng loạt gia đình vợ con binh lính người Nùng đóng tại khu vực biên giới như Lạng Sơn, Đình Lập, Tiên Yên, Móng Cái cũng bỏ vào Nam sinh sống. CIA đã dự kiến trước sau thực dân Pháp, cũng phải rút khỏi nước Việt Nam. Những người lính thuộc dân tộc Nùng ở vùng rừng núi miền Bắc Việt Nam này sẽ thoát ly sự ràng buộc của Pháp để lại rơi vào vòng ảnh hưởng của Mỹ. Những người “lính miền núi” này và cả con cháu của họ nữa sẽ có thể trở thành những “mũi xung kích” khi cần thiết tổ chức “Bắc tiến”, tiến công Việt Minh cộng sản. Trong trường hợp chưa có thời cơ và điều kiện phát động chiến tranh, những “người miền núi” này, sau khi được tuyển mộ vào hàng ngũ điệp viên CIA, sẽ trở thành những tên gián

điệp, biệt kích phục vụ cho các hoạt động lật đổ của CIA .

Trong bản “tổng kết công tác” thời kỳ hoạt động tại miền Bắc Việt Nam trong khoảng “thời gian 300 ngày” từ giữa năm 1954 đến giữa năm 1955 (tức thời gian các lực lượng vũ trang của Pháp thực hiện tập kết để chuyển dần vào miền Nam Việt Nam). CIA khoe đã “lôi kéo được hơn 1 triệu người, hầu hết là tín đồ đạo Thiên chúa, từ miền Bắc di cư vào Nam. Đúng là với số đôla khá lớn tung ra cộng với tất cả các mảnh khõe tuyên truyền rỉ tai, phao tin đồn nhảm, dùng thần quyền để thuyết phục, dụ dỗ, lôi kéo kết hợp với hăm dọa và cưỡng ép. CIA đã có “thành tích lớn” trong việc tạo ra đợt “di dân ồ ạt kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai”. Suốt mấy triệu đại tổng thống Mỹ đều “hài lòng về thành tích vĩ đại” đó. Chỉ sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, quân đội Mỹ hoàn toàn rút khỏi Việt Nam, chế độ nguy quân nguy quyền sụp đổ thảm hại, sau một loạt thất bại liên tiếp, cả Nhà trắng lẫn cơ quan CIA “ngã ngựa người ra” khi được biết trong số những giáo dân di cư vào Nam có khá nhiều cán bộ cộng sản hoạt động bí mật đã tận dụng cơ hội do CIA tạo ra để lọt vào hàng ngũ nguy quân, nguy quyền, tạo thành một mạng lưới không chỉ thu thập tin tình báo mà còn góp phần không nhỏ vào việc làm cho nguy quân, nguy quyền sụp đổ.

Về phía Mỹ, cơ quan CIA cũng không quên các hoạt động phá hoại và lật đổ tại miền Bắc Việt Nam, một công việc mà các điệp viên CIA đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm và thành thạo tới mức nhiệm vụ này trở thành chức năng chủ yếu của CIA. Không phải ai khác mà chính nhiều quan chức cấp cao CIA, trong những cuốn hồi ký của mình, đã công khai tiết lộ “chức năng chủ yếu của cơ quan tình báo Trung ương Hoa kỳ không phải chỉ nhằm thu thập tin tình báo, mà chính là phá hoại lật đổ”.

Từ tháng 7 năm 1951, ngay trong chuyến đi đầu tiên từ Sài Gòn ra Hà Nội. Lênxđên đã nhờ “phòng nhì” của Pháp giới thiệu để làm quen với các “lãnh tụ” đảng Đại Việt như Đặng Văn Sung, Cao Xuân Tuyên, ... bàn kế hoạch tổ chức một nhóm vũ trang bí mật cài lại miền Bắc Việt Nam hoạt động “phá hoại và lật đổ” khi Việt Nam tiếp quản. Việc cần kíp trước mắt là phải tuyển lựa cấp tốc khoảng “vài chục” thanh niên “trung thành và dũng cảm” bí mật đưa đi huấn luyện về quân sự rồi sau đó lại bí mật quay trở về miền Bắc Việt Nam “thực thi công vụ”.

Lúc này, bọn “lãnh tụ”, Đại Việt cũng đang có âm mưu cài lại một số đảng viên chưa bị lộ mặt của chúng tại các thành phố đông dân như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định... nhằm tiến hành các hoạt động chống phá cách mạng. Được Lênxđên tìm gặp, bọn này rất vui mừng phấn khởi. Đối với bọn cầm đầu Đại Việt, việc tìm kiếm những đảng viên chưa bị lộ mặt để cài lại miền Bắc Việt Nam không khó lắm, bởi vì chúng vừa mới tiến hành một đợt “kết nạp đảng viên mới”, trước khi theo chân Pháp rút chạy vào miền Nam Việt Nam. Cái khó là phải chọn lọc trong số này những tên “trung thành”, có sức khỏe, thích phiêu lưu mạo hiểm, có tinh thần chống “Việt Minh cộng sản”.

Từ năm 1952, khi còn đeo lon đại úy trong đội quân do Pháp chỉ huy đóng lại huyện Giao Thủy, Nam Định, Cao Xuân Tuyên đã tuyển lựa được một tên lính hầu, gọi là “gác-đờ-co”... Vừa làm nhiệm vụ bảo vệ, vừa làm nhiệm vụ phục dịch. Do là tên Trần Minh Châu tức Trần Văn Cặp, một tín đồ đạo Thiên chúa, sau khi cách mạng tháng 8-1945 bùng nổ đã làm xã đội trưởng dân quân rồi làm chủ tịch xã. Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam, Cặp đã bị quân đội Pháp bắt trong một trận càn quét hồi năm 1949 và đã nhanh chóng phản bội cách mạng, phản bội Tổ quốc, phản bội nhân dân, ngoan ngoãn làm tay sai cho địch. Qua cặp mắt sành sỏi của Cao Xuân Tuyên, tên phản bội Trần Văn Châu sau khi trải qua một vài thử thách, được Tuyên rất tin dùng, Tuyên thường huyền thoại nói với đồng bọn: “sử dụng những tên phản cách mạng để chống lại cách mạng là thượng sách nhất, cao tay nhất. Bởi vì, những tên này đã trót phản bội Việt Minh thì chỉ còn một cách lao vào chống Việt Minh cộng sản tới cùng”. Dĩ nhiên, tên Trần Văn Cặp có một điểm yếu là đã hoạt động trong hàng ngũ Việt Minh, nghĩa là đã lộ mặt. Nhưng dù sao, Cặp mới chỉ làm tới chức Chủ tịch và đội trưởng dân quân trong một xã. Nếu tạo được một lý lịch giả mạo cho Cặp, để Cặp đổi họ, đổi tên, rồi đưa Cặp lên tận Hà Nội hoạt động trong một thành phố đông dân thì nhất định vẫn có thể sử dụng được.

Và thế là, sau cuộc “hội đàm” giữa trưởng phái đoàn Mỹ SMM là Lênxđên với các lãnh tụ cầm đầu đảng Đại Việt, Trần Văn Cặp đã được “đảng” bố trí đưa lên Hà Nội. Tại Hà Nội, Trần Văn Cặp lại “bắt nôi” được với Nguyễn Kim Xuyên cũng là một thanh niên công giáo quê ở huyện Ý Yên, Nam Định. Từ tháng 3 năm 1951, Xuyên đã từng bỏ làng quê lên Nam Định xin theo học lớp đào tạo hạ sĩ quan tại

thành phố Nam Định nhưng không trúng tuyển. Buồn bực, chán nản, Xuyên lên Hà Nội, lại nhà một người quen là Nhượng Tống, một tên văn sĩ phản động lúc này đang là một “đảng viên cao cấp” của đảng Đại Việt. Nhượng Tống đã kết nạp Nguyễn Kim Xuyên vào đảng Đại Việt, giới thiệu Xuyên theo học một lớp “chính trị vỡ lòng” của đảng Đại Việt, tổ chức tại bệnh viện tư của bác sĩ Đặng Vũ Lạc rồi sau đó lại giới thiệu Xuyên vào làm việc tại tòa soạn báo Gió Mới. Từ tòa soạn của tờ báo này, Nguyễn Kim Xuyên được dịp làm quen với Cao Xuân Tuyên và Đặng Văn Dương là em trai Đặng Văn Sung, đồng thời được các lãnh tụ Đại Việt đánh giá là một thanh niên hăng hái, gan dạ, có đầu óc quốc gia và tinh thần chống cộng.

Trần Văn Cặp và Nguyễn Kim Xuyên trở thành hai nhân mối tích cực, có nhiệm vụ bí mật móc nối, tuyển lựa những thanh niên “đồng tâm đồng chí” đi “du học quân sự” tại Mỹ. Nhưng mãi đến cuối tháng 8 năm 1954 là hết thời hạn cuối cùng, bọn chúng cũng mới chỉ “kết nạp” được 14 tên. Nếu cộng cả Cặp và Xuyên thì cũng chỉ có 16 tên, không thể nào “tròn con số hai chục”.

Tháng 9 năm 1954, toàn bộ 16 “du học sinh” này được đưa từ Hà Nội xuống Hải Phòng, đặt dưới sự chỉ huy của trung úy Andriu, một điệp viên CIA, đồng thời là một thành viên trong phái đoàn SMM của Mỹ.

Đô đốc Xalen, chỉ huy trưởng đội đặc nhiệm 98 thuộc hạm đội 7 của Mỹ đã được lệnh của bộ tư lệnh hải quân khu vực Thái Bình Dương của Mỹ, bố trí một chuyến tàu “há mồm” đưa “sinh viên quân sự” ra khơi. Trái với điều bọn Trần Văn Cặp mơ ước, chúng không được đưa tới Mỹ tham quan các thành phố Niu Yoóc, Sicagô, Oasinhton mà chỉ được tới một hòn đảo thuộc Mỹ ở Thái Bình Dương, cách xa bờ biển nước Mỹ hàng ngàn hải lý. Ngay khi vừa cập bến, tất cả bọn này được xe vận tải quân sự phủ vải bạt kín, đưa tới một doanh trại mà chính bọn chúng cũng không biết là trại lính gì và cũng không được phép hỏi. Công việc đầu tiên là kiểm tra lại sức khỏe, có 3 tên không đủ tiêu chuẩn phải quay trở lại Việt Nam. Còn lại 13 lên. Tất cả đều được gán cho những cái tên Pháp hoặc Mỹ, coi đó là “bí danh” trong thời kỳ học tập, đồng thời cũng để cho các huấn luyện viên Mỹ dễ điểm danh.

Sau những bài “quân sự thường thức, và những môn bắt buộc như

bơi lặn, chèo thuyền, chạy bộ, trèo tường, võ Giuđô, cách phát tín hiệu liên lạc với máy bay... bọn chúng chia thành 3 tổp theo học các khoa chuyên môn“, có các chuyên gia giảng dạy bằng tiếng Anh, một tên Mỹ dịch sang tiếng Pháp, rồi một tên trong bọn lại dịch sang tiếng Việt cho cả tổp cùng hiểu.

Lớp quân sự gồm có Cập tức Lexli, Địch tức Philip, Đức tức Lơ Roa, Hào tức Ăngđrê, học các môn sử dụng súng ngắn, tiểu liên, trung liên, đại liên, súng cối, ném lựu đạn, đặt mìn và mìn hẹn giờ. Sau đó là các chiến thuật phục kích, tập kích và phản kích khi bị đánh úp bất ngờ.

Lớp tình báo gồm có Thanh tức Pie, Chấn tức Vanhxăng, Minh tức Capê, Sản tức Rudi, Nguyên tức Rôbe học cách thức thăm dò tin tức, thu thập tình báo, đánh cắp tài liệu, sử dụng các máy ảnh đặc biệt.

Lớp vô tuyến điện gồm có Xuyên tức Sáchơmanhơ, Long tức Anbe, Đàm tức Xiranô học cách sử dụng và sửa chữa radio, truyền tin bằng mật mã, cách giải mã.

Sau hơn bốn tháng học tập cật lực là cuộc thi “tốt nghiệp” cuối cùng, từng tên một được dẫn vào phòng “thăm vấn”. Một tên Mỹ, đóng vai công an Bắc Việt đề ra hàng trăm câu hỏi lắt léo, từng tên phải trả lời rành rọt theo những điều đã được quan thầy hướng dẫn. Một thiết bị, gọi là “máy kiểm tra nói dối”, kiểm tra từng nhịp đập trái tim, hơi thở, sự tuần hoàn của não để đi tới kết luận những “sinh viên” này có thật sự gan dạ, bình tĩnh và nhất là có “trung thành với sự nghiệp” mà quan thầy Mỹ trao cho không.

Ngày 8 tháng 2 năm 1955, tên Minh tức Capê bị giữ lại vì máy “kiểm tra nói dối” phát hiện có sự dao động trong nội tâm, 12 tên còn gọi lại được tàu chiến Mỹ đưa về Sài Gòn trao cho Cao Xuân Tuyên lúc này đã đeo lon trung tá, phụ trách toàn thể nhóm phá hoại và lật đổ. Hào, Cập, Đức là 3 tên học tập, xuất sắc trong bọn được phong trung úy. Những tên còn lại được phong cấp từ thiếu úy đến thượng sĩ. Đầu tháng 3 năm 1955 cả bọn lại được tàu Mỹ đưa ra Hải Phòng.

Trong chuyến đi này, Cao Xuân Tuyên cũng ra Hải Phòng. Hấn ở lại đây một thời gian để bố trí sắp xếp nhân mỗi tổ chức các “mạng lưới”, cho tới khi quân đội Pháp rút hết mới quay trở lại Sài Gòn. Cùng ở lại Hải Phòng với Cao Xuân Tuyên có Phạm Việt Đức, Nguyễn Văn

Tiêm và Nguyễn Kim Xuyên. Tổ thứ hai gồm có Phạm Đăng Hào. Nguyễn Đình Long, Vũ Đình Định về Nam Định, Trần Văn Cập và số còn lại lên Hà Nội.

Lúc này, tất cả bọn chúng đã vứt bỏ hết những tên Mỹ, tên Anh, tên Pháp và thay bằng những “bí số” để bí mật liên lạc với với nhau cũng như liên lạc với “trung ương”. Ngoài ra, trong cuộc sống nguy trang ngoài xã hội, mỗi tên lại có vài lên gọi khác nhau, làm nhiều nghề khác nhau. Sau một thời gian ngắn, chúng lại đổi chỗ ở đồng thời đổi cả tên và đổi cả nghề. Ví dụ như Trần Văn Cập còn có một “chứng minh thư” thứ hai ghi tên Trần Minh Châu và có lúc lại được gọi bằng cái tên ngắn gọn là “bác Nguyên chữa xe đạp”. Chỗ ở của hắn cũng luôn luôn thay đổi, lúc thì ở Hàng Rươi, lúc thì về Quán Thánh, lúc thì lại dọn nhà ra tận bờ sông.

Tháng 5 năm 1955, khi quân đội Pháp rút hết khỏi Hải Phòng, đồng thời cũng là rút hết khỏi miền Bắc Việt Nam, nhóm phái đoàn quân sự SMM do Cônen chỉ huy cũng quay trở lại Sài gòn. Cônen có vẻ không thỏa mãn vì lực lượng bán quân sự do CIA tổ chức, mới đầu dự định có 20 tên, nhưng khi đưa đi đào tạo chỉ tuyển mộ được có 16 tên và lúc “tốt nghiệp” chỉ còn lại vẹn vẹn 12 tên. Nhưng Lênxđên nói: “lúc này là 12 tên rồi sẽ phát triển lên 120 tên. Và 120 tên này sẽ tiến hành 1200 vụ phá hoại ở miền Bắc Việt Nam”.

Trong bản báo cáo gửi về Oasinhton (toàn văn đã bị phanh phui trước ảnh sáng dư luận trong vụ tiết lộ các tài liệu mật của Lầu năm góc) phái đoàn SMM của Lênxđên khoe:

“Phái đoàn SMM ở miền Bắc Việt Nam dưới sự chỉ huy của Cônen đã tổ chức được một nhóm bán quân sự (mà chúng tôi nguy trang bằng cái tên Việt Nam là Bình) thông qua đảng Đại Việt, nhóm này đã được bí mật đưa vào miền Bắc qua cảng Hải Phòng dưới sự chỉ huy của trung úy Andriu và được một chiếc tàu của Hải quân Mỹ chở đến khu vực huấn luyện, một nhóm nữa được tổ chức ở miền Nam và được nguy trang dưới cái tên là nhóm Hào.

Vũ khí và trang bị dùng cho đội công tác bán quân sự của nhóm Bình được cất giấu ở miền Bắc, tại các khu vực chưa bị Việt Minh kiểm soát. Chúng tôi đã chuyển bí mật vào Việt Nam khoảng 8 tấn rưỡi đồ tiếp tế cho nhóm Hào để rồi Hào lại chuyển cho nhóm Bình ở miền Bắc. Số hàng này gồm có 14 máy vô tuyến điện, 300 súng các-

bin, 90.000 viên đạn các-bin, 50 súng ngắn, 10.000 viên đạn súng ngắn và 150 tạ chất nổ, 2 tấn rươi đã được chuyển đến tay nhóm Bình ở Bắc kỳ. Số còn lại được SMM cất giấu dọc sông Hồng. Ngày 16 tháng 5 năm 1955 Việt Minh tiếp quản Hải Phòng, các nhóm Bình và Hào của chúng tôi lúc này đều đã có mặt ở miền Bắc và đều đã được trang bị đầy đủ. Đã phải làm việc rất căng như phải lựa chọn người, đưa ra ngoài huấn luyện rồi lại đưa về thâm nhập trở lại, trang bị cho họ, bố trí họ tại những địa điểm đã ấn định. Toàn bộ công việc này phải tiến hành hết sức bí mật, không để cho Việt Minh, Ủy ban Quốc tế biết. Thậm chí cả những người Pháp và những người Việt Nam bạn bè thân Mỹ cũng không được biết...“.

Từ Sài Gòn, Lê Văn Khoa và Côn Văn hý hửng ngóng chờ tin về các “hoạt động” của nhóm bán quân sự. Chi nhánh CIA ở Sài Gòn đã vạch kế hoạch tỉ mỉ cho bọn tay chân của chúng ở Hà Nội, Hải Phòng và Nam Định tích cực phát triển nhân mối, tổ chức những vụ ám sát các cán bộ cấp cao của Việt Minh, đặt chất nổ phá hoại các trạm biến thế điện, đặt mìn (chế tạo giống như những viên than) phá hoại các đầu máy xe lửa giữa lúc tàu đang chạy, đổ axit vào các thiết bị trong nhà máy, cho cát vào bình xăng xe ô tô.

Tuy nhiên cho tới khi kết thúc năm 1955 rồi qua năm 1956, thậm chí mãi tận những năm 1957, 1958 bọn tay chân của Lê Văn Khoa vẫn không gây ra được một vụ nổ nào tại các thành phố lớn ở miền Bắc Việt Nam. Nguyễn Kim Xuyên đã lĩnh tới 6 khẩu súng có thiết bị giảm thanh nhưng không gây được vụ ám sát nào. Bản báo cáo đầu tiên của Trần Văn Cặp gửi về “trung ương” cho biết đã “kết nạp” được 2 nhân mối, bắt liên lạc được với Trần Văn Tước là đảng viên Đại Việt ở phố Lò Đúc, Trần Duy Hình là tài xế cũ lái xe cho Đặng Văn Sung... nhưng cho tới lần báo cáo thứ 8 vẫn chỉ nhai lại điệp khúc “tình hình có nhiều khó khăn. Việt Minh quản lý hộ khẩu rất chặt. Chưa hoạt động được vì sợ lộ cơ sở”.

Tháng 8 năm 1956 Cao Xuân Tuyên quá sốt ruột, phải ra lệnh gọi một tên trong nhóm phá hoại vào tận trong Nam, trực tiếp báo cáo tình hình cụ thể. Từ Hà Nội, bọn đàn em của Tuyên gửi điện mật vào cho biết, Phạm Đăng Hào, tức Hùng, bí số HG sẽ đích thân vào Sài Gòn gặp trung ương. Ngày 6 tháng 9 năm 1965, Hào tới Sài Gòn được đưa ngay tới gặp một “Cố vấn Mỹ” và được xét hỏi suốt 48 giờ

trong đó có 14 lần thẩm tra qua “máy kiểm tra nói dối”. Sau đó, Hào được đưa về nhà Đặng Văn Sung ở 378 phố Phan Thanh Giản rồi lại đưa về “trụ sở” tại 217 đường Công Lý. Tại đây, Hào nhận được chỉ thị cố gắng gây ra một vụ nổ “cốt để có tiếng vang”. Ngày 15 tháng 9 năm 1956, Hào lại vượt tuyến ra miền Bắc, đem theo một số hàng hóa bán đi được 14 triệu đồng (tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa) đem chia cho đồng bọn, gọi là “chút quà của cấp trên ủng hộ, đồng viên toàn nhóm cố gắng thực thi công vụ”.

Từ nửa cuối năm 1958, mọi liên lạc điện đài từ Bắc vào Nam đều im bật, Cao Xuân Tuyên đứng ngôi không yên, dự đoán “có chuyện chẳng lành đã xảy ra”. Ngày 5 tháng 5 năm 1959 tòa án Hà Nội xử công khai bọn gián điệp, phá hoại. Lúc này cả Lê Xuân và Côn đều đã trở về Mỹ. Mãi một thời gian dài sau đó, sau khi đã tốn khá nhiều công sức tiền của để nghiên cứu xem tại sao toàn thể bọn phá hoại đều bị công an Bắc Việt bắt sống, CIA Mỹ cũng chỉ “mang máng” biết rằng: trong một buổi kiểm tra “hàng tồn kho” của một số tư sản gian thương tại Hải Phòng công an đã phát hiện thấy ba quả mìn làm giống như những viên than dùng để chạy đầu máy xe lửa. Tuy nhiên, những viên than giả này có “điểm yếu” là nhẵn bóng hơn những viên than thông thường và đưa lên mũi ngửi có mùi tanh. Những người chủ nhà có mìn cất giấu bị gọi lên đồn công an xét hỏi nhưng không đủ bằng chứng buộc tội, lại được tha về. Cuối cùng “vụ phát hiện được mìn” cũng chìm trong quên lãng. Có người còn nhận xét: đây là mìn của Pháp để lại và Pháp cùng bọn tay chân đã rút hết vào Nam. Cái nhóm “Bình và Hào” của Mỹ lại tiếp tục hoạt động vì không thấy theo dõi. Thế nhưng, chính trong lúc chúng đinh ninh “không bị theo dõi” thì Công an Bắc Việt đã “cài” được người vào trong nhóm của chúng theo dõi chúng từ “trong gan ruột” chứ không phải chỉ từ bên ngoài. Trong 8 chuyến liên lạc điện đài của chúng thì chỉ có 2 chuyến đầu là thật, 6 chuyến sau đều tiến hành theo sự bố trí của công an “Đặc phái viên” của nhóm được “cử vào Nam trực tiếp báo cáo với Trung ương” cũng đã bị công an khống chế.

Một lần nữa, CIA lại bị thua đau.

Tiếp theo vụ án Trần Minh Châu tức Cập, hàng loạt tên gián điệp nữa cũng lần lượt bị bắt gọn và đưa ra tòa án công khai xét xử trước đông đảo nhân dân. Trong số này có vụ tên Nguyễn Tiến Thành và

đồng bọn, hoạt động trên một địa bàn khá rộng, từ Hải Phòng đến tận Vĩnh Phú.

Trước tòa, Nguyễn Tiến Thành và đồng bọn đã cúi đầu nhận tội và cung khai tất cả những âm mưu phá hoại và lật đổ của chúng. Thành báo cáo, cuối năm 1954 hắn đã được Nghiêm Kế Tổ là một “lãnh tụ” Việt Nam quốc dân đảng kết nạp vào “đảng” rồi bố trí cho đi “du học quân sự tại nước ngoài”. Từ Hải Phòng, Thành cùng 5 tên nữa đáp tàu biển của Pháp vào Sài Gòn. Tại đây, sau khi được CIA thẩm tra lý lịch và thử thách, trắc nghiệm. Thành cùng với hơn 10 tên nữa lại được đưa xuống tàu biển của Mỹ tới đảo Guyam giữa Thái Bình Dương. Chương trình học tập cũng tương tự như hai nhóm Bình và Hảo. Lênxđen đã khoe trong bản báo cáo về “thành tích” của phái đoàn quân sự SMM do hắn chỉ huy.

Tuy nhiên nhóm Nguyễn Tiến Thành không do CIA trực tiếp tuyển mộ mà là do bọn Nghiêm Kế Tổ, Hoàng Công Măng, Vũ Hán Khuông trong tổ chức phản động mệnh danh là Việt Nam quốc dân đảng tự động tổ chức rồi nhờ CIA hỗ trợ. Dĩ nhiên CIA sốt sắng nhận lời ngay. Như báo cáo của SMM đã ghi nhận, trong thời kỳ ra Hà Nội bắt liên lạc với các tổ chức phản động. Lênxđen cũng như Cônen chỉ tiếp xúc với nhóm Đại Việt, chứ không tìm gặp bọn đứng đầu Việt Nam Quốc dân đảng. Nay Việt Nam Quốc dân đảng lại tự đóng góp thêm cho CIA một nhóm phá hoại nữa để chống lại Việt Minh cộng sản ở miền Bắc Việt Nam, đúng là một “dịp may bất ngờ” đối với CIA.

Sau khi đã được huấn luyện kỹ các kỹ thuật phá hoại, ám sát, thu thập tin tình báo, ngày 16 tháng 4 năm 1955 bọn Thành lại được đưa trở lại Hải Phòng trước khi quân đội Pháp rút khỏi thành phố cửa biển này. Từ Hải Phòng, bọn Thanh tách ra thành 4 tổ, chia nhau hoạt động ở các thành phố và thị xã Hải Phòng. Hà Nội, Sơn Tây, Hà Đông,

Theo đúng kế hoạch đã bàn bạc kỹ từ trước, từng tên trong bọn phá hoại do Thành cầm đầu tự động kiếm lấy một nghề “làm ăn lương thiện” cố gắng im hơi lặng tiếng một thời gian hòng giữ bí mật, tránh khỏi cặp mắt nghi ngờ của các chiến sĩ an ninh và nhân dân chung quanh. Mãi tới 16 giờ ngày 16 tháng 6 năm 1955 Thanh mới cho một điện đài bắt liên lạc với “Trung ương” ở Sài Gòn để nhận chỉ thị hoạt động. Thế nhưng, suốt trong hai tháng 6 và 7 năm 1955, bọn Thành

đã 6 lần mở đài bắt liên lạc với cấp trên nhưng đều không nhận được tín hiệu trả lời. Hơn nữa, trong bọn cùng đi học Ô Quan về, còn có 9 tên nữa đã trở lại Hải Phòng nhưng sau đó, Thành đã tốn công tìm kiếm vẫn “mất tích” không biết đang bí mật ẩn náu ở đâu hoặc đã ra đầu thú hay đã bị công an bắt.

Trước tình hình đó, đầu tháng 8 năm 1955. Thành phải cử hai “đặc phái viên” là Văn và Song vượt tuyến vào Nam để bắt liên lạc và trực tiếp báo cáo tình hình với cấp trên. Nhưng mới đi tới Nghệ An, hai tên Văn và Song đã “cảm thấy có người theo dõi” vì vậy “thần hồn nát thần tính” bọn chúng lại hốt hoảng quay trở lại, không dám tiếp tục cuộc hành trình vượt tuyến nữa.

Làm thế nào để “bắt liên lạc với Trung ương” bây giờ? Số tiền trợ cấp đã hết. Kho vũ khí, kho điện đài vẫn đang cất giấu. Bọn Thành bàn với nhau, rút lên vùng trung du Phú Thọ, vừa lao động sản xuất trong một số cơ sở nông nghiệp để kiếm ăn vừa hoạt động phá hoại, cốt “gây được một tiếng vang lớn”, trấn động tới trong Nam, như vậy sẽ đến tai “trung ương Quốc dân đảng” liền đó, Thành và đồng bọn tiến hành “gây cơ sở”, bằng cách làm quen với một số phần tử xấu ở địa phương, kết nạp bọn này vào tổ chức phản động do Thành cầm đầu. “Cương lĩnh hoạt động” của bọn Thành là tiến hành “cách mạng tư sản dân quyền” để chống lại “Việt Minh cộng sản”. Phú Thọ sẽ là “căn cứ địa” của bọn chúng. Sau khi đã “giải phóng” được vùng trung du này sẽ “đánh loang ra các vùng lân cận rồi cướp chính quyền tại Hà Nội (1)

Thế nhưng, giữa lúc “các nhà cách mạng tư sản dân quyền” của cái tàn dư Việt Nam Quốc dân đảng đang tì tởm rởn rợn tuyên truyền về “cương lĩnh hoạt động” thì mạng lưới an ninh của nhân dân đã bủa vây rồi dần dần xiết chặt. Cuối cùng toàn bộ 11 tên trong nhóm phản cách mạng này đều sa lưới pháp luật. Từ Phú Thọ những tên bị bắt giữ đã cúi đầu nhận tội khai báo tất cả những địa điểm chôn cất điện đài cũng như vũ khí của bọn chúng tại Hải Phòng. Căn cứ vào những lời khai báo này ta đã tịch thu toàn bộ 4 điện đài ở nhà số 7 Ngô Thuận Thái, Hải Phòng Vốn là “trụ sở bí mật” của Hoàng Công Măng, tiếp đó lại thu thêm nhiều hòm vũ khí và chất nổ do CIA cung cấp cho bọn chúng, trong đó có tới 113 súng các bin báng gập.

Như vậy là từ vụ án Trần Minh Châu đến vụ án Nguyễn Tiến

Thành, ta đã lần lượt phá 6 vụ án phá hoại và lật đổ của CIA cài lại miền Bắc, trước khi bọn chúng chưa kịp gây tội ác. Sau khi toàn bộ các nhóm phá hoại của CIA bố trí trên lãnh thổ miền Bắc Việt Nam bị bắt giữ và xét xử, một luồng không khí hoang mang dao động nhanh chóng lan rộng trong hàng ngũ bọn tay sai của thực dân đế quốc. Cả những tên do Pháp cài lại cũng hoảng hốt tự động ra đầu thú để được hưởng lượng khoan hồng. Một số đồng bào công giáo yêu nước đã tin gặp chính quyền, tố cáo những hoạt động của tên gián điệp Mỹ đội lốt thầy tu mang tên Đu lây, tổng giám mục tại Nhà thờ lớn Hà Nội có nhà riêng tại số 41 phố Lý Quốc Sư đang lén lút tuyên truyền dụ dỗ lôi kéo giáo dân chống lại chính quyền và thu thập tin tức cho Mỹ Trước những chứng cứ cụ thể, một phần do chính đồng bào công giáo cung cấp, một phần do các chiến sĩ an ninh của ta phát hiện. Chính phủ ta đã ra lệnh trục xuất Đu Lây. Tiếp đó, tòa lãnh sự Mỹ ở số 11 phố Hai Bà Trưng và các cơ sở cuối cùng của Mỹ đặt tại số 5 Bà Huyện Thanh Quan, số 36 phố Hoàng Diệu cũng bị đóng cửa. Các tổ chức như Hội bảo hiểm nhân thọ, tổ chức đại chúng học vụ, tổ chức y tế lưu động do Mỹ đỡ đầu, thực tế là do CIA ẩn núp bên trong cũng ngưng hoạt động. Từ đó trở đi. CIA bị chặt nốt những “chân rết” cuối cùng còn cố bám dai tại Hà Nội.

6. BÊN TRONG “SỞ LIÊN LẠC PHỦ TỔNG THỐNG”

Mặc dù một loạt hành động phá hoại của bọn gián điệp cài lại miền Bắc Việt Nam đã liên tiếp bị triệt tiêu, bọn Mỹ-Diệm vẫn không chịu từ bỏ những âm mưu đen tối của chúng. Với chức vụ “cố vấn đặc biệt” của tổng thống, Lénxđên đã hướng dẫn cho Ngô Đình Diệm tổ chức ra một thứ “Cục tình báo trung ương” tại miền Nam Việt Nam với chức năng: vừa làm nhiệm vụ phản gián, vừa làm nhiệm vụ thu thập tin tình báo, chống lại phong trào cách mạng đang dâng cao ở miền Nam và tiếp tục phá hoại miền Bắc Việt Nam.

Lúc này, Cao Xuân Tuyên đã bị thất sủng sau khi hai nhóm phá hoại Bình và Hảo bị thanh toán gọn. Tên Lê Xuân Tung (cấp bậc trung lá, tương đương với Cao Xuân Tuyên) lại được Mỹ-Diệm chọn lựa đứng đầu cái “cục tình báo Trung ương” được ngụy trang bằng cái tên rất mơ hồ là “sở liên lạc phủ tổng thống”. Theo lời khai của những tên gián điệp biệt kích bị ta bắt giữ, cái “sở liên lạc phủ tổng thống” này gồm 7 phòng, mỗi phòng có một “bí số” riêng.

- Phòng thứ nhất, bí số P.35, phụ trách việc tuyển mộ đào tạo bọn gián điệp biệt kích. Lực lượng gián điệp biệt kích này, lúc đầu thấy tên là “Liên đoàn biệt động”, sau đó thấy danh từ “biệt động” quá lộ liễu, các cố vấn Mỹ lại khuyên Ngô Đình Diệm đổi tên là “Liên đoàn quan sát”.

- Phòng thứ hai, bí số P.45 phụ trách hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi việc tập trung lực lượng gián điệp biệt kích ra hoạt động phá hoại tại miền Bắc Việt Nam.

- Phòng thứ ba, bí số P.55, phụ trách hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi hoạt động của bọn gián điệp biệt kích tại miền Nam Việt Nam. Lực lượng này cũng được đào tạo như bọn gián điệp biệt kích hoạt động tại miền Bắc, nhưng sử dụng vào việc tiêu diệt các cơ sở cách mạng ở miền Nam Việt Nam. Nhiệm vụ của bọn chúng dò xét những người bị tình nghi là “cán bộ cộng sản nằm vùng” và tổ chức vây ráp, ruồng bớ những khu vực tình nghi là có cơ sở cách mạng đang bí mật hoạt động.

- Phòng thứ tư bí số P.65, phụ trách vấn đề “an ninh nội bộ”, tức là dò xét ngay cả công nhân, viên chức, sinh viên, tri thức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong hàng ngũ ngũ quân, ngũ quyền. Tổ chức của phòng này giống hệt sở mật thám Pháp và Cục điều tra Liên bang FBI của Mỹ.

- Phòng thứ năm, bí số P.75, phụ trách việc thu thập sưu tầm, dịch thuật, phân tích những tài liệu, tin tức tình báo thu nhận được từ nhiều nguồn khác nhau.

- Phòng thứ sáu, bí số P.85 phụ trách các công việc hành chính, quản trị, hậu cần.

- Phòng thứ bảy, bí số P.95, phụ trách mạng lưới thông tin liên lạc bằng các phương tiện thông thường và các kỹ thuật mật của ngành tình báo.

Như vậy là, ngay từ khi thành lập cái gọi là “sở liên lạc phủ tổng thống”, lực lượng gián điệp biệt kích trực thuộc “sở liên lạc” này đã có nhiệm vụ hoạt động ở cả hai miền Nam Bắc Việt Nam, “cố vấn đặc biệt” Lê Xuân Diệm đã chỉ dẫn cho Ngô Đình Diệm, không phải chỉ có việc tổ chức một bộ máy gián điệp theo kiểu CIA mà còn xây dựng cả một hệ thống khủng bố đàn áp kiểu FBI. Tất cả những “tinh hoa” trong ngành tình báo, gián điệp, biệt kích, mật thám, cảnh sát của Hoa kỳ đều được quy tụ trong cái “sở liên lạc phủ tổng thống” của Ngô Đình Diệm.

Trong việc tuyển chọn gián điệp biệt kích, mới đầu bọn Mỹ - Diệm rút từ các lực lượng bộ binh hoặc biệt động những tên có sức khỏe và năng lực, đưa đi “đào tạo chuyên môn” bằng cách cho theo học những khóa huấn luyện biệt kích ở Nha Trang hoặc ở nước ngoài, tại các căn cứ quân sự của Mỹ ở Philippin, Nhật Bản hoặc trên đảo Guyam. Từ năm 1950 trở đi, do yêu cầu “tăng thêm số lượng”, các nhân viên CIA đã đến thẳng các trại “tiếp cư”, tức là những khu tập trung gồm nhiều dãy nhà vách làm bằng gỗ, mái lợp bằng tôn do Mỹ dựng lên nhằm “tiếp đón” những người từ miền Bắc di cư vào Nam, để trực tiếp tuyển mộ. Bọn chúng thường nhắm vào đoàn thanh niên công giáo hoặc con cái gia đình phản động chống đối “chế độ cộng sản” coi đó là những người “có lòng căm thù và ý chí”, có thể tạo thành đám tay sai trung thành của Mỹ. Sau khi đã hoàn tất các thủ tục giấy tờ về lý lịch, giấy cam kết tình nguyện phục vụ, bọn này còn phải trải qua một loạt thử thách bằng cách đứng hàng giờ trước những

thiết bị “trắc nghiệm tâm lý” trả lời hàng trăm câu hỏi để máy thăm tra xem có thật sự trung thành với lý tưởng “chống cộng” hay không có “quyết tâm” lọt vào tận cơ sở của “Việt Cộng”, ở trong Nam hoặc xung phong “Bắc tiến” hay không, có sẵn sàng “chịu đựng gian khổ, hy sinh phần đầu” không... Sau mới được cử đi học về kỹ thuật, chiến tranh chiến thuật, chiến tranh tâm lý, điều tra tình báo... lại phải thử thách qua máy “trắc nghiệm tâm lý” để khẳng định xem, quá trình học tập rèn luyện gian khổ, có hoang mang dao động, ngã lòng nản trí hay không, rồi mới được chính thức công nhận là “thành viên của liên đoàn quan sát”, được cử đi hoạt động tại một khu vực nào đó ở miền Nam hoặc miền Bắc.

Tại miền Nam Việt Nam, đi đôi với việc tung lực lượng gián điệp biệt kích hoạt động tại các khu vực nghi là “căn cứ Việt cộng” tháng 10 năm 1959 CIA còn “mách nước” cho Ngô Đình Diệm ban hành đạo luật “chống cộng, tố cộng, diệt cộng”, gọi tắt là luật 10-59, buộc các gia đình từ bố mẹ, con cái, vợ chồng đến anh chị em và họ hàng thân thuộc phải tố giác lẫn nhau giết hại lẫn nhau. Lênxđên còn hướng dẫn cho Ngô Đình Diệm tổ chức các trại tập trung theo những kinh, nghiệm đã tích lũy được từ thời kỳ còn hoạt động ở Philippin. Những trại tập trung này được Ngô Đình Diệm gọi bằng những cái tên rất mỹ miều như “khu trừ mật”, “khu dinh điền” hoặc “ấp chiến lược”.

Với sự chỉ đạo trực tiếp của các cố vấn CIA. Ngô Đình Diệm hy vọng sẽ thực hiện được “chiến lược dồn làng gom dân” trên toàn bộ lãnh thổ miền Nam Việt Nam, kiểm soát được từng người dân và tách rời từng cán bộ “Việt cộng” ra khỏi đám dân thường, thực hiện khẩu hiệu “tát cạn nước để bắt cá” CIA cũng giúp Ngô Đình Diệm xây dựng một loạt nhà tù không lồ để giam giữ những người cộng sản, những người kháng chiến cũ, những người có cảm tình với cộng sản, và tất cả những người chống lại Ngô Đình Diệm, kể cả các tín đồ đạo Phật cũng như công nhân, nông dân, trí thức, sinh viên, những nhà buôn lớn nhỏ. Tại miền Nam Việt Nam, dựa vào “đạo luật 10-59”. Ngô Đình Diệm còn tổ chức nhiều “tòa án quân sự lưu động” kéo theo máy chém, lần lượt đi khắp các vùng hành quân càn quét trên lãnh thổ miền Nam Việt Nam, chặt đầu những người chống đối hòng khủng bố, uy hiếp, đe dọa những người khác.

Thế nhưng, Ngô Đình Diệm càng đàn áp khủng bố thì phong trào

cách mạng ở miền Nam Việt Nam càng dâng cao. Việc ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, cùng với hàng loạt vụ nổi dậy ở Mỏ Cày, Bến Tre... vào thời gian cuối 1960 đầu năm 1961 đã làm cho cả Ngô Đình Diệm lẫn quan thầy Mỹ hoang mang lo sợ.

Bước vào năm 1961, đế quốc Mỹ đã phải thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam, với công thức cố vấn Mỹ + hỏa lực và bộ binh ngụy, thật sự mở những cuộc hành quân tác chiến vào khu căn cứ cách mạng đang ngày càng phát triển ở miền Nam Việt Nam. Những đơn vị đầu tiên của Mỹ kéo vào miền Nam Việt Nam để hỗ trợ cho ngụy là những đơn vị “lực lượng đặc biệt”, tổ chức theo kiểu “biệt động quân”. Nhiều sĩ quan thuộc “lực lượng đặc biệt” Mỹ vừa làm nhiệm vụ chiến đấu, vừa làm nhiệm vụ huấn luyện cho các lực lượng biệt động của ngụy. Mặt khác, lực lượng biệt động của ngụy trong thời kỳ này cũng đã vượt ra quá khuôn khổ phụ trách của CIA, và thật sự trở thành một lực lượng do cả CIA lẫn lầu năm góc của Mỹ “đỡ đầu”, có nghĩa là vừa được cố vấn CIA tuyển mộ, chỉ dẫn, vừa được các sĩ quan của Lầu năm góc huấn luyện, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của bộ tổng tham mưu quân đội ngụy.

Trên cơ sở cái gọi là “liên đoàn quan sát 1” thành lập từ năm 1957, đến cuối năm 1960 Ngô Đình Diệm đã phải ký sắc lệnh tổ chức hai liên đoàn, đặt tên là liên đoàn 77 và liên đoàn 31. Thiếu tá Phạm Văn Phú (sau này là trung tướng) được cử làm liên đoàn trưởng liên đoàn 77 và thiếu tá Phạm Duy Tất (sau này là đại tá) được cử làm liên đoàn trưởng liên đoàn 31. Nhiệm vụ của 2 liên đoàn này đều tương tự như nhau, tức là “thu thập và phối kiểm những tin tình báo cùng với phòng nhì thuộc bộ tổng tham mưu ngụy, nhằm tổ chức các cuộc hành quân đột kích vào các vùng căn cứ cách mạng và khu vực giải phóng tại miền Nam Việt Nam, tập kích vào các tuyến đường Trường Sơn từ Bắc vào Nam, kiểm soát các khu vực rừng núi biên phòng không để cho các lực lượng từ miền Bắc thâm nhập vào miền Nam có thể tỏa xuống vùng đồng bằng tạo lực cho phong trào cách mạng đang phát triển.

Đến năm 1964, khi chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ đã hoàn toàn tỏ ra bất lực, không đàn áp nổi cao trào cách mạng miền Nam Việt Nam, phải chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ đưa lính chiến đấu Mỹ vào trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược miền

Nam Việt Nam, hai liên đoàn 77 và 31 sau khi đổi phiên hiệu thành liên đoàn 111 và 301 lại được sát nhập lại thành một đơn vị lớn, đặt dưới sự chỉ huy của “Bộ tư lệnh lực lượng đặc biệt” do tên thiếu tướng nguy Lê Văn Nghiêm chỉ huy, trực thuộc Bộ tư lệnh lực lượng đặc biệt này còn có các bộ phận như tiểu đoàn biệt kích 91 và các toán biệt kích “Lôi phong”, “Lôi vũ”, “Lôi hổ”.

Trụ sở Bộ tư lệnh lực lượng đặc biệt được chuyển từ Sài Gòn về Nha Trang. Bộ tham mưu của nó thật sự là một cơ quan chiến đấu bao gồm 7 phòng, 5 ban Phòng 1 phụ trách các vấn đề quân số. Phòng 2 chịu trách nhiệm đặc biệt về thu thập tin tức tình báo. Phòng 3 đảm nhiệm các kế hoạch hành quân tác chiến và là một phòng lớn nhất, có 5 ban trực thuộc mang tên: ban hành quân, ban huấn luyện, ban nghi lễ, ban binh thư, ban phiên dịch. Phòng 4 chịu trách nhiệm về hậu cần, Phòng 5 chuyên trách về các vấn đề giáo dục chính trị, quan hệ xã hội, chiến tranh tâm lý. Cuối cùng là 2 phòng an ninh và quân y.

Các cố vấn tình báo CIA, có thêm các sĩ quan quân báo DIA, tiếp tục hoạt động trong bộ tư lệnh lực lượng đặc biệt Mỹ CIA chuyên trách về các mặt chiến tranh tâm lý, an ninh và hoạt động xã hội của bộ tư lệnh lực lượng đặc biệt nguy. CIA cũng đảm nhiệm thu thập tin tình báo từ miền Bắc Việt Nam đề cung cấp cho Mỹ và nguy, trong đó có bộ tư lệnh lực lượng đặc biệt. Các cố vấn tình báo CIA, được hỗ trợ thêm bằng các phương tiện quan sát suốt dọc tuyến đường Trường Sơn, nhanh chóng phát hiện ra, miền Bắc Việt Nam không chỉ liên tục chi viện cho cách mạng miền Nam nhưng cán bộ đã từ miền Nam tập kết ra Bắc, mà còn đưa cả một số đơn vị chiến đấu từ miền Bắc vào Nam sau khi Mỹ đã đưa quân vào tham chiến tại miền Nam Việt Nam. CIA nhận định phải lập lại kế hoạch phá hoại miền Bắc Việt Nam và nếu những toán gián điệp cài lại miền Bắc đã bị thủ tiêu thì phải “cấy lại” bằng những toán mới, thâm nhập vào miền Bắc bằng mọi cách, để tiến hành các hoạt động phá hoại và lật đổ.

7. NHỮNG CON THIÊU THÂN LAO VÀO LƯỚI CỦA MIỀN BẮC VIỆT NAM

Những tài liệu tịch thu của Mỹ ngụy sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, cộng với lời khai của những tên gián điệp xin đầu thú, cho biết: “từ năm 1957 các cố vấn CIA đã gợi ý cho Ngô Đình Diệm cần phải tăng cường việc tung gián điệp trở lại miền Bắc hoạt động không phải chỉ bằng cách vượt qua giới tuyến quân sự bằng đường bộ mà phải tận dụng đường không và đường biển”. Đến năm 1960, nhu cầu “Bắc tiến” không phải chỉ bao gồm những tên gián điệp thu thập tin tức mà cả những toán biệt kích có vũ trang, vừa thu thập tin, vừa tập kích phá hoại các cơ sở kinh tế, quốc phòng ở miền Bắc Việt Nam.

“Sở phòng vệ duyên hải” ra đời là một bộ phận của Nha kỹ thuật trực thuộc Bộ tổng tham mưu ngụy, chuyên tổ chức hoạt động tình báo gián điệp, phá hoại và quấy rối vùng ven biển và các đảo ở miền Bắc, đồng thời trinh sát và tìm cách ngăn chặn luồng chi viện bằng đường biển từ miền Bắc vào miền Nam. Những hoạt động của “sở phòng vệ duyên hải” kết hợp chặt chẽ với những hoạt động của “liên đoàn quan sát” “trực thuộc” sở liên lạc phủ tổng thống gồm những toán gián điệp biệt kích nhảy dù xuống những vùng hẻo lánh ở miền Bắc Việt Nam sẽ tạo thành một mạng lưới bao gồm cả “mũi dao và lá chắn”, vừa ngăn chặn luồng chi viện bằng đường bộ và đường biển từ miền Bắc vào miền Nam, vừa thâm nhập vào miền Bắc bằng đường không và đường biển để tiến hành các hoạt động phá hoại.

Thật ra, ngay từ khi thành lập cái gọi là “Sở liên lạc phủ tổng thống”, Ngô Đình Diệm cũng đã chuẩn y cho thành lập một “khối hải vận” trực thuộc phòng P.45, tức là phòng chuyên trách việc tung gián điệp biệt kích ra miền Bắc hoạt động. Nhưng trong thời gian đầu việc thâm nhập bằng đường biển của bọn gián điệp biệt kích đã gặp rất nhiều khó khăn do mạng lưới an ninh bảo vệ vùng bờ biển của chúng ta tổ chức chặt chẽ, nhiều toán gián điệp biệt kích bị phát hiện ngay từ khi chưa kịp đổ bộ lên bờ, chưa kịp hoạt động. Một số ít tuy đã đổ bộ được hoặc mới đổ bộ lên bờ, tiến hành được vài hoạt động phá hoại lẻ tẻ, nhưng lập tức lại bị sa lưới. Vì vậy, đến cuối năm 1963 Mỹ ngụy

đã phải tạm ngừng hoạt động để “chấn chỉnh tổ chức, củng cố lực lượng” đến năm 1964 mới lại hoạt động với qui mô lớn hơn. Lúc này, hạm đội 7 của Mỹ đã tiến hành nhiều hoạt động sát vùng bờ biển của ta vừa để khiêu khích, thăm dò phản ứng, vừa để hỗ trợ cho ngụy. Ngày 1 tháng 4 năm 1964 khối “Hải vận” của ngụy được chính thức đổi tên thành “sở phòng vệ duyên hải” tăng thêm số quân và trang bị. Một lực lượng “người nhái” gọi là “lực lượng biệt hải” (tức biệt kích đường biển) được cấp tốc thành lập, các cố vấn hải quân của Mỹ đảm nhiệm việc huấn luyện bơi, lặn và bơi đường dài cho bọn gián điệp biệt kích ngụy.

Mới đầu, khi còn gọi là “khối hải vận” lực lượng biệt kích đường biển của ngụy bao gồm có 2 chi cục:

- Chi cục thứ nhất, mang tên Ätllängtích (Đại Tây Dương) phụ trách chỉ đạo bọn gián điệp biệt kích bơi qua sông Bến Hải hoặc dùng thuyền đưa gián điệp thâm nhập vào miền Bắc. Phạm vi hoạt động của bọn này được giới hạn từ Bến Hải tới Hà Tĩnh.

- Chi cục thứ hai, mang tên Paxiphíc (Thái Bình dương) chuyên dùng thuyền lớn đi sâu, vào miền Bắc để thả gián điệp, biệt kích người nhái đi hoạt động trong phạm vi từ Hà Tĩnh đến tận Quảng Ninh.

Năm 1964, khi “khối hải vận” được chuyển thành “sở phòng vệ duyên hải” do tên đại tá Ngô Thế Linh làm chỉ huy trưởng và tên trung tá Đỗ Văn Tiên làm chỉ huy phó, cơ quan này đã thật sự chuyển thành một bộ máy tác chiến, bao gồm một cơ quan tham mưu (trong đó có 4 ban: nhân viên, an ninh, tiếp vận, thông tin liên lạc) và 2 lực lượng:

- Lực lượng hải tuần gồm 13 tàu biển và thuyền máy có tốc độ nhanh, trang bị hỏa lực đầy đủ.

- Lực lượng biệt hải người nhái gồm một đại đội chia thành 7 toán nhỏ, đặt dưới sự điều khiển của một ban chỉ huy.

Một loạt chuyên gia hải quân Mỹ đã được cử tới cùng phối hợp với các nhân viên CIA làm “cố vấn” cho lực lượng biệt kích đường biển của ngụy. Trong đồng hồ sơ lưu trữ tịch thu được sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng còn ghi rõ họ tên và lý lịch tóm tắt của nhiều cố vấn Mỹ, như trung tá hải quân Bôpphê, cố vấn trưởng trung tá Haorăn-xơ, cố vấn phó, thiếu tá Gugenman, cố vấn bộ phận hành

chính tiếp vận, đại úy Đonlop, phụ trách tổ chức hành quân, đại úy Mêtdaoxơ, phụ trách huấn luyện người nhái.

Mặc dù vậy, hoạt động của bọn gián điệp biệt kích người nhái cũng rất hạn chế, tin thu lượm lượm “không nhiều và rất ít bảo đảm chính xác”. Vì vậy cố vấn Mỹ lại phải chỉ đạo cho ngụy tiến hành bắt cóc nhiều người dân đánh cá ở miền Bắc Việt Nam đang làm ăn ở ngoài khơi, đưa về tận cù lao Chàm ở Hội An để khai thác. Tại đây các “chuyên gia” của CIA đã trực tiếp tiến hành nhiều thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ rồi khống chế, cưỡng bức, dọa nạt, cố “khai thác những tin tình báo ở miền Bắc” thế nhưng, như chính các hồ sơ lưu trữ của Mỹ ngụy đã thừa nhận, những người dân đánh cá này chỉ chăm lo công việc làm ăn, suốt ngày đi khơi, đi lộng, không biết gì mấy về những hoạt động quân sự của Bắc Việt trên đất liền. Hơn nữa, hầu hết những người dân đánh cá bị bắt cóc đều căm phẫn, kịch liệt phản đối Mỹ ngụy, đòi chúng phải lập tức trả lại tự do và đưa trở về miền Bắc vì vậy công việc khai thác tin tình báo càng khó đạt được kết quả.

Những báo cáo “tổng kết kinh nghiệm hoạt động” của CIA cũng thừa nhận những hoạt động của bọn gián điệp biệt kích thâm nhập vào miền Bắc Việt Nam “gặp nhiều khó khăn và đạt rất ít kết quả. Vì vậy, CIA chủ trương, nên bù lại bằng cách đẩy mạnh các hoạt động của bọn gián điệp biệt kích đồ bộ xuống miền Bắc Việt Nam bằng đường không, CIA nhận định, miền Bắc Việt Nam có nhiều khu vực hẻo lánh, thưa dân, nhất là tại khu vực miền núi. Tổ chức cho gián điệp biệt kích nhảy dù xuống các khu vực rừng núi hẻo lánh ở miền Bắc Việt Nam trong đêm tối là công việc “dễ dàng hơn đồ bộ bằng đường biển rất nhiều” bọn gián điệp biệt kích sau khi tiến hành các hoạt động phá hoại hoặc gây cơ sở vẫn có thể “tận dụng đường rừng trở lại miền Nam Việt Nam”.

Có điều, Mỹ, ngụy đã chủ quan, không lường được hết sự lớn mạnh nhanh chóng của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sau khi đánh thắng thực dân Pháp xâm lược. Chỉ một thời gian ngắn sau khi toàn bộ miền Bắc được giải phóng hoàn toàn, ngày 3 tháng 3 năm 1959 lực lượng công an nhân dân vũ trang đã chính thức được thành lập. Đồng thời mạng lưới phòng không của các lực lượng vũ trang nhân dân ta, từ Bắc, Đông Bắc đều được kiện toàn với đầy đủ hệ thống ra đa và các cỡ pháo cao xạ phòng không có thể chiến đấu

trong mọi thời tiết, cả ban ngày lẫn ban đêm.

Căn cứ vào những chỉ thị kịp thời nhẩy bén của Ban chấp hành trung ương Đảng, và Bác Hồ, Bộ Công an (nay là Bộ Nội vụ) đã chủ động vạch kế hoạch cụ thể “đề ra nhiều phương án toàn diện dựa vào phong trào quần chúng, sự phối hợp và hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng vũ trang, tập trung chỉ đạo các đơn vị, các địa phương triển khai công tác đón đánh gián điệp biệt kích địch, bắt kẻ chúng thâm nhập bằng đường bộ, đường không hay đường biển.

Đêm 27-5-1961, một máy bay hai động cơ của Mỹ-Diệm cất cánh từ Đà Nẵng theo hướng biển, bay ra ngang vùng trời Ninh Bình rồi hạ thấp độ cao vòng lên Mai Châu (Tây Bắc). Hồi 20g 30 phút, chúng thả dù 4 tên gián điệp biệt kích xuống mồm đồi thuộc khu vực Phù Yên. Dân quân địa phương đã kịp thời phát hiện bao vây theo dõi. Các lực lượng Công an nhân dân ta tiếp tục truy lùng và bắt gọn, thu điện đài vũ khí. Chúng đều là những tên đã vào Nam theo địch từ 1951, nay được lệnh CIA quay trở lại miền Bắc hoạt động phá hoại theo kế hoạch mang tên Castor. Đó là những tên biệt kích đầu tiên thâm nhập bằng đường không bị bắt gọn.

Tiếp đó, đến đêm 27 tháng 6 năm 1961, ta lại bắt gọn một toán biệt kích mang tên Ares thâm nhập vùng bờ biển Tiền An, Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh. Từ những vụ biệt kích đầu tiên thâm nhập bằng đường không và đường biển bị sa lưới pháp luật này, lực lượng an ninh ta đã nhanh chóng khai thác, khống chế và khuất phục được những tên bị bắt, buộc chúng bí mật làm việc cho ta. Trong khi đó, bọn chỉ huy của chúng ở miền Nam cứ đinh ninh rằng chúng đã đổ bộ thành công vào miền Bắc. Với nhóm biệt kích đường biển (Ares) với trò chơi nghiệp vụ ta đã bắt thêm được 2 toán 16 tên. Trong kế hoạch Castor của chúng ta đã nhử được 8 toán 39 tên trong đó có chiếc máy bay C76, định ra tiếp tế cho đồng bọn mà CIA không hề biết là đã lọt vào tay lực lượng an ninh nhân dân ta, bị bắn rơi lúc 1 giờ 15 phút đêm 2 tháng 7 năm 1961 trên vùng trời Ninh Bình. Máy bay bị bốc cháy rơi xuống một cánh đồng thuộc xã Tô Hiệu, huyện Kim Sơn. Trên máy bay có 10 tên nguy, 2 tên bị cháy thui, 1 tên bị chết sau khi máy bay rơi, 7 tên còn lại đều bị thương đã được các lực lượng công an, tự vệ đưa vào bệnh viện cứu chữa nhưng sau đó 3 tên vì bị thương quá nặng cũng đã bị chết, chỉ còn lại 4 tên.

Ngày 15 tháng 11 năm 1961, trừ tên Trần Phúc Lộc bị thương nặng đang còn tiếp tục điều trị 3 tên còn lại là Phan Thanh Vân, Phạm Văn Đăng, Đinh Như Khoa đã bị đưa ra xét xử công khai.

Trước tòa án, tên trung úy Phạm Thanh Vân khai hấn đi lính cho Pháp, được học lái máy bay từ năm 1952, do “có tay nghề”, lái máy bay thành thạo, cho nên khi Mỹ thay chân Pháp hấn đã được bọn ngụy cử làm nhiệm vụ huấn luyện viên hoa tiêu rồi làm trưởng ban hành quân của một phi đoàn máy bay chiến đấu đã từng phục vụ nhiều chuyến thả dù bọn biệt động xuống những khu vực hành quân cần quét, ngoài ra còn nhiều lần thực hiện những chuyến bay dài tới Philippin, Đài Loan, Nhật Bản. Đầu năm 1961 CIA đã tổ chức cho Phan Thanh Vân tập bay thấp, bay đêm để chuẩn bị cho chuyến bay thả gián điệp biệt kích xuống hoạt động phá hoại tại miền Bắc Việt Nam. Trong chuyến bay đêm 1 tháng 7 năm 1961 Phan Thanh Vân được cử làm hoa tiêu trưởng phi cơ.

Phan Thanh Vân kể lại:

“Chiều ngày 1 tháng 7, tôi được lệnh của trung tá Nguyễn Cao Kỳ là chỉ huy trưởng liên phi đoàn vận tải hàng không quân sự miền Nam, báo cho biết rằng 15 giờ có mặt tại căn cứ không quân. Lúc vào phòng họp, tôi thấy có 3 cố vấn Mỹ, trong trong đó có một người lên là Tônì nói thạo tiếng Pháp. Tônì trao nhiệm vụ cho tôi ngay trong đêm hôm đó phải lái chiếc C47 ra miền bắc thả dù người và vật liệu xuống điểm H đã ghi sẵn trên bản đồ bay. Tiếp đó, đại úy Linh trao cho mỗi người chúng tôi một bộ quần áo nâu và dặn chúng tôi phải mặc vào người, phòng khi máy bay gặp tai nạn thì để trốn chạy. Đại úy Linh còn trao cho tôi 300 đôla và dặn, nếu gặp tai nạn hỏng hóc, máy bay buộc phải đáp xuống miền Bắc thì cứ khai đây là máy bay đi buôn thuốc phiện lậu ở Lào. Số tiền 300 đôla là tiền đặt cọc trước, khi về chủ sẽ trả thêm. Ngoài ra còn có bản chỉ dẫn “cách phá hủy máy bay sau khi chạm đất. Trước hết phải tắt công tắc điện, sau đó dùng búa đập vỡ những ống chứa xăng cho chảy hết ra ngoài rồi dùng lửa thiêu hủy máy bay cùng toàn bộ tang vật”.

Tóm lại, cấp trên của chúng tôi đã chuẩn bị chu đáo, chọn tay lái giỏi và căn dặn kỹ cách xử sự khi máy bay rơi. Nhưng sau khi trúng đạn, cả Phan Thanh Vân lẫn những tên còn sống sót không tên nào nghĩ đến chuyện thiêu hủy máy bay để phi tang. Chính vì vậy, ta đã thu

được toàn bộ tang vật gồm có các loại súng trường hai nòng báng gấp, loại súng trường một nòng báng rút do công ty chế tạo vũ khí Harinton và Risacsơn ở Mỹ sản xuất, máy thu phát vô tuyến điện BN2 kiểu RT3, máy phát điện quay tay GN.58, hai điện đài URC4 cùng đầy đủ thuốc chữa bệnh, chữa vết thương, lương khô, gạo sấy và các loại thuốc lá Bông lúa, Hoàn Kiếm, Thăng Long sản xuất lại miền Bắc Việt Nam.

Tên Phạm Văn Đăng, thợ máy, cho biết thêm:

“Sau khi đã nghe phổ biến nhiệm vụ xong, tôi được dẫn vào một phòng nhỏ. Ở đây có một người Mỹ và một người Việt Nam. Người Mỹ bảo tôi đưa cho họ xem bản lý lịch đã được dịch sang tiếng Anh. Sau đó, anh ta dẫn tôi đến trước một cái máy, bắt tôi quay mặt vào phía tường, không được nhìn máy rồi đưa tay trái ra, cho máy đo áp lực áp vào mạch máu tay trái của tôi. Họ dồn dập hỏi tôi nhiều câu, và dặn tôi chỉ được trả lời, hoặc là “có” hoặc là “không” rất nhanh, những câu hỏi rất đột ngột và khác nhau. Đang hỏi tôi “có yêu vợ không” lại hỏi tiếp “có liên lạc với Việt Minh cộng sản không ?” rồi lại quay sang hỏi “có ăn cắp không”, “có thương con không”, “có đọc báo nhân dân ở miền Bắc không”. Hỏi rất nhiều đến mãi 6 giờ chiều mới xong”.

Phạm Văn Dũng còn tiết lộ: “chiếc máy bay này không sơn số hiệu và cờ hiệu. Bên trong có gắn thêm thùng xăng phụ và trang bị 2 động cơ để có thêm sức mạnh, bay được lâu hơn”

Tên Đinh Như Khoa, trung sĩ nhất thuộc Liên đội quan sát 1, kể lại cả một quãng đời “đầy biến động” của hắn. Khoa nói:

“Thưa quý tòa, khi cách mạng tháng Tám năm 1945 bùng nổ tôi là một thanh niên đã tham gia cướp chính quyền tại quê tôi ở huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Sau đó tôi còn được đi học lớp huấn luyện cán bộ quân sự sơ cấp ở Ba Đồn. Nhưng đến năm 1947 do lời dụ dỗ của các cha cố, cụ thể là cha Quang, phó xứ Hòa Ninh, tôi đã phạm sai lầm là thôi không tham gia kháng chiến nữa rồi đến năm 1949 đã đi lính cho Pháp rồi được tuyển chọn làm gián điệp biệt kích tung ra miền Bắc hoạt động. Tôi rất cảm động và biết ơn vì được tòa cho phép tôi gặp lại ông bố để ra tôi vẫn còn ở lại miền Bắc. Tôi thấy bố tôi béo tốt khỏe mạnh, quần áo sạch sẽ lành lặn chứ không lam lũ như hồi trước. Từ đó tôi càng thấy rõ sai lầm của mình.

Cùng trong lúc xử án, chính quyền ta đã cho trưng bày toàn bộ các

tang vật thu được trên chiếc máy bay C17 bị bắn rơi mà bọn gián điệp biệt kích chưa kịp phá hủy hoặc đã cường lại cấp trên, không chịu phá hủy.

Đó là những chiếc súng ngắn có ổ đạn quay cỡ 38 có thể bắn xa 10 mét xuyên qua 7 centimet gỗ thông, những khẩu súng ngắn nòng dài cùng cỡ đạn và ổ đạn chuyên dùng của cảnh sát Mỹ; súng trường một nòng báng rút, súng trường hai nòng báng gấp, những chiếc dao đi rừng chuôi gấp, dao găm loại lớn, dao găm loại nhỏ; 5 loại đạn dùng cho các loại súng trường, súng ngắn kể trên, 2 loại pháo hiệu. Tất cả các loại vũ khí này, trừ một loại pháo hiệu sản xuất tại Nhật Bản, còn tất cả đều sản xuất tại Mỹ. Phần lớn các loại đạn đều có đầu chì khi bắn vào người sẽ nát vụn thành nhiều mảnh nhỏ, rất khó gấp để chữa chạy.

Bên cạnh những cây súng là máy phát điện quay tay, máy phát tín hiệu (moóc-xơ) hai bộ máy thu phát vô tuyến diện chạy pin, 3 loại gương phản chiếu dùng để báo hiệu cho máy bay, 4 loại pháo hiệu.

Ngoài ra, còn có 29 loại thuốc đóng gói dưới các dạng bột, viên, nước dùng để chữa nhiều loại bệnh, 16 loại băng để băng bó các vết thương ở đầu, bụng, chân tay, 1 dao chích và 1 bơm hút máu khi bị rắn độc cắn, tất cả đều chế tạo ở Mỹ.

Bọn gián điệp biệt kích này còn mang theo đầy đủ nhiều loại lương khô, gạo sấy, thịt khô, lạp sườn, đường, kẹo, muối, dụng cụ chế biến nước mặn nước ngọt và lưới đánh cá, lưới câu cá... để có thể tạo điều kiện cho chúng hoạt động dài ngày không cần tiếp tế.

Tất cả nhân chứng, vật chứng này đã tố cáo đầy đủ mọi mưu đồ phá hoại của CIA và thất bại thảm hại của chúng.

Tính đến cuối năm 1963, được sự giúp đỡ tận tình của nhân dân các lực lượng dân quân tự vệ, bộ đội biên phòng, quân đội nhân dân, các lực lượng an ninh đã phối hợp và hiệp đồng chặt chẽ bắt gọn 12 toán gián điệp biệt kích thâm nhập bằng đường biển và đường không trong các khu vực Tây Bắc, Đông Bắc, Quảng Bình. Ta còn khám phá hàng chục vụ gián điệp ẩn nấp tại nhiều khu vực, cùng với hàng chục tổ chức phản động trong đó có một số tên phản động trong tôn giáo và trong dân tộc miền núi.

Bước sang năm 1962, công tác phòng chống gián điệp biệt kích

càng được đầy mạnh với nhiều kinh nghiệm, phong trào quần chúng trở thành thiên la địa võng, tính tới ngày 5-8-1964 là thời điểm đế quốc Mỹ trắng trợn ném bom Miền Bắc, ta đã tiêu diệt và bắt sống trên 60 toán với gần 500 tên, gồm đủ các toán thâm nhập bằng đường biển, đường không và đường bộ. Nếu tổng hợp cả loại gián điệp con thoi qua đường biên giới thì gồm hai trăm toán với trên 2000 tên, làm phá sản hoàn toàn âm mưu rất thâm độc của Cục tình báo TW. Mỹ và tay sai ở miền Nam Việt Nam là nhằm tạo dựng lên lực lượng chống cộng trong lòng Cộng sản ở miền Bắc để hòng phá hoại chủ trương chi viện cho chiến trường miền Nam.

8. BÀN TAY VẮY MÁU CỦA CIA TRONG HÀNH ĐỘNG THÍ BỎ NGÔ ĐÌNH DIỆM

Cuối năm 1956, Étúôt Lênxđê quay trở về Mỹ làm việc tại “tổng hành dinh” của cơ quan CIA, chuyên trách về các vấn đề Viễn đông và vẫn thường xuyên theo dõi tình hình diễn biến ở Việt Nam. Những bản báo cáo đầu tiên từ Sài Gòn gửi về Oasinhtơn, đối với Étúôt Lênxđê quả là “rất đáng vui mừng phấn khởi”: chính quyền Ngô Đình Diệm do “bàn tay ma” của Lênxđê góp phần quyết định trong việc dựng lên, rõ ràng “đang được củng cố”. Với chế độ “gia đình trị”, bố trí các tay chân thân tín nắm giữ các cơ quan then chốt trong chính phủ, lại có cả lực lượng cảnh sát và nhất là lực lượng quân đội ngày càng được nắm bởi các tướng tá do Mỹ đào tạo. Lênxđê đinh ninh “đây là một chính quyền vững chắc nhất thế giới”. Mặc dù từ năm 1961 cao trào nổi dậy của nhân dân miền Nam Việt Nam đang ngày càng phát triển, nhưng Lênxđê tin chắc rằng, với chiến lược “chiến tranh đặc biệt” do Lầu năm góc tiến hành ở miền Nam Việt Nam, cộng với các “chiến dịch” liên tục tiến công miền Bắc bằng các hoạt động phá hoại do CIA phụ trách, Lênxđê hy vọng “trong tương lai không xa tình hình miền Nam Việt Nam sẽ trở lại ổn định” như chính Lênxđê đã nhiều lần công khai tuyên bố với các nhà báo, cũng như đã nhiều lần khẳng định với Tổng thống Mỹ.

Từ năm 1958, sau khi trở về Mỹ làm việc tại cơ quan trung ương của CIA, Lênxđê đã được phong quân hàm chuẩn tướng và đến năm 1963 lại được phong quân hàm thiếu tướng trước khi nghỉ hưu. Thế nhưng, cũng đúng cái năm 1963 này, cơ đồ Ngô Đình Diệm tại miền Nam Việt Nam lại đổ ụp !

Như chính các tài liệu mật của Lầu năm góc đã ghi nhận, ngay từ năm 1961 tức là khi bắt đầu “thí nghiệm” cuộc chiến tranh can thiệp của Mỹ vào miền Nam Việt Nam với công thức: “bộ binh ngụy + cố vấn và hỏa lực Mỹ” chính quyền Kennơđi đã bắt đầu “đánh dấu hỏi” về năng lực của Ngô Đình Diệm, một con bài do Lênxđê góp phần dựng lên và ra sức bảo vệ. Sau cuộc đảo chính không thành công của Nguyễn Chánh Thi, giữa Bộ Ngoại giao Mỹ và Cục Tình báo trung

ương CIA đã có nhiều tranh cãi xoay quanh vấn đề “nên” thay ngựa giữa dòng bằng cách gạt bỏ Diệm hay nên củng cố thể lực cho Diệm hơn nữa nhằm giúp Diệm thanh trừng tận gốc các lực lượng chống đối. Bộ Ngoại giao Mỹ chủ trương, nếu không gạt bỏ Diệm thì ít nhất cũng phải gây sức ép đòi Diệm phải “mở rộng chính phủ” thực hiện một vài chính sách có tính chất “mị dân” gọi là phương pháp “vặn đầu van nhằm xì bớt hơi” các thể lực chống đối. Lúc đầu CIA chủ trương nên bám giữ con bài Ngô Đình Diệm đến cùng, nhưng sau đó cũng lại nghiêng theo ý kiến: dù chưa gạt bỏ Ngô Đình Diệm thì ít nhất cũng phải loại trừ Ngô Đình Nhu, hủy bỏ chế độ “gia đình trị” của Diệm bằng cách buộc Diệm phải “mở rộng chính phủ”.

Vận mạng của Ngô Đình Diệm đã được quyết định bởi một báo cáo mật của Raul Hinkley, Vụ trưởng Vụ điều tra và nghiên cứu thuộc Bộ Ngoại giao, đề ngày 3-12-1962 trong đó nhấn mạnh:

... “Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng như nhiều quan chức Mỹ tại Nam Việt Nam cho rằng hiện nay đã xuất hiện nhân tố chiến thắng trong cuộc chiến đấu chống nổi loạn của Việt cộng. Mức độ lạc quan đó là quá sớm”. Bản báo cáo này cũng vạch rõ: “Tình hình chính trị nội bộ khó đánh giá hơn nhiều. Diệm đã tăng cường kiểm soát bộ máy hành chính và quân sự. Tuy không có nhiều tin về tình trạng bất mãn đối với sự lãnh đạo của Diệm trong giới thượng lưu và các quan chức chính quyền nhưng vẫn còn có nhiều dấu hiệu đáng lo ngại, nhất là sự chỉ đạo của Diệm đối với các nỗ lực chống nổi loạn. Cũng có những tin tình báo cho biết, các quan chức quân sự và dân sự trọng yếu vẫn đang tiếp tục tham gia vào các âm mưu đảo chính chống Diệm”.

Bản báo cáo kết luận: “Cuộc đảo chính lật Diệm có thể xảy ra bất cứ lúc nào và sẽ dễ dàng bùng nổ nếu như cuộc chiến đấu chống Cộng sản không thuận lợi, nếu Việt cộng tiến hành có kết quả một loạt cuộc hành quân quan trọng và nổi bật, hoặc nếu thương vong của quân đội Việt Nam cộng hòa tăng lên nhiều. Hy vọng thành công nhất có thể sẽ là một cuộc đảo chính do những người không cộng sản lãnh đạo, bao gồm các quan chức quân sự và dân sự trung, cao cấp”.

Như vậy là, chính quyền Mỹ đã tính đến chuyện phải ủng hộ một cuộc đảo chính lật Diệm. Tốt nhất là một cuộc đảo chính do chính các tướng tá của Ngô Đình Diệm tiến hành, những người đã được Mỹ đào

tạo qua những lớp “bổ túc quân sự”, được coi là những phần tử “thân Mỹ”. Nếu không, nhân dân miền Nam chẳng chóng thì chầy sẽ hoàn thành công cuộc cách mạng lật đổ Ngô Đình Diệm, hoặc sẽ xảy ra một cuộc đảo chính quân sự do các “thế lực thân cộng sản gây ra”.

Đầu năm 1963, LuyXiêng Côn-en được lệnh của CIA “tăng cường thâm nhập vào các giới quân sự, dân sự cao cấp ở miền Nam Việt Nam” và để điều tra, thăm dò khả năng đảo chính, “vừa để chuẩn bị nắm lấy” những con bài mới trong âm mưu lật Diệm, không để lọt vào tay cộng sản. Như mọi người còn nhớ, Luy xiêng Côn-en chính là viên trung tá tình báo người Mỹ gốc Pháp đã từng làm phó cho Êtuốt Lênxdiên trong phái đoàn quân sự SMM của Mỹ, đồng thời cũng là người trực tiếp chỉ đạo các hoạt động phá hoại của CIA tại miền Bắc Việt Nam trong giai đoạn 1951 - 1956.

Theo chính lời Nguyễn Văn Vỹ, nguyên trung tướng, cựu tổng trưởng quốc phòng ngụy tiết lộ với cán bộ ta khi ra trình diện trước chính quyền cách mạng 7-5-1975 thì chính Vỹ là tướng ngụy đầu tiên được Côn-en “móc ngoặc” ngay từ năm 1955, khi Lênxdiên và Côn-en mới đặt chân tới miền Nam Việt Nam. Lý do chủ yếu là vì từ năm 1945, sau khi bị Nhật Bản đảo chính, Nguyễn Văn Vỹ lúc đó là một trung úy trong quân đội Pháp đã theo đám tàn quân do trung tá Pháp Lơcốc đóng ở Móng Cái chỉ huy, rút chạy sang Trung Quốc, Nguyễn Văn Vỹ trở thành một gián điệp hoạt động dưới sự chỉ huy của đại tá tình báo Pháp Cácbonen trong khu vực vịnh Hạ Long. Chính trong thời gian hoạt động thám báo ở khu vực Hoa Nam tiếp giáp với Việt Nam này, Nguyễn Văn Vỹ đã “bắt liên lạc” được với Côn-en rồi quen thân với Côn-en từ đó.

Sau chuyến gặp lại Nguyễn Văn Vỹ tại Sài Gòn năm 1955, Côn-en đã dùng Vỹ làm chiếc “cầu nối” để “kết bạn” với Dương Văn Minh. Lê Văn Kim, Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính. Tất cả những viên tướng ngụy này đều do Pháp đào tạo nhưng từ năm 1956, sau khi quân đội Pháp buộc phải rút hết khỏi Việt Nam, đã lại ngã luôn vào quỹ đạo thân Mỹ. Côn-en được CIA coi như “một nhân vật quan trọng bậc nhất” trong việc lôi kéo những tướng ngụy này. Vốn là một người Mỹ gốc Pháp, Côn-en không có khó khăn gì trong việc “kết bạn và chơi thân” với những viên tướng ngụy đã sống lâu năm ở Pháp, nói tiếng Pháp thạo hơn tiếng Việt.

Trong khi chưa kịp “đào tạo và bồi dưỡng” những sĩ quan được cử sang Mỹ học, CIA coi việc “lôi cuốn” những viên tướng nắm giữ các “trọng trách” trong quân đội ngụy Nguyễn Văn Vỹ, Dương Văn Minh, Lê Văn Kim, Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính... là một công việc quan trọng hàng đầu. Tuy nhiên, sau khi phế truất Bảo Đại hồi cuối năm 1966, Ngô Đình Diệm cũng gạt luôn một số tướng ngụy quá thân Pháp như Nguyễn Văn Hinh, Nguyễn Văn Vỹ, buộc họ phải sống lưu vong tại Pháp (1). Côn en lập tức tìm cách “nắm chặt” Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn. Là một người rất ham mê môn quần vợt, hầu như ngày nào Dương Văn Minh cũng tới câu lạc bộ thể thao tại Sài Gòn. Tại đây, Dương Văn Minh không những chỉ “gặp gỡ thân mật” với Côn en, mà còn “có nhiều quan hệ mật thiết” với cả đại sứ Mỹ tại Sài Gòn Hăngrê Cabốt Lốt.

Điều vô cùng bất hạnh cho Ngô Đình Diệm là trong lúc trưởng phái đoàn viện trợ quân sự Mỹ, tại Sài Gòn là tướng Pao Hakin chủ trương “chỉ nên cải tổ chính phủ của Diệm” thì đại sứ Mỹ Cabốt Lốt lại nhấn mạnh đến sự cần thiết “phải lật đổ Ngô Đình Diệm”. Những tài liệu mật của Lầu năm góc tiết lộ: “Đại sứ Cabốt Lốt nhanh chóng trở thành một người tham gia âm mưu đảo chính lật Diệm, trong khi đó tướng Hakim lại chủ trương ngược lại. Trong một bức điện gửi về Mỹ cho tướng Mácxen Taylo lúc đó là chủ tịch hội đồng tham mưu trưởng liên quân, đề ngày 30-10-1963, tức 48 giờ trước khi xảy ra đảo chính, tướng Hakim đã viết: “tôi muốn gợi ý là chúng ta đừng thay ngựa quá nhanh. Suy cho cùng thì dù đúng hay sai chúng ta cũng đã ủng hộ Diệm suốt 8 năm nay, Mỹ đã là người mẹ tuyệt diệu và người bố ân tình của Diệm. Từ khi lên cầm quyền, Diệm vẫn trông cậy rất nhiều ở chúng ta. Theo tôi, lúc này mà truất phế Diệm, gạt bỏ Diệm đi là điều không nên”.

Nhưng hỡi ôi, dù Ngô Đình Diệm có rất trung thành với quan thầy Mỹ, dù Ngô Đình Diệm có là “đứa con đầu lòng” do chính CIA Mỹ đẻ ra, thì đến nay, với chính sách thực dụng của Nhà trắng, Ngô Đình Diệm vẫn cứ phải thanh toán. Từ Tổng thống Mỹ Giôn Kenơđi đến cục trưởng Cục tình báo trung ương Mỹ ở Oasinhtơn là Giôn Muccon và giám đốc chi nhánh CIA ở Sài Gòn là Rivácsơn đều đồng ý đi nước cờ “thí Diệm”, tức là chấp nhận chủ trương của đại sứ Mỹ Cabốt Lốt tại Sài Gòn.

Những tài liệu mật của Lầu năm góc tiết lộ:

“Từ nhiều tuần trước khi bùng nổ cuộc đảo chính, phái đoàn Mỹ ở Sài Gòn đã duy trì nhiều cuộc tiếp xúc bí mật với các viên tướng âm mưu làm đảo chính thông qua một trong những nhân vật có kinh nghiệm nhất, tháo vát nhất của Cục tình báo Trung ương, một cựu chiến binh đã hoạt động tại Đông Dương là trung tá Luysiêng Côn-en. Trung tá Côn-en được các tướng “ngụy” Việt Nam tin cậy đến mức, trong khi họ làm đảo chính, Côn-en cũng có mặt với họ ngay trụ sở Bộ Tổng tham mưu quân lực Cộng hòa. Ngày 25-10 tức một tuần trước khi xảy ra đảo chính, trong một bức điện gửi về Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ, đại sứ Cabot Lott đã mô tả Côn-en là một nhân vật không thể thiếu được của CIA trong mưu đồ đảo chính này. Cabot Lott đã nhấn mạnh trong bức điện:

“Chi nhánh CIA (tại Sài Gòn) đã thực hiện chu đáo những chỉ thị của tôi. Mọi cuộc gặp giữa tướng Trần Văn Đôn và Côn-en đều được đích thân tôi thông qua. Như chúng ta đã biết, Côn-en là bạn thân từ 18 năm nay của tướng Đôn và tướng Đôn đã tỏ ra không muốn giao dịch với bất cứ ai ngoài Côn-en. Tôi không tin rằng, một người Mỹ nào khác đang liên hệ chặt chẽ với các tướng (ngụy) lại có thể đem lại kết quả được hơn Côn-en. Chúng ta không nên ngăn cản một cuộc đảo chính quân sự vì hai lý do. Trước hết, hình như ít nhất mọi người đều tin rằng chính phủ sau này sẽ không tồi tệ và chao đảo như chính phủ hiện nay. Hai là, sẽ cực kỳ không khôn ngoan nếu chúng ta dội một gáo nước lạnh vào âm mưu làm đảo chính. Chúng ta cần nhớ rằng, đây là con đường duy nhất để có được một sự thay đổi chính phủ ở Nam Việt Nam”.

Ngày 30 tháng 10 năm 1963, Cabot Lott lại gửi một bức điện nữa cho Hội đồng an ninh quốc gia ở Hoa kỳ, vạch rõ:

“Chi nhánh CIA tại Sài Gòn từ lâu nay đã phân tích kỹ những lực lượng tiềm tàng dự định làm đảo chính và đã nhận định, các tướng lĩnh có lẽ đã tính toán khá sát sao triển vọng thành công của họ. Có thể, họ cũng đã dự kiến, một khi họ đã bắt đầu hành động thì không phải chỉ có những đơn vị đã dự tính trong kế hoạch mà còn có nhiều đơn vị khác nữa cũng sẽ đi theo họ.

Chúng tôi đã dự kiến, Côn-en sẽ gặp Đôn vào đêm 30-10, hoặc Sáng sớm 31-10. Chúng tôi cũng đã dự kiến, khi cuộc đảo chính bắt

đầu bùng nổ, chính phủ Diệm sẽ yêu cầu tôi hoặc tướng Hakin dùng ảnh hưởng của mình để giúp tắt cuộc đảo chính đó đi. Lúc đó, chúng tôi sẽ trả lời, ảnh hưởng của chúng ta nhất định không thể lớn hơn tổng thống kiêm tổng tư lệnh quân đội cộng hòa Việt Nam. Nếu tổng thống cộng hòa Việt Nam cũng không trừ bỏ được cuộc đảo chính, thì nhất định chúng ta cũng sẽ không làm được điều đó.

Lúc cuộc đảo chính bùng nổ, chính phủ Diệm có thể sẽ xin Mỹ cung cấp cho máy bay lên thẳng để di tản những nhân vật chủ chốt đi nơi khác. Vấn đề này sẽ cần phải nghiên cứu rất sát, nhưng nhất định chúng tôi sẽ không đưa máy bay và phi công của chúng ta bay vào giữa hai luồng lửa đạn của các lực lượng đối địch. Tốt hơn hết là chúng ta sẽ tổ chức một cuộc ngừng bắn rồi mới đưa những nhân vật đó sang một nước láng giềng hoặc tốt hơn cả là đưa bọn họ đi Saipan (2) Nếu các nhân vật cao cấp và gia đình họ xin cư trú tại sứ quán Mỹ hoặc tại các cơ sở khác của Mỹ thì có lẽ chúng ta sẽ chấp nhận lời yêu cầu đó.

Về phần các tướng lĩnh, rất có thể họ cần tiền. Trong phạm vi những số tiền đó có thể trao tay một cách kín đáo. Tôi cho rằng chúng ta nên cung cấp cho họ miễn là chúng ta tin chắc cuộc đảo chính sẽ được tổ chức tốt để có nhiều triển vọng thành công”.

Tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn cũng dădự kiến trước nhiều khả năng có thể xảy ra sau khi bùng nổ đảo chính. Những khả năng này đã được tính toán kỹ trong nhiều cuộc họp mặt bí mật giữa đại sứ Mỹ. Cabot Lott, giám đốc chi nhánh CIA tại Sài Gòn, Risacson và “kiến trúc sư” của cuộc đảo chính là điệp viên CIA Luysiêng Cônên, lúc này đã được phong cấp quân hàm từ trung tá lên đại tá. Bức điện của đại sứ Mỹ Cabot Lott từ Sài Gòn gửi về Oasinhton ghi nhận:

“Trong trường hợp cuộc đảo chính thành công, chắc chắn các tướng lĩnh làm đảo chính sẽ yêu cầu chúng ta nhanh chóng công nhận họ kèm theo một sự bảo đảm nào đó, ví dụ như tiếp tục sự viện trợ quân sự và kinh tế. Chúng ta cần chuẩn bị trước để kịp thời đưa ra những lời tuyên bố, một khi tình hình đã trở nên rõ ràng. Trong những bản tuyên bố này, chúng ta khẳng định lập trường của chúng ta là tiếp tục cuộc chiến tranh chống Việt cộng cho đến thắng lợi cuối cùng. Đai tiếng nói Hoa Kỳ có thể là một phương tiện quan trọng để loan báo những lời tuyên bố này.

Nếu cuộc đảo chính thất bại, chúng ta sẽ cố gắng thu nhặt những mảnh vỡ nát. Từ hồi tháng 8, chúng ta đã cam kết với các tướng lĩnh là sẽ giúp đỡ cho gia đình họ di tản nếu âm mưu đảo chính không thành công. Chúng ta cần tôn trọng cái đó, nếu điều kiện cho phép. Nhất định, nếu cuộc đảo chính thất bại thì sự đồng lõa của Mỹ vào cuộc đảo chính này sẽ bị lên án. Chúng ta cần dự kiến trước và phải chuẩn bị những biện pháp đối phó, với tất cả khả năng của chúng ta.

Nếu cuộc đảo chính tỏ ra nhùng nhằng không phân thắng bại và xảy ra một tình thế xung đột kéo dài thì chúng ta phải đứng ra làm trung gian hòa giải nhằm giải quyết vấn đề này, vì lợi ích của cuộc chiến tranh chống Việt cộng. Điều đó có thể đem lại một số lợi thế nào đó, khiến cho chính phủ Diệm phải nhượng bộ. Dĩ nhiên, chúng ta sẽ chuốc lấy sự nhục nhã từ cả hai phía, vì cả hai phía đều oán trách vai trò “trung gian hòa giải” của chúng ta. Thế nhưng, dù sao sự nhục nhã này cũng ít ghê tởm hơn so với tình trạng bế tắc mở cửa cho Việt cộng thu được thắng lợi. Chúng ta coi một sự bế tắc như vậy là khả năng ít xảy ra nhất.

Tôi không biết có thể còn có những bằng chứng nào nữa về quyết tâm của những người làm đảo chính. Sự thật đã rõ ràng là những nhân vật này sẵn sàng liều mạng. Nếu tôi là một quan tòa xét đoán lòng người thì ngay buổi sáng hôm qua, khi nói chuyện với Đôn tôi đã nhìn thấy rõ trên nét mặt của Đôn thể hiện sự chân thành và quyết tâm.

Tất nhiên, một sự tính toán sai có thể phá hoại vị trí của chúng ta ở Đông Nam Á. Nhưng chúng ta cũng sẽ vấp phải những hiểm họa ghê gớm nếu như không hành động gì cả. Lẽ dĩ nhiên nếu chúng ta tin chắc là cuộc đảo chính sẽ thất bại thì chúng ta sẽ làm tất cả mọi việc để ngăn không cho nó bùng nổ”.

Rất rõ ràng, những câu chữ được ghi bằng giấy trắng mực đen trong tập hồ sơ mật của Lầu năm góc đã tố cáo cụ thể, cuộc đảo chính ngày 1 tháng 12 năm 1963 lật đổ tên tay sai Ngô Đình Diệm là một mưu đồ thâm độc có bàn tay của quan thầy Mỹ nhúng vào. Cả CIA lẫn sứ quán Mỹ ở Sài Gòn đều đã chuẩn bị rất kỹ, tính toán rất chi ly cho từng khả năng có thể xảy ra khi cuộc đảo chính bùng nổ. Hiển nhiên, đây là một mưu đồ “có cân nhắc và tính toán trước” của Mỹ.

Vẫn theo những tài liệu của Mỹ ngụy để lại, từ ngày 5 tháng 10

năm 1963 đã có cuộc tiếp xúc bí mật giữa điệp viên CIA Côn en và tướng ngự Dương Văn Minh. Cuộc đối thoại tiến hành bằng tiếng Pháp là ngôn ngữ mà cả Minh lẫn Côn en đều rất thông thạo. Minh yêu cầu Mỹ ủng hộ cuộc đảo chính một cách cụ thể, tức là sau khi lật được Diệm rồi Mỹ vẫn duy trì kế hoạch viện trợ cho chính quyền ngự ở mức trên 500 triệu đôla một năm. Minh cho biết, trong số các tướng ngự “quyết tâm lật đổ Diệm” có Trần Văn Đôn và Lê Văn Kim là những người hăng hái nhất, còn Trần Thiện Khiêm thì trong lúc này hãy còn lừng chừng, chưa dứt khoát. Minh cho biết, mục tiêu của cuộc đảo chính là thủ tiêu Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn là hai nhân vật bị nhân dân căm ghét nhất, nhưng vẫn duy trì Ngô Đình Diệm làm “bù nhìn” để tránh một sự xáo trộn lớn. Côn en đồng ý với kế hoạch của Dương Văn Minh và báo cáo về trung tâm CIA. Đến lượt CIA báo cáo với Nhà Trắng, được đích thân Tổng thống Mỹ Kennơđi phê chuẩn.

Ngày 11 tháng 10, Côn en lại gặp Dương Văn Minh báo tin cho Minh rõ “Tổng thống Mỹ đã bật đèn xanh” Dương Văn Minh liền cử Trần Văn Đôn từ giờ phút đó liên lạc thường xuyên với Côn en, điều khiển báo cáo với Côn en từng chi tiết trong những bước ráo riết chuẩn bị đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm. Có nghĩa là, từ ngày 12 tháng 10 trở đi, CIA trực tiếp theo dõi và chỉ đạo sát sao cuộc đảo chính này.

Trong thời gian này tòa đại sứ đứng đầu là Henri Cabot Lott hoàn toàn ủng hộ CIA trong mưu đồ đảo chính. Nhưng tướng Pao Hakin tư lệnh Bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ vẫn chưa tán thành triệt để. Tối 22 tháng 10, trong khi tới dự chiếu đấi tại sứ quán Anh tại Sài Gòn, tướng Mỹ Pao Hokin đã gặp tướng ngự Trần Văn Đôn cùng tới dự tiệc. Hakin đã gọi riêng Đôn ra một nơi và rỉ tai: “Lật Diệm trong lúc này sẽ là một sai lầm lớn”. Ngày hôm sau, Đôn tức tốc đi gặp Côn en, xin ý kiến. Côn en nói: “Cứ vững tâm tiến bước không nên dẫm chân tại chỗ”. Hai người cùng quyết định chọn 26 tháng 10 làm ngày đảo chính. Sở dĩ chọn ngày này là vì đó là ngày Quốc khánh do Diệm đặt ra kỷ niệm ngày lật đổ Bảo Đại. Ngày hôm đó các đơn vị tiến hành đảo chính có thể kéo về Sài Gòn mà không bị nghi ngờ, vì mọi người sẽ nghĩ là về dự lễ duyệt binh.

Nhưng trong thời gian này, tướng Hakin cũng gửi điện về Mỹ cho Mácxoen Taylo, yêu cầu Taylo “gây áp lực với tổng thống Kennơđi

đừng để xảy ra cuộc đảo chính mà Hakin dự kiến sẽ gây mất ổn định đem lại nhiều hậu quả không có lợi cho Mỹ”. Mặt khác, Hakin tiếp tục khuyên Trần Văn Đôn không nên làm đảo chính. Do đó ngày 26 tháng 10 đã trôi qua nhưng Diệm vẫn tồn tại.

Sáng 28 tháng 10, Ngô Đình Diệm tiếp các phái đoàn ngoại giao tại Sài Gòn, Trần Văn Đôn cũng tham dự. Đôn đã kéo đại sứ Mỹ Cabotlott ra một nơi, xin ý kiến. Lott trả lời vắn tắt: “Hãy nghe Côn en, đừng nghe Hakin!” Thế là rõ ràng CIA đã thắng Lầu năm góc trong chủ trương lật Ngô Đình Diệm,

Ngày 29 tháng 10; đại sứ Cabotlott gửi điện mật báo cáo với tổng thống Mỹ Kennơđi: “các tướng Sài Gòn nhất quyết lật Diệm, không ai ngăn được họ” Lúc này chi nhánh CIA tại Sài Gòn, chủ yếu là Côn en đã lôi kéo được Tôn Thất Đính là tư lệnh biệt khu Sài Gòn đứng về phía đảo chính. Tập hồ sơ lý lịch các tướng ngụy do CIA nắm giữ ghi rõ, lúc này Đính mới 37 tuổi, thuộc vào loại tướng trẻ của Ngô Đình Diệm. Đính là một sĩ quan được Pháp đào tạo và được Ngô Đình Cẩn che chở, đỡ đầu. Thông thường, một sĩ quan như vậy rất trung thành với triều đại nhà Ngô. Chính vì vậy Tôn Thất Đính đã được coi như một sĩ quan “cận vệ” của Ngô Đình Diệm, được Diệm trao cho giữ chức Tư lệnh biệt khu thủ đô, nắm giữ lực lượng bảo vệ Sài Gòn, trong đó có dinh tổng thống của Ngô Đình Diệm.

Tuy nhiên, Tôn Thất Đính cũng có khá nhiều điểm yếu như mọi sĩ quan ngụy. Đó là tham tiền, tham danh vọng địa vị, cơ hội chủ nghĩa, dễ trở cò, thay thầy đổi chủ. Chỉ qua lần tiếp xúc với Côn en, Tôn Thất Đính đã từ phía một viên tư lệnh có trọng trách bảo vệ Sài Gòn và dinh tổng thống trở thành một viên tướng tay sai của CIA, ngấm ngấm liên minh với bọn đảo chính lật Diệm.

Điều bất hạnh cho gia đình họ Ngô là cho mãi tới khi bùng nổ cuộc đảo chính, cả Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu lẫn Ngô Đình Cẩn đều không hay biết gì về sự phản trắc của Tôn Thất Đính. Hơn thế nữa, sau khi được mật báo về “nhiều tin đồn sẽ bùng nổ đảo chính” Ngô Đình Nhu vẫn còn tin cậy vào Tôn Thất Đính, trao cho Đính soạn thảo các phương án “chống đảo chính”, thậm chí còn đặt lực lượng biệt động quân ở Sài Gòn cũng như quân đoàn 4 của tướng Huỳnh Văn Cao ở vùng đồng bằng sông Cửu Long dưới sự điều động của Tôn Thất Đính. Với quyết định này, chính Ngô Đình Nhu đã tự tước bỏ mất

lực lượng chống đảo chính, đồng thời còn tăng cường sức mạnh cho phe đảo chính lật Diệm.

Từ trụ sở CIA tại Sài Gòn ngay sát vách dinh tổng thống ngụy, trùm tình báo Cônen theo dõi từng ngày từng giờ những bước đi của bọn tướng ngụy tay sai trong mưu đồ lật đổ Ngô Đình Diệm. Cuốn nhật ký của CIA trong ngày 1 tháng 11 năm 1963 ghi rõ: Đúng 10 giờ sáng đại sứ Cabott Lott thân hành đưa đô đốc Hari Phén từ lệnh các lực lượng Mỹ ở Thái Bình Dương qua thăm Sài Gòn đến chào xã giao Tổng thống Ngô Đình Diệm. Buổi nói chuyện diễn ra một cách tẻ nhạt. Nửa chừng câu chuyện Ngô Đình Diệm đánh bài ngửa, nói thẳng trước mặt Lott và Phén là Diệm đã nắm được nguồn tin chính xác sẽ xảy ra đảo chính, nhưng Diệm đã có kế hoạch đối phó. Cabott Lott và Hari Phén gượng gạo nói vài lời không đầu không đuôi rồi cáo từ. Cabott Lott trở về sứ quán bình thản ăn cơm rồi đi ngủ trưa như thường lệ. Hari Phén ra sân bay Tân Sơn Nhất, cùng đi có Hakin và Trần Văn Đôn.

Trong lúc này, tại một biệt thự của Trần Văn Đôn được dùng là “đại bản doanh chỉ huy cuộc đảo chính” Cônen đã có mặt, mang theo một chiếc cặp da đựng 3 triệu đồng tiền ngụy, tương đương với 40.000 đôla sẵn sàng, chi “vào những việc cần thiết” khi bọn tướng ngụy làm đảo chính yêu cầu. Nhóm đảo chính mời Cônen đến ngồi ở một chiếc bàn có máy điện thoại, một máy nối liền với chi nhánh CIA ở Sài Gòn, một máy nối liền với nhà riêng có vợ con Cônen. Một trung đội lính “mũ nồi xanh” của Mỹ đúng 15 phút trước khi bùng nổ cuộc đảo chính đã có mặt ở nhà riêng của Cônen, sẵn sàng bảo vệ vợ con Cônen khi có giao tranh giữa lực lượng đảo chính với số quân hiện còn trung thành với Ngô Đình Diệm.

Đúng giờ đã định, cuộc đảo chính bùng nổ dưới sự chỉ đạo của Cônen, chính xác như một chiếc đồng hồ điện tử. Do không gặp sức cản ở vùng ngoại vi bảo vệ Sài Gòn, những đơn vị tiến hành đảo chính nhanh chóng tiến vào khu trung tâm bao vây dinh tổng thống, trụ sở tổng nha cảnh sát và đánh chiếm đài phát thanh. Trần Văn Đôn đi tiễn Hari Phén từ sân bay đã trở về trung tâm thành phố, trực tiếp tới đài phát thanh đọc bản “hiệu triệu Quốc dân” và loan báo cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm đã bùng nổ.

Trong lúc này hai anh em Diệm, Nhu đã chủ động di chuyển xuống

hầm cố thủ được xây dựng bí mật trong dinh tổng thống, có đường giao thông ngầm thoát ra ngoài. Chờ mãi không thấy tiến hành kế hoạch “phản đảo chính” Diệm sốt ruột quay máy điện thoại trực tiếp nói chuyện với Trần Văn Đôn. Toàn bộ cuộc nói chuyện điện thoại giữa Diệm và Đôn đều được CIA ghi âm và lưu trữ.

Dưới đây là những lời trao đổi cuối cùng giữa Trần Văn Đôn và Ngô Đình Diệm.

Diệm: Tướng Đôn đây à? Các ông đang làm trò gì thế?

Đôn: Kính thưa Tổng thống chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu Tổng thống sửa đổi chính sách thể theo nguyện vọng của Quốc dân nhưng không được đáp ứng. Bây giờ quân đội phải ra tay, thể theo ý nguyện của dân chúng. Kính mong Tổng thống thông cảm.

Diệm: Tại Sao các ông không thảo luận với tôi? Tại sao chúng ta không thương lượng được với nhau để sửa chính sách, hoàn thiện đường lối?

Một lát sau, Diệm lại quay máy điện thoại gọi cho các tỉnh trưởng, quận trưởng nhưng không có ai trả lời: Tướng Huỳnh Văn Cao từ lệnh quân đoàn 4, nguồn hy vọng cuối cùng của Ngô Đình Diệm lúc này cũng đang bị “vít chặt” tại sở chỉ huy ở Vùng 4 chiến thuật, trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, không còn một lực lượng nào có thể giải vây ứng cứu cho Ngô Đình Diệm được nữa.

Chờ đến 8 giờ tối. Diệm và Nhu theo đường hầm bí mật lên ra ngoài dinh tổng thống tới nhà một lái buôn người Hoa là Mã Tuyền ở Chợ Lớn. Chuyển đi trót lọt. 6 giờ sáng hôm sau, 2 tháng 11 Diệm gọi điện thoại cho Dương Văn Minh, chấp nhận từ chức với điều kiện chức Tổng thống phải trao lại cho phó Tổng thống đương nhiệm hoặc chủ tịch hạ viện. Minh không đồng ý. Nửa giờ sau Diệm lại gọi điện thoại cho Trần Văn Đôn.

Diệm: Tôi là Tổng thống. Tôi sẵn sàng từ chức, sẵn sàng di tản ra nước ngoài nhưng việc này phải tiến hành công khai đúng với các nghi thức dành cho một vị nguyên thủ quốc gia.

Đôn: (ngừng một lát, trao đổi ý kiến với đồng bọn rồi trả lời): Thưa ngài, tôi thành thật nói rằng chúng không thể nào chiều ý ngài được.

Diệm: Không sao, cảm ơn.

Một lát sau, Diệm lại gọi dây nói cho Đôn. Mãi tới lúc này Diệm mới

báo cho nhóm đảo chính biết đang trú ẩn tại nhà thờ thánh FrăngXoa Xaviê ở chợ Lớn và yêu cầu cho xe đến đón Diệm Nhu về để ra sân bay di tản. Nhóm đảo chính cử tướng Mai Hữu Xuân cùng đi với thiếu tá Dương Hữu Nghĩa và đại úy Nguyễn Văn Nhung trên chiếc xe bọc thép M113 đi tìm Diệm Nhu. Trên đường về, cả Diệm và Nhu đều bị giết chết bằng những nhát dao bằm vằm trên mặt.

Lúc này Cônen vẫn ngồi lại trong “đại bản doanh” của nhóm đảo chính. Không thấy đưa Diệm Nhu về, Cônen hỏi Minh:

- Họ đâu rồi?

Minh trả lời:

- Tự sát rồi!

Cônen hỏi tiếp

- Ở đâu?

Minh đáp:

- Ở nhà thờ. Ông có muốn xem không?

Cônen:

- Không!

Thế là chấm dứt tấn bi kịch đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm rồi giết chết cả hai anh em Diệm Nhu. Toàn bộ cuộc đảo chính này, từ lúc mới nhen nhóm chuẩn bị đến khi kết thúc đều được ghi trên giấy trắng mực đen và ghi âm trên những cuốn băng từ tố cáo hành động tàn ác của CIA.

Khi những tài liệu này bị phanh phui ra ánh sáng, nhiều tờ báo xuất bản ở Mỹ đã cùng nhận xét: trong toàn bộ lịch sử hoạt động của CIA ở Việt Nam, chỉ có một thành công đáng ghi nhớ nhất, một hành động tiến hành trót lọt nhất, đó là cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm. Nhưng mỉa mai thay, đây lại là một nước cờ thí xe, một cuộc thanh trừng bằng cách giết hại cả Diệm lẫn Nhu, những tên tay sai vào loại trung thành nhất của Mỹ, do chính CIA dựng lên rồi lại quật đổ. Đó cũng là bài học đau đớn và nhục nhã cho tất cả những tên tay sai phản động ôm chân quan thầy Mỹ

(1) Sau khi Dương Văn Minh lật đổ Ngô Đình Diệm cuối năm 1963, Nguyễn Văn Vỹ mới trở về nước

(2) Một hòn đảo của Mỹ ở trung tâm Thái Bình Dương

9. UYLIAM CÔNBAI VÀ KẾ HOẠCH “BÌNH ĐỊNH”

Cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm đã không “cải thiện” được tình hình miền Nam Việt Nam như CIA dự tính mà ngược lại, còn xô đẩy chế độ nguy ở miền Nam Việt Nam vào một tình trạng hỗn loạn kéo dài. Bọn tướng nguy trẻ tuổi như bày “ngựa non háu đá” hết Nguyễn Khánh lại đến Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ quay ra xung đột, hắt cẳng lẫn nhau. Trong khi đó, phong trào cách mạng ở miền Nam Việt Nam ngày càng dâng cao và phát triển. Bước sang năm 1965, chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ hoàn toàn phá sản, Nhà trắng và Lầu năm góc buộc phải chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ” ồ ạt đưa lính Mỹ vào trực tiếp tham gia chiến đấu trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Ngày 8 tháng 3 năm 1965, sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ Mỹ bắt đầu đổ bộ lên Đà Nẵng, mở đầu cho một loạt các đơn vị thuộc loại thiện chiến nhất của Mỹ như sư đoàn 1 kỵ binh bay, sư đoàn bộ binh “anh cả đỏ”, sư đoàn 25 bộ binh “tia chớp nhiệt đới”, sư đoàn 4 bộ binh, sư đoàn bộ binh amêricon, lữ đoàn bộ binh trang bị nhẹ 146, lữ đoàn bộ binh trang bị nhẹ 199... Cho tới năm 1968, số quân Mỹ tại miền Nam Việt Nam đã “lên tới mức cao nhất” là hơn nửa triệu quân, cộng thêm với hơn 1 triệu quân nguy và chư hầu nhưng vẫn không tài nào đè bẹp được ý chí đấu tranh của nhân dân miền Nam, được miền Bắc xã hội chủ nghĩa hết lòng hết sức chi viện.

Nếu, CIA Mỹ đã từng lộ mặt nham hiểm tàn bạo trong vụ lật đổ và giết hại 2 anh em Ngô Đình Diệm hồi cuối năm 1963 thì đến 1968 lại càng lộ rõ sự bất tài, bất lực. Báo chí Mỹ cho biết, trước cuộc tiến công Tết Mậu thân 1968 của Việt cộng, CIA đã “hoàn toàn không hay biết gì về ý đồ chiến lược của Cộng sản, thậm chí còn có những báo cáo rất chủ quan, đánh giá thấp đối phương”, Đôn Ôbơdôphơ là phóng viên tờ Bưu điện Oasinhton có mặt tại Sài Gòn trong suốt cuộc tập kích chiến lược hồi Tết Mậu thân 1968 đã viết một bài phóng sự dài, vạch rõ “sự chủ quan và gà mờ” của CIA tại Sài Gòn. Đôn Ôbơdôphơ viết:

“Vào thời điểm xảy ra cuộc tiến công Tết Mậu thân Lêo Crem xi là sĩ quan an ninh của sứ quán Mỹ tại Sài Gòn đã không được CIA thông báo một tin gì về những dự đoán “tình hình sắp xảy ra”, đồng thời cũng không thu lượm được một dấu hiệu nào về cuộc tiến đánh tòa đại sứ Mỹ. Mặc dù vậy, Cremxi vẫn dành gần trọn một buổi tối để đi kiểm tra, xem xét các chỗ ở của các quan chức ngoại giao Mỹ trong nội thành Sài Gòn và trao đổi tình hình với chi nhánh CIA tại Sài Gòn. Khoảng 45 phút trước khi bùng nổ cuộc tiến công của Việt Cộng, chính Cremxi còn đi xe tới cơ quan CIA, cùng rà soát lại một lần cuối cùng tình hình tại Sài Gòn với sĩ quan trực ban của CIA, ngay tại sở chỉ huy của CIA tại Sài Gòn. Cremxi được CIA thông báo “tình hình Sài Gòn vẫn hoàn toàn yên bình.” Mãi tới lúc đó, Cremxi mới quay trở về đi ngủ.”

Đôn Ôbơdồphơ, cũng như nhiều phóng viên báo chí phương Tây có mặt tại Sài Gòn lúc đó, dù cùng chung nhận xét, cuộc tiến công Tết Mậu thân 1968 đã diễn ra hoàn toàn bất ngờ đối với Bộ tư lệnh quân Mỹ cũng như đối với bọn nguy quân, nguy quyền. Trong khi CIA cũng như cơ quan quân báo Mỹ tập trung sự chú ý vào Khe Sanh thì đối phương lại táo bạo mở cuộc tập kích chiến lược vào hầu hết các đô thị và cơ sở quân sự của Mỹ nguy tại miền Nam Việt Nam, gây chấn động đến tận nhà Trắng. Sau sự kiện này, uy tín của CIA tại miền Nam đã “xuống thấp tới mức chưa từng thấy”.

Cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân còn chứng minh, hàng chục năm nay CIA vẫn thường khẳng định, các đô thị và vùng đồng bằng ven biển “đều ổn định”, thì ngược lại, trong vụ tập kích chiến lược Tết Mậu Thân, chính những vùng trung tâm dân cư này lại là những bàn đạp tiến công vào những cơ sở cất giữ vũ khí để Việt cộng “giáng những đòn sấm sét vào những cơ quan đầu não của Mỹ nguy. Trước tình hình đó, sau cơn choáng váng Tết Mậu Thân Mỹ nguy lại phải mở một loạt “chiến dịch bình định” càn đi càn lại những vùng đồng bằng, ven biển mà chúng đã từng nhiều lần “bình định”. Nhưng chiến dịch bình định này kéo dài suốt mấy năm liền, từ 1969 đến 1973, mang nhiều tên gọi: “bình định”, “tái bình định” “bình dinh cấp tốc”, “bình định đặc biệt”, “bình định và phát triển”...

Một lần nữa, CIA lại được chính quyền Mỹ giao cho “trọng trách” giúp đỡ nguy quyền “bình định triệt để” miền Nam Việt Nam. Nếu

trong giai đoạn đầu tiên, khi đế quốc Mỹ mới “bám chân” vào miền Nam Việt Nam, hình ảnh ghê tởm của CIA đã tập trung vào vai trò của Etuốt Lênxđê, một con cáo già tình báo được chọn làm nhân vật chủ yếu của nhiều cuốn tiểu thuyết mang tên “Một người Mỹ trầm lặng” và “một người Mỹ xấu xí”, thì trong giai đoạn cuối này, những tội ác tàn bạo của CIA lại tập trung vào vai trò của Cônбай, một nhân vật còn đáng ghê tởm hơn Etuốt Lênxđê gấp bội.

Uylian Cônбай là ai?

Trong cuốn “Chân dung bọn trùm CIA” (1) nhà nghiên cứu người Pháp Alanh Ghêranh cho biết, Uylian Igân Cônбай ra đời năm 1920 trong một gia đình quân nhân bang MinêXôla nước Mỹ. Trong chiến tranh thế giới thứ hai (1939 -1945) Uylian Cônбай là một sĩ quan nhảy dù đã từng phục vụ trong sở công tác chiến lược OSS và năm 1943 đã nhảy dù xuống vùng sau lưng địch trên đất Pháp. Đội quân báo của Cônбай đã sát cánh chiến đấu cùng với lực lượng kháng chiến Pháp, trinh sát, điều tra tình hình bọn phát xít Đức để phục vụ cho chiến dịch đổ bộ quy mô lớn của lực lượng đồng minh chống Phát xít lên vùng bờ biển Noocmăngđi của Pháp hồi tháng 6 năm 1944.

Kết thúc chiến tranh, Cônбай được phong quân hàm thiếu tá, được giải ngũ để tiếp tục công việc học tập và đã tốt nghiệp đại học luật. Cuộc đời của Cônбай, cho tới lúc này, có thể được coi là đáng ca ngợi, nếu như năm 1950 CIA không tuyển mộ Cônбай vào làm điệp viên cho Cục tình báo trung ương CIA. Bước ngoặt của Uylian Cônбай bắt đầu từ cái mốc này. Sau khi đã theo học một khóa huấn luyện nghiệp vụ. Năm 1951 Cônбай bắt đầu được cử đi hoạt động tại nước ngoài, lần lượt khoác áo “tù viên quân sự” làm việc tại các sứ quán Mỹ ở Thụy Điển và Italia. Năm 1958, Cônбай được cử làm phó cho Nich Natxiôt, một người Mỹ gốc Hi Lạp, giám đốc chi nhánh CIA tại Sài Gòn. Tháng 7 năm 1959, Cônбай được đề bạt thay chân Natxiôt rồi đến tháng 6 năm 1962 lại được cất nhắc làm phó phòng Viễn Đông thuộc Trung ương Cục tình báo Mỹ. Đến năm 1968, sau khi cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân bùng nổ, Cônбай đã được chính tổng thống Mỹ Lindơn Ben Giôn Xơn cử sang miền Nam Việt Nam làm phó chỉ huy chiến dịch bình định cho tới cuối năm 1972 thì lại được gọi về Mỹ làm việc tại phòng kế hoạch, tức là phòng chuyên trách về các hoạt động bí mật rồi đến tháng 5 năm 1973 thì được tổng thống Mỹ

Risot Ních Xơn cử làm giám đốc Cục tình báo Trung ương CIA.

Như vậy là, theo Alanh Ghêranh nhận xét, Uyliam Cônбай là một điệp viên nhà nghề hoạt động chủ yếu ở miền Nam Việt Nam và cứ sau một đợt hoạt động lại được cất nhắc lên một cấp, cuối cùng đã leo lên đến cấp tột đỉnh của Cục tình báo Trung ương nước Mỹ, Dĩ nhiên, được “vinh thăng” như vậy là vì Cônбай đã lập được nhiều “thành tích” ở miền Nam Việt Nam, và nêu hiểu theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng thì những “thành tích” này có nghĩa là những “tội ác”, Alanh Ghêranh viết: Uyliam Cônбай là điển hình của một tình báo nhà nghề đã từng bước leo lên từng nấc thang của CIA, và sau một phần tư thế kỷ hoạt động bí mật đã trở thành giám đốc cục tình báo trung ương, ngôi sao sáng của CIA. Thế nhưng, nhân cách của con người có bề ngoài “hòa nhã và lịch sự nhất” này, lại là nhân vật đã đạt mức kỷ lục về tội ác giết người nhiều nhất. Một số người đã không ngần ngại gọi Cônбай là “tên tội phạm chiến tranh”. Đúng vào lúc Cônбай leo lên nấc thang cao nhất của CIA thì cũng là lúc Quốc hội Mỹ phải mở nhiều cuộc điều tra về CIA và về vai trò của cá nhân Cônбай để rồi cuối cùng tổng thống Gierôn Pho lên thay tổng thống Risóc Níchxon đã buộc phải cách chức giám đốc CIA của Cônбай. Thay vào đó là Gioocgiơ Busơ hiện nay đang là tổng thống Mỹ. Sau khi bị gạt ra khỏi chức vụ giám đốc Cục tình báo trung ương CIA, Uyliam Cônбай đã tập trung hơn 2 năm nhằm hoàn thành cuốn hồi ký kể lại 30 năm hoạt động trong nghề tình báo. Năm 1978, cuốn sách này đã được nhà xuất bản Ximơn vu Sớstơ ở Niu Yoóc cho ra mắt bạn đọc với nhan đề “Cuộc đời của tôi trong Cục tình báo trung ương”.

Trong phần viết về quá trình hoạt động tại miền Nam Việt Nam, Uyliam Cônбай khoe, lần đầu tiên trong đời khi mới đặt chân tới Sài Gòn vào tháng 2 năm 1939, “tình hình ở đây khá yên tĩnh khiến cho tôi có thể đem theo cả vợ con cùng sống chung trong một tòa biệt thự xinh xắn ngay cạnh dinh tổng thống Ngô Đình Diệm. Còn về nhiệm vụ quan trọng mà tôi được giao phó xét ra cũng có vẻ lý thú mà không đến nỗi quá nguy hiểm. Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn lúc đó là ngài Enbi Đubrao là người tôi đã từng quen biết khi cùng hoạt động ở Rôma, thủ đô Italia. Giám đốc chi nhánh CIA ở Sài Gòn là ông Nich Natxiôt, một người Mỹ gốc Hilạp rất năng động, cũng là người đã từng phục vụ trong sở công tác chiến lược OSS từ hồi chiến tranh thế giới thứ hai”

Cônбай cũng tiết lộ: “Phân cục CIA tại Sài Gòn hồi đó trên dưới 46 nhân viên đều là những người tuyệt đối trung thành với giám đốc Natxiôt. Phân cục này có 2 ban, ban thứ nhất chịu trách nhiệm duy trì những quan hệ nghiệp vụ với cơ quan mật vụ của chính quyền địa phương. Nhiệm vụ chủ yếu là trao đổi, tổng hợp và phân tích những tin tình báo về các hoạt động của Cộng sản ở cả miền Bắc lẫn miền Nam Việt Nam, tra hỏi những người trốn khỏi miền Bắc và các cán bộ Việt cộng bị bắt ở miền Nam Việt Nam, tìm cách đưa điệp viên thâm nhập miền Bắc Việt Nam” Cônбай nhận xét: “để tiến hành những nhiệm vụ này, các điệp viên của chúng tôi không cần phải che đậy giấu giếm mà làm việc gần như công khai trong các văn phòng của CIA đặt tại sứ quán Mỹ, trụ sở phái đoàn viện trợ kinh tế AID hoặc phái đoàn cố vấn và viện trợ quân sự MAAG.

Ban thứ hai, hoạt động độc lập, đơn phương, không quan hệ với cơ quan mật vụ của Diệm. Nhiệm vụ của các điệp viên trong ban thứ hai này là tiếp xúc với tất cả các phe, phái chính trị đang hoạt động công khai hoặc bí mật ở miền Nam Việt Nam, từ những giáo phái cuồng tín, các nhóm cực hữu, đến các phần tử cấp tiến thuộc cánh tả, chống lại sự độc tài chuyên chế và của chính sách phản dân chủ của Ngô Đình Diệm, Cônбай nhận xét: “Rõ ràng, loại điệp viên này cần có một “cái vỏ bọc bên ngoài” cho nên họ đã được tạo điều kiện để nắm giữ đủ các thứ chức vụ trong khối cộng đồng người Mỹ tại miền Nam Việt Nam. Họ đóng vai các quan chức của cơ quan AID, các nhân viên sứ quán, các nhà kinh doanh. Họ tuyển mộ và khai thác các điệp viên người Việt Nam ngay tại các cơ quan, các tổ chức mà họ có nhiệm vụ phải theo dõi”.

Như vậy là Uyliam Cônбай đã công khai tiết lộ trên giấy trắng mực đen, cơ quan CIA tại miền Nam không chỉ tổ chức “công cuộc chống Cộng”, mà còn nhằm vào điều tra dò xét ngay cả chính quyền ngụy. Rất nhiều điệp viên cao cấp trong tổ chức mật vụ của Ngô Đình Nhu và Trần Kim Tuyền, thực chất lại là những “điệp viên ngầm” của CIA mà chính Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu và Trần Kim Tuyền cũng không biết.

Tuy nhiên, tội ác của CIA tại miền Nam Việt Nam không phải chỉ bắt tay với Ngô Đình Nhu. Mục tiêu chủ yếu của CIA vẫn là đối phó với phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam Việt Nam. Trong

lĩnh vực này, bàn tay của CIA nói chung và của Uyliam Cônбай nói riêng, quả thực “đẫm máu”, vì đã thực hiện một loạt tội ác cực kỳ dã man tàn bạo.

Vấn đề tiết lộ của Uyliam Cônбай, mục tiêu đầu tiên khi đặt chân tới miền Nam Việt Nam là “bình định khu vực người Thượng” ở Tây Nguyên mà CIA nhận xét là một “địa bàn chiến lược rất quan trọng”. Cônбай viết người Thượng là “một dân tộc đang làm cho chính phủ Ngô Đình Diệm lo ngại” bởi vì họ chống lại chủ trương “đồng hóa” của Diệm. Hơn thế nữa, khu vực này lại đang “bị Cộng sản thâm nhập”. Để tranh thủ “trái tim và khối óc của người Thượng”, Cônбай kiến nghị “cần tăng cường viện trợ kinh tế nhằm phát triển đời sống cho người Thượng”. Tới một chừng mực nào đó, khi đôla và hàng hóa Mỹ đã cảm dỗ được người Thượng: lúc đó sẽ “mạnh dạn phát súng cho người Thượng” để họ “bảo vệ các ấp chiến lược của họ, chống lại sự thâm nhập của Cộng sản”. Kiến nghị của Cônбай được tòa đại sứ Mỹ chuẩn y và soạn thảo thành một “chương trình hoạt động” gọi tên là “Chương trình thăng tiến về kinh tế xã hội cho các dân tộc thiểu số người Thượng”. Nhiều cố vấn thuộc lực lượng đặc biệt Mỹ, còn gọi là “lính mũ nồi xanh” đã được cử tới để huấn luyện quân sự cho người Thượng.

Uyliam Cônбай biết: “Cuộc thí nghiệm này của CIA tiến triển và mở rộng nhanh chóng đến mức tôi quyết định đặt tên cho lực lượng tự vệ của người Thượng là “đội dân vệ không chính quy” trong đó bao gồm những “lực lượng xung kích với sự tham gia của các trai tráng ở tất cả các buôn làng có nhiệm vụ đi tuần tiễu giữa các ấp chiến lược để ứng cứu nơi này nơi khác khi cần, “Cônбай tiết lộ, ngay trong đợt thí nghiệm, đã có tới hơn 30.000 khẩu súng được phân phát cho những người Thượng mà CIA đã mua chuộc, lôi kéo. Tính chất thâm độc của CIA, mà kẻ chủ mưu là Uyliam Cônбай, đã dùng sự cảm dỗ vật chất để chia rẽ người Thượng với người Kinh, rồi trên cơ sở đó, sử dụng những phần tử xấu trong số người Thượng để “săn lùng” “Việt Cộng”. CIA treo giải thưởng, mỗi “cái tai” của Việt Cộng bị cắt sẽ được trao tặng một đấu muối, hoặc một hòm đồ hộp, hoặc vài mét vải. Đã có những tên ác ôn trong số những phần tử xấu người Thượng tích lũy hàng xâu chuỗi tai người Kinh mà chúng đã cắt xẻo, phơi khô rồi treo ở trong nhà, coi như một thứ trang trí bằng “chiến lợi phẩm”. Đầu năm

1962, khi Cônбай được thăng chức và trở về Mỹ làm phó trưởng phòng Viễn Đông, Riscơson thay Cônбай vẫn tiếp tục “chương trình” này một cách năng nổ. Tuy nhiên, sau khi hai anh em Diệm Nhu bị giết và miền Nam Việt Nam “rơi vào tình trạng hỗn độn chưa từng thấy” thì các kế hoạch lập “áp chiến lược” và ‘quân sự hóa” người Thượng của Uyliam Cônбай cũng bị lật nhào, Cônбай thú nhận trong hồi ký: “Sau khi đã thức suốt đêm tại trụ sở trung ương của CIA, tôi đến gặp giám đốc Maccôn để cùng đi đến Nhà trắng. Ngồi trong xe, tôi bộc lộ với Macôn là cái chết của anh em họ Ngô đã gây xúc động lớn đối với cá nhân tôi. Nhưng bây giờ không phải là lúc bày tỏ tình cảm. Vấn đề là phải báo cáo ngay với Tổng thống và Hội đồng an ninh quốc gia mọi diễn biến của tình hình ở Sài Gòn”.

Cônбай viết tiếp: “Sau cuộc họp tôi được Tổng thống trực tiếp trao nhiệm vụ đi Sài Gòn để theo dõi tại chỗ, những diễn biến tiếp theo. Song tới nơi, tôi thấy rõ, triển vọng tình hình quả là đáng lo ngại. Chương trình “áp chiến lược” đã bị tan rã. Cộng sản đã thắng điểm trong mùa hè và mùa thu, tới nay lại tận dụng tình trạng tê liệt tiếp theo việc lật đổ Diệm để khuếch trương chiến quả. Tôi càng bị quan hơn khi thấy những nỗ lực trước kia của CIA đến nay cũng gặp bế tắc, không biết còn có thể làm được những gì nữa. Các đội đặc vụ mà chúng ta cho thâm nhập vào miền Bắc Việt Nam bằng đường không và đường biển đều hầu như hoàn toàn thất bại. Tất cả đều bị bắt hoặc nhanh chóng bị mất liên lạc bằng điện đài. Chỉ có 1 hoặc 2 đội còn liên lạc được bằng điện đài nhưng sau này mới rõ, họ đã bị công an miền Bắc sử dụng để chống lại chúng ta. Tiếp đó, tổng thống Kennơđi cũng bị ám sát. Phải thành thật mà nói rằng, chưa một vị Tổng thống nào có cảm tình với CIA hơn Kennơđi. Giờ đây, Linđơn Giônxon là người thừa kế Kennơđi phải thừa hưởng ở Việt Nam một mớ bong bong. Người ta dễ dàng nhận thấy, tại các vùng nông thôn miền Nam Việt Nam, 6 tháng khủng hoảng chính trị tiếp theo vụ lật đổ Ngô Đình Diệm đã đem lại những kết quả chua chát. Nhà trắng nhanh chóng nhận ra, chương trình “áp chiến lược” hoàn toàn không còn hoạt động nữa”.

Thế nhưng, thua keo này lại bày keo khác, đế quốc Mỹ ngoan cố không cam chịu thất bại. Kế hoạch lập “áp chiến lược” đã hoàn toàn phá sản, CIA lại cay cú kiến nghị một chương trình “quy mô lớn hơn

và cũng tốn kém nhiều đôla hơn. Sau cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân 1968, người ta thấy phó đại sứ Mỹ tại Sài Gòn Rôbốt Cômơ được Nhà trắng cử làm nhân vật “đặc trách” một chương trình quy mô lớn với tên gọi rất kêu là “chương trình phát triển cách mạng” dưới sự “hỗ trợ” của cơ quan phát triển quốc tế, viết tắt là AID. Uyliam Cônбай trở thành một “nhân viên cao cấp” của AID tại miền Nam Việt Nam, đồng thời cũng là một “đặc phái viên” của AID trong “chương trình phát triển cách mạng” CPRDS. Uyliam Cônбай thừa nhận trên giấy trắng mực đen: “Trên thực tế, chương trình phát triển cách mạng chính là chương trình bình định, một sự hợp tác giữa cơ quan phát triển quốc tế AID và lực lượng Mỹ là quân chủng cung cấp phần lớn ngân khoản và nhân viên điều hành cho chương trình”.

Uyliam Cônбай viết:

“Lúc này, giám đốc Cục tình báo trung ương CIA là Risort Hen. Tôi đã đề nghị với ông, thôi phụ trách phòng Viễn Đông vào cuối tháng 1 năm 1968 để giành tháng 2 vào việc nghiên cứu tình hình và đến đầu tháng 3 thì đi Sài Gòn nhận chức mới.

Lúc tôi tới Sài Gòn, một nhiệm vụ cấp bách đang đợi chờ tôi: “đối phó với những tổn hại sau cuộc tiến công Tết Mậu Thân. Lãnh thổ miền Nam Việt Nam đang bị tàn phá, tình trạng hỗn loạn diễn ra ở khắp mọi nơi. Phần lớn các thành phố, thị trấn bị đốt phá một phần hoặc đổ nát. Nhưng tháng công tác đầu tiên của tôi với Rôbốt Cômơ là tập trung vào “chiến dịch phục hồi”. Tất cả những công việc này đã tiến hành trong nỗi lo sợ thường xuyên là Việt Cộng sẽ mở thêm những trận tiến công mới. Vì vậy, toàn bộ các hoạt động đều đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của các lực lượng quân sự”.

Cônбай, tiết lộ tổng số nhân viên dân sự trong chương trình “bình định” khi Cônбай trở lại miền Nam Việt Nam chỉ có 800 người nhưng số nhân viên quân sự đã lên tới 3000, tức là gấp 4 lần. Ba năm sau đó, số nhân viên dân sự đã phát triển tới 1200 người và số nhân viên quân sự lên tới 6000, tức là gấp 5 lần. Tuy nhiên, như chính Cônбай thừa nhận trong hồi kí, chính một nhân viên cao cấp của Mỹ là Giôn Pônvan, giữ chức “cố vấn trưởng” chương trình bình định, một người mà chính quyền Mỹ đã đánh giá “xuất sắc nhất và tận tụy nhất” với công cuộc bình định lại chính là người đã “không tiếc lời công kích chương trình phát triển cách mạng” Chính Giôn Pônvan đã nói thẳng

với Cônбай: chương trình này kém hiệu quả hơn mức độ mà CIA tưởng tượng rất nhiều.

Cũng như những kế hoạch “bình định” đã tiến hành từ trước và đã lần lượt phá sản, chủ chương nhất quán của CIA cũng như của Uyliam Cônбай trong khuôn khổ “chương trình phát triển cách mạng” lần này là “tiếp tục mạnh dạn phân phát vũ khí cho các đội tự vệ tại các thôn ấp đã được bình định để họ chống lại Cộng sản”. Cônбай kể lại, tuy nhiên, bước vào giai đoạn này, chủ trương “phát vũ khí” đã không được những nhân vật hữu trách nhất trí tán thành, mà còn dấy lên nhiều tranh cãi. Cônбай viết: “Dưới cặp mắt của nhiều nhân vật có trách nhiệm của cả Việt Nam lẫn Mỹ thì chủ trương vũ trang cho dân chúng trong các ấp chiến lược, trên cơ sở tự nguyện hoặc theo một chế độ nào đó, là một sáng kiến hoàn toàn điên rồ, bởi vì đám tự vệ được coi là “lính không quân phục” này vừa thiếu kỷ luật lại thiếu huấn luyện không thể nào chiến đấu tốt. Một số người khác còn lo sợ, số vũ khí này sẽ nhanh chóng được nộp cho Cộng sản, hoặc do tự nguyện, hoặc bị bắt buộc. Lại có người nói trước, sẽ phục vụ cho các nhóm đối lập để chống lại chính phủ. Cuối cùng, người ta cho rằng việc trang bị vũ khí cho các đội dân vệ chỉ đem lại kết quả là làm tăng thêm những vụ giết người.

Thật vậy. Nếu trước kia Cônбай chủ trương trang bị cho người Thượng để bắn giết người Kinh thì giờ đây, việc phân phát vũ khí tràn lan cho các đội tự vệ tại các thôn ấp “đã bình định” càng thúc đẩy thêm sự bắn giết giữa những người Việt Nam với người Việt Nam. Trong giai đoạn này, Uyliam Cônбай tiết lộ “có tới 500.000 súng trường và tiểu liên đã được phân phát cho các đội dân vệ”. Dĩ nhiên, khi “rút kinh nghiệm” CIA đã thực hiện chủ trương này “một cách thận trọng hơn”. Cônбай viết: “lần này chúng tôi phải phân phát vũ khí một cách thận trọng theo từng bước. Trước hết, phải chọn lựa một xã hoặc một nhóm ấp điển hình làm nòng cốt cho chương trình mở rộng rồi từ đó sẽ “loang ra” như “một vết dầu loang”. Để công việc được tiến hành trôi chảy, chúng tôi đã sử dụng các đội “phát triển cách mạng” mà CIA đã tổ chức ra, nhưng sau đó đã được sát nhập vào CORDS. Những nhân viên trong các đội này được trả lương và được huấn luyện kỹ. Họ được phái về các thôn ấp, huấn luyện cho dân vệ cách sử dụng vũ khí, cách xây dựng một đồn canh, cách rào dây kẽm gai, cách điều tra, thám báo. Khi một xã nào đó đã có khả năng tự vệ

được thì đội lại chuyển sang xã khác và bắt đầu từ con số không. Như vậy, có nghĩa là chiến dịch “phục hồi” sẽ dần dần hoàn tất, chính phủ (ngụy) bắt đầu giành được chủ động và chuyển sang phản công, chuyển sang chiến lược được lựa chọn là “chiến dịch bình định”, nghĩa là tổ chức tại các vùng nông thôn nhằm tham gia một chương trình an ninh và phát triển, tước bỏ của Việt Cộng mọi cơ sở trong nhân dân”.

Cônбай viết tiếp: “Có lúc, chúng tôi đã tìm một từ ngữ khác hơn là “bình định” vì vấn đề ở đây không phải chỉ “bình định” để nông dân được sống yên ổn mà trái lại, còn phải huy động sự tham gia tích cực của nông dân vào công cuộc chống lại Cộng sản. Chúng tôi muốn tránh những câu rỗng tuếch như “phát triển cách mạng” mà muốn dùng chữ “phát triển nông thôn”. Nhưng sau đó, chúng tôi lại thấy từ ngữ này gợi ra một việc có tính chất quá ư thuần túy nông nghiệp. Nhưng cuối cùng, vẫn không có một từ ngữ nào có ý nghĩa hơn”.

Qua những lời lẽ viết trên giấy trắng mực đen này, rõ ràng CIA đã chịu khó rút tỉa kinh nghiệm, đã thận trọng đi từng bước, chuẩn bị rất kỹ và luôn luôn hoàn thiện “công cuộc bình định” đã được đích thân Tổng thống Mỹ giao trách nhiệm... Trong khi chương trình này đang tiến hành khẩn trương, Rôbốt Comơ được lệnh của Tổng thống Giôn Xơn cử đi làm đại sứ ở Thổ Nhĩ Kỳ. Mấy ngày sau, tổng thống phong cho tôi hàm đại sứ để tôi có mọi quyền lực thay thế Comơ. Chiến dịch tiếp tục khiên khai. Và phía Việt Nam, đích thân tổng thống Nguyễn Văn Thiệu trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Ông Thiệu đã thành lập một hội đồng trung ương về “bình định và phát triển” đặt dưới quyền trực tiếp của thủ tướng và chịu trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với ban tham mưu của CORDS Ở Sài Gòn.

Như vậy là, chương trình “bình định” do CIA vạch ra đã được phát triển tới mức rất cao và được coi là một “trọng tâm chỉ đạo” của chính quyền ngụy, do đích thân Tổng thống ngụy cầm đầu. Mặc dù vậy, cả Mỹ và ngụy đều vẫn không làm chủ được tình hình. Ở nông thôn, nhiều xã ấp “ban ngày là thuộc quốc gia, ban đêm lại thuộc cộng sản”. Trong các đô thị, Việt cộng vẫn duy trì nhiều cơ sở bí mật, và đó là những bàn đạp để tổ chức những cuộc biệt kích bất ngờ của đặc công.

Mỹ ngụy lại phải dấn thân một bước nữa. Thêm một kế hoạch mới,

gọi là chương trình Phụng Hoàng ra đời. Theo lời khai của một số nhân viên cảnh sát ngay khi ra trình diện với chính quyền cách mạng, mới đầu chương trình này được ghi tắt trên hồ sơ là PH.H. có nghĩa là “phối hợp”. Để thực hiện chương trình này cần có sự phối hợp giữa các lực lượng cảnh sát, quân đội và các tổ chức tình báo, kinh tế, chính quyền. Sau đó, để thuận tiện cho việc gọi tên, chương trình này được gọi là “Phụng Hoàng”. Vì “Phụng Hoàng” cũng là một danh từ bắt đầu từ các chữ cái “PH” và “H”.

Uylian Cônбай viết:

“Tháng 7 năm 1968, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ban hành một sắc lệnh mà tôi có tham gia soạn thảo thành lập ủy ban Phụng Hoàng ở tất cả mọi cấp từ trung ương đến khu, tỉnh, quận. Tất cả các cơ quan có liên quan đều phải cử đại diện của mình vào ủy ban Phụng Hoàng. Trong khuôn khổ của chiến dịch bình định cấp tốc các ủy ban này sẽ ấn định các chỉ tiêu cần phải đạt được. Những diễn biến tiếp theo “đã chứng minh rõ, đúng là có tồn tại một bộ máy hạ tầng cơ sở của Việt Cộng. Chúng tôi cũng nhận thức được rằng, để đánh phá bộ máy hạ tầng cơ sở này thì những cuộc tuần tra ban đêm cũng như những cuộc hành quân càn quét đều không đạt được kết quả chiến lược của chúng tôi là phải lôi cuốn dân chúng tham gia vào cuộc chiến tranh này.

Vì vậy, điều quan tâm đầu tiên của chúng tôi là phải tổ chức một mạng lưới tình báo để thu lượm những tin về tổ chức hạ tầng cơ sở của Việt cộng rồi sau khi đã thẩm tra, phân tích sẽ kiên quyết trừ khử những cán bộ lãnh đạo của bộ máy cơ sở của Việt cộng.

Tuy vậy, chúng tôi đã phạm phải một sai lầm phổ biến trong khi thực hiện chương trình Phụng Hoàng. Đó là các ủy ban Phụng Hoàng các cấp chưa bao giờ có được những đơn vị chiến đấu khả dĩ có thể trực tiếp tiến hành những hoạt động đánh vào bộ máy của Việt cộng. Ủy ban Phụng Hoàng chỉ làm nhiệm vụ chuyển giao các tin tình báo đã thu lượm được cho các tổ chức và cơ quan có những lực lượng cần thiết để đánh vào Việt cộng, ví dụ như: Ủy ban Phụng Hoàng kiến nghị cảnh sát tới bắt một cán bộ Việt cộng ở làng này, hoặc kiến nghị với cơ quan chiêu hồi tới dụ dỗ một cán bộ Việt cộng ở làng kia xin qui chính. Sau mỗi đợt hoạt động như vậy, ủy ban Phụng Hoàng sẽ tổng hợp xem có bao nhiêu cán bộ Việt cộng đã bị

giết, bao nhiêu đã bị bắt và bao nhiêu đã xin chiêu hồi. Từ đó, ủy ban Phụng Hoàng lại gửi báo cáo lên đại bản doanh ở Sài Gòn, để thống kê có bao nhiêu cơ sở của Việt cộng bị phá hủy, trên cơ sở tổng số căn bộ đã bị tiêu diệt”.

Báo chí Mỹ cho biết, CIA đã “chi một khoản tiền tài lớn” vào việc thực hiện chương trình Phụng Hoàng. Tuy nhiên, do quốc hội Mỹ đã thông qua một đạo luật ghi nhận, để “bảo đảm công tác bí mật” cho nên giám đốc CIA “không phải báo cáo khoản chi tiêu của mình trước Quốc hội”, không ai biết cụ thể số tiền lớn này là bao nhiêu cả. Người ta chỉ “ước lượng đại khái” CIA đã chi hàng trăm triệu đô la vào việc tuyển mộ nhân viên và mở các lớp huấn luyện đào tạo cũng do “không có lực lượng quân sự trong tay để tổ chức những cuộc hành quân càn quét” nên CIA đã chủ trương “tiêu diệt các căn bộ cơ sở của Việt cộng bằng cách ám sát”. Ngay từ năm 1969 tức là khi Ních-xơn mới lên cầm quyền thay Giôn-xơn, báo chí Mỹ đã tố cáo, trong vòng chưa đầy một năm thực hiện chương trình Phụng Hoàng, CIA “đã tổ chức một chiến dịch ám sát có nhiều người bị giết oan”.

Trước những lời tố cáo của công luận, Uy-liam Côn-bai đã phải đứng ra điều trần trước Quốc hội Mỹ. Dĩ nhiên, Côn-bai cố sức bào chữa cho hành vi đầy tội ác của cả nhân cũng như của guồng máy CIA. Côn-bai còn lập luận, nhờ có chương trình Phụng Hoàng nên guồng máy hạ tầng cơ sở của Việt cộng đã bị triệt tiêu, quân đội Mỹ có thể “yên tâm” rút khỏi miền Nam Việt Nam và tổng thống Ních-xơn có thể “Yên tâm” với chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Như toàn thể giới đều rõ, tên tính Mỹ cuối cùng rút khỏi miền Nam Việt Nam ngày 20 tháng 3 năm 1973 thì ngày 30 tháng 4 năm 1975 toàn bộ nguy quân nguy quyền sụp đổ. Trong cuộc tổng tiến công mùa xuân 1975 nhân dân miền Nam Việt Nam từ thành thị đến nông thôn đều hết lòng hết sức giúp đỡ quân giải phóng. Điều đó chứng minh, “hạ tầng cơ sở” của Việt cộng vẫn tồn tại, bất chấp hàng loạt chiến dịch “bình định” tàn ác và đẫm máu của CIA.

(1) Đã được Nhà xuất bản Công an nhân dân dịch ra tiếng Việt, xuất bản năm 1987.

10. CIA VÀ KẾ HOẠCH “CHIÊU HỒI”

Tháng 2 năm 1974, Nguyễn Văn Thiệu với danh nghĩa Tổng thống ký sắc lệnh sát nhập hai bộ Dân vận và Chiêu hồi làm một. Lúc này, hội nghị Pari về Việt Nam đã ký kết, toàn bộ quân đội Mỹ đã buộc phải rút hết khỏi miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, chi nhánh CIA núp dưới bóng tòa đại sứ Mỹ ở miền Nam Việt Nam vẫn tồn tại và càng tăng cường hỗ trợ cho ngụy quân ngụy quyền đánh phá cách mạng Việt Nam. Việc sát nhập hai bộ Dân vận và Chiêu hồi làm một cũng là một “gợi ý” của CIA, nhằm tập trung lực lượng tiến hành mưu đồ thâm độc mà chúng đã dốc sức thực hiện từ nhiều năm nay, đó là tìm mọi cách dụ dỗ những người trong hàng ngũ kháng chiến trở về với “chánh nghĩa quốc gia”.

Theo nhận xét của nhiều nhân viên CIA đã từng làm cố vấn cho ngụy trong cơ quan chiêu hồi. Việc lôi kéo những người thuộc lực lượng đối phương chạy sang hàng ngũ “quốc gia” không phải là một vấn đề mới. Gioó gioi Xôri phớt, một “chuyên gia chiêu hồi” của CIA đã từng biên soạn một “luận án” về vấn đề này. Trong đó có nêu nhiều kinh nghiệm đã rút tỉa được từ những “bài học” của quân đội thực dân Anh tại Malaixia sau khi kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai. Etuốt Lénxđên, một điệp viên CIA, thời kỳ làm cố vấn cho tổng thống Philippin cũng đã đúc kết được nhiều bài học, kinh nghiệm “trong việc mua chuộc, lôi kéo, dụ dỗ nhiều phần tử ly khai trong hàng ngũ quân giải phóng Hukbalahap do đảng cộng sản lãnh đạo, quay trở về “qui thuận” tổng thống Mắc xay xay. Phòng nhì của quân đội thực dân Pháp trong suốt cuộc chiến tranh Đông Dương 1946-1955 cũng đã thực hiện nhiều âm mưu thủ đoạn lôi kéo những phần tử thoái hóa trong lực lượng kháng chiến đầu hàng bọn chúng.

Như vậy có nghĩa là, CIA đã kết hợp những kinh nghiệm của bản thân, cộng với kinh nghiệm của đế quốc Anh và thực dân Pháp để hoàn chỉnh cái gọi là “công tác chiêu hồi” mà chúng đã truyền lại cho bọn ngụy, suốt từ thời Ngô Đình Diệm đến thời Nguyễn Văn Thiệu. Ngay trong khi vận dụng tại miền Nam Việt Nam, công tác chiêu hồi của bọn ngụy cũng luôn luôn được quan thầy CIA liên tục nâng cao

và hoàn chỉnh theo từng giai đoạn. Mới đầu cơ quan đặc nhiệm công tác chiêu hồi của ngụy chỉ tương đương với cấp Cục, nằm trong bộ tổng tham mưu quân ngụy. Liền theo đó, khi Mỹ bắt đầu tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt” tại miền Nam Việt Nam CIA đã kiến nghị rút cơ quan chiêu hồi khỏi quân đội và đặt dưới sự điều hành của chính quyền trung ương nhằm tăng cường tập trung sự chỉ đạo cũng như việc cung cấp vật chất cho cơ quan này. Nha chiêu hồi bắt đầu xuất hiện với một giám đốc thuộc phái dân sự rồi nhanh chóng nâng cấp thành tổng nha, cuối cùng là Bộ Chiêu hồi. Do tính chất phức tạp của công tác chiêu hồi đòi hỏi phải phối hợp cả cơ quan tình báo, chiến tranh tâm lý, thông tin tuyên truyền cho nên Bộ Chiêu hồi của ngụy có lần đã sát nhập với Bộ Thông tin rồi đến những ngày cuối cùng trước khi sụp đổ lại sát nhập với Bộ Dân vận.

CIA cũng nhận định, trong cuộc chiến tranh thứ hai ở Việt Nam (do Mỹ tiến hành) chủ nghĩa cộng sản đã ăn sâu bám rễ trong lòng quần chúng nhân dân ở cả hai miền Nam, Bắc. Kinh nghiệm của Ngô Đình Diệm trong thời kỳ “chống cộng, tố cộng, diệt cộng” đã chứng minh, không phải chỉ các đảng viên cộng sản, mà hầu như toàn bộ những người đã tham gia kháng chiến, chưa được kết nạp vào Đảng, cũng rất gắn bó với đảng cộng sản và chủ nghĩa xã hội. Nhiều người đã bộc lộ rõ khí phách, kiên quyết không chịu ly khai, không chịu xé cờ đỏ sao vàng. Nhiều người không phải đảng viên cộng sản nhưng đã hiên ngang nhận lấy cái chết như những người cộng sản, chứ nhất quyết không chập quy thuận Mỹ ngụy. CIA gọi những người này là “những phần tử cuồng tín” và chủ trương muốn “chiêu hồi” tức là dụ dỗ những người kháng chiến “hồi chánh” thì phải “tẩy não” họ, phải dùng “lý luận quốc gia đề đánh bật lý tưởng cộng sản” trong đầu óc họ.

Chính vì vậy cho nên, ngay từ thời kỳ Ngô Đình Diệm, trùm tình báo CIA làm cố vấn chính trị cho Diệm là Etuốt Lénxđê đã kiến nghị “cần phải cử những người có tri thức, có lý luận, tinh thông chủ nghĩa Mác để chống lại chủ nghĩa Mác” phụ trách công tác chiêu hồi nhằm dùng “lý thuyết quốc gia chống lại lý tưởng cộng sản” thuyết phục những người đã đi theo cộng sản phải từ bỏ chủ nghĩa cộng sản để quay về với “chánh nghĩa quốc gia”

Điểm mặt những nhân vật đã từng được CIA xét duyệt để kiến nghị với chính quyền ngụy cho phụ trách công tác chiêu hồi có Nguyễn

Xuân Phong xuất thân từ một gia đình công chức cũ của thực dân Pháp sau khi thực dân Pháp rút khỏi miền Nam Việt Nam đã quay sang ôm chân Mỹ, được cử đi học ở Mỹ. Thời kỳ làm Bộ trưởng Bộ Xã hội trong chính quyền ngụy, Nguyễn Xuân Phong thường khoe “có nghiên cứu về chủ nghĩa Mác” và trong nhiều buổi “đăng đàn diễn thuyết” đã công khai nhân danh một “học giả” lớn tiếng thóa mạ Các Mác, xuyên tạc chủ nghĩa xã hội nguyên rủa “chế độ cộng sản Bắc Việt” và mạt sát Việt cộng trước một đám thính giả “toàn là người quốc gia” lại nghe Xuân Phong diễn thuyết trong hội trường đầy cảnh sát mật vụ, dĩ nhiên những lời ba hoa vô liêm sỉ của Phong được vỗ tay tán thưởng. Không ai dám công kích lại. Trong thời kỳ giữ ghế tổng trưởng chiêu hồi Nguyễn Xuân Phong chuyên đi “giảng thuyết” cho các “binh sĩ Việt cộng” vừa bị bắt làm tù binh hoặc vừa mới chạy sang hàng ngũ ngụy quân sau cơn dao động về chiến tranh ác liệt: Nguyễn Xuân Phong được bọn đàn em suy tôn là một “nhà lý luận” và đã được Nguyễn Văn Thiệu cử giữ chức “phó đoàn đại biểu” của ngụy tại hội nghị Pari về Việt Nam. Thời kỳ Bân cơ làm đại sứ và Uylliam Cônбай làm phó đại sứ Mỹ ở miền Nam Việt Nam, người ta thường thấy Nguyễn Xuân Phong thậm thụt lại nhà riêng của trùm tình báo CIA - Cônбай. Chính Cônбай trong khi “vui chuyện” đã công khai tiết lộ được chính quyền ngụy “tham khảo ý kiến” trong việc bổ nhiệm cán bộ phụ trách công tác chiêu hồi. Cônбай còn đi xa hơn nữa, tới mức có ý định “bồi dưỡng” cho Nguyễn Cao Kỳ và Nguyễn Xuân Phong trở thành những nhân vật “kiên cường chống cộng” ở miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, trong khi Nguyễn Cao Kỳ và Nguyễn Văn Thiệu mâu thuẫn hục hặc với nhau thì Nguyễn Xuân Phong, được coi là “cánh hẩu” của Nguyễn Cao Kỳ cũng bị Nguyễn Văn Thiệu ruồng bỏ.

Nếu Nguyễn Xuân Phong được coi là “người của Nguyễn Cao Kỳ” thì Nguyễn Ngọc An lại được coi là “người của Trần Văn Hương”. Khi Hương giữ chức thủ tướng ngụy thì Nguyễn Ngọc An đã được Trần Văn Hương “mời ra giữ chức tổng trưởng chiêu hồi” vì “ngưỡng mộ một nhà giáo có lý luận”. An có mở một trường tư ở Trảng Bàng. Theo các nhân viên tình báo ngụy ra đầu thú cách mạng cho biết, Nguyễn Ngọc An là một tên “triệt để chống cộng có đầu óc kỳ thị hai miền Nam, Bắc rất rõ rệt” thể hiện rõ nét tư tưởng cực đoan. Thời kỳ giữ chức tổng trưởng chiêu hồi Nguyễn Ngọc An đã thẳng tay gạt bỏ

tất cả những nhân viên là người miền Bắc di cư vào Nam, thay vào đó toàn là những người thân tín, “cánh hầu” của An mà An gọi là “dân miền Nam chính cống”.

Vẫn theo nhận xét của những nhân viên dưới quyền thì Nguyễn Ngọc An “trình độ thua xa Nguyễn Xuân Phong”, khét tiếng là một tên “vừa dối nát vừa bạo ngược” nhưng “không hiểu sao lại được cổ vắn Mỹ, lúc đó là Uyliam rất tin cậy”. Nếu Nguyễn Xuân Phong chủ trương “dùng lý luận chủ nghĩa quốc gia để đánh bật lý thuyết cộng sản” thì An lại chủ trương “phóng tài hóa thu nhân tâm” dung tiền của, vật chất để lôi kéo những phần tử dao động, tham sống sợ chết rời bỏ hàng ngũ cộng sản trở về với quốc gia. Thời kỳ Nguyễn Ngọc An làm tổng trưởng chiêu hồi cũng là thười kỳ ngân sách chi cho những người “hồi chánh” được Mỹ nâng cao thêm. Tùy theo cấp bậc, chức vụ những tên đào ngũ, phản bội, rời khỏi hàng ngũ kháng chiến chạy sang hàng Mỹ nguy đều được thưởng tiền. Cấp đại úy được 200.000 đồng tiền nguy, thiếu tá 300.000 đồng, trung tá 400.000 đồng. Tên Tám Hà vì dao động, chạy sang hàng Mỹ nguy hồi tết Mậu Thân, được “thưởng” luôn 500.000 đồng.

Trong những ngày cuối tháng tư năm 1975, khi các lực lượng vũ trang cách mạng rầm rộ tiến vào giải phóng Sài Gòn: Hồ Văn Châm là một trong những tên đã được CIA đề cử giữ chức tổng trưởng chiêu hồi bị mắc kẹt không di tản được đành phải ở lại. Một thời gian sau, Châm và vài tên thân tín định bỏ trốn ra nước ngoài nhưng lại bị bắt trở lại. Trong bản khai báo quá trình hoạt động của mình, Hồ Văn Châm đã viết, hấn ra đời ở Thừa Thiên, đã tốt nghiệp đại học y khoa và làm bác sĩ thời Pháp thuộc. Cũng trong thời kỳ này Hồ Văn Châm quen thân với Hà Thúc Ký và đã được Hà Thúc Ký rủ rê vào đảng Đại Việt chống cộng sản, chống Việt Minh làm tay sai cho Nhật Bản.

Cuối năm 1965 đầu năm 1966 trước tình hình bọn “tướng trẻ” ở miền Nam Việt Nam đang đấu đá lẫn nhau sau khi lật đổ Diệm, Hà Thúc Ký thấy có cơ hội “làm ăn” đã rủ Hồ Văn Châm “khôi phục lại đảng Đại Việt” và lấy tên là đảng “Đại Việt cách mạng”. Tháng 1 năm 1966 đảng này được phép chính thức hoạt động. Hà Thúc Ký, Hồ Văn Châm đã chọn “đăng kỳ” là một lá cờ có hai mảnh vải, mảnh trên màu đỏ, mảnh dưới màu vàng giữa có ngôi sao trắng trên nền tròn màu xanh. Được Hà Thúc Ký giao cho chức Ủy viên Trung ương đặc trách

tuyên huấn, Hồ Văn Châm đã viết báo, viết sách và đi diễn thuyết nhiều nơi đề tuyên truyền cho cái gọi là “tôn chỉ mục đích cách mạng của Đảng Đại Việt” vừa mới tái sinh với hình thức mới và nội dung mới” (1) Năm 1970 nội các dân sự của Trần Văn Hương bị nhóm quân sự Thiệu, Kỳ lật đổ, Nguyễn Ngọc An là tay chân thuộc cánh hẩu của Trần Văn Hương cũng bị bọn Thiệu Kỳ gạt ra ngoài. Để tập hợp lực lượng củng cố vị trí của mình, trong khi thành lập nội các mới Nguyễn Văn Thiệu đã thân hành tìm gặp Hà Thúc Ký ngỏ ý nhường cho đảng Đại Việt một ghế bộ trưởng. Hà Thúc Ký lại đi gặp Hồ Văn Châm lúc đó đang làm nghề thầy thuốc ở Sài Gòn, giới thiệu Hồ Văn Châm làm tổng trưởng chiêu hồi. Các cố vấn CIA khi được hỏi ý kiến đã rất tán thành Hồ Văn Châm với hai lý do:

1) Châm là một ủy viên Trung ương, một sáng lập viên của đảng Đại Việt “cách mạng” Nếu giữ ghế tổng trưởng chiêu hồi có nghĩa là lần đầu tiên trong lịch sử thành lập, Bộ Chiêu hồi có được một “chính khách” làm bộ trưởng chứ không phải là một quan chức cai trị. Trong cuộc “xung đột tư tưởng giữa hai ý thức hệ là chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa cộng sản” CIA rất cần có một “nhà chính trị” nắm giữ Bộ chiêu hồi.

2) Hồ Văn Châm lúc đó còn nổi tiếng là một bác sĩ “nghèo”, không có ô tô, đi lại toàn dùng chiếc xe vespa đã cũ. Một “nhà chính trị” giữ chức bộ trưởng lại “được tiếng là nghèo” dĩ nhiên sẽ rất dễ lừa mị nhân dân dưới cái vỏ bọc “công tâm” và “liêm khiết” “vì chủ nghĩa, vì lý tưởng chứ không phải vì đôla”

Liền sau khi giữ chức tổng trưởng chiêu hồi, Hồ Văn Châm đã bộc lộ luôn tính chất cơ hội chủ nghĩa của hắn bằng cách ly khai đảng Đại Việt cách mạng của Hà Thúc Ký để gia nhập đảng Dân chủ, là một đảng do Nguyễn Văn Thiệu lập ra nhằm đầu cơ chính trị, tập hợp những phần tử ăn cánh với hắn. Cái đảng Dân chủ của Thiệu được “chính thức ra mắt” quốc dân đồng bào ngày 28 tháng 3 năm 1973 tại rạp REX ở Sài Gòn. Bọn cố vấn cho Thiệu gợi ý nên chọn “đảng kỳ” là một lá cờ nền vàng sao đỏ để đối lập với là cờ đỏ sao vàng.

Lúc này, Hồ Văn Châm đang giữ chức Bộ trưởng bộ Cựu chiến binh đã được Nguyễn Văn Thiệu (theo Sự gợi ý của CIA) cho kiêm nhiệm thêm chức tổng trưởng chiêu hồi. Hồ Văn Châm cử luôn đứa cháu ruột là Hồ Văn Mẫu phụ trách “tài chánh” vừa vét công quỹ trong

ngân sách của ngụy quyền Sài Gòn, vừa moi đola Mỹ để dốc vào mưu đồ quyền rũ những người tham gia lực lượng kháng chiến quay về đầu hàng ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu. Cánh tay phải của Hồ Văn Châm là Nguyễn Văn Nam, trung tá tình báo ngụy. Nam thường xuyên liên hệ với Pônga - giám đốc chi nhánh CIA tại Sài Gòn để xin chỉ thị.

Trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, đúng vào lúc quân đội Mỹ đã phải rút khỏi miền Nam Việt Nam thì cũng là lúc guồng máy “chiêu hồi” do Mỹ giúp ngụy ở miền Nam Việt Nam phát triển tới mức cao nhất. Theo các tài liệu do CIA để lại, trong lúc này ngoài “cơ quan trung ương” đặt tại Sài Gòn, CIA còn có tới 18 ty chiêu hồi tất cả các tỉnh và đặc khu ở miền Nam Việt Nam. Theo những tên ra đầu thú khai báo với chính quyền cách mạng sau ngày giải phóng, được cử làm trưởng ty chiêu hồi là một điều vô cùng may mắn đối với bọn sĩ quan ngụy, bởi vì ngân sách dành cho công việc chiêu hồi rất dồi dào nhưng bọn này chỉ chi hết có một nửa, còn bỏ túi một nửa. Vì vậy, muốn được cử làm trưởng ty chiêu hồi, phải lót tay cho Hồ Văn Châm, cho Nguyễn Văn Thiệu và vợ Thiệu từ 600.000 đồng đến hơn 1 triệu đồng tiền ngụy theo thời giá 1970 - 1975. Tuy nhiên không phải cứ hối lộ nhiều tiền là được cử làm trưởng ty chiêu hồi. Bởi vì, CIA đã biết rõ hầu hết bọn sĩ quan ngụy chỉ quen tham nhũng, vợ vét, ít có tên toàn tâm toàn ý phục vụ “chánh nghĩa quốc gia”. Do đó, mưu đồ thâm độc của CIA là “sử dụng những tên phản bội đã tham gia hàng ngũ cộng sản, nay ly khai cộng sản trở về với quốc gia”. Trong một bài giảng về công tác chiêu hồi, cố vấn Mỹ Uyliam đã nói thẳng, những sĩ quan ngụy gặp bước đường cùng, có thể đầu hàng cách mạng và được cách mạng khoan hồng. Còn những tên đã tham gia “hàng ngũ cách mạng nay ly khai, chống lại cách mạng thì cũng có nghĩa là lao vào ngõ cụt, chỉ còn một cách đâm lao theo lao, chống lại cách mạng đến cùng” Vì vậy Mỹ ngụy đã mạnh dạn “trọng đãi” một số tên “hồi chánh” bằng cách cho chúng giữ chức trưởng ty chiêu hồi hoặc những chức vụ tương tự. Phạm Hữu Tình là một thượng úy quân đội nhân dân thuộc Quân khu 5 do dao động trước bom đạn địch và cuộc sống kham khổ đã bỏ hàng ngũ kháng chiến đầu hàng Mỹ ngụy. Sau một thời gian thử thách và điều tra, biết rõ Phạm Hữu Tình “thật tâm hồi chánh” CIA đã kiến nghị cho Tình làm phát thanh viên đài phát thanh “lòng mẹ” của ngụy quyền,

chuyên phát đi những bài xuyên tạc chế độ, ca ngợi cuộc sống xa hoa đầy cám dỗ trong các đô thị miền Nam Việt Nam và mời chào những người trong hàng ngũ cách mạng quay về “hợp tác” với Mỹ ngụy. Tiếp đó, Phạm Hữu Tình còn được cử làm “giảng sư” thuyết trình tại trường cao đẳng quốc phòng ngụy rồi làm quản đốc trung tâm chiêu hồi tại Sài Gòn.

Vẫn theo lời khai báo của những tên phản bội không kịp di tản, thời kỳ Nguyễn Xuân Phong rồi Nguyễn Ngọc An phụ trách bộ máy chiêu hồi, hai tên này ít chú trọng đến việc sử dụng hồi chánh viên vào “công tác thuyết trình”. Nhưng đến thời kỳ Hồ Văn Châm phụ trách, cũng là thời quan thầy CIA đã thu lượm được nhiều kinh nghiệm từ việc tận dụng các “hồi chánh viên” nhằm “khuếch trương thắng lợi” Cái gọi là “công tác thuyết trình” nhằm cử một đoàn tay sai đi “diễn thuyết”, vu cáo, xuyên tạc, bịa đặt bôi đen chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc Việt Nam đã được Mỹ Ngụy “đẩy mạnh thêm một bước quan trọng”. Dưới sự chỉ đạo của CIA tên trung tá tình báo ngụy Nguyễn Nam đã tập hợp được một đoàn vào khoảng 20 tên, gồm những tên phản bội trước kia đã từng làm cán bộ chính trị, cán bộ quân sự, trí thức, sinh viên lần lượt đi “nói chuyện” tại nhiều thành thị và cả một số vùng nông thôn ở miền Nam Việt Nam. Bọn này còn được sử dụng để lung lạc tinh thần những quân nhân và cán bộ trong lực lượng cách mạng chẳng may bị chúng bắt được. Tên cố vấn chiêu hồi Rôoớt Philso đã đúc kết: “sử dụng hồi chánh viên vào công việc tẩy não tù binh có hiệu quả hơn là dùng cha cố”.

Theo gợi ý của các cố vấn Mỹ, Hồ Văn Châm còn tận dụng nhiều hình thức thông tin, truyền thanh, truyền hình, báo chí, văn nghệ phục vụ cho công tác chiêu hồi. Xuân Vũ, một tên đào ngũ dọc đường hành quân vào Nam, phản lại Tổ quốc và nhân dân đã được Hồ Văn Châm cử làm trợ tá cho Phạm Hữu Tình với chức phó quản đốc trung tâm chiêu hồi, Xuân Vũ còn được “trung tâm chiêu hồi” chi tiền để viết cuốn sách “đường đi không đến” cố nhấn mạnh vào những nỗi gian khổ trên dọc đường xuyên qua dãy Trường Sơn dưới bom đạn ác liệt, với những câu triết lý sa đọa của một kẻ tuyệt vọng mất hết ý chí chiến đấu, không còn phương hướng đấu tranh. Trong lời đề tựa cho cuốn “Đường đi không đến” của Xuân Vũ, Hồ Văn Châm Viết:

“Tôi gặp nhà văn Xuân Vũ giữa năm 1971 sau khi anh đã thành

công vượt mọi gian khổ, vượt qua được dãy Trường Sơn nhưng không vượt qua được nỗi khủng hoảng ngày đêm dằn vặt tâm tư. Tôi nhớ là đã nói chuyện nhiều với nhà văn Xuân Vũ về “Đường đi không đến của anh”. Tôi đã tâm sự với nhà văn Xuân Vũ về việc gia tiên ngày xưa đương chức tri huyện Lệ Thủy, Quảng Bình đã hưởng ứng việc Cần Vương để rồi ngậm ngùi, thống hận từ trần, tuổi chưa được 40. Sau này đến lượt gia nghiêm khăng khăng không chịu ném bút lông cầm bút sắt, cơn khủng hoảng lý tưởng càng trầm trọng hơn, đường đi hoàn toàn nghẽn lối. Tôi đã nói cho nhà văn Xuân Vũ biết là, kinh nghiệm dòng họ khiến cho tôi ngày nay nghĩ rằng chúng ta không thể quá khích mà cũng không thể tiêu cực. Đường đi của chúng ta phải là con đường thích nghi với hoàn cảnh...”

Lý luận chiêu hồi của Hồ Văn Châm là như vậy. Luận điểm này được CIA khen là khôn ngoan, hợp thời, đúng với tâm lý. Bởi vì, lúc này Mỹ đang thua và rõ ràng không tài nào thắng nổi. Nhưng phía cách mạng cũng có nhiều khó khăn, vùng giải phóng chưa mở rộng, hầu hết các thành thị và trung tâm dân cư hầy còn do Mỹ ngụy kiểm soát. Các cố vấn CIA nhận xét, lúc này mà tuyên truyền quảng cáo cho “sức mạnh” của Mỹ rất khó lọt tai, mà bịa đặt những chuyện hoang đường như “Bầy tên Việt cộng quá gầy gò ốm yếu đánh đu vào cọng đu đủ không gãy” cũng không lừa bịp nổi ai. Chi bằng, đánh vào ngại chiến tranh ác liệt, kéo dài vì “không bên nào thắng cũng không bên nào thua”, trong lúc “giao thời” này hầy “thích nghi với hoàn cảnh” bằng cách tìm hiểu một cuộc sống “hưởng lạc, yên ổn” trong các trung tâm dân cư dưới sự kiểm soát của Mỹ ngụy.

Các cố vấn CIA đã kiến nghị với Bộ tư lệnh Quân sự Mỹ ở Sài Gòn “giúp” ngụy đủ mọi phương tiện tối tân hiện đại nhất để phục vụ cho công tác chiêu hồi, Gần 50 chiếc máy bay U10 đã được lầu năm góc trao cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu để dùng vào việc kêu gọi những phần tử đang hoang mang dao động từ hàng ngũ cách mạng chạy sang phía Mỹ ngụy. Một tài liệu của CIA viết, đây là loại máy bay đặc biệt, có thể cất cánh hạ cánh trên một đường băng rất yếu, có thể bay từ tốc độ 45 km đến 250km/giờ, có thể bay sát ngọn cây. Máy bay có hai người. Người lái là một phi công Mỹ. Người gọi loa là một sĩ quan, hạ sĩ quan và cũng có khi là một mĩ nhân viên thuộc trung tâm chiêu hồi của ngụy. Trong nhiều trường hợp, không nhất thiết phải trực tiếp nói, mà chỉ cần bấm nút khởi động những cuốn băng từ đã

ghi âm sẵn những lời kêu gọi thống thiết, có khi là “của một chiến hữu vừa rời bỏ hàng ngũ cộng sản chạy sang phía quốc gia”, có khi là tiếng than vãn của người mẹ, tiếng nỉ non của người vợ có chen lẫn tiếng khóc của trẻ con. Có khi là những bản nhạc vàng “phản chiến”, những bài ca “vọng cổ hoài lang não ruột”.

Đề cập tác động của những chuyến bay U10 này, CIA đã ghi lại lời khai của một người lính trẻ đào ngũ tên là Thái Quang Toàn như sau: giữa đêm khuya thanh vắng chiếc máy bay quái dẫn lượn vo vo trên đầu chúng tôi như một bóng ma. Chúng tôi nằm trên võng. Mọi người đều giữ im lặng nhưng tôi có cảm giác những người bên cạnh tôi lúc này cũng đang căng mắt ra như tôi, theo dõi từng vòng lượn của chiếc máy bay, chú ý lắng nghe những giọng nói ma quái từ máy bay vọng xuống. Một lát sau, giọng nói im bật, tiếng máy bay cũng tắt, hình như để những người dưới đất tự suy ngẫm về những lời vừa mới được nghe. Một lát sau, máy bay lại luồn tới. Lại có những giọng nói từ trên cao, từ trong đêm rót xuống, lọt qua màn nhĩ, lọt vào tận trong mạch máu của chúng tôi. Sáng hôm sau vừa báo thức, tôi choàng mắt dậy đã thấy nhiều tờ truyền đơn rải từ trên máy bay xuống trong đêm hôm trước trắng xóa cả một vùng. Có cả những tấm ảnh, những tờ giấy thông hành chỉ dẫn cách “chạy sang phía bên kia” như thế nào. Cấp trên ra lệnh hủy tất cả những thứ gì từ máy bay ném xuống. Nhưng tôi đã kịp giấu nhanh vào trong túi áo “tờ rơi” để phòng thân.

CIA cũng chỉ dẫn cho nguy, không rải truyền đơn một cách tràn lan mà là “tiến công có trọng điểm” Cứ sau một trận đánh lớn hoặc một trận ném bom ác liệt là chiếc U10 mới xuất hiện, rải truyền đơn và “rót” những luận điệu chiến tranh tâm lý vào tận “đáy sâu tâm hồn” của những kẻ hoang mang dao động đang mệt mỏi về thể xác và hoảng loạn về tinh thần.

Do tập trung tiền của, công sức và tận dụng đủ mọi phương tiện tinh vi hiện đại, các cố vấn CIA đã “giúp đỡ” được cho chính quyền nguy thu hút được một số “hồi chánh viên”. Tuy nhiên, như chính các tài liệu mật của CIA đã ghi nhận, trong hàng ngàn binh lính và sĩ quan cộng sản chạy sang hàng ngũ nguy quân, hầu hết đều là bọn hèn nhát, không chịu đựng được gian khổ ác liệt. Một số ít nữa bỏ đồng đội đầu hàng dịch vì bất mãn địa vị hoặc có mâu thuẫn gay gắt với

cấp trên, với đơn vị. CIA thừa nhận, chưa có ai rời bỏ hàng ngũ cộng sản vì được lôi cuốn bởi những “lý tưởng chủ nghĩa quốc gia” của chính quyền ngụy. Chúng cũng thấy rõ như vậy cho nên Hồ Văn Châm đã “đi một nước cò” nữa là thúc ép một số “hội chánh viên” phải tham gia đảng dân chủ của Thiệu. Hồ Văn Châm còn đi xa hơn nữa bằng cách tập hợp một số phần tử xa đọa nhất “phần lớn đã phạm kỷ luật nặng khi còn tham gia lực lượng kháng chiến” tổ chức thành những “đơn vị vũ trang” cầm súng chống lại cách mạng. Tên Lê Văn Lập trước kia là xã đội phó ở Sơn Tịnh, Quảng Ngãi chạy sang đầu hàng Mỹ ngụy đã được CIA cho làm đại đội trưởng chỉ huy một đại đội vũ trang để chống lại cách mạng.

Mưu đồ của CIA rất nham hiểm, tham vọng của CIA trong kế hoạch “chiêu hồi” cũng rất lớn nhưng kết quả thu lượm được cũng chỉ có hạn, như chính chúng đã thừa nhận. Đơn vị vũ trang cao nhất mà chúng thành lập được cũng chỉ tới cấp đại đội. Trong cuộc tổng tiến công vũ bão mùa xuân năm 1975, những đại đội này nhanh chóng bị tiêu diệt hoặc tan rã trong cuộc tiến công thần tốc của các lực lượng vũ trang cách mạng.

Nhiều tên phản bội, đào ngũ, không di tản kịp theo quan thầy đã bị nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân bắt sống. Chúng ăn năn, hối hận thì đã quá muộn. Trước chính quyền cách mạng chúng chỉ còn một con đường là cúi đầu nhận tội, thành khẩn khai báo đầy đủ những tội lỗi mà chúng đã phạm, cung cấp cho nhân dân những tài liệu cụ thể về tội ác của CIA

11. CIA TỔ CHỨC MẠNG LƯỚI NỘI GIÁN TRONG HÀNG NGŨ CÁCH MẠNG

Đầu năm 1960, Tổng thống Mỹ Ríchxơn bước vào Nhà trắng thay Lindon Ben Giônxon, người đã “tự cách chức mình” sau những thất bại nặng ở miền Nam Việt Nam. Lúc này, nhà Trắng vẫn chưa hết choáng váng về cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân 1968. Ngay trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng an ninh quốc gia dưới sự chủ tọa của Ríchxơn, các thành viên trong hội đồng này đã nhất trí đặt trọng tâm số một vào việc đối phó với cao trào cách mạng miền Nam Việt Nam. Đi đôi với kế hoạch “bình định” Cục tình báo trung ương còn xúc tiến một loạt kế hoạch nữa, mang nhiều tên gọi khác nhau, nhằm tổ chức một mạng lưới nội gián trong nội bộ phong trào cách mạng miền Nam Việt Nam.

Thật ra, vấn đề tổ chức nội gián không phải là một chủ trương mới. Từ hồi thực dân Pháp bắt đầu tiến công xâm lược Việt Nam, phòng nhì tức cơ quan tình báo của Pháp đã tốn nhiều công sức, tiền của để bố trí mạng lưới trong lực lượng kháng chiến của nhân dân ta. Khi đế quốc Mỹ thay chân thực dân Pháp độc chiếm miền Nam Việt Nam, kế hoạch đầu tiên của tình báo Êtút Lenxđen cũng để cập chủ trương bố trí nội gián trong các cơ quan chính quyền và đoàn thể ở miền Bắc Việt Nam. Tuy nhiên chưa bao giờ việc “cắm nội gián” lại được chú trọng đặc biệt và thực hiện trên một qui mô lớn như thời kỳ Ríchxơn mới bước vào nhà Trắng. Vấn đề này cũng dễ hiểu. Sau hàng loạt thất bại nặng nề ở miền Nam Việt Nam mà đỉnh cao là cuộc tập kích chiến lược hồi Tết Mậu Thân, đế quốc Mỹ ngấm đòn càng thấm thía “sự quan trọng cấp thiết phải có những điệp viên “luồn sâu, leo cao” trong guồng máy lãnh đạo của đối phương thì mới hy vọng nắm được phần nào “những chủ trương có tính chất chiến lược của Việt Cộng” để kịp thời đối phó”.

Những tài liệu của Mỹ ngụy để lại chưa kịp thiêu hủy trong cơn tháo chạy tán loạn cho biết, ngay từ tháng 1-1969 chi nhánh CIA tại Sài Gòn đã vạch ra một kế hoạch mang tên Con chim lửa (Fire bird) nhằm bố trí một mạng lưới nội gián rất rộng trong hàng ngũ đối

phương. Sau khi thảo luận kỹ với Nguyễn Khắc Bình là đặc ủy trưởng phủ đặc ủy Trung ương tình báo nguy, kế hoạch “Con chim lửa” của Mỹ được “Việt Nam hóa” bằng cái tên gọi theo từ Hán - Việt là Hải Yến “chim én biển”. Trong cuộc họp nhằm triển khai kế hoạch Hải Yến, cả Mỹ lẫn nguy đều thống nhất nhận định tình hình miền Nam Việt Nam đang có nhiều diễn biến không thuận lợi cho bọn chúng. Hội nghị Pari nhằm giải quyết vấn đề miền Nam Việt Nam bằng biện pháp hòa bình đã bắt đầu. Tổng thống Mỹ Níchxơn cũng đã “ngầm” chấp nhận việc rút quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam “theo từng bước nhỏ giọt” kết hợp với kế hoạch chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh Việt Nam, dùng quân nguy thay cho quân Mỹ. Như vậy là đến một thời gian nào đó hiệp định Pari sẽ được ký. Bước đầu tiên trong việc thực hiện hiệp định, như diễn biến thông lệ của các thỏa thuận quốc tế, sẽ là trao đổi tù binh giữa các bên tham chiến. Vì vậy, nội dung chủ yếu của kế hoạch Hải Yến là “tuyển chọn trong số cán bộ và sĩ quan của đối phương bị bắt làm tù binh những phần tử đã bị dụ dỗ, mua chuộc, tổ chức huấn luyện bí mật để đào tạo thành điệp viên ngầm” rồi cho quay trở lại hàng ngũ đối phương dưới các hình thức ân xá, phóng thích, hoặc trao trả khi có giải pháp chính trị”. Những điệp viên ngầm này sẽ tìm cách chui vào nội bộ các cơ quan cách mạng, khéo léo tạo ra một vỏ bọc kín đáo, cố gắng luồn sâu, leo cao, chờ cơ hội có người tới tiếp xúc theo ám hiệu đã qui định sẽ móc nối liên lạc, nhận nhiệm vụ và phương tiện hoạt động, đáp ứng các yêu cầu lúc đó của CIA. Nếu chiến tranh kéo dài, những điệp viên ngầm này sẽ cung cấp cho CIA các chủ trương chiến lược của đối phương đối với chiến tranh và đàm phán. Nếu chiến tranh kết thúc thì những điệp viên này vẫn tiếp tục trong khuôn khổ “kế hoạch hậu chiến” của CIA, Như vậy là, dù hội nghị Pari kéo dài hay là hội nghị Pari kết thúc bằng giải pháp chấm dứt chiến tranh, CIA vẫn có một loạt điệp viên ngầm trong hàng ngũ đối phương để thực hiện các công tác phá hoại.

Trong hồ sơ mật của Mỹ nguy bỏ lại sau khi tháo chạy cũng ghi rõ trên giấy trắng mực đen, bản “phân công phân nhiệm” như sau:

Bộ phận chỉ đạo:

- Thiếu tướng Nguyễn Khắc Bình đặc ủy trưởng Phủ đặc ủy Trung ương tình báo.
- Đại tá Nguyễn Phi Phụng, phụ tá.

- Đại tá Lợi Nguyên Tấn, phụ tá.

Bộ phận tham mưu:

- Trung tá Phạm Công Tâm (tức Nguyễn Đức Duy) giám đốc Ban 4. (Tên này trước kia đã giữ chức Cục trưởng cục tình báo quốc gia, đã được cử đi học ở Mỹ và đã làm luận án tiến sĩ về khoa học chính trị, được Nguyễn Khắc Bình ủy nhiệm đặc trách chỉ huy toàn bộ kế hoạch Hải Yến, mọi ý kiến đề đạt đều trình bày thẳng với đặc ủy trưởng Nguyễn Khắc Bình không phải qua văn phòng đặc ủy).

- Đại úy Nguyễn Lưu Mỹ, chuyên viên thiết kế, chánh sự vụ A17 thuộc Ban A, được ủy nhiệm làm tham mưu trưởng cho Phạm Công Tâm, đặc trách phần công tác Bắc vụ, bí số A89.

- Nguyễn Chí Vỹ, đốc sự hành chính, chuyên viên thiết kế, tham mưu phó cho Phạm Công Tâm. (Năm 1972 khi Nguyễn Lưu Mỹ chuyển sang bộ Quốc phòng ngụy, Nguyễn Chí Vỹ đã thay Nguyễn Lưu Mỹ làm tham mưu trưởng đến tháng 10 năm 1973 thì chuyển sang làm phó Tỉnh trưởng tỉnh Quảng Ngãi)

- Đại úy Bùi Văn Tuấn phụ tá cho Nguyễn Lưu Mỹ.

- Đại úy Trần Trọng Nghĩa (tức Đỗ Đàn) Nguyên trưởng đốc khảo sát địa lý Ban T thuộc Cục tình báo Quốc nội, trưởng phòng kế hoạch Ban Z, phân vực phản gián, phụ trách công tác Nam vụ, bí số A69.

- Nguyễn Văn Hai, nguyên chủ sự phòng hồ sơ Ban A, được đặc trách đảm nhiệm toàn bộ hồ sơ kế hoạch Hải Yến,

Bộ phận liên lạc các trại giam (nhằm tuyển chọn bước đầu đưa về trung tâm thẩm vấn (tức Ban Q) để sát hạch trước khi tuyển chọn chính thức):

- Đại úy Nguyễn Quốc Thanh.

- Trung úy Nghiêm Trọng Minh,

- Trung úy Vũ Vĩnh Hiên.

- Trung úy Dương Hồng Chương.

Bộ phận thẩm vấn đặc trách việc sát hạch những tù binh được đưa về Ban Q. Qua những cuộc thẩm vấn này sẽ tìm hiểu tư tưởng, năng lực, chỗ mạnh chỗ yếu của những tù binh sơ bộ tuyên truyền để quyết định sử dụng chính thức

- Đại úy Nguyễn Lưu Mỹ.

- Đại úy Trần Trọng Nghĩa.
- Trần Văn Thạch, tình báo viên trung cấp.
- Văn Công Danh, tình báo viên trung cấp.
- Nguyễn Quang Nghĩa, tình báo viên cao cấp.
- Nguyễn Văn Đức, tình báo viên cao cấp.
- Nguyễn Văn Thi, đốc sự hành chính.
- Trung úy Nguyễn Thanh Ván, phụ tá.
- Thiếu úy Nguyễn Ngọc Nhân, phụ tá.

Bộ phận trắc nghiệm – gồm hai phân ban:

- Phân ban trắc nghiệm bằng máy phát hiện nói dối do cố vấn Mỹ trực tiếp thực hiện, có phiên dịch (thông dịch viên) dịch các câu hỏi và trả lời trong trường hợp cố vấn Mỹ chưa thông thạo tiếng Việt.

- Phân ban trắc nghiệm tâm lý nhằm thử trí thông minh, tính nhạy bén linh hoạt đối phó với những tình huống éo le, phức tạp, bất ngờ do các cố vấn CIA và chuyên viên tình báo ngụy cùng phối hợp tiến hành, Phía ngụy có: Nguyễn Lưu Mỹ, Nguyễn Quang Tuấn, Nguyễn Quốc Thanh, Âu Vĩnh Hiên, Dương Hồng Chương.

Bộ phận huấn luyện nhằm giảng dạy đào tạo, những tù binh đã được tuyển chọn trở thành điệp viên ngầm để cài cắm trong hàng ngũ đối phương:

- Nguyễn Chí Vỹ và Nguyễn Văn Hai đặc trách giảng dạy các bài tình báo cơ bản.

- Thiếu tá Bửu Hậu, đại úy Nguyễn Đăng Bá, Nguyễn Văn Tuyển huấn luyện các môn: chống thẩm vấn, chống ngoại tuyến.

- Các cố vấn Mỹ huấn luyện kỹ thuật truyền tin, mật mã sử dụng mực hóa học.

Bộ phận an ninh bảo vệ các trung tâm và cơ sở thẩm vấn, huấn luyện, điều hành công tác:

- Trung úy Nguyễn Thanh Vân chỉ huy lực lượng cảnh vệ.
- Trung úy Trần Quang Sáng.
- Trung úy Dương Hồng Chương.
- Thiếu úy Nguyễn Ngọc Nhẫn.

- Trung sĩ Lê Văn Gia.
- Trung sĩ Trần Việt Lực.
- Trung sĩ Kiều Văn Hoàn.
- Trung sĩ Đoàn Đức Diêm.
- Trung sĩ Nguyễn Văn Quang.
- Trung sĩ Nguyễn Văn Rân.
- Hạ sĩ Huỳnh Văn Hòa,

Bộ phận cố vấn gồm các nhân viên tình báo CIA chịu trách nhiệm chỉ dẫn cho tình báo nguy các mặt tổ chức, huấn luyện, viên ngầm, bố trí và sử dụng mạng lưới điệp viên ngầm.

Rôlin: cố vấn trưởng, phụ trách chung các cố vấn.

Phorenxit, Chêri, Hecman, Xtiut, Ben Xpringo, Macđônien phụ trách điều khiển thiết bị trắc nghiệm chỉ đạo kế hoạch thẩm vấn (nhiều lúc trực tiếp thẩm vấn, quyết định sử dụng hoặc loại bỏ các điệp viên ngầm đã tuyển chọn).

Bộ phận phiên dịch gồm các thông dịch viên Phủ Văn Liêm, Phạm Thị Kim Anh, Nguyễn Thị Hồng Tước đã làm thông dịch viên trong tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn. Tất cả ba thông dịch viên này đều đều là người miền Bắc di cư vào Nam. Theo lời khai của những điệp viên ngầm đã ra đầu thú, chi phí cho kế hoạch Hải Yến đều do CIA đài thọ. So với các kế hoạch tình báo khác, kế hoạch Hải Yến được CIA “ưu tiên tuyệt đối”, Cần chi tiêu những gì, hết bao nhiêu tiền đều được giám đốc chỉ nhánh CIA tại Sài Gòn xét duyệt rất nhanh chóng. Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn cũng như Bộ tư lệnh quân sự Mỹ tại miền Nam Việt Nam đều tỏ ra rất sốt sắng trợ giúp cho các kiện nghị của CIA, ví dụ như sử dụng chuyên cơ để đưa tù binh từ Côn Đảo về Sài Gòn, xây dựng các bin dinh dùng vào việc thẩm vấn, huấn luyện. Các điệp viên ngầm sau khi được CIA chính thức sử dụng đều được hưởng “chế độ đặc biệt” về ăn uống, lương bổng, chi tiêu theo yêu cầu. Trung bình mỗi điệp viên ngầm từ lúc bắt đầu tuyển chọn đến khi tung đi hoạt động tốn hết nửa triệu đồng liên nguy.

Bọn nhân viên phủ đặc ủy trung ương tình báo nguy ra thú tội với chính quyền cách mạng cho biết. CIA đã tiến hành công việc tuyển chọn và đào tạo điệp viên ngầm rất công phu theo từng bước có nghiên cứu kỹ. Trước hết, các cố vấn CIA cùng với một số nhân viên

đặc ủy nghiên cứu kỹ tập hồ sơ của những tù binh đã được hỏi cung, bước đầu phát hiện những người có thể hợp tác với chúng. Sau đó, chúng lập danh sách những tù binh đã sơ bộ lựa chọn này rồi đề nghị với các trại giam “cho mượn tạm” số tù binh đó, đưa về Ban Q tức ban liên hệ với các trại giam để chúng trực tiếp thẩm vấn một lần hoặc nhiều lần nữa. Những tù binh mà CIA tuyển chọn làm điệp viên ngầm thường là những cán bộ, sĩ quan, hạ sĩ quan và tù binh khoảng 25 tuổi, sức khỏe tốt, thông minh, nhanh nhẹn, phản ứng nhạy với các tình huống bất ngờ, đang hoang mang dao động vì chiến tranh kéo dài, ác liệt, hoặc tốt nhất là đang có một tâm tư phiền muộn, một ác cảm hay điều gì đó bất mãn với cấp trên, với đơn vị, với cơ quan. Theo các cố vấn CIA truyền lại cho ngục, nếu chọn được các sĩ quan cấp càng cao càng tốt. Nếu là hạ sĩ quan thì ít nhất phải là những người đã học hết trung học phổ thông, nếu có chuyên môn kỹ thuật về thông tin càng tốt. Nếu là cán bộ dân sự thì tốt nhất tuyển chọn được các cán bộ dân chính, các bác sĩ, kỹ sư có chuyên môn, có hiểu biết về xã hội, kinh tế, văn hóa ở miền Bắc và vùng giải phóng. Những người nào sau khi trao trả tù binh và nhân viên dân sự có khả năng lại quay trở lại làm việc trong các cơ quan Nhà nước, bí mật thu nhập tin tình báo phục vụ cho các âm mưu đen tối của chúng.

CIA rất chú ý đến những người xuất thân từ các gia đình địa chủ, phong kiến, tư sản, tiểu tư sản có “vướng mắc với cách mạng” những phần tử bất mãn “tự cho là có tài nhưng không được trọng dụng”, Những cán bộ chiến sĩ có gia đình họ hàng ở miền Nam, nhất là trong các đô thị bị Mỹ ngục tạm chiếm cũng được CIA “đặc biệt chú ý”. Các cố vấn CIA coi những gia đình ở miền Nam trong vùng chúng khống chế là “cơ sở tốt để chuyển hóa, nắm chặt đối tượng”. Trong khi thẩm vấn, chúng cố “phát hiện và nắm bắt” những đối tượng có những sở thích cá nhân, ham muốn thêm khát cuộc sống xa hoa trụy lạc, ngại hy sinh gian khổ. Dĩ nhiên chúng “đánh giá cao” những phần tử đầu hàng phản bội, thích phiêu lưu mạo hiểm, thích tiền, thích gái, tự nguyện hợp tác với chúng.

Những tập hồ Sơ Mỹ ngục chưa kịp thiêu hủy trong khi tháo chạy có ghi, trong khoảng thời gian từ 1970 đến 1973 chúng đã tuyển chọn điệp viên ngầm từ rất nhiều các trại giam ở Biên Hòa, Đà Nẵng, Plây cu, Cần Thơ, Quy Nhơn, Phú Quốc. Mỗi lần, chúng chỉ “mượn” từ các trại giam này từ 4 đến 5 tù binh hoặc cán bộ dân sự bị bắt giam, thẩm

vấn xong một đợt lại trả về các trại giam cũ.

Sau khi được đưa về Ban Q mỗi tù binh phải viết một phiếu lý lịch và chụp hai ảnh “một ảnh chụp thẳng mặt nhìn rõ cả hai tai, một ảnh chụp nghiêng nhìn rõ sống mũi; nếp trán, nếp cổ” rồi lăn tay làm thẻ căn cước. Cuối cùng số tù binh này được ghi vào danh sách “theo dõi đặc biệt”, ghi số thứ tự bắt đầu từ 101 có gắn thêm hai chữ BM. Sau này, khi có tù binh nào chịu hợp tác với CIA thì dùng luôn số thứ tự ghi trong danh sách đó làm “bí số” tiếp tục theo dõi. Bí số này chính bản thân điệp viên ngầm cũng không biết, mà chỉ riêng CIA và những nhân viên đặc ủy chịu trách nhiệm “nắm” bọn điệp viên ngầm này biết riêng với nhau. Còn bản thân điệp viên ngầm cài cắm làm nội gián trong hàng ngũ chính quyền và quân đội cách mạng sẽ có một danh sách và bí số riêng.

Nhìn chung, cuộc “thăm vấn khai thác” tại Ban Q cũng giống như những cuộc hỏi cung ở các trại giam cũ nhưng hình thức hoàn toàn khác hẳn. Tại Ban Q tù binh được xét hỏi riêng biệt từng người trong một gian phòng khang trang, đầy đủ tiện nghi. Tù binh không bị đánh đập, xỉ nhục hoặc quát mắng mà được chào hỏi lịch sự, được mời hút thuốc lá thơm, ăn kẹo bánh trái cây, uống sữa, cà phê, rượu bia, nước ngọt. Nói một cách cụ thể hơn, đây không phải là cuộc thăm vấn theo kiểu hỏi cung (vì việc hỏi cung đã tiến hành rồi) mà là buổi “nói chuyện, thân mật, cởi mở” nhằm dụ dỗ, mua chuộc làm điệp viên ngầm cho CIA. Những tài liệu của Mỹ ngụy cho biết, chúng đã sử dụng khách sạn Mã Nhận Tân, thách sạn Tân Lộc, nhà 305 Nguyễn Minh Chiến Gia Định, nhà số 60 và 261/1 Trương Minh Ký: nhà số 44 và 45 Trương Quốc Dung cùng với một sổ biệt thự nữa trên đường Công Lý, đường Lê Văn Duyệt kéo dài, đường Bùi Thị Xuân, đường Phạm Đăng Hưng. Đa Kao vào việc này

Mỗi cuộc “thăm vấn” thường tiến hành rất nhanh. Chỉ vào khoảng một buổi rồi lại trả về trại giam cũ. Nếu tù binh nào cần thăm vấn lâu hơn, tức là đòi hỏi nhiều thời gian hơn để “cảm hóa” thì sẽ tiến hành làm nhiều đợt, sau mỗi đợt lại đưa về trại giam cũ cho “suy nghĩ” ít lâu sau lại gọi lên. Làm như vậy, CIA giữ cho đám tù binh bị mua chuộc cái vỏ bọc bí mật, không bị đồng đội trong trại giam cũ nghi ngờ. Mọi người chỉ nghĩ đơn giản số tù binh này bị gọi lên để “hỏi lại” những chi tiết chưa khai báo rõ trong những lần hỏi cung trước.

Từ năm 1971, CIA tập trung tuyển chọn những tù binh và cán bộ dân sự mới bị bắt, chưa có nơi nào thẩm vấn đề giữ bí mật. Kế hoạch Hải Yến không chủ trương sử dụng tù chính trị vì tù chính trị thường đã bị giam lâu được các tù nhân trong trại giam quan tâm chú ý. Và nhất là những người tù chính trị đã bị giam lâu càng kiên định vững vàng, khó khuất phục mua chuộc dụ dỗ.

Sau giai đoạn thẩm vấn mà phủ đặc ủy tình báo nguy gọi là giai đoạn “tuyển chọn sơ khởi”, nếu đối tượng đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về tư tưởng (quyết tâm đi theo con đường phản bội chống lại cách mạng), khả năng (có trình độ làm điệp viên ngầm) và điều kiện (có thể bố trí làm nội gián) lúc đó sẽ được chuyển sang giai đoạn “dự tuyển” và được đưa sang “nhà an toàn” được sống thoải mái nhưng vẫn bị giám sát, bí mật theo dõi, có quân cảnh bí mật canh gác ngôi nhà ở. Trong thời gian này đối tượng tuyển chọn được “chiêu đãi”, cụ thể được CIA cho đi chơi phố, xem hát, xem phim, nhất là được ăn uống thoải mái tại các “cao lầu tửu quán” hoặc khách sạn Âu, tùy thích. CIA nhận định, sau một thời gian dài chiến đấu gay go ác liệt, sống gian khổ chủ yếu ở trong rừng nay được “ăn chơi xả láng”, nhất định những tâm lý hưởng lạc trong con người sẽ trỗi dậy mạnh mẽ, không muốn trở lại cuộc sống cũ, thậm chí còn ghê sợ không dám quay trở lại con đường cũ. Nhất là trong hoàn cảnh vẫn bị Mỹ nguy theo dõi giám sát, không được tu dưỡng mà toàn bị cám dỗ, kích thích dục vọng dĩ nhiên cứ thế lao vào con đường phản bội không giữ vững tinh thần và ý chí chiến đấu.

Cho tới khi đối tượng tỏ ý tự nguyện muốn “hợp tác” với CIA lúc đó vẫn còn phải qua thiết bị “trắc nghiệm bằng máy” để thẩm tra một lần nữa xem có toàn tâm toàn ý tự nguyện hợp tác không? Việc trắc nghiệm bằng máy hoàn toàn do cố vấn CIA đảm nhiệm. Cũng chỉ có cố vấn CIA mới đủ thẩm quyền kết luận chính thức có tuyển dụng đối tượng hay không? Sau đó, đối tượng làm đơn gửi lên phủ đặc ủy trung ương tình báo. Lá đơn này cũng là một thứ bằng chứng để CIA giữ làm “con tin” cột chặt điệp viên ngầm vào guồng máy tình báo của chúng.

Để gây “ấn tượng” cho bọn phản bội bắt đầu đi vào con đường tội lỗi làm tay sai cho chúng, CIA đã chỉ dẫn cho phủ đặc ủy tình báo nguy tổ chức “lễ kết nạp” với hình thức “thật thiêng liêng và long

trọng”.

Chúng chọn một hội trường trong phủ đặc ủy có trang trí cờ ba sọc và ảnh tổng thống ngự Nguyễn Văn Thiệu làm nơi tiến hành “lễ kết nạp” tình báo viên. Một nhân viên cấp cao trong phủ đặc ủy tình báo đóng vai “đại diện chính phủ tới dự lễ kết nạp cho thêm phần long trọng”, thực tế là đến giám sát, quan sát tận mắt thái độ, cử chỉ, vẻ mặt, lời nói của đối tượng vừa mới được kết nạp xem có thật sự tự nguyện không.

Sau khi tuyên bố lý do và trình trọng giới thiệu vị đại diện chính phủ tới chứng kiến lễ kết nạp, tên tình báo điều khiển buổi lễ mời mọi người đứng dậy làm lễ chào cờ và bỏ ra một phút mặc niệm “các chiến sĩ đã anh dũng hy sinh cho chính nghĩa quốc gia”. Tên sĩ quan điều khiển buổi lễ giới thiệu vắn tắt lý lịch của đối tượng và nêu rõ lý do tại sao đối tượng ly khai cộng sản để tự nguyện phục vụ “quốc gia”. Tiếp đó tên chánh sự vụ Ban A, tham mưu cho bộ phận chỉ đạo lên nói mấy lời nhận xét quá trình cảm hóa, “giác ngộ” của đối tượng và đề nghị vị đại diện chính phủ chuẩn y kết nạp. Dĩ nhiên “vị đại diện chính phủ hài lòng chấp nhận đề nghị chánh đáng” này.

Tên phản bội ly khai trước khi chính thức trở thành điệp viên ngầm của CIA phải quỳ gối trước lá cờ ngự và ảnh chân dung Tổng thống ngự Nguyễn Văn Thiệu “đọc lời tuyên thệ”: “tự nguyện ly khai Việt cộng (hoặc cộng sản Bắc Việt) suốt đời trung thành với chánh nghĩa quốc gia, tuyệt đối giữ bí mật công vụ, chiến đấu tới giọt máu cuối cùng cho sự nghiệp chống cộng và nguyện gánh chịu mọi hình phạt nghiêm khắc nếu làm trái lời thề”.

Lúc này tên đóng vai đại diện chính quyền ngự lại tiếp tục màn kịch, nói vài câu úy lạo, tuyên bố phong cấp bậc và gấn quân hàm, quân hiệu cấp hiệu cho đối tượng vừa được kết nạp.

Kết thúc buổi lễ là một bữa tiệc nhẹ được tổ chức ngay lại hội trường “mừng quốc gia có thêm một tình báo viên”. Tất cả diễn biến trong buổi lễ, từ lúc chào cờ, mặc niệm, tuyên thệ đến khi “ăn mừng” nâng ly chạm cốc chúc tụng nhau đều được ghi âm, chụp ảnh, quay phim để “lưu niệm” thực tế là để có những bằng chứng cụ thể, cột chặt tên điệp viên vào cỗ xe tội ác của Mỹ ngự. Từ lúc này trở đi tên phản bội ly khai chỉ còn một con đường xuống dốc là ôm chặt lấy

chân quan thầy, chống lại cách mạng, phản lại nhân dân.

Sau khi đã được chính thức kết nạp, điệp viên mới được bắt đầu theo học khóa huấn luyện tình báo. Chương trình huấn luyện gồm có hai phần: tình báo cơ bản và kỹ thuật thông tin liên lạc.

Phần tình báo cơ bản do sĩ quan ngục phụ trách, gồm các bài:

- Phương pháp điều tra thu thập tin tức tình báo.
- Cách theo dõi mục tiêu và đối tượng.
- Cách đối phó lại khi bản thân bị theo dõi
- Cách liên lạc bằng “hộp thư sống”.
- Cách liên lạc qua “hộp thư chết”.
- Cách liên lạc qua mật khẩu, ám hiệu, tín hiệu.
- Cách nhận biết các dấu hiệu an toàn, dấu hiệu báo động trước khi tiếp xúc liên lạc.
- Cách thẩm vấn.
- Cách đối phó lại khi bị thẩm vấn.

Thời gian học tập phần tình báo cơ bản kéo dài 6 tuần.

Phần kỹ thuật thông tin liên lạc do các điệp viên CIA phụ trách gồm các bài học trên lý thuyết kèm theo thực tập.

- Cách thu phát tín hiệu moóc-xơ bằng máy radiô trandilô
- Cách chế tạo mực hóa học, ghi tin bằng mực hóa học, phương pháp đọc thư được ghi bằng mực hóa học.
- Cách sử dụng máy thu phát bằng năng lượng mặt trời thay cho điện một chiều và xoay chiều, trường hợp không có nguồn điện thông thường để thu tin, phát tin.
- Cách thiêu hủy các tài liệu mà không để lại vết tích.

Thời gian học tập phần này, kể cả thực hành kéo dài từ hai đến ba tháng. Như vậy là. Sau khi đã được xếp nạp điệp viên ngầm còn phải được huấn luyện từ 4 đến 5 tháng mới có thể trao công tác. Khu vực hoạt động đầu tiên của điệp viên ngầm là ngay trong trại giam cũ.

Trước khi trở về trại giam cũ, điệp viên còn phải trải qua một thời gian thử thách nữa, nghĩa là lại phải ăn uống kham khổ, uống thuốc tiêu mỡ, để tóc bù xù, không tắm gội, lấy lại vẻ tiêu tụy, bần thủ. Phải dự kiến trước, khi quay về trại giam cũ, các ban tù cũ sẽ hỏi: tại sao

vắng mặt lâu, bị giải đi những đâu, bị chắt vắn những gì... Trong trường hợp đó phải trả lời thật khéo léo để mọi người khỏi nghi ngờ. Lúc về trại phải tích cực hoạt động để gây tín nhiệm trong số các đồng đội cùng bị giam, dĩ nhiên phải cùng với anh em tham gia đấu tranh chống chế độ lao tù hà khắc.

Để bảo đảm giữ được tuyệt đối bí mật, khi điệp viên ngấm quay về trại giam cũ, chính bọn sĩ quan cai quản trại giam này cũng không biết đây là một tên phản bội vừa mới được kết nạp làm điệp viên ngấm. Vì vậy, trong khi tham gia đấu tranh trong tù, vẫn có thể bị đánh đập, trừng phạt, giam xà lim, giam ngục tối... và vẫn phải cố nghiền răng chịu đựng.

Chỉ trong trường hợp thật nguy kịch, khi đồng đội cũ trong trại giam phát hiện được là có nội gián bố trí trong trại, quyết định thủ tiêu kẻ phản bội thì lúc đó điệp viên ngấm mới được phép sử dụng mật khẩu, nói với lính gác: “thưa ông, cho tôi gặp ngay ông chỉ huy phó” để kịp thời chuyển đi trại khác. Trong trường hợp chưa bị lộ, tên nội gián vẫn tiếp tục sinh hoạt với các bạn tù, nhưng ngấm ngấm tuyên truyền dụ dỗ, lung lạc một số “bạn thân”. Khi nào gặp được người “tri kỷ” cũng muốn đi theo con đường phản bội lúc đó sẽ lại mật báo với “ông chỉ huy phó” đề CIA bắt liên lạc và đưa đi đào tạo điệp viên mới,

Sau giai đoạn “thử thách và thực tập” trong trại giam (thời gian kéo dài đến bao giờ là do CIA quyết định) lúc đó điệp viên ngấm mới chính thức được cử đi hoạt động trong vùng giải phóng miền Nam Việt Nam hoặc ở miền Bắc.

Những điệp viên được chọn đi hoạt động tại các vùng giải phóng miền Nam (gọi là công tác Nam vụ) thông thường đều là những tên phản bội quê ở miền Nam Việt Nam. Chính quyền ngụy bày trò ân xá, phóng thích để “trả lại tự do” cho những người này. Còn những tên sinh quán ở miền Bắc nhưng do yêu cầu tự nguyện kết hợp với nhu cầu công tác muốn hoạt động ở miền Nam Việt Nam cũng được chúng “đặc biệt” tạo cho một cái “vỏ bọc” ngoài xã hội sau khi “phóng thích”. Những tên này được quan thầy bí mật bố trí cho làm một việc bình thường trong xã hội, cố gắng hòa nhập với nhân dân. Tạm náu mình trong một thời gian rồi dần dà tìm cách chui vào các cơ quan, đoàn thể làm nội gián phá hoại cách mạng.

Tập hồ sơ mật của Mỹ ngụy bỏ lại trong khi tháo chạy cho biết,

trong những ngày mới bắt đầu nhóm họp hội nghị Pari về Việt Nam, cả Mỹ lẫn Ngụy đều rất chú quan. Bọn chúng đều thống nhất một nhận định chung là: “Cộng sản không thể giành được một thắng lợi hoàn toàn”, giải pháp chính trị cao nhất mà hội nghị Pari đạt được là thành lập một chính phủ liên hiệp ba thành phần. Vì vậy rất cần phải chuẩn bị sẵn những con bài nội gián để gài vào chính phủ liên hiệp này.

Sau khi đã được “ân xá”, “phóng thích” hoặc “trao trả” những điệp viên ngầm này đều được quan thầy bí mật trao cho mật hiệu liên lạc, số điện thoại những cơ sở gọi là “nhà an toàn” khi cần nổi lại liên lạc.

Những điệp viên chọn đi hoạt động tại miền Bắc, gọi là công tác Bắc vụ, nhất thiết phải là những tên phản bội quê quán ở miền Bắc. Những tên này sẽ được bố trí trà trộn vào những quân nhân hoặc nhân viên dân sự “được trao trả” hoặc “ân xá” hay “đơn phương phóng thích” Cũng có trường hợp, để tạo điều kiện cho số tay sai này có một “vỏ bọc” hấp dẫn, chúng đã dàn xếp màn kịch cho một số tên (được đặc biệt chọn lọc) vượt ngục, tìm trở lại đơn vị cũ hoặc vượt tuyến ra Bắc.

Khi trở lại miền Bắc, những tên này cũng nấu mình kín đáo trong một thời gian, cố tích cực hoạt động trong công tác xã hội để gây tín nhiệm rồi từ đó tìm cách chui lọt vào các cơ quan chính quyền. Khi đã “bám rễ” vững chắc rồi những tên này sẽ liên lạc trở lại với trung tâm bằng đường thư tín công khai, trong thư có những tiếng lóng để báo cho trung tâm biết rằng đã “yên vị”. Lúc đó, CIA sẽ cử đặc phái viên ra “chấp nối” bắt liên lạc trở lại và trao nhiệm vụ cụ thể. Bọn nội gián đã được phổ biến trước các mật khẩu, tín hiệu, ám hiệu liên lạc để nhận ra “đặc phái viên của Trung ương” từ trong Nam ra bắt liên lạc.

CIA nhận định, khi có một giải pháp chính trị cho vấn đề miền Nam Việt Nam, tất nhiên việc đi lại giữa hai miền Nam Bắc sẽ trở nên bình thường, do đó việc liên lạc với những tên điệp viên ngầm đã chuẩn bị từ trước bố trí làm nội gián tại miền Bắc Việt Nam sẽ có nhiều thuận tiện. CIA cũng nhận định việc trả tù binh và các nhân viên dân sự bị bắt giữ là cơ hội thích hợp nhất để tung điệp viên ngầm ra miền Bắc hoạt động.

Trước khi trao trả, CIA đã bố trí nhân viên gọi là “cán bộ điều khiển” tới trại giam bí mật gặp gỡ từng điệp viên ngầm để kiểm tra lại

lần cuối cùng xem có gì sơ hở không, điệp viên này còn vướng mắc gì không, cho tới giờ phút này có bị lộ mặt không, có nhớ mặt khẩu, tín hiệu, ám hiệu liên lạc không... CIA chưa trao ngay cho điệp viên ngầm các phương tiện hoạt động, dù là những phương tiện cực kỳ nhỏ bé, tinh vi, để phòng những điệp viên này có thể bị kiểm soát hành lý hoặc đã bị bí mật theo dõi từ trước. Chỉ khi nào đã liên lạc trở lại sau một thời gian náu mình và tạo được vỏ bọc kín đáo, lúc đó sẽ có đặc phái viên tử trung tâm liên lạc mang thiết bị hoạt động ra cho, nếu xét thấy thật cần thiết phải có những thiết bị này.

Tóm lại âm mưu cài nội gián là một âm mưu rất thâm độc, đã được CIA chuẩn bị rất kỹ trên cơ sở những kinh nghiệm nhà nghề đã tích lũy được từ nhiều năm hoạt động. Thế nhưng kết quả mà chúng thu lượm được hầu như không đáng kể. Cụ thể là từ cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân 1968 đến cuộc tổng tiến công mùa xuân 1975 cả cố vấn CIA lẫn tình báo Mỹ đều liên tiếp bất ngờ, không thể nào phán đoán được ý đồ chiến lược của ta.

Sở dĩ Mỹ nguy bị phá sản trong mưu đồ bố trí nội gián, là do nhiều nguyên nhân. Trước hết, đó là tinh thần yêu nước yêu chế độ và cảnh giác cao của toàn dân ta ở cả hai miền Nam Bắc. Mặt khác, trên mặt trận chiến đấu thầm lặng, các chiến sĩ an ninh nhân dân ta đã góp nhiều công sức trong việc phát hiện những tên nội gián trước khi chúng thực hiện tội ác. Mỹ nguy ôm ảo vọng cài cắm được nhiều điệp viên ngầm trong các cấp chính quyền cách mạng, nhưng chính các chiến sĩ an ninh của ta lại lọt được vào nhiều cấp chính quyền của chúng, kể cả cấp trung ương, thậm chí ngay cả trong “phủ tổng thống” nguy cũng có “người của cách mạng”.

Cũng cần nhấn mạnh thêm, chính những tên điệp viên ngầm của CIA khi thực tế tiếp xúc với cuộc sống xã hội trong vùng giải phóng, tận mắt thấy rõ sức mạnh của cách mạng bị mất tinh thần, đã tự động ra đầu thú. Cũng khai hết những thủ đoạn của CIA, cung cấp cho cách mạng nhiều tài liệu để diệt trừ mưu đồ phá hoại của CIA ngay từ trong trứng.

Những tài liệu của Mỹ nguy bị tịch thu cộng với lời khai của chính một số tên trong phủ đặc ủy trung trong tình báo nguy đặc trách kế hoạch Hải Yến thì từ năm 1969 đến năm 1973 chúng đã nghiên cứu hơn 2000 hồ sơ thẩm vấn tù binh, đưa về Ban Q khai thác được hơn

200 đối tượng, nhưng số chính thức tuyển dụng không nhiều. Điều đó chứng tỏ CIA đã rất thận trọng trong việc tuyển chọn và đào tạo điệp viên nguy cho kế hoạch Hải Yến. Những tên này đều lần lượt sa lưới cách mạng và bị trừng phạt theo đúng pháp luật, những tên đầu thú hoặc thành khẩn khai báo khi bị bắt đều được khoan hồng.

12. BIỆT ĐỘI THIÊN NGÀ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 1975

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam tiến vào Sài Gòn, sào huyệt cuối cùng của chế độ ngụy. Từ sáng sớm ngày 27, tàu sân bay Mỹ đậu ở ngoài khơi đã lập một chiếc “cầu trực thăng vận” bằng cách liên tục đưa máy bay lên thẳng vào nội thành Sài Gòn để di tản những quan chức Mỹ và cả nhân viên ngụy có quan hệ với Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Theo kế hoạch của CIA, tất cả tình báo, gián điệp, cảnh sát ngụy ít nhiều đã lộ mặt đều được “ưu tiên hàng đầu” rời khỏi miền Nam Việt Nam, di tản sang Mỹ từ những chuyến bay đầu tiên. Chỉ có những điệp viên ngầm chưa bị phát hiện mới tiếp tục “trụ lại”, tạm náu mình một thời gian rồi CIA sẽ cử “đặc phái viên” tới, bắt liên lạc và trao nhiệm vụ sau.

Tuy nhiên, trong cảnh “hỗn quân hỗn quan” tranh giành nhau leo vọt lên từng chiếc máy bay lên thẳng chật hẹp không phải bất cứ tình báo viên nào muốn chạy theo Mỹ cũng được. Trong số bọn mật vụ “vang bóng một thời” bị chủ Mỹ bỏ rơi, có Nguyễn Thị Thanh Thủy, thiếu tá trưởng đoàn đặc nhiệm, đội trưởng biệt đội Thiên Nga Trung ương do CIA thành lập từ tháng 8 năm 1968. Không còn đường lẩn trốn, ngày 8 tháng 5 năm 1975, Nguyễn Thị Thanh Thủy cùng một số đồng bọn, đều là những nữ tình báo viên “đắc lực” của CIA, đành phải ra trình diện trước chính quyền cách mạng.

Trước khi Nguyễn Thị Thanh Thủy và đồng bọn ra trình diện chính quyền cách mạng, bộ đội ta trong khi đánh chiếm trụ sở Tổng nha cảnh sát ngụy đã tịch thu được khá nhiều loại giấy tờ tài liệu mà bọn ngụy trong khi tháo chạy hoảng loạn đã không kịp thiêu hủy. Toàn bộ hồ sơ mật của cảnh sát ngụy đã được trao lại nguyên vẹn cho lực lượng an ninh giải phóng. Trong số này có bản lý lịch của Nguyễn Thị Thanh Thủy. Phạm Thị Loan, Nguyễn Thị Xuân Nga, Phạm Thị Bích Hà, Trần Thị Hạnh, Hoàng Thị Nhàn, Bạch Thị Nết... tất cả đều là “cảnh sát viên đặc biệt” thuộc biệt đội Thiên Nga Trung ương. Theo những tài liệu tịch thu được của Mỹ ngụy, kết hợp với những lời khai

báo của Nguyễn Thị Thanh Thủy khi ra đầu thú với chính quyền cách mạng thì Nguyễn Thị Thanh Thủy quê ở Châu Thanh, Mỹ Tho trong những năm 1964, 1965, 1966 đã theo học tại các trường đại học Dược, rồi lại chuyển sang khoa chính trị kinh doanh, phân khoa Sư phạm nhưng không khoa nào trót lọt. Phần thì “đầu óc lãng mạn, có nhiều tham vọng ngông cuồng” phần thì “nhiều nỗi có lẽ phức tạp dưới mái trường và ngoài xã hội” (?). Nguyễn Thị Thanh Thủy đã không thể nào trở thành một bác sĩ, luật sư hoặc giáo sư mà cuối cùng đã lại rời bỏ trường đại học sư phạm để theo học trường đào tạo nữ sĩ quan cảnh sát. Lăn nay những “cá tính, khả năng và tham vọng” của Nguyễn Thị Thanh Thủy đã được các cố vấn CIA chú ý đặc biệt. Thủy trở thành một sinh viên xuất sắc của ngành cảnh sát đặc biệt và năm 1967 đã dẫn đầu một đoàn nữ cảnh sát viên trong đó có Phạm Thị Loan, Võ Thị Tố, Dương Thị Nguyệt Ánh, Bùi Thị Khánh Hòa, Trần Thị Hạnh, Trần Thị Kim Hạnh (còn gọi là Hạnh B), Võ Thị Ngọc Tuyết, Nguyễn Thị Kim Chi, Lý Mũi Liêm (người Việt gốc hoa) sang tham quan và trao đổi nghiệp vụ tại Mã Lai. Lúc này, Nguyễn Thị Thanh Thủy vừa tròn 25 tuổi.

Trong cơn choáng váng vì đòn tập kích chiến lược Tết Mậu Thân 1968, CIA chợt nhận ra rằng lực lượng gián điệp của chúng ở miền Nam Việt Nam thiếu hẳn thành phần nữ chuyên nghiệp. Giữa lúc phong trào cách mạng ở miền Nam Việt Nam đang phát triển mạnh, những “đội quân tóc dài” của Việt cộng có mặt ở khắp các vùng nông thôn và đô thị, nhưng cảnh sát của chế độ nguy phần lớn chỉ tuyển lựa có nam giới, ngay cả đến lực lượng nội gián do CIA tổ chức, hầu hết cũng vẫn là nam giới, đó là một thiếu sót mà CIA tự nhận xét là “cần phải khắc phục ngay”. Thế là, dưới sự đạo diễn của CIA, một lực lượng “cảnh sát đặc biệt” gồm toàn nữ được cấp tốc thành lập ngày 6 tháng 8 năm 1968, lấy tên là “biệt đội Thiên Nga”. Mới đầu đội Thiên Nga này chỉ gồm có một đại đội nữ cảnh sát ở Sài Gòn, nhưng liền sau đó tại một số thành phố lớn ở miền Nam Việt Nam cũng tổ chức, lực lượng ở Sài Gòn nghiêm nhiên trở thành biệt đội Thiên Nga Trung ương do nữ thiếu tá cảnh sát Nguyễn Thị Thanh Thủy làm biệt đội trưởng.

Theo nhận xét của CIA, biệt đội Thiên Nga có cái “mạnh cơ bản” là toàn nữ. Những nhân viên trong biệt đội Thiên Nga được tuyển mộ từ những nữ cảnh sát chuyên nghiệp. Vừa làm nhiệm vụ ở cảnh sát “đặc

biệt” (mật vụ) nhằm bảo vệ chế độ nguy, vừa làm nhiệm vụ gián điệp, tình báo nhằm phá hoại phong trào cách mạng. Lúc biệt đội Thiên Nga ra đời thì cũng là lúc tại miền Nam Việt Nam đang xuất hiện phong trào chống đối của những người trung lập, thường được gọi là lực lượng thứ ba. Vì vậy, biệt đội Thiên Nga không chỉ nhằm vào đối tượng chủ yếu là những người cộng sản mà còn bí mật thâm nhập cả vào hàng ngũ những người trung lập, vừa dò xét, vừa lôi kéo, vừa phá hoại. Biệt đội Thiên Nga, còn phục vụ cho cả kế hoạch cài cắm nội gián cũng như kế hoạch “chiêu hồi”. Chính vì vậy nên CIA đã rất chú trọng đến các khâu tuyển lựa, đào tạo, huấn luyện và sử dụng biệt đội Thiên Nga. Thời kỳ chuẩn tướng nguy Nguyễn Văn Hai giữ chức tư lệnh lực lượng cảnh sát quốc gia. Hai đã ký lệnh đòi các trưởng ty cảnh sát các tỉnh phải chọn lọc 1/3 nữ nhân viên cảnh sát “có năng khiếu” cử về Sài Gòn dự lớp “huấn luyện đặc biệt” để đào tạo thành những nữ cảnh sát viên đặc biệt.

Tập “tài liệu giáo khoa” của CIA bỏ lại trong khi tháo chạy cho biết, chương trình đào tạo nhân viên cho biệt đội Thiên Nga rất chặt chẽ. Mới đầu, những nữ nhân viên cảnh sát được tuyển chọn từ cơ sở theo học một khóa tình báo cơ bản gồm các kỹ thuật điều tra, dò xét, làm quen, thu thập tin tức tình báo, bí mật truyền tin... kéo dài khoảng 1 tuần, không kể thực tập. Người nào đỗ cao và được trót lọt trong thực tập (đồng thời cũng là thử thách) mới được học tiếp khóa tình báo viên thực thụ kéo dài khoảng 6 tuần. Theo lời khai của Nguyễn Thị Thanh Thủy đã từng được cử làm giám thị rồi giảng viên tại trung tâm huấn luyện tình báo cho nữ nhân viên cảnh sát mỗi khóa học lúc đầu có khoảng từ 60 đến 100 học viên, nhưng sau 4 tuần theo học khóa tình báo cơ bản đã bị “rơi rụng” từ 1 phần 3 đến 2 phần 3. Do đó khi theo học khóa tình báo viên thực thụ (còn gọi là khóa theo dõi) trung bình chỉ còn lại trên dưới một nửa số học viên khóa trước.

Sau khi tốt nghiệp khóa theo dõi, một lần nữa lại lọc ra khoảng một phần ba những người đỗ cao để cho theo học tiếp khóa “cán bộ điều khiển”, kéo dài khoảng 3 tháng. Được mang danh hiệu “cán bộ điều khiển” là những nữ sĩ quan biệt đội Thiên Nga có khả năng phụ trách một nhóm tình báo viên. Những tình báo viên Thiên Nga trước hết phải là người có khả năng lôi kéo, mua chuộc tổ chức được nội gián trong hàng ngũ đối phương.

Một bản “tài liệu giáo khoa” do CIA phụ trách biên soạn và Nguyễn Thị Thanh Thủy trực tiếp đảm nhiệm giảng dạy, có ghi:

“Trong công tác của biệt đội Thiên Nga gồm toàn bộ nhân viên nữ, có nhiều cái mạnh của nữ mà giới mày râu không thể có, việc tận dụng tình cảm để quyến rũ, lôi cuốn, tuyển dụng tình báo viên nội tuyến (tức nội gián) là yếu tố then chốt, căn bản có thể nói là quan trọng hơn cả.

Trong đảng cộng sản có đảng viên bất mãn nhưng họ chỉ để trong lòng, chỉ riêng cá nhân họ biết mà thôi, không bộc lộ ra ngoài, dù ta là người thân của họ. Bởi vậy, phải chịu khó theo dõi lâu dài để tìm hiểu kỹ từng nhược điểm của họ mà khai thác.

Có 3 loại đảng viên cộng sản có thể tổ chức thành dự tuyển viên tình báo nội tuyến:

1) Thành phần bất mãn: rất dễ tranh thủ nếu biết phát huy khéo léo tình cảm.

2) Thành phần lừng chừng: phải dè dặt khi tiếp xúc nhưng vẫn phải tiếp xúc để lôi kéo.

3) Thành phần trung kiên: rất khó tranh thủ nhưng nếu tranh thủ được sẽ có rất nhiều lợi ích cho công tác của mình. Nên nhớ rằng đảng viên cộng sản dù thuộc loại nào trong ba thành phần này cũng có mặt mạnh, mặt yếu, dù nhiều dù ít, phải tìm hiểu kỹ, biết khai thác để tiến công, không nên ngại khó.

Cách móc nối một dự tuyển viên tình báo nội tuyến thuộc loại khó tính nhất:

- Trước hết, cán bộ điều khiển phải có tài diễn xuất khôn khéo, nhiều khi phải đóng những vai mà mình chưa làm hay chưa biết bao giờ, lại phải hiểu đường lối chính trị, có thể mới đạt được mục tiêu là móc nối chính trị để lôi kéo được dự tuyển viên tình báo nội tuyến, tổ chức được nội gián trong hàng ngũ Cộng sản.

- cán bộ điều khiển phải biết rõ tư tưởng của dự tuyển viên, đôi khi phải ngụy tạo ra mình cũng là đảng viên cộng sản. Do đó cán bộ điều khiển phải am tường các ngôn từ chính trị chuyên môn của cộng sản để sử dụng linh hoạt khi thảo luận, nói chuyện với nhau.

- Cán bộ điều khiển phải giỏi tâm lý, phải biết đóng kịch, đôi khi phải biết làm cho cho dự tuyển viên xúc động, như thế họ mới dễ ngã

theo mình, mà mình mới lợi dụng được họ, nắm chắc được họ lâu dài.

- Trong trường hợp, đối tượng đã đủ điều kiện trở thành dự tuyển viên tình báo nội tuyến, nhưng lại vụt thay đổi thái độ, khẳng khái nhất định không chịu cộng tác với mình, mình vẫn cứ phải kiên gan bám sát, cố tìm hiểu tại sao đối tượng lại thay đổi thái độ. Cuối cùng nếu không còn cách nào lôi kéo được đối tượng nữa thì phải tìm cách thủ tiêu ngay nếu không mình sẽ bị lộ vì lúc đó dự tuyển viên rất dễ phản lại mình.

Cán bộ điều khiển không nên điều khiển cùng một lúc nhiều đầu mối công tác nội tuyến. Ngược lại, phải đặt tất cả nỗ lực, dồn tất cả khả năng của mình vào một đầu mối công tác duy nhất để mau tiến tới đích, có như thế mới thành công.

Cán bộ điều khiển cũng như tình báo viên biệt đội Thiên Nga phải có khuynh hướng trèo cao, đi sâu như chui vào một mạch máu để lần đến con tim. Phương pháp theo dõi và điều tra từ bên ngoài không sao hữu hiệu và mau lẹ bằng cách đi sâu vào nội bộ của tổ chức địch, xây dựng mạng lưới tình báo nội tuyến ăn lương của địch làm việc cho ta.

Về thời gian công tác phải tùy theo tính chất của đối tượng và tùy theo chủ đích của ta. Nếu cần thiết phải nuôi dưỡng đối tượng để phục vụ cho kế hoạch thì càng nuôi dưỡng lâu dài càng hay. Nhưng nếu như phải phá vỡ kế hoạch nuôi dưỡng một đầu mối để phục vụ cho kế hoạch chung thì cũng phải có gan phá vỡ ngay từ khi đối tượng mới chớm nở nghi ngờ, thậm chí phá vỡ ngay trước khi dự tuyển viên chớm nở nghi ngờ. Trước khi phá vỡ kế hoạch phải nghiên cứu kỹ lưỡng. Việc này đòi hỏi trí thông minh và tính quyết đoán của cán bộ điều khiển.

Về các tiêu chuẩn của cán bộ điều khiển, CIA cũng định rõ:

Cán bộ điều khiển, ngoài việc am tường các nguyên tắc căn bản trong hoạt động tình báo, còn cần có thêm khả năng về một số lĩnh vực, như:

- Khả năng nghiên cứu để tổng hợp, phân tích tình hình, đánh giá tin tức tình báo thu lượm được, vạch kế hoạch hoạt động, đặt nhu cầu tình báo, hướng dẫn mật báo viên, tình báo viên.

- Khả năng thẩm vấn để thăm dò tư tưởng mật báo viên, khám phá những âm mưu phản trắc, moi tin tức trong những dịp tiếp xúc với các đối tượng.

- Kiến thức tổng quát: biết càng nhiều vấn đề càng tốt, biết sâu các vấn đề càng phục vụ đắc lực cho công tác. Biết tìm hiểu, chọn lọc các đầu mối hoạt động tốt. Biết đôn đốc và hướng dẫn các nhân viên đặc nhiệm.

- Khả năng làm việc: theo dõi thường xuyên và chặt chẽ diễn biến của từng công tác xâm nhập. Mỗi tuần một lần, duyệt xét đầu mối, các đầu mối. Hàng tháng duyệt xét các mạng lưới tình báo. Duyệt xét kỹ lưỡng và ghi nhận xét vào các hồ sơ phát triển đầu mối trước khi trình khu hoặc bộ tư lệnh khối đặc biệt.

Biệt đội Thiên Nga còn được sử dụng vào việc thẩm tra những người dao động, phản bội đã rời bỏ hàng ngũ kháng chiến để tin dùng hoặc loại trừ. Tài liệu của CIA hướng dẫn cho các nữ nhân viên biệt đội Thiên Nga ghi rõ:

Những thành phần đã rời bỏ hàng ngũ cộng sản trở về với quốc gia, kinh nghiệm cho thấy, dù sớm hay muộn các thành phần này cũng bị cộng sản móc nối trở lại. Vì vậy, muốn thực hiện công tác xây dựng hội chánh viên, nhân viên đặc nhiệm trong biệt đội Thiên Nga phải khéo léo tiếp xúc với họ, cố gắng gây được cảm tình với họ, rồi trên cơ sở đó khuyến khích họ chấp nhận cộng tác với ta, tác động tinh thần họ, đồng thời tìm cách giúp đỡ, giải quyết khó khăn vướng mắc cá nhân để mua chuộc họ, cột chặt họ với mình, Sau đó chỉ dẫn cho họ kỹ thuật tiếp xúc và điều tra.

Đối với các thành phần sắp ra hội chánh, biệt đội Thiên Nga phải cử nhân viên đặc nhiệm liên lạc thường xuyên với các trung tâm chiêu hồi đề mượn ngay những hội chánh viên về trung tâm thẩm vấn. Các mật báo viên, tình báo viên đã xâm nhập hàng ngũ cộng sản cũng có thể phát hiện các phần tử sắp ra hội chánh. Các hội chánh viên đã hoàn lương cũng có thể góp phần phát hiện chiến hữu của họ sẽ ra hội chánh theo họ. Biệt đội Thiên Nga phải có quan hệ thường xuyên với họ.

Có thể nói, biệt đội Thiên Nga là cánh tay rất đắc lực và rất được tin dùng của CIA trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Vì vậy, địa bàn mà CIA giao cho biệt đội Thiên Nga rất

rộng, các thành phần tiếp xúc rất nhiều. Biệt đội Thiên Nga còn được CIA giao cho nhiệm vụ “liên lạc chặt chẽ để khai thác các gia đình có thân nhân thoát ly theo cộng sản”. Bản tài liệu của CIA ghi: “Biệt đội Thiên Nga phải có sẵn những hồ sơ riêng về các gia đình có con em thoát ly theo cộng sản. Trong hồ sơ đó phải có những bản báo cáo, phúc trình hay tài liệu liên quan đến thân nhân của người thoát ly, những khẩu cung của những người trong gia đình bị gọi đến phỏng vấn, bản phân tích các tin tức tình báo liên quan đến thân nhân những người thoát ly theo cộng sản. Phải nghiên cứu hồ sơ đó để đặt kế hoạch tiếp xúc, khuyến khích thân nhân tìm cách gọi con em trở về. Biệt đội Thiên Nga cần có kế hoạch xếp đặt trước cuộc tiếp xúc bí mật. Trong các cuộc tiếp xúc này, nhân viên đặc nhiệm của biệt đội Thiên Nga phải khuyến dụ những phần tử thoát ly theo Cộng sản trở về với quốc gia. Có khi những người này chưa phải đã tín nhiệm quốc gia, nhưng vì có cảm tình với nhân viên đặc nhiệm Thiên Nga, vì chán ghét chiến tranh, vì muốn hưởng lạc họ sẽ theo nhân viên chịu trách nhiệm Thiên Nga hoàn hương, khi họ hoàn hương rồi, tiếp tục khai thác sau để sử dụng hoặc loại bỏ”.

CIA đã hướng dẫn rất tỉ mỉ cho biệt đội Thiên Nga từng công tác cụ thể. Trong một “tài liệu giáo khoa” do chính Nguyễn Thị Thanh Thủy giảng dạy, các “giáo sư” CIA đã viết:

Trong công tác xâm nhập, quan trọng nhất là kế hoạch phát triển đầu mối. Kế hoạch nào cũng phải được xây dựng theo từng giai đoạn. Đây là một trường hợp cụ thể trong giai đoạn phát hiện:

Cán bộ điều khiển có một cảm tình viên nào đó tên là Thái chẳng hạn. Thái lại có người anh rể tên là Quảng làm huyện ủy viên cộng sản. Thịnh thoảng, Quảng có vẻ thăm Oanh là chị ruột của Thái nên Thái nắm được một số tin tức và nhất là những nét đặc biệt về cá tính, tác phong sinh hoạt, vui, buồn thắc mắc, chỗ yếu của Quảng. Sau khi nắm kỹ, phân tích kỹ, cán bộ điều khiển sẽ nhờ cảm tình viên Thái làm cây cầu móc nối Quảng làm đầu mối cho ta. Như vậy, Thái là người trung gian giữa cán bộ điều khiển và đầu mối.

Sau khi đã phát hiện đầu mối, việc đầu tiên cán bộ điều khiển phải làm là xác định xem người được chấm định làm đầu mối, có khả năng thực sự làm đầu mối được không? Muốn vậy phải:

- Xác thực hóa mục tiêu: cơ quan huyện ủy do Thái và Quảng nói

có thực không? Có ở đúng vị trí đã nói không? Cần có công tác phối kiểm. Đối chiếu các tin tức tình báo đã thu lượm, các hồ sơ trận liệt và lời khai của các tù binh để xác nhận mục tiêu đó là có thật, hay là Thái và Quảng bịa ra để đánh lừa.

- Xác thực hóa đối tượng: Quảng có thật là huyện ủy viên không? Nếu không phải thì đó là do Quảng nói khoác để dối lừa vợ và vênh vang với em vợ hay là nó ý đồ gì khác? Cần phải điều tra lý lịch Quảng. Có lý lịch trong tay rồi, lại phải thẩm tra xem hiện nay Quảng còn trong tổ chức không hay đã bị hạ tầng công tác, đã đổi vùng.

Sau khi đã xác thực hóa mục tiêu và xác thực hóa đối tượng mới chuyển sang giai đoạn tiếp theo là nghiên cứu kế hoạch móc nối. Kế hoạch này được diễn biến như sau:

- Yêu cầu cảm tình viên hay mật báo viên tả nhận dạng và lý lịch đầu mối, tìm hình ảnh chân dung ở giấy căn cước, bằng lái xe, thẻ hành nghề, mượn hồ sơ lý lịch để ghi chép các chi tiết và mượn ảnh để chụp lại.

- Tìm hiểu nơi cư ngụ, nơi hoạt động, những nơi thường lui tới, những phương thức và cách thức di chuyển, những thói quen, những tật xấu, những bạn bè, những người thân thuộc.

- Tìm hiểu tài sản, gia sản, phương tiện làm ăn, cơ sở làm ăn, tình trạng gia đình.

Sau khi đã nghiên cứu kỹ, thẩm tra kỹ, mới bước sang giai đoạn thứ ba:

- Tổ chức cuộc tiếp xúc. Tìm địa điểm tiếp xúc thích hợp và bí mật. Trong khi tiếp xúc, thi hành phương pháp khuyến dụ hoặc bố trí gài bẫy lừa đối tượng vào tình thế mắc kẹt để khống chế, từ đó lôi kéo, buộc đối tượng phải theo ta. Đối tượng thích tiền phải đưa tiền, thích gái phải mê hoặc, nhưng khi trao tiền hoặc trao tình phải có chứng cứ để buộc đối tượng phải theo ta, nếu không theo sẽ tố cáo với tổ chức của đối tượng, đối tượng sẽ bị kỷ luật nặng.

- Làm phúc trình gửi lên thượng cấp về dự định kết nạp đầu mối hoặc xây dựng làm mật báo viên. Chú ý: trong giai đoạn này, đối tượng vẫn chưa phải là đầu mối. Y mới chỉ là mật báo viên vì chưa có gì bảo đảm sự trung thành.

Từ mật báo viên chuyển sang đầu mối phải trải qua một giai đoạn

thử thách. Giai đoạn này kéo dài khoảng một tháng là vừa đủ:

Trước hết đối tượng phải thật tình khai báo những điều gì y biết. Lời khai báo, này phải được xác nhận là đúng sau khi đã phối kiểm.

- Trả vờ trao cho đối tượng một vài công tác để dò xét xem đối tượng có thật sự hợp tác không?

- Trong trường hợp nghi vấn phải trắc nghiệm bằng máy kiểm tra sự nói dối.

- Hướng dẫn đối tượng về phương thức liên lạc và báo cáo: phương thức cung cấp tin tức đầy đủ chính xác, mau lẹ.

- Cử tình báo viên bí mật theo dõi, thường xuyên giám sát đối tượng.

- Lập phiếu sưu tra và điều tra để chuẩn bị xây dựng hồ sơ tuyển mộ.

Sau khi tiếp xúc và thử thách một thời gian, nếu thấy đối tượng:

- Tiếp xúc mọi lần đều đúng hẹn.

- Cung cấp nhiều tin tức có giá trị.

- Thật sự thi hành các nhu cầu tình báo của ta thì lập hồ sơ tuyển mộ và hồ sơ kế hoạch phát triển đầu mối, trình lên cấp khu và bộ tư lệnh khối đặc biệt.

Chú ý: giai đoạn thử thách để chuẩn bị kế hoạch phát triển đầu mối này rất quan trọng. Giai đoạn này sở dĩ phải kéo dài tới một tháng là để:

- Thử thách và phối kiểm các nguồn tin.

- Thi hành các thủ tục tuyển mộ.

- Chuẩn bị có được một đầu mối tốt.

Các đầu mối, sau khi đã được thượng cấp phê chuẩn, đều được gọi theo bí danh, ghi theo bí số. Tuyệt đối không dùng tên thật.

Theo lời khai của Nguyễn Thị Thanh Thủy, kết hợp với những hồ sơ tài liệu mật của CIA, do việc tuyển mộ và đào tạo rất chặt chẽ nên biệt đội Thiên Nga có nhiều hạn chế trong việc phát triển. Tại Sài Gòn, trực thuộc bộ tư lệnh cảnh sát nguy biệt đội Thiên Nga “trung ương” chỉ có 30 nhân viên chính thức. Trực thuộc bộ chỉ huy cảnh sát Sài Gòn là biệt đội Thiên Nga đô thành có 12 nữ nhân viên chính thức.

Trực thuộc bộ chỉ huy cảnh sát các tỉnh có khoảng 10 nhân viên, các quận có từ 6 đến 10 nữ nhân viên chính thức. Cho mãi tới khi chế độ nguy sụp đổ vẫn có những tỉnh không tổ chức được biệt đội Thiên Nga như Plây cu, Công Tum, Phước Long... Theo đánh giá của CIA, những tỉnh có biệt đội Thiên Nga hoạt động tích cực nhất là Sài Gòn, Bạc Liêu, Mỹ Tho, Phú Yên, Bình Định.

Năm 1971, biệt đội Thiên Nga bắt đầu thay đổi cơ cấu tổ chức, trở thành một “đoàn đặc nhiệm” trực thuộc cơ quan E4 thuộc bộ tư lệnh cảnh sát Quốc gia nguy. Tại các tỉnh, quận: cũng có sự thay đổi, không gọi là “biệt đội” hay “đội công tác” nữa mà gọi là “ban” hoặc “tiểu ban”.

Đặc biệt tại Sài Gòn cả “Thiên Nga trung ương” lẫn “Thiên Nga đô thành” cùng phối hợp hoạt động dưới sự chỉ đạo sát sao của CIA. Tại đây Thiên Nga không chỉ xâm nhập hàng ngũ cộng sản, kháng chiến mà còn len lỏi vào các phong trào của phụ nữ đô thành thuộc “lực lượng thứ ba” theo dõi cả lực lượng của Dương Văn Minh, của Nguyễn Cao Kỳ đề đề phòng Kỳ hoặc Minh làm đảo chính lật Thiệu, gây mất ổn định ở miền Nam Việt Nam. Tóm lại, tất cả các lực lượng chống Mỹ, chống Thiệu đều bị Thiên Nga thâm nhập. Nguyễn Thị Thanh Thủy thú nhận, từ năm 1970 đến 1973, đích thân Thủy đã điều khiển, hướng dẫn, lập hồ sơ nghiên cứu để xâm nhập:

- Hội phụ nữ bảo vệ nhân phẩm.
- Hội phụ nữ Việt Nam.
- Hội phụ nữ Phật tử Việt Nam.
- Hội nữ Phật tử Long Hoa.
- Hội quả phụ tử sĩ Việt Nam.
- Hội nghiệp đoàn phụ nữ bạn hàng 36 chợ.
- Hội nữ giới khát sĩ.
- Hội phụ nữ đòi quyền sống.
- Đoàn nữ công tư chức Phật tử.
- và nhiều đoàn thể khác mà chính Thủy cũng không nhớ hết

Đặc biệt, Nguyễn Thị Thanh Thủy còn trực tiếp hướng dẫn các “đầu mối” và các “cán bộ điều khiển” theo dõi nhiều nhân vật thuộc lực lượng thứ ba như bà Ngô Bá Thành, bà Bôn Quỳnh tức Nguyễn

Thị Mạnh Quỳnh, luật sư Nguyễn Long, ni sư Huỳnh Liêm, bà Ngọc Anh...

Một nữ nhân viên Thiên Nga đã theo học các lớp tình báo cơ bản và cán bộ điều khiển là Phạm Thị Bích Hà, ngụ trang là “kỳ giả”, hoạt động trong các nhà văn, nhà báo Sài Gòn, dò xét những người thân cộng hoặc chống Thiệu, đồng thời mua chuộc dụ dỗ lôi kéo một số văn sĩ làm tay sai cho CIA. Chính Nguyễn Thị Thanh Thủy đã kiến nghị thưởng cấp khen thưởng Nguyễn Thị Bê là một điệp viên Thiên Nga có nét mặt thon dài, nước da trắng hồng ngụ trang là nữ ký giả Ánh Tuyết, mỗi chài được khá nhiều văn nghệ sĩ hoạt động cho CIA, Nguyễn Thị Thanh Thủy thú nhận, khối “đặc biệt” của Thủy có tới 22 nữ điệp viên Thiên Nga trực tiếp làm công tác xâm nhập, tất cả đều đã được huấn luyện đủ 3 cấp. Đó là chưa kể các nữ nhân viên làm công tác văn thư, chụp ảnh, hậu cần, cũng được huấn luyện ít nhất là một khóa tình báo cơ bản, trong trường hợp cần thiết có thể “huy động để triển khai công tác”.

Nguyễn Thị Thanh Thủy cũng thú nhận, năm 1972 có một nữ điệp viên dưới sự điều khiển trực tiếp của Thủy tên là Kim Chi bị sốt thương hàn phải tạm bỏ dở công tác. Thủy lập tức “bổ sung” một điệp viên dự bị là Nguyễn Thị Năm, lúc đó 28 tuổi, thay thế Kim Chi xâm nhập vào giới ni sư Phật tử tinh xá Ngọc Phương. Nguyễn Thị Năm chăm chỉ đi lễ Phật, ngày rằm mùng một nào cũng tới chùa, lân la làm quen với các bà hội viên trong hội Phật tử. Nhưng ít lâu sau Nguyễn Thị Năm bị các bà hội viên nghi vì còn trẻ tuổi, gương mặt là người thích ăn chơi mà lại chỉ đi lễ chùa chứ không la cà các phòng trà tiệm nhày. Nhất là sau khi Nguyễn Thị Năm bị phát hiện là vợ góa một cảnh sát, đã từng làm việc trong văn phòng Bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia thì tình báo viên này coi như “bị cháy”, không hoạt động được nữa. Lập tức, Thủy lại tung một con bài nữa, trong “lực lượng dự trữ” ra hoạt động. Đó là Ngô Thị Chắt phụ tá cán bộ điều khiển, 38 tuổi, trung sĩ nhất với dáng điệu quê mùa, chất phác, học viên kém, chỉ ít lâu sau Ngô Thị Chắt đã quen thân được với bà Văn Vân (có tiệm chụp ảnh Văn Vân đường Bùi Thị Xuân). Thông qua bà Vân, Ngô Thị Chắt tiếp tục làm quen được với ni sư Huỳnh Liêm để dò xét. Tiếp đó, Ngô Thị Chắt cũng móc nối được với một số đối tượng để lôi kéo họ cộng tác với CIA.

Sau khi hiệp định Pari được ký kết, Ủy ban quân sự bốn bên được thành lập, hai phái đoàn quân sự của Việt Nam dân chủ cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam đặt trụ sở làm việc ngay tại sân bay Tân Sơn Nhất. Nguyễn Thị Thanh Thủy lại trực tiếp phụ trách một kế hoạch xâm nhập lấy tên là Trùng Dương nhằm thu thập tin tức tình báo từ hai phái đoàn quân sự “cộng sản” và “việt cộng” tại sân bay Tân Sơn Nhất. Rút kinh nghiệm vụ Kim Chi bị đổ bể, lần này Nguyễn Thị Thanh Thủy tuyển lựa một đội Thiên Nga gồm toàn các nữ điệp viên thật sự xuất thân từ nông thôn đáng điều cục mịch thái độ cử chỉ, lời ăn tiếng nói “đặc sệt nông dân chính cống” đóng vai những nhân viên của các chủ thầu hàng ngày cung ứng lương thực, thực phẩm cho hai phái đoàn quân sự Việt Nam dân chủ cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại sân bay Tân Sơn Nhất. Đó là những người có “tên cúng cơm” rất nông dân là Nguyễn Thị Mê, Bạch Thị Nết, Nguyễn Thị Nhà, Nguyễn Thị Năm... Tài xế lái xe vận tải là Huỳnh Quang Liêm cũng là một tình báo viên có đáng dấp công nhân “đặc sệt”, vẻ mặt chất phác.

CIA đã dự kiến, cộng sản không ưa những cô gái ăn diện ở đô thành, nhưng lại có “điểm yếu” là quá tin những người xuất thân thành phần công nông. Vì vậy đã chỉ thị cho các điệp viên thực hiện kế hoạch Trùng Dương phải “nói ít, nghe nhiều”, “không được ba hoa, nhí nhảnh” phải bộc lộ cảm tình kín đáo với những người Cộng sản, đồng thời phải tỏ vẻ lo ngại bị “cảnh sát mật của Thiệu theo dõi”. Nguyễn Ngọc Anh đóng vai “chủ thầu” chỉ huy việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho hai phái đoàn quân sự của Việt Nam dân chủ cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam phải “có phong cách của một nhà tư sản” nhưng cũng có “đáng dấp nông dân” là một điệp viên đã 40 tuổi, trong thực tế cuộc sống đang là một nhà buôn buôn thực phẩm quen thuộc ở Sài Gòn.

Cho mãi tới lúc này, CIA vẫn còn chủ quan đinh ninh rằng chế độ Thiệu không thể nào sụp đổ được, trường hợp xấu nhất cũng chỉ là chấp nhận thành lập một chính phủ liên hiệp ba thành phần. Vì vậy, cuối năm 1974, CIA đã “hoàn chỉnh bản kế hoạch công tác dự định tiến hành trong năm 1975 nhằm làm suy yếu lực lượng và ảnh hưởng của cộng sản ở đô thành Sài Gòn”.

Bản chương trình tóm lược năm 1975 được ghi trong hồ sơ mật

của CIA như sau:

- 1) Đánh phá đoàn 316 đặc công của cộng sản.
 - 2) Chống công tác thành phố của cộng sản.
 - 3) Đánh phá các hình thức tuyên truyền rỉ tai của cộng sản.
 - 4) Chống các tài liệu ẩn hành và sách báo bất hợp pháp có lợi cho cộng sản.
 - 5) Kiểm soát nhân dân thủ đô và các hội chánh viên đã hoàn hương đề phòng cộng sản móc nối trở lại
 - 6) Kiểm soát các tổ chức bất hợp pháp.
 - 7) Kiểm soát ngoại kiều.
- Cool Bổ sung nhân số lực lượng cảnh sát đặc biệt.
- 9) Tuyển mộ thêm thám sát đặc biệt.
 - 10) Tuyển mộ và phát triển biệt đội Thiên Nga.
 - 11) Triển khai chương trình đặc biệt tại cấp xã.
 - 12) Huấn luyện tình báo cơ bản cho nhân viên tặn tuyển và cán bộ sắc phục. Tu nghiệp chuyên môn cho phụ tá đặc biệt, F công tác, G công tác, H đặc nhiệm, G thẩm vấn, G nghiên cứu, G truyền tin, G yểm trợ.

Chương trình tuyển mộ và phát Thiên Nga trong năm 1975:

- 1) Từ tháng 1 đến tháng 2 năm 1975: phối hợp với khối nhân viên để lo tuyển mộ nữ cảnh sát bổ sung cho Thiên Nga đúng kế hoạch.
- 2) Tháng 5 năm 1975: thi trắc nghiệm khả năng tình báo và sưu tra lý lịch các dự tuyển viên.
- 3) Giữa tháng 6: tuyển chọn nữ sĩ quan Thiên Nga.

Ghi chú: Trưởng tình báo Trung ương phối hợp với khối huấn luyện để tổ chức huấn luyện cho 100 nữ sĩ quan Thiên Nga.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 chế độ ngụy hoàn toàn sụp đổ. Chương trình phát triển Thiên Nga bị phá sản ngay trong trứng. Hàng trăm cô gái miền Nam Việt Nam thoát cảnh bị CIA xô đẩy vào vòng tội lỗi.

13. CIA VÀ KẾ HOẠCH “HẬU CHIẾN”

Ngày 31 tháng 5 năm 1975, tức là sau khi quân đội ta đã hoàn toàn giải phóng miền Nam Việt Nam đúng một tháng, hãng tin Mỹ UPI đã công bố một tin làm xôn xao dư luận Mỹ. Bản tin của hãng UPI viết:

“Phrenco Xnép là một điệp viên cấp cao của CIA và là nhà phân tích theo dõi chiến lược Cộng sản tại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn trước kia, vừa mới tiết lộ với báo chí: khi quân cộng sản đánh chiếm Sài Gòn những tài liệu tình báo tối mật của Mỹ đã bị cộng sản tịch thu. Những tài liệu này có thể tiết lộ một phần lớn về những hoạt động tình báo của Mỹ và những tên tuổi của bất cứ người nào đã có quan hệ với tình báo Mỹ ở mức độ ít nhất. Xnép cho rằng, sở dĩ xảy ra việc để cho những tài liệu mật đó bị tịch thu, không kịp thủ tiêu các tài liệu quan trọng và các văn bản khác là do các quan chức sứ quán Mỹ đã sai lầm, cho đến phút cuối cùng vẫn cứ nghĩ rằng có thể thực hiện được một giải pháp thương lượng. Xnép nói, hy vọng hảo huyền đó đã làm trì hoãn việc thủ tiêu các hồ sơ và di tản các nhân viên tình báo chủ chốt, mãi tới khi giật mình thì đã quá muộn”.

Cùng ngày, tờ Bưu điện Oasinhton cũng nhận xét: “rõ ràng cho tới những ngày cuối tháng 4 năm 1975 Bộ trưởng ngoại giao Mỹ Henri Kitxinhgiơ vẫn đặt tin tưởng vào khả năng một giải pháp thương lượng. Cả đại sứ Mỹ Oarham Martin và giám đốc chi nhánh CIA ở Sài Gòn là Tômet Pônga cũng bị mắc lừa. Pônga chính là một nhân vật chủ chốt của CIA đã có tiếp xúc với các phái đoàn quân sự Hungary và Ba Lan để moi tin tức về chiến lược của cộng sản nhưng không thành công. Còn Phrenco Xnép thì khẳng định là cộng sản có một điệp viên cấp cao đã nắm được nhiều tin chiến lược của chính quyền Thiệu trong khi đó Mỹ cũng nắm được ít nhiều tin tình báo nhưng trong khi phân tích, phía Mỹ lại rất phân vân về các quyết định chiến lược của cộng sản vì bị bao phủ bởi lớp “màn khói” thương lượng hòa bình”.

Sau đó, trong cuốn sách có tính chất hồi ký nhan đề “khoảng cách vừa phải” viết về sự dính líu và những thất bại của Mỹ ở Việt Nam, chính Phrenco Xnép cũng thừa nhận là sứ quán Mỹ ở Sài Gòn đã “để

lọt vào tay cộng sản nhiều tài liệu tình báo tuyệt mật của CIA” và những tài liệu này “tự nó đã tố giác những người đã cộng tác với CIA ở miền Nam Việt Nam”.

Thật ra, những tiết lộ của Phrenco Xnép mới chỉ nói lên có một phần sự thật về những mưu đồ nham hiểm và độc ác của CIA ở miền Nam Việt Nam. Đúng là trong cơn tháo chạy hoảng loạn, CIA đã phải bỏ lại nhiều tài liệu tuyệt mật rất quan trọng, mặc dù trên tầng 6 của sứ quán Mỹ ở Sài Gòn đã bố trí sẵn một bộ máy “nghiền giấy thành bột” rất hiện đại mà vì thời gian quá gấp CIA không tài nào “bấm nút” kịp để tiêu hủy những hồ sơ tài liệu chất đồng nặng hàng tấn chiếm một khối lượng hàng chục mét khối. Thế nhưng, bên cạnh đồng tài liệu “bắt buộc phải bỏ lại” đó, CIA còn xảo quyết “cố tình để rơi” một số tài liệu “rớt” nhằm đánh lạc hướng truy tìm của các cơ quan an ninh của chính quyền ta. Đó là những bản danh sách giả mạo, ghi tên một vài nhân vật quen biết thuộc lực lượng thứ ba, cố gây cảm tưởng cho người đọc rằng đây là những người “có quan hệ chặt chẽ và kín đáo” với CIA. Đó là những biên bản hỏi cung các cán bộ và chiến sĩ thuộc các lực lượng vũ trang và lực lượng an ninh cách mạng chẳng may bị Mỹ ngụy bắt được, trong đó có những câu, những chữ do CIA bịa đặt, ghi vào biên bản, đánh lừa cách mạng rằng đây là những người không chịu nổi tra tấn, có khai báo tiết lộ bí mật, ít nhiều có chấp nhận hợp tác với CIA. Đó còn là những bức thư giả mạo “y như thật” từ nét chữ đến cách viết, cố gây ấn tượng với người đọc là số cán bộ cốt cán này của ta có quan hệ với CIA. Nham hiểm và xảo quyết hơn nữa, CIA còn bố trí một số tay sai giả vờ ra đầu thú với chính quyền cách mạng, làm ra vẻ muốn “lập công chuộc tội” tố giác “một số cán bộ hoặc một số cơ sở trung kiên của ta “hình như có cộng tác với CIA” hoặc “có lẽ đã tiếp xúc với CIA” ở một nơi nào đó, trong một thời điểm nào đó hoặc “có nghe cố vấn CIA nhắc đến tên những người này và gọi họ là bạn”.

Thật tình, những mưu đồ thậm độc này của CIA cũng có làm cho ta mất nhiều thời giờ trong việc thẩm tra xác minh từng sự việc và từng người cụ thể. Tuy nhiên, tất cả những thủ đoạn bỉ ổi này của CIA đều lần lượt bị phá sản, bởi vì chính quyền nhân dân của ta dĩ nhiên không bao giờ quá ngây thơ tới mức chỉ căn cứ vào những tài liệu văn bản hoặc những lời khai của địch. Ngược lại, chúng ta có những nguồn tin rất đáng tin cậy là những cán bộ, chiến sĩ an ninh trên “mặt

trận thầm lặng” đã bí mật hoạt động ngay trong gan ruột của mạng lưới tình báo dày đặc của Mỹ ngụy. Chúng ta có nguồn sức mạnh mà địch không tài nào có được đó là tính chất chính nghĩa của cuộc chiến tranh nhân dân tất thắng. Sức mạnh chính nghĩa của ta đã giác ngộ, cảm hóa được một số tình báo viên cấp cao của CIA, sẵn sàng khai báo thật thà khi biết rằng cuộc chiến tranh phi nghĩa của Mỹ ngụy đã đi vào ngõ cụt, họ không còn con đường nào khác là đầu hàng cách mạng. Chúng ta còn có một lực lượng vô cùng hùng hậu, đó là nhân dân yêu nước trong các khu vực do chính Mỹ ngụy kiểm soát sẵn sàng làm tai mắt cho ta, cung cấp cho ta những tin tức xác thực. Sau ngày giải phóng chính nhân dân trong khu vực này đã tự động tố giác với chính quyền cách mạng, nhiều tên gián điệp do CIA gài lại hoặc không kịp di tản theo Mỹ.

Từ nhiều nguồn rất phong phú và đa dạng, ngay từ trung tuần tháng 4 năm 1975, tức là trước khi hoàn toàn giải phóng miền Nam Việt Nam, ta đã “nắm trong tay” bản “kế hoạch lâu dài” (Long range plan) do chi nhánh CIA tại Sài Gòn vừa mới soạn thảo hồi cuối tháng 3 năm 1975, sau khi “bị mất” Buôn Mê Thuột. Nội dung chính của kế hoạch này là:

- 1) Gấp rút huấn luyện các điệp viên các điệp viên có điều kiện cài lại trong tình hình miền Nam Việt Nam có một chính phủ liên hợp với cộng sản hoặc miền Nam Việt Nam bị cộng sản giải phóng hoàn toàn. Bản kế hoạch nhấn mạnh “phải đồng thời chuẩn bị cho cả hai khả năng này”. Giôn Horton là một điệp viên CIA đang công tác tại Cần Thơ đã được lệnh phải về gấp Sài Gòn để tham gia vào việc “đánh giá lại toàn bộ hệ thống điệp viên người Việt của CIA, người nào đã bị lộ và người nào có thể bị lộ và người nào hoàn toàn chưa bị lộ” để lựa chọn cài lại.

- 2) Gấp rút tuyển mộ một số điệp viên mới. Hướng lựa chọn là nhằm vào các thành phần đang hoạt động tại các cơ quan và các tổ chức kinh tế, lao động, các sinh viên, các tín đồ các tôn giáo gồm cả đạo Cơ đốc, đạo Phật, đạo Cao đài, Hòa hảo, các nhân vật hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội “nổi tiếng về thành tích chống Thiệu” trong lực lượng thứ ba.

Một bản thuyết trình của Bin Giôn-xơn là chỉ huy trưởng CIA tại “đặc khu Sài Gòn” nhận định, số điệp viên trong lực lượng cảnh sát và

quân đội nguy không có khả năng cài lại trong trường hợp miền Nam Việt Nam bị cộng sản hoàn toàn giải phóng vì “cộng sản sẽ nghi ngờ những người đã phục vụ trong lực lượng cảnh sát và quân đội của chế độ Thiệu. Bin Giônxon nêu lên 3 nguyên tắc để tìm chọn điệp viên mới:

- Một là những người chưa hề cộng tác với Mỹ, cũng chưa hề cộng tác với Thiệu.

- Hai là, những người cộng tác với Thiệu nhưng sau đó lại chống Thiệu kịch liệt, có khả năng tiếp cận với cộng sản.

- Ba là, những người ít nhiều đã có tiếp xúc với cộng sản, được cộng sản tin cậy.

3) Tìm các địa điểm bí mật để cất giấu những phương tiện dự trữ nhằm trang bị cho số điệp viên mới tương lai sẽ hoạt động trong khu vực do cộng sản hoàn toàn kiểm soát.

Ngày 6 tháng 4 năm 1975, tức là sau khi các lực lượng vũ trang cách mạng đã giải phóng được Đà Nẵng, lực lượng của Thiệu phải vội vã lập “tuyến phòng thủ Phan Rang” tìm cách cố thủ và chờ đợi “Mỹ quay trở lại” Tô-mét Pong-a phụ trách chi nhánh CIA tại Sài Gòn lại chủ tọa một phiên họp quan trọng, phân công phân nhiệm như sau:

Chỉ huy trưởng kế hoạch lâu dài: Bin Giônxon, Chỉ huy phó là Cac-lơ Mông-tê có các nhân viên Giắc Kinson, Các Xingon và Đôn-ô-ty giúp việc.

Bộ phận chịu trách nhiệm huấn luyện cho những điệp viên người Việt được lựa chọn để cài lại phục vụ cho kế hoạch lâu dài do Gim Pô-trát-xơ phụ trách, giúp việc có các nhân viên Liuyet, Asli, Lenhart, mỗi người phụ trách huấn luyện một điệp viên người Việt. Deppho là một điệp viên Mỹ gốc Hoa chịu trách nhiệm huấn luyện một điệp viên người Hoa.

Giôn Conly lúc đó đang hoạt động tại Phnôm Pênh đã được lệnh cấp tốc về Sài Gòn để huấn luyện cho một điệp viên người Lào lúc đó đang làm việc tại hãng dầu SHELL,

Bộ phận thứ hai có nhiệm vụ tuyển mộ, thẩm tra việc tuyển mộ các điệp viên mới và bố trí cho điệp viên bí mật quay trở lại những khu vực vừa mới được cách mạng giải phóng do BinSin phụ trách. Đích Phan phụ tá.

Bộ phận thứ ba có nhiệm vụ tìm địa điểm cất giấu các phương tiện hoạt động của CIA do Dgrentơ Zchicaoa là một điệp viên người Mỹ gốc Nhật Bản phụ trách cùng với một số nhân viên giúp việc như: Môran đảm nhiệm việc huấn luyện cất giấu cho các điệp viên người Việt, Pétxơ phiên dịch tiếng Việt kiêm huấn luyện viên kỹ thuật, Xmít, Gânlơ, Gento, Cope.

Những vật liệu chuẩn bị cất giấu gồm có: 180 thỏi vàng nén, điện đài loại RA.48 chỉ nhỏ bằng bao thuốc lá có công suất lớn vừa trực tiếp dùng nguồn điện thông thường, vừa dùng điện ắc quy, máy ảnh loại MINOSE diện tích bề mặt to bằng đồng 5 hào bằng kim loại, bề dày 6mm. mỗi máy lắp sẵn 12 phim, máy ảnh bút bi...

Một điệp viên cấp cao nữa của CIA là Alân Cato, bề ngoài khoác áo giám đốc sở thông tin Mỹ tại Sài Gòn cũng soạn thảo một “kế hoạch hậu chiến” sau khi chiến tranh đã chấm dứt và miền Nam Việt Nam hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Alân Cato nhận định, một khi miền Nam Việt Nam “rơi vào bàn tay cộng sản” thì nhất định sẽ nảy sinh nhiều sự chống đối trong các tín đồ tôn giáo, trước hết là những người công giáo rồi dần dần lan rộng tới các tôn giáo khác như Cao đài, Hòa hảo, Phật giáo. Cato chủ trương, các điệp viên ngầm của CIA nằm trong lực lượng tôn giáo đến lúc đó sẽ “tùy theo thành phần tín đồ của mình mà định ra các hình thức hoạt động”. Và cả phương pháp tuyên truyền gây tác động tâm lý bằng mê tín dị đoan “như đã từng” thành công từ thời kỳ Etuốt Lêndên chỉ huy phái đoàn SMM bắt đầu đặt chân tới Sài Gòn năm 1955, Cato nêu lên một loạt “thí dụ” như:

- Lực lượng công giáo lúc đó sẽ tùy nơi, tùy lúc, tung tin Đức mẹ hiện hình ở chỗ này chỗ khác phán dạy những lời Chúa nhận định về tương lai, tập trung vào nội dung chủ yếu là Mỹ sẽ quay trở lại.

- Lực lượng Cao đài sẽ tận dụng phương pháp tuyên truyền bằng cơ bút. Những lời Ngọc hoàng thượng đế phán truyền trong cơ bút sẽ nhằm kích động các tín đồ chống lại chính quyền cách mạng.

- Lực lượng Hòa hảo sẽ tung ra các loại “sấm truyền” rĩ tai nhau là “sấm Trạng Trình” “sấm” của Phật thầy Tây am “sấm” của giáo chủ Huỳnh Phú Sổ. Nội dung tuyên truyền cũng tương tự như trên.

- Lực lượng Phật giáo cũng sẽ hoạt động theo những hình thức đã tiến hành trong thời kỳ chống Thiệu. CIA sẽ kích động tới mức có thể xảy ra hình thức tự thiêu nhằm làm chân động dư luận.

Alân Cato đề ra một số phương châm hoạt động như:

- Duy trì tình trạng tâm lý chống đối thường xuyên bằng cách tận dụng mọi bất mãn để kích động dân chúng chống lại chính quyền cách mạng, đào sâu sự chia rẽ, đối lập giữa dân chúng với chính quyền cách mạng.

- Tuyên truyền chia rẽ kỳ thị giữa nhân dân hai miền Nam, Bắc Việt Nam.

- Lôi kéo người Hoa chống chính quyền cách mạng

- Về mặt quốc tế, Mỹ sẽ lợi dụng những quan hệ “mới chớm nở giữa Mỹ và Trung Quốc nhằm lôi kéo Trung Quốc chống Việt Nam. Alân Cato nhận định: “Mỹ có thể làm được điều đó vì trong vài năm gần đây càng ngày Mỹ càng xích lại gần Trung Quốc, Mỹ đã từng phải hy sinh một đồng minh là Đài Loan để lấy lòng Bắc Kinh bằng cách ủng hộ Bắc Kinh vào Liên hiệp quốc và đẩy Đài Bắc ra ngoài. Mục tiêu tiếp theo của Mỹ là phải tìm cách làm cho Bắc Kinh đi với Mỹ, thậm chí nếu ở miền Nam Việt Nam lại có chiến tranh thì Bắc Kinh sẽ đứng ngoài cuộc chứ không giúp Việt Nam như trước”.

Alân Cato giải thích thêm: tuy nhiên, trước mắt CIA sẽ không khuyến khích một chính sách chống cộng cực đoan khi miền Nam hoàn toàn rơi vào tay cộng sản. Lần này CIA chủ trương một đường lối tiến bộ hơn và thích hợp với thời đại hơn là thúc đẩy đấu tranh đòi cộng sản phải chấp nhận một chính quyền nhiều thành phần ở miền Nam Việt Nam và miền Nam Việt Nam phải đi theo đường lối trung lập, không liên kết. Để đạt mục tiêu này, CIA chuẩn bị trước một số lá bài chính trị gồm những phần tử nổi tiếng là đã “kịch liệt chống Thiệu”. Những phần tử này sẽ tìm mọi cách về nước đấu tranh đòi tham gia chính quyền mới ở miền Nam Việt Nam, đầu tiên là “làm loãng chất cộng sản” trong chính quyền này. Tiến tới sẽ lũng loạn rồi lật đổ chính quyền cộng sản. Alân Cato giới thiệu một số con bài có thể sử dụng như:

- Thái tử Bảo Long là con cựu Hoàng đế Bảo Đại lúc này đã 40 tuổi, đang sống ở Pháp nhưng đã có, tiếp xúc với CIA.

- Ngô Đình Trác là con Trai Ngô Đình Nhu, lúc này đã trên 30 tuổi, sang Pháp du học từ năm 1963 và CIA đã nhiều lần tiếp xúc.

- Luật sư Trương Đình Du hiện còn ở lại thành phố Hồ Chí Minh là người được Conlby và các nhà tình báo chiến lược của CIA hoạt động ở miền Nam trước đây thường xuyên quan hệ.

Alân Cator cũng kiến nghị, đi đôi với việc chuẩn bị những con bài chính trị, vẫn cần “nắm chắc trong tay một số tướng tá của Thiệu đã di tản sang Mỹ”, để phòng khi cần thiết có thể đưa quân trở lại miền Nam Việt Nam, phát động chiến tranh lật đổ chính quyền cách mạng, hỗ trợ cho “những con bài chính trị”. Alân Cator khẳng định: “các viên tướng cũ như Ngô Quang Trưởng Phan Trọng Chính, Nguyễn Đức Thắng, Bùi Thế Lân đều là những con bài quân sự có thể sử dụng khi có khả năng phát động trở lại cuộc chiến tranh chống chính quyền cộng sản ở miền Nam Việt Nam”.

Rõ ràng, CIA đã chuẩn bị kỹ cả một kế hoạch phá hoại và lật đổ ở miền Nam Việt Nam trong trường hợp chế độ tay sai Nguyễn Văn Thiệu sụp đổ và một chính quyền cách mạng được thành lập.

14. FULRO TRONG KẾ HOẠCH "HẬU CHIẾN" CỦA CIA

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước Việt Nam được thống nhất, toàn thể nhân dân ta vui mừng hăng say lao động trong khung cảnh hòa bình, khẩn trương khắc phục những hậu quả do chiến tranh để lại. Nhưng từ bên kia đại dương, CIA vẫn điên cuồng tìm cách phá hoại cuộc sống yên vui thanh bình của nhân dân Việt Nam. Hầu hết mạng lưới “nội tuyến” do CIA cài lại các đô thị đã lần lượt bị phá vỡ. Không cam chịu thất bại, CIA lại lao vào một cuộc phiêu lưu mới, kích động các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên gây bạo loạn.

Thật ra, vấn đề gây hận thù giữa các dân tộc sống trên dải đất Việt Nam và lôi kéo một số dân tộc thiểu số phá hoại khối thống nhất của hơn 30 dân tộc anh em của Việt Nam là một âm mưu thâm độc đã có từ lâu của chủ nghĩa thực dân đế quốc. Từ thực dân Pháp đến đế quốc Mỹ đều thực hiện mưu đồ này, CIA cũng đã từng tiếp xúc với một số phần tử phản động thuộc các dân tộc ít người ở Tây Nguyên từ những năm 50 của thế kỷ này, tức là ngay từ khi thực dân Pháp còn thống trị nhân dân các nước Đông Dương.

Tuy nhiên, vấn đề cần nhấn mạnh ở đây là, sau khi toàn bộ quân đội Mỹ đã buộc phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, sau khi toàn bộ chế độ nguy quân nguy quyền đã bị sụp đổ, CIA lại chủ trương sử dụng một số nhóm vũ trang trong các phần tử phản động thuộc một số dân tộc ít người ở Tây Nguyên, không phải chỉ để thực hiện các mưu đồ phá hoại và lật đổ ở mức cao nhất

Không phải ngẫu nhiên mà CIA đã chọn khu vực Tây Nguyên làm địa bàn hoạt động. Đây là một khu vực mà chính quyền nguy gọi là “vùng cao nguyên ở miền Trung Việt Nam” (cao nguyên trung phần) gồm ba tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng và Gia lai-Kontum có một vị trí chiến lược rất quan trọng. Về mặt địa lý, vùng cao nguyên này có nhiều núi cao, rừng rậm thông với Lào và Campuchia, là nơi cư trú của gần 2 triệu người gồm 14 dân tộc anh em, đông nhất là các dân tộc Gia rai, Êđê, Ba na. Ngay từ thời thực dân Pháp mới bắt đầu xâm chiếm bán

đảo Đông Dương nhiều giáo sĩ đạo Grixô (còn gọi là đạo Thiên chúa) và đạo Tin lành đã lần lượt lần mò đến tận các khu vực hẻo lánh này để truyền đạo. Tiếp đó, thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ và ngụy quyền tay sai lại lợi dụng một số cơ sở tôn giáo này để thực hiện mưu đồ chống cộng, thực chất là chống lại công cuộc cách mạng và kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân các dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, cũng như nhân dân nhiều dân tộc anh em khác ở Việt Nam, nhân dân Tây Nguyên với truyền thống đấu tranh bất khuất từ lâu đã sát cánh với dân tộc Kinh trong phong trào cách mạng cũng như trong công kháng chiến. Điều thâm độc của thực dân Pháp cũng như các đế quốc Mỹ là lợi dụng cuộc tranh của các dân tộc Tây Nguyên để phục vụ mưu đồ đen tối của thực dân Pháp trước kia đã âm mưu thành lập “Quốc gia tự trị Tây Nguyên” đưa một số phần tử thuộc các tầng lớp trên lên nắm giữ chính quyền để xoa dịu phong trào đấu tranh của nhân dân, đồng thời phá vỡ khối đoàn kết thống nhất của các dân tộc Việt Nam, làm suy yếu phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp của toàn thể các dân tộc trên bán đảo Đông Dương.

Sau khi thực dân Pháp buộc phải rút khỏi Việt Nam theo hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, chính quyền Ngô Đình Diệm chủ trương “đồng hóa các dân tộc” và áp dụng nhiều chính sách thô bạo đã gây phản ứng mạnh trong các dân tộc Tây Nguyên. Đầu năm 1957 một số người cầm đầu một số bộ tộc ở Tây Nguyên thành lập phong trào BAJRAKA chống lại chính quyền Diệm (BAJARAKA là những chữ đầu ghép lại của bốn dân tộc lớn ở Tây Nguyên là Bana, Jarai, Rađê, Kờho). Theo lời tiết lộ của Mắc Côi là một điệp viên cấp cao CIA thì chính CIA là người “đỡ đầu” cho phong trào này vì lúc đó CIA đang nắm các lực lượng phản động của Vàng Pao ở Lào, một số phần tử phản động trong phong trào Kơme Krôm và một số phản động ở Tây Nguyên. Mục đích của CIA là thành lập được một khu vực Tây Nguyên tự trị nối liền với khu “tam giác vàng”, tạo thành một đường dây buôn thuốc phiện và ma túy từ Miến Điện qua Thái Lan, Lào, Việt Nam, Campuchia tới các nước khác ở Đông Nam Á Chính quyền Mỹ cũng muốn nắm chặt con bài “Tây Nguyên tự trị” để kiềm chế chính quyền Ngô Đình Diệm. Chính vì vậy cho nên, sau khi đã giật dây cho cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm năm 1963, đại sứ Mỹ ở Sài Gòn lại gây sức ép với Nguyễn Khánh, đòi chính quyền

Nguyễn Khánh trả lại tự do cho 7 lãnh tụ phong trào BAJARAKA đã bị Diệm bắt giam.

Đến năm 1965, CIA lại vận động thủ lĩnh các phong trào đòi tự trị của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và Campuchia thành lập “mặt trận thống nhất của cuộc đấu tranh của các sắc tộc bị áp bức ” gọi tắt là FULRO (Front unifié de la lutte des races opprimés) Cái gọi là phong trào FULRO ra đời từ đó. Sau khi đưa yêu sách đòi tự trị không được chính quyền Nguyễn Văn Thiệu chấp nhận, FULRO đã gây bạo loạn tiến công quân sự vào hai tỉnh lỵ Phú Bổn và Quảng Đức, giết chết một số công chức và binh lính của chính quyền Thiệu. Sau cuộc bạo loạn này, Thiệu đã phải áp dụng một số chính sách mị dân đối với các dân tộc Tây Nguyên và đến năm 1967 đã thuyết phục được khoảng 5000 binh lính trong lực lượng FULRO hợp tác với chính quyền Thiệu.

Lúc này phong trào cách mạng do Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam chỉ đạo đang phát triển mạnh. Điều nham hiểm của Mỹ Thiệu là đã mua chuộc số FULRO đã qui thuận, hợp tác với chính quyền Thiệu chống lại phong trào cách mạng giải phóng của nhân dân miền Nam.

Đến năm 1972, CIA đã hoàn thành “kế hoạch hậu nhiên ở Tây Nguyên” âm mưu sử dụng FULRO làm một lực lượng chống đối trong trường hợp quân đội Mỹ buộc phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. Dối sự đạo diễn của CIA, giữa năm 1974 lực lượng FULRO đã chuẩn bị sẵn một “bộ khung” cho cái gọi là “chính phủ cách mạng lâm thời Cao nguyên miền Nam Đông Dương” dự định thành lập một quốc gia tự trị nằm trên một diện tích lãnh thổ rộng lớn bao gồm toàn bộ Tây Nguyên, một phần đất thuộc lãnh thổ miền Nam nước Lào và miền Đông Bắc Campuchia. Bên cạnh cái gọi là “ Chính phủ Cách mạng lâm thời” này, FULRO tối cao gồm có bộ tổng tham mưu và 4 bộ tư lệnh chỉ còn chuẩn bị cả một bộ khung cho cái gọi là chỉ huy bốn quân khu của FULRO trên lãnh thổ 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Trong năm 1974 và đầu năm 1975 một số “đặc phái viên” tự xưng là đại diện của ủy ban trung ương FULRO đã bí mật tới các tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức, Đà Lạt tuyên truyền nhân dân các dân tộc trong các buôn ấp và cả những người làm việc tại các thị trấn, thị xã tham gia tổ chức FULRO.

Tháng 3 năm 1975, các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Buôn Ma Thuột. Bọn cầm đầu FULRO tại khu vực này đã thu gom nhiều vũ khí do quân ngụy bỏ lại trong khi tháo chạy, âm mưu cướp chính quyền nhưng trước sự cảnh giác của ta, chúng đã phải bỏ chạy vào rừng. Sau khi miền Nam hoàn toàn được giải phóng, lực lượng FULRO phát triển tới gần 10.000 tên được trang bị vũ khí do bọn ngụy tháo chạy bỏ lại, đã gây một số vụ bạo loạn trong khu vực Lâm Đồng, Đắk Lắk nhưng đã liên tiếp bị diệt tan. Bước vào những năm 1976, 1977, 1978 khi bọn Pôlpot được sự giúp đỡ của các thế lực phản động nước ngoài gây xung đột vũ trang ở khu vực biên giới tây Nam Việt Nam, lực lượng FULRO lại liên lạc với Polpol, tiếp tục hoạt động mạnh. Ngoài 3 tỉnh trọng điểm ở Tây Nguyên lực lượng FULRO còn phát triển ra 5 tỉnh chung quanh, lan tràn xuống nhiều khu vực tại các tỉnh Nghĩa Bình, Phú Khánh, Thuận Hải, Đồng Nai, Sông Bé. Cũng trong thời gian này, bọn FULRO đã xây dựng được một hệ thống tổ chức từ trung ương đến cơ sở. Chúng chia địa bàn lãnh thổ mà chúng hy vọng sẽ kiểm soát được thành 9 tỉnh, 46 quận. Cái gọi là “chính phủ” của chúng gồm có 1 thủ tướng, 2 phó thủ tướng, 6 bộ trưởng: quốc phòng, an ninh, ngoại giao, tài chính, giáo dục, canh nông. Lực lượng vũ trang của chúng đặt dưới sự chỉ huy của một tổng tham mưu trưởng, gồm 4 khung sư đoàn hoạt động tại 3 vùng chiến thuật và 18 khung tiểu đoàn.

Từ các chi nhánh đặt tại một số nước tiếp giáp với bán đảo Đông Dương, CIA hí hửng theo dõi tình hình rối ren hỗn loạn tại Việt Nam. Đã xuất hiện những bản tường trình rất lạc quan của CIA, phân tích một cách chủ quan là, cộng với những khó khăn về kinh tế, những tệ nạn về xã hội do chiến tranh để lại, những tác động về chính trị do sự bao vây phong tỏa của các thế lực phản động quốc tế, những cuộc bạo loạn vũ trang và nổi dậy không vũ trang ở Việt Nam, phá vỡ chế độ xã hội chủ nghĩa của nước Việt Nam thống nhất, ít nhất cũng trên lãnh thổ miền Nam Việt Nam vừa mới được giải phóng.

Nhưng liền sau đó, CIA lại liên tiếp nhận được nhiều nguồn tin làm tiêu tan những ảo vọng quá sớm của chúng. Trong hai năm 1979 - 1980 Các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đáp ứng lời kêu gọi khẩn cấp của nhân dân Campuchia đã nhanh chóng đập tan chế độ diệt chủng Pôlpot trên đất Campuchia, tiếp đó lại chặn đứng cuộc

chiến tranh xâm lược ở khu vực biên giới phía Bắc. Cũng trong thời kỳ này các lực lượng quân đội, công an cùng với nhân dân các dân tộc đã tiến hành nhiều đợt tiến công và truy quét các lực lượng vũ trong phản động FULRO, thu được nhiều thắng lợi rất quan trọng. Nhiều tên phản động đầu sỏ của FULRO đã bị sa lưới pháp luật, tác động lớn đến tình hình nội bộ của bọn chúng.

Tên Nahrie Ya Duk gia nhập lực lượng phản động từ năm 1964 khi còn mang tên BAJARAKA thuộc dân tộc Koho là một thủ lĩnh đã dẫn 5000 quân FULRO về hợp tác với chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Năm 1969 được Thiệu cử làm trưởng ty phát triển sắc tộc tỉnh Bà Rịa, năm 1973 trở thành một con bài của CIA, đã nhận được chỉ thị của CIA thực hiện “kế hoạch hậu chiến” ở Việt Nam. Đài tiếng nói Hoa kỳ cũng như đài phát thanh của CIA đặt tại Manila, trong nhiều buổi phát thanh bằng các thứ tiếng dân tộc Tây Nguyên đã suy tôn Ya Duk là “một thủ lĩnh lỗi lạc của FULRO”. Năm 1976, Ya Duk được đồng bọn phong cấp đại tá phụ trách vùng chiến thuật 4, đến đầu năm 1979 đã được nâng lên cấp chuẩn tướng kiêm phó thủ tướng thứ nhất đặc trách cả nội vụ lẫn ngoại giao. Nhưng chỉ hơn một năm sau, giữa lúc Ya Duk đang “lên như điều gặp gió” thì ngày 13 tháng 8 năm 1980 đã bị bắt sống tại khu vực Lâm Đồng cùng với 10 tên đồng bọn, trong đó có cả bộ trưởng tài chính Liêng Hot K' Thốt và đại tá trợ lý tham mưu bộ quốc phòng Kra Giăn Ha Pút đã từng tham gia lực lượng biệt kích do cố vấn “mũ nồi xanh” của Mỹ huấn luyện từ năm mới 18 tuổi.

Đến năm 1981 lại thêm một loạt võ quan nữa của FULRO bị truy quét và bắt sống tại trận trọng đó có chuẩn tướng Nay Guh, người Êđê, phó tổng tham mưu trưởng FULRO đã từng là chuẩn úy tử ngày đi lính cho thực dân Pháp, tiếp đó lại được CIA đào tạo.

Ngày 8 tháng 3 năm 1981 tại thị xã Đà Lạt hàng ngàn nhân dân trong đó có các già làng, mục sư và nhiều thầy giảng đạo Thiên chúa và đạo Tin lành người dân tộc đã chăm chú lắng nghe Ya Duk, cựu phó thủ tướng thứ nhất chính phủ phản động FULRO bị các lực lượng an ninh nhân dân bắt sống rồi được khoan hồng, nói về quá trình phản bội và những kế hoạch mà CIA trao cho trong công tác “hậu chiến”. Mục sư Ha Brôn cũng tố cáo những âm mưu thâm độc của CIA lợi dụng tôn giáo để mê hoặc nhiều người Thượng chống lại cách mạng. Nhiều tên phản động trong lực lượng FULRO trước kia đã từng

được giao cho giữ các chức vụ tổng trưởng, tỉnh trưởng, quận trưởng cùng lần lượt tố cáo trước nhân dân ơn cách mạng đã khoan hồng cho bọn chúng sau khi bị bắt.

Trước tình hình hàng loạt các đơn vị FULRO bị vây quét, truy lùng, tiêu trừ ở khắp mọi nơi trong khu vực Tây Nguyên và lân cận, đầu năm 1980 bọn đầu sỏ FULRO đã cấu kết với tàn quân Polpot, co cụm lại tại vùng rừng núi ở Mondul Kiri dự định dùng địa bàn này của Campuchia làm nơi trú chân để củng cố lực lượng rồi lại tiếp tục vượt biên giới thâm nhập vào trong nước để hoạt động lật đổ. Thế nhưng, trước sự phát triển nhanh chóng của cách mạng Campuchia lực lượng tàn quân của Polpot cũng tiếp tục tan rã phải chuyển sang Thái Lan, lần quét lại một số trại “tị nạn” ở biên giới Thái Lan – Campuchia. Lũ tàn quân FULRO cùng mất một chỗ dựa quan trọng, CIA lại lập tức cứu nguy cho bọn chúng, chuyển bọn đầu sỏ FULRO sang đất Thái Lan để nương náu chờ dịp quay trở lại khu vực Tây Nguyên ở Việt Nam. Theo lời khai của những tên chỉ huy trong lực lượng FULRO. Sau đó bị nhân dân ta bắt giữ trong khi vừa mới mòn mỏi, vượt qua biên giới trở về Việt Nam thì năm 1980, CIA đã chuyển được gần 200 tên FULRO sang đất Thái Lan, lập căn cứ tại Petchaburi. Tại đây, bọn chúng tiếp tục cung cấp đồ ăn và tiền Thái Lan để chi tiêu, nhiều thiết bị thu phát tin và máy liên lạc vô tuyến điện, quần áo, vũ khí. Nhiều vũ khí do Trung Quốc tiếp tế cho Polpot cũng được “san sẻ” để đưa cho tàn quân FULRO nương náu trên đất Thái Lan. Trong những năm 1981, 1982, 1983, do bị nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân ta truy quét mạnh, bọn FULRO phải giảm khá nhiều hoạt động quân sự. Nhưng CIA lại chỉ thị cho chúng bí mật thâm nhập vào các buôn làng, rải tai tuyên truyền lôi kéo thanh, thiếu niên bỏ gia đình chạy ra rừng để FULRO đưa sang Thái Lan gặp CIA, từ đó CIA lại tổ chức cho sang Mỹ huấn luyện rồi trở về nước hoạt động. Từ năm 1987, nhiều gia đình người Thượng ở Tây Nguyên có con em bỏ ra rừng “biệt tích” đã nhận được những lá thư của chính những người thân “bị mất tích” này gửi từ Thái Lan, Philippin và Mỹ về nhà báo tin đang được nuôi dưỡng và hẹn “sẽ có ngày trở lại”. Một số gia đình sau khi nhận được thư đã mang đến báo cáo với già làng và chính quyền nhân dân, cung cấp, cho cơ quan an ninh nhiều bằng chứng cụ thể về việc CIA lừa gạt, lôi kéo lớp tuổi trẻ các dân tộc ít người phục vụ cho kế hoạch “hậu chiến” lâu dài của chúng như thế nào.

Cho tới nay, cuộc sống của nhân dân các dân tộc ở Tây Nguyên ngày càng ổn định. Chính sách dân tộc rõ ràng, minh bạch của ta cộng với những biện pháp cụ thể nhằm cải thiện đời sống kinh tế, văn hóa xã hội của đồng bào các dân tộc ngày càng thấm sâu vào lòng người. Nhân dân các dân tộc Tây Nguyên ngày càng giác ngộ cách mạng thì bọn FULRO càng mất hết chỗ dựa để hoạt động. Trên thực tế nhiều đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên mỗi khi phát hiện thấy có những phần tử FULRO xuất hiện đã lập tức tố giác bọn chúng với cơ quan an ninh hoặc chủ động khuyên nhủ bọn chúng ra đầu thú để hưởng lượng khoan hồng.

Rõ ràng, nếu không có bàn tay phá hoại của CIA thì cái gọi là “vấn đề FULRO” đã bị xóa bỏ từ lâu. Nhưng mãi tới nay, mặc dù gặp nhiều thất bại CIA vẫn ngoan cố tìm mọi cách nuôi dưỡng, tiếp tế, đào tạo lũ tàn quân FULRO nhằm thực hiện mưu đồ phá hoại và lật đổ ở Việt Nam. Rất đáng tiếc là chính quyền Thái Lan tuy đã công khai tuyên bố muốn biến Đông Dương từ chiến trường thành thị trường buôn bán nhưng vẫn còn một số người tiếp tục dung túng cho lũ tàn quân Pôl-pôt cũng như tàn quân FULRO nương náu, trên lãnh thổ Thái Lan, tiếp tục thực hiện các hoạt động phá hoại và lật đổ. Có nước tiếp giáp với Việt Nam vẫn còn tiếp tế vũ khí cho cả tàn quân Pôl-pôt lẫn tàn quân FULRO

15. CIA VÀ NHÓM “LIÊN MINH” CHỐNG VIỆT NAM

Lực lượng FULRO bị truy quét mạnh và dần mòn tan rã là một thất bại nặng đối với CIA và cả đối với những thế lực phản động quốc tế ôm ảo vọng sử dụng con bài FULRO chống lại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên CIA vẫn tiếp tục ngoan cố dần sâu vào các hoạt động tội ác. Từ trên đất Mỹ, bọn nguy di tản theo quan thầy đang bị lang thang thất nghiệp túng đói trong các trại tỵ nạn đã lại được CIA móc nối, tuyển mộ những tên ác ôn tổ chức thành những toán biệt kích vũ trang đưa trở lại Việt Nam hoạt động. Trong số này có toán biệt kích do Võ Đại Tôn cầm đầu vừa vượt qua biên giới đã bị đội biên phòng và các lực lượng an ninh nhân dân vây đánh, Võ Đại Tôn bị bắt sống ngay tại trận.

Theo lời khai của Võ Đại Tôn, hắn vốn là một sĩ quan tâm lý chiến của nguy, đồng thời cũng là một tên tay sai của CIA, đã lần lượt được trao cho các chức vụ như biên tập chương trình phát thanh của đài “Gương thiêng ái quốc” và “Liên minh diệt cộng”, huấn luyện chiến tranh tâm lý cho các toán gián điệp biệt kích do CIA tuyển mộ thâm nhập phá hoại miền Bắc xã hội chủ nghĩa; soạn thảo các kế hoạch thông tin chiêu hồi. Năm 1975 chế độ nguy hoàn toàn sụp đổ, Võ Đại Tôn cùng với nhiều sĩ quan nguy khác hoảng hốt di tản với tâm trạng hoang mang tuyệt vọng. Nhưng chẳng bao lâu, tại bang Caliphonia Võ Đại Tôn đã gặp lại được một người quen cũ là trung tá Mỹ Etuốt Hây và đã được Hây giới thiệu làm tay sai một lần nữa cho CIA để phá hoại Tổ quốc, giết hại đồng bào.

Trong bản khai báo sau khi bị bắt, Võ Đại Tôn viết:

“... giữa những ngày đang lang thang kiếm sống trên đất Mỹ, ngày 19 tháng 7 năm 1979 co gặp tướng phỉ Vàng Pao trong khi tôi nói chuyện với khối cộng đồng người Lào và Việt di tản Sang Mỹ. Tiếp đó tôi cũng gặp lại một người bạn cũ là Phạm Tuấn Việt cùng di tản và đang sống vất vưởng tại Lốt Angiolét. Vào cuối tháng 7 (tôi không nhớ rõ chính xác ngày nào) Phạm Tuấn Việt cho tôi biết: Vàng Pao mời tôi ăn cơm tối và trong bữa ăn cơm này tôi sẽ gặp lại một người

Mỹ đã quen biết từ năm 1975 tại Việt Nam sẽ giúp đỡ tôi. Tôi gắng hỏi là ai thì được biết, người Mỹ đó là trung tá Etuốt Hây, hiện đang làm việc trong cơ quan CIA tại Oasinhton. Tôi chợt nhớ ra đã làm việc với Hây tại Bộ thông tin chiêu hồi ở Sài Gòn từ Sau năm 1970.

Đúng buổi tối đã hẹn, Phạm Tuấn Việt lái xe đưa tôi đến một tiệm ăn Tàu ở Santa Ana thuộc vùng ngoại ô Lôt Angiôlét. Tại đó tôi và Phạm Tuấn Việt được gặp tướng Vàng Pao, trung tá Hây và một người Việt Nam cùng đi với Hây, được giới thiệu trung tá không quân Cộng hòa Việt Nam, tên là Cao Minh Châu, trước năm 1975 làm việc tại phòng kiểm soát không ảnh thuộc bộ tư lệnh không quân đặt tại Tân Sơn Nhất. Tôi còn được biết thêm, Cao Minh Châu cũng di tản sang Mỹ từ năm 1975 hiện lúc này đang công tác tại văn phòng nghiên cứu về các vấn đề có liên quan tới Đông Dương, trực thuộc cơ quan CIA tại Oasinhton. Phạm Tuấn Việt và Cao Minh Châu quan hệ với nhau rất mật thiết. Phạm Tuấn Việt là ủy viên chính trị thuộc tổ chức Chí nguyện đoàn hải ngoại phục quốc.

Sau bữa cơm, Vàng Pao mời chúng tôi về văn phòng của khối cộng đồng người Lào di tản sang Mỹ cũng ở trong vùng Santa Ana. Đây là trụ sở riêng của Vàng Pao có đầy đủ tiện nghi và rất kín đáo. Cuộc họp cũng chỉ có 5 người chúng tôi. Mở đầu, Vàng Pao cho biết rất sung sướng được biết Hây và tôi đã quen nhau từ trước, như vậy càng dễ dàng cho công cuộc hợp tác chung sau này, đồng thời cũng cho biết thêm là Hây cũng đang cộng tác mật với Vàng Pao trong hoạt động chống cộng sản. Vàng Pao muốn có buổi họp riêng này để xác định lại lời cam kết giúp đỡ tôi trong yêu cầu trở về Việt Nam, Vàng Pao yêu cầu tôi trình bày lại tóm tắt về mục tiêu, địa bàn xâm nhập, thời gian thực hiện để xem có cần bổ túc thêm ý kiến nào trợ lực cho tôi nữa không.

Tôi trình bày mục đích của tôi là muốn tạo lập một phong trào tâm lý chiến nhằm phát động những người Việt Nam lưu vong tại hải ngoại cùng nhau tích cực yểm trợ mọi mặt cho Mặt trận phục quốc tại Việt Nam, để cho người bên trong vững lòng đấu tranh khi biết có sự tiếp tay từ bên ngoài. Tôi cũng muốn đích thân về Việt Nam tìm hiểu tình hình cụ thể nếu có thể được hoặc gặp gỡ lực lượng FULRO lại biên giới Lào Việt để thành lập cơ sở liên lạc đầu tiên. Thời gian dự trù cho chuyến đi về này tất cả là 3 tháng. Tôi yêu cầu Vàng Pao giúp đỡ

nhân sự bảo vệ an ninh và dẫn đường cho lòi. Địa bàn thuận lợi nhất là vùng Tây Nguyên, vì đó là rừng núi, dễ dàng thâm nhập. Đường đi từ Thái Lan xuyên qua Lào về Tây Nguyên tương đối ngắn, không có những trục lộ giao thông lớn hoặc tình lý quan trọng có nhiều đồn kiểm soát.

Tôi hỏi Hây đã nghiên cứu được đường xâm nhập nào về Việt Nam dễ dàng thuận lợi chưa, hoặc qua Lào, hoặc qua Campuchia, để có thể giúp tôi trở về? Tôi có xin lỗi Vàng Pao khi hỏi như vậy vì đây là cuộc họp nhằm cùng nhau thảo luận tìm con đường tối ưu giúp tôi nhanh chóng thực hiện công việc

Hây cho biết, mọi việc do Vàng Pao và tôi chủ động. Hây chỉ giúp đỡ ý kiến hoặc giúp đỡ phương tiện cần thiết cho tôi. Ngay CIA cũng mới chỉ phân tích trên lý thuyết, nghiên cứu những nguồn tin đã thu lượm được, chưa kết luận chọn lựa hành lang xâm nào được coi là thuận lợi nhất. Tuy nhiên, người Mỹ tin rằng nếu tôi được người của Vàng Pao tại Thái Lan dẫn đường thì sẽ không có gì trở ngại. Tiếp theo, Hây có dặn tôi trên đường về cùng như đường quay trở lại cố gắng quan sát địa hình địa vật nào thuận lợi cho việc tạo hành lang thâm nhập sau này. Dĩ nhiên phải có nhiều con đường thâm nhập. Ngoài ra Hây cũng lưu ý tôi chú ý quan sát vùng Tây Nguyên, nhất là các khu vực Plây cu, Công Tum gần biên giới Lào - Việt, để có thể dự trù thiết lập các mật khu kháng chiến khi cần thiết. Các mật khu này sẽ có nhiệm vụ yểm trợ, chỉ huy, liên lạc cho cả hai mặt Lào và Việt Nam tại khu vực Hạ Lào và vùng Tây Nguyên Việt Nam.

Vàng Pao phát biểu, xác định vùng Tây Nguyên Việt Nam là địa bàn quan trọng nhất cho chiến lược của cả ba nước Việt Nam - Lào và Campuchia sau này, khi đến giai đoạn nổi dậy, vì Tây Nguyên vừa có thể yểm trợ cho Cao Nguyên và trung phần Việt Nam vừa cho Hạ Lào và miền Tây Nam Campuchia, vừa tạo ra được thế liên hoàn bổ sung cho nhau khi cần di động quân tại các mật khu.

Hây đồng ý và cho biết CIA đang đặc biệt lưu ý về vùng này, Hây chờ tôi trở ra sau khi hoàn tất công tác để thảo luận cụ thể thêm. Tôi có đề nghị Hây cho biết tên một số nhân vật đang lãnh đạo phong trào FULRO tại Tây Nguyên và giới thiệu tôi với họ để tôi tiếp xúc khi thâm nhập tới Tây Nguyên. Hây cho biết ông ta chỉ phụ trách nghiên cứu về chiến lược và nắm tình hình chung chứ không phụ trách về nhân sự,

vấn đề này có lẽ Vàng Pao rõ hơn.

Vàng Pao nói, sẽ chỉ thị cho các sĩ quan dưới quyền của Vàng Pao hiện đang có mặt tại Thái Lan để tìm người liên lạc với FULRO giúp tôi. Tuy nhiên Vàng Pao cho rằng các lực lượng bên trong của Lào và Việt Nam đều phải thường xuyên di động để bảo đảm an ninh chứ không ở một nơi cố định. Vì vậy, dù trước kia có liên lạc với FULRO thì nay cũng chưa chắc chắn 100% tìm gặp dễ dàng những người đã bắt liên lạc từ trước, nhưng sẽ cố gắng giúp.

Buổi họp tới đây thì Cao Minh Châu ngỏ lời cáo biệt vì phải ra phi trường bay trở lại Oasinhton trong chuyến đêm cùng với Hây. Trung tá Hây cầu chúc tôi thành công, mong gặp lại để cùng họp bàn cho công việc chung, mọi liên lạc sau này với Hây sẽ do Phạm Tuấn Việt hoặc Cao Minh Châu thông báo, Phạm Tuấn Việt cho biết thêm Hây cũng đã gặp Lê Phước Sang để cùng nghiên cứu hành lang xâm nhập về vùng Hòa Hảo ở đồng bằng sông Cửu Long, cũng như tìm địa bàn thiết lập mật khu tại miền Tây Nam Bộ.

Tôi và Phạm Tuấn Việt cùng từ giã Vàng Pao. Trên đường về. Phạm Tuấn Việt cho tôi biết “Hây là người rất nhiệt tình”.

Võ Đại Tôn cũng đã khai rõ toàn bộ kế hoạch mà bọn chúng dự định tiến hành, bao gồm từng giai đoạn thứ tự như sau:

Giai đoạn 1: Đỡ đầu một đơn vị FULRO, hoặc một đơn vị hỗn hợp FULRO – Việt Nam, có thể là cấp tiểu đoàn hoạt động ở vùng Tây Nguyên để gây tiếng vang tâm lý ở trong và ngoài nước. Đỡ đầu bằng cách:

- Cung cấp tiền bạc để đơn vị mua sắm vật dụng lương thực.
- Tiếp tế thuốc men các loại.
- Cung cấp máy truyền tin loại nhỏ, di động, tầm xa khoảng 10 cây số, các máy chụp ảnh, ghi âm.
- Cung cấp sách báo, tài liệu tuyên truyền (chưa thể đặt vấn đề cung cấp quân trang, quân dụng và vũ khí vì việc vận chuyển xuyên rừng từ Thái qua Lào về Việt Nam gặp nhiều khó khăn).

Giai đoạn 2: Thành lập “Binh đoàn Việt Nam hải ngoại” cấp tiểu đoàn trở lên, đưa về đồn trú chung với lực lượng Vàng Pao ở biên giới Thái – Lào, có thể tại vùng 5 hoặc vùng 7 chiến thuật của Lào. Lực lượng sơ khởi để thành lập binh đoàn này gồm có:

- Lực lượng của tổ chức “chí nguyện đoàn hải ngoại phục quốc” tại Úc, Mỹ và châu Âu. Hiện nay tại Úc đã có khoảng 50 đoàn viên tình nguyện, còn tại Mỹ và châu Âu thì Phạm Tuấn Việt đang phát triển tổ chức, chưa biết hiện đã có bao nhiêu, chờ ngày tôi từ Việt Nam quay trở ra mới phát động quy tụ.

- Lực lượng tuyển mộ tại các trại tị nạn ở Thái Lan, Malaixia.

- Lực lượng cựu quân nhân ở châu Âu hiện đang do tướng Trần Văn Trung chỉ đạo.

- Ngoài ra tại Mỹ từ năm 1979 bộ Quốc phòng Hoa kỳ có thành lập một đơn vị mới, gọi là “Lực lượng phòng vệ quốc gia” (National guard). Lực lượng này tuyển mộ các cựu quân nhân Việt Nam đã được huấn luyện tại Mỹ trong thời chiến vừa qua, được đồng hóa vào quân đội Mỹ (nhưng phải đánh sụt một cấp, ví dụ: nếu trước đây là trung tá trong quân đội Việt Nam cũ thì nay chỉ được đóng cấp thiếu tá). Lực lượng này chỉ thu nhận người Việt, còn người Mỹ giữ vai trò cố vấn. Hiện đã có hơn 2000 quân tại hai tiểu bang Têchxot và Caliphonia. Nhiệm vụ hiện nay là canh gác phòng thủ các căn cứ, quân sự, doanh trại của Mỹ. Có thể tìm cách liên hệ nhờ Mỹ biệt phái một số quân nhân thuộc lực lượng này gia nhập binh đoàn,

Giai đoạn 3: Tùy theo nhu cầu tình hình, cho một vài đơn vị nhỏ thuộc binh đoàn này từ các căn cứ thâm nhập về Tây Nguyên để tiếp tay cho FULRO gây rối loạn, gây tiếng vang để từ đó các lực lượng bạo động ở trong nước Việt Nam, nếu có sẽ kéo về gia nhập thêm nhằm bành trướng thế lực, giải phóng vài tỉnh ở Tây Nguyên để làm bàn đạp.

Phương pháp thực hiện:

Giai đoạn sơ khởi: phát động phong trào quyên góp tiền bạc trong khối người Việt di tản tại ngoại quốc hiện tổng số có tới một triệu. Nếu vận động kêu gọi được 10% thì sẽ có 10 vạn người. Nếu mỗi người đóng góp một Mỹ kim một tháng thì sẽ được 100.000 đôla đổi ra tiền Thái sẽ có 2 triệu đồng BATH của Thái để chi dùng. Nếu hoạt động tốt có tiếng vang có thể còn thu được nhiều tiền hơn.

Giai đoạn kế tiếp: Khi đã có cơ sở, đạt được một vài thắng lợi, tạo được tiếng vang quốc tế, sẽ vận động các quốc gia thân hữu tài trợ. Trong giai đoạn đầu tự túc, khi đã có tiền quyên góp được thì sẽ mua

quân trang quân dụng hiện đang bán tràn ngập công khai tại biên giới Thái Lan - Miến Điện: Một khẩu súng M16 còn nói chi có 1000 đồng Thái...

Như mọi người đều rõ, khi vừa lọt qua biên giới để chuẩn bị gây cơ sở hoạt động bạo loạn, toàn bộ toán biệt kích của Võ Đại Tôn đã bị bao vây, truy quét và tiêu diệt. Võ Đại Tôn và một số tên trong bọn bị bắt sống. Điều mà hẳn, “chú ý quan sát” được, như tên trung tá Mỹ Etuôt Hây đã căn dặn, là nhân dân Việt Nam từ miền xuôi đến miền núi, mặc dù cuộc sống có khó khăn vẫn đoàn kết hăng say lao động, bảo vệ an ninh của Tổ quốc.

Nằm trong trại giam được ít lâu, sau khi đã khai báo mọi hành vi và mưu đồ tội ác mà CIA đã chỉ dẫn cho hẳn, Võ Đại Tôn xin phép được viết một loạt thư ngỏ gửi trung tá CIA Etuôt Hây, tướng phỉ Vàng Pao, một số quan chức Thái Lan và các “chiến hữu” của hẳn. Bức thư Viết:

“Thưa quý vị

Tôi vẫn ghi nhớ những tấm tình đặc biệt mà quý vị đã dành cho cá nhân tôi cũng như với sự cộng tác chặt chẽ của quý vị đối với tổ chức chí nguyện đoàn hải ngoại phục quốc của tôi. Nhưng hôm nay, với bức thư ngỏ này tôi xin trình bày về sự chuyển hướng tư tưởng lập trường của tôi vì lợi ích của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam.

Như quý vị đã rõ, trong quá trình hoạt động tại nước ngoài, tôi đã nhiều lần tham khảo ý kiến và nhận được nhiều khích lệ quý báu, sự giúp đỡ chân tình của quý vị cũng như của các bạn đồng minh khác. Gần đây, cũng nhờ sự trợ giúp tinh thần và vật chất của quý vị, tôi đã thực hiện công tác xâm nhập từ Thái Lan xuyên qua đất Lào về vùng Tây Nguyên Việt Nam với mưu đồ thiết lập các cơ sở mật để phát động phong trào nổi loạn trên quê hương của tôi, nhưng công tác đó đã bị thất bại. Song cũng chính nhờ sự thất bại này mà tôi đã chợt tỉnh. Tôi đã thực tế trông thấy sự nỗ lực của toàn thể nhân dân Việt Nam, với tinh thần bất khuất, quyết tâm đấu tranh giữ vững nền độc lập của dân tộc. Trên cơ sở nhận thức này, tôi đã ý thức được rõ ràng tất cả mọi hoạt động của tôi từ trước tới nay tại hải ngoại chỉ dựa trên ảo tưởng, chạy theo chiều hướng sai lệch, phản bội Tổ quốc thân yêu của tôi.

Hôm nay, với nhận thức đó qua thời gian suy ngẫm và tìm hiểu, tôi

muốn vạch trần mọi âm mưu của Mỹ và một số nước ngoài, và cũng thiết tha mong quý vị hãy thấy rõ qua nhiều sự kiện khách quan, tình hình ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia là không thể đảo ngược được. Tất cả mọi cố gắng của quý vị, của tôi trong quá khứ chỉ là mộng tưởng hảo huyền, ngày càng đưa chúng ta vào thế cùng đường lạc lối trở thành những kẻ có tội.

Tôi mong quý vị nhận cho những lời trung thực này. Nếu quý vị vẫn tiếp tục phiêu lưu dấn thân và những âm mưu hiếu chiến của Mỹ thì tôi thiết nghĩ quý vị sẽ chịu một phần trách nhiệm trong sự phá hoại nền hòa bình hiện nay giữa Việt Nam và các nước láng giềng. Quý vị cần hiểu rõ điều đó. Lịch sử của dân tộc không cho phép mỗi người chúng ta, dù ở bất cứ cương vị hay hoàn cảnh nào, đi ngược lại nguyện vọng chính đáng của nhân dân lúc nào cũng muốn sống cảnh thanh bình, ấm no hạnh phúc, giao hảo hiếu hòa cùng nước bạn. Chúng ta không được quyền làm lợi cho ngoại Bang, gieo rắc thêm tang thương lên khu vực đã được ổn định này.

Một lần nữa, xin cảm ơn quý vị về cảm tình và sự giúp đỡ đã qua đối với tôi và hy vọng quý vị nhận thức rõ chân lý.

Trân trọng kính chào quý vị”.

Dĩ nhiên, các “chiến hữu” của Võ Đại Tôn khi nhận được “lá thư ngỏ” này đã cho là Võ Đại Tôn bị cơ quan an ninh của ta “bắt buộc” viết “tài liệu tuyên truyền” này. Hơn nữa, chúng đã không cưỡng lại được chỉ thị của CIA tung chúng vào cỏi chết. Tiếp theo vụ Võ Đại Tôn lại đến lượt Hoàng Cơ Minh dẫn đầu một tốp biệt kích khác thâm nhập vào Việt Nam. Số phận bi đát lại đến với Hoàng Cơ Minh, thảm hại hơn đối với Võ Đại Tôn. Hắn đã bị bắn chết ngay khi mới vượt qua biên giới Thái Lan.

16. BỌN TAY SAI CIA TRONG KẾ HOẠCH LẬT ĐỔ

Theo lời khai của bọn tay chân Hoàng Cơ Minh bị các lực lượng vũ trang nhân dân ta bắt sống sau khi “chủ tướng” của chúng bị bắn chết tại trận, tổ chức phản động của Hoàng Cơ Minh được CIA nặn ra tại miền Nam bang Caliphonia Mỹ từ ngày 30-4-1980, vào dịp 5 năm chế độ ngục Sài Gòn hoàn toàn sụp đổ. Nhằm mục đích tuyên truyền chiến tranh tâm lý, CIA đã khoác cho bọn chúng một cái tên rất kêu là “Mặt trận quốc gia thống nhất giải phóng miền Nam Việt Nam”. Nòng cốt của “Mặt trận” này là một đảng mang tên “Việt Nam canh tân cách mạng đảng”. Bên cạnh đó còn có một “Hội đồng kháng chiến toàn quốc” có nhiệm vụ đề ra “chiến lược chiến thuật lật đổ chính quyền nhân dân” khôi phục lại chế độ ngục Sài Gòn tay sai của đế quốc Mỹ.

Ý đồ này của bọn chúng đã bộc lộ rõ rệt trong việc chúng dùng lại “quốc ca” và “quốc kỳ” của ngục quyền Sài Gòn làm biểu tượng của mặt trận, chọn cờ nền xanh có bông mai trắng 6 cánh ở chính giữa làm đảng kỳ của đảng “Việt Nam canh tân cách mạng đảng”, gọi tắt là đảng Việt Tân. Lúc mới đầu thành lập, cái mặt trận này chỉ có vền vền 6 tên sĩ quan ngục đang di tản ở Mỹ. Đó là: đề đốc hải quân Hoàng Cơ Minh, trung tá bộ binh Dương Văn Tư, thiếu tá không quân Nguyễn Kim, thiếu tá bộ binh dù Đặng Quốc Hiên, trung tá bộ binh Trương Tấn Lộc, đại úy bộ binh Nguyễn Huy.

Trong “cương lĩnh cách mạng” chúng chia thời gian ước định “giải phóng Việt Nam” làm 5 giai đoạn, trình tự như sau:

- Giai đoạn 1: gọi tên là giai đoạn “thực hiện sách lược” được tiến hành ngay sau khi thành lập Mặt trận, có nhiệm vụ điều tra, thăm dò bắt liên lạc, tập hợp những phần tử phản động trước kia đã từng phục vụ dưới chế độ ngục quân ngục quyền Sài Gòn hiện đang di tản, sống lưu vong phiêu bạt tại nhiều nước trên thế giới, kết nạp chúng vào cái mặt trận chống lại nhân dân này. Cùng một lúc với việc tập hợp lực lượng, bọn chúng cũng tìm cách cầu xin sự viện trợ của các thế lực phản động quốc tế nhằm tìm sự giúp đỡ về tài chính và vũ khí để chống lại nhân dân

- Giai đoạn 2: mệnh danh là giai đoạn “đông tiến” dự định sẽ tiến hành trong khoảng thời gian từ 1980 đến 1983. Trong giai đoạn này, chúng đề ra hai “công tác chủ yếu”. Một là kích động một phong trào “chống đối” nội địa Việt Nam chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa. Hai là, tuyển mộ, thành lập lực lượng “kháng chiến quân” ở ngoài nước bí mật đưa về Việt Nam phát động phong trào “kháng chiến” chống lại nhân dân và phá hoại Tổ quốc Việt Nam.

- Giai đoạn 3: gọi là giai đoạn “xây dựng hạ tầng cơ sở kháng chiến hạt nhân ở trong nước”, mới đầu dự định sẽ tiến hành trong khoảng thời gian từ 1983 đến 1986, sau lại chuyển thành “từ 1984 đến 1987”. Trong giai đoạn này, chúng dự định xây dựng một số căn cứ địa gọi là “mật khu” tại một số vùng rừng núi hẻo lánh, nhất là khu vực Tây Nguyên,

- Giai đoạn 4: gọi là giai đoạn “xây dựng vùng giải phóng tạm”, dự định tiến hành từ 1986 đến 1990 “sau đổi lại là: từ 1987 đến 1990”. Trong giai đoạn này chúng dự định sẽ sử dụng những lực lượng vũ trang phản động cố chiếm lấy một vài xã, ấp để làm “căn cứ địa” và “bàn đạp quân sự”, tiếp đó sẽ đánh thông từ xã này sang xã khác, cố chiếm và giữ một vài huyện.

- Giai đoạn 5: gọi là giai đoạn “tổng nổi dậy” dự định tiến hành vào năm 1992. Trong giai đoạn này, CIA dự tính cái “mặt trận quốc gia thống nhất giải phóng Việt Nam” do Mỹ nặn ra đã tồn tại được 12 năm. Trong khoảng thời gian hơn một chục năm đó đủ để cho cơ quan tình báo Trung ương của Mỹ tiến hành các hoạt động chiến tranh tâm lý, vừa tuyên truyền phô trương thanh thế cho lực lượng của Hoàng Cơ Minh ở ngoài nước, vừa tuyên truyền kích động gây mầm mống chống đối ở trong nước Việt Nam. CIA cũng dự tính thời gian 12 năm kể từ năm 1980 đủ thời gian nền kinh tế của Việt Nam bị Mỹ và các thế lực phản động quốc tế bao vây phong tỏa sẽ ngày càng kiệt quệ gây ra những rối ren náo động về chính trị. Trong khi đó, lực lượng vũ trang phản cách mạng của Hoàng Cơ Minh do CIA thành lập, nuôi dưỡng và trang bị sẽ “ngày càng lớn mạnh”, xây dựng được một số “vùng giải phóng” ở trong nước, hỗ trợ cho cuộc “tổng nổi dậy” lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa, khôi phục lại chế độ nguy quân nguy quyền tay sai của đế quốc Mỹ như thời kỳ trước năm 1975.

Vẫn theo lời khai của những tên bị bắt sống, từ năm 1981 bọn

Hoàng Cơ Minh được sự giúp đỡ của một số phần tử cực hữu ở Thái Lan đã thiết lập được 14 “tiền đồn”, được tập hợp thành 4 “căn cứ” đánh số 27, 81, 83, 84. Hoàng Cơ Minh cùng với Dương Văn Tư, Đặng Quốc Hiền, Trần Quốc Lộc ẩn náu tại các căn cứ này. Một số điệp viên CIA đã tới những căn cứ nói trên bày trò “phỏng vấn” Hoàng Cơ Minh rồi chụp ảnh in trên tờ báo “kháng chiến” xuất bản tại Caliphonia, tuyên truyền rùm beng đây là những “căn cứ quốc nội”, những “mặt khu” thành lập “ngay trong lòng đất nước Việt Nam” nhằm lừa bịp những người Việt đang di tản trên đất Mỹ, thúc ép cho họ phải quyên góp để “ủng hộ kháng chiến quân”. Ngày 27 tháng 12 năm 1983 CIA còn giúp bọn Hoàng Cơ Minh xây dựng được một đài phát thanh lưu động đặt lại Căn cứ 81 trên đất Thái Lan, gọi là đài “tiếng nói Việt Nam kháng chiến” nhưng do làn sóng quá yếu đài này không được mấy ai biết đến.

Cũng từ năm 1981 CIA còn vận động một số phần tử cực hữu ở Thái Lan cho bọn Hoàng Cơ Minh được phép vào các trại tị nạn người Việt trên đất Thái Lan tuyên truyền, mua chuộc, dụ dỗ lôi kéo những thanh niên trai tráng đã rời bỏ Tổ quốc, sung vào cái gọi là lực lượng “kháng chiến quân” của chúng. Mặc dù đã tung khá nhiều tiền của nua chuộc lôi kéo, nhưng bọn Hoàng Cơ Minh chỉ tuyển mộ được chưa đầy 200 người làm tay sai cho chúng. Sau khi đã đưa số “tân binh tình nguyện” này về các căn cứ trên đất Thái Lan huấn luyện, bọn Hoàng Cơ Minh đã xé lẻ số này đưa và 5 đơn vị mà chúng gọi là các “Quyết đoàn”, đánh số: 7683, 7684, 7685, 7686, 7687.

Ngày 15 tháng 5 năm 1986, Hoàng Cơ Minh bắt đầu tổ chức cuộc thâm nhập lần thứ nhất, gọi là “Đông Tiến 1” từ biên giới Thái Lan, xuyên qua Lào và Campuchia để trở về Việt Nam. Cuộc hành quân này đặt dưới sự chỉ huy của tên trung tá Dương Văn Tư, lúc này đã được chúng thăng vọt lên cấp thiếu tướng tư lệnh lực lượng võ trang kháng chiến. Toàn bộ lực lượng kháng chiến quân của Dương Văn Tư chỉ gồm vền vền có 51 tên nhưng khi vừa mới chạm đất Lào đã bị lực lượng biên phòng của nhân dân Lào tiêu diệt 42 tên trong đó có Dương Văn Tư, bắt sống 9 tên. Không một tên nào chạy thoát trở về căn cứ 27 của chúng đặt ở khu vực biên giới Thái Lan.

Thất bại đầu tiên này đã làm cho cả quan thầy CIA lẫn bọn tay sai Hoàng Cơ Minh choáng váng. Vì vậy, mãi hơn một năm sau, tức là

ngày 7 tháng 7 năm 1987 bọn chúng mới tổ chức được cuộc hành quân thâm nhập thứ hai, mang tên Đông Tiến 2. Lần này tất cả các “tư lệnh” chỉ huy các “quyết đoàn” đều đùn đẩy nhau, không tên nào dám xung phong dẫn đầu lực lượng kháng chiến quân thâm nhập vào nội địa Việt Nam. Cuối cùng, do bị quan thầy CIA thúc giục và một số “chiến hữu” trong lực lượng cực hữu của Thái Lan nói khích, tổng tư lệnh Hoàng Cơ Minh đành liều mạng đích thân chỉ huy cuộc hành quân Đông tiến 2 nhằm “làm gương cho cấp dưới”. Lần này Hoàng Cơ Minh sử dụng toàn bộ 3 quyết đoàn số 7684, 7686, 7687 nhưng toàn bộ lực lượng cũng chỉ gồm có 150 tên. Cũng như lần trước, ngay khi vừa mới đặt chân lên đất Lào, bọn chúng đã bị tiêu diệt 68 tên trong đó có Hoàng Cơ Minh, bắt sống 67 tên. Chỉ còn 15 tên chạy thoát trở về căn cứ 27 đặt trên đất Thái Lan.

Hai lần hành quân thâm nhập, cả hai lần đều bị thảm bại. Thế nhưng, CIA vẫn ngoan cố theo đuổi mưu đồ lật đổ và phá hoại ở Việt Nam. Mặc dù tên Hoàng Cơ Minh bị bắn chết trên đường thâm nhập đã được chụp ảnh rất rõ và công bố trên báo chí; mặc dù trong hai phiên tòa xét xử công khai vào ngày 1 tháng 12 năm 1987 và 20 tháng 8 năm 1988, những tên bị bắt sống đưa ra xét xử đã khai báo rõ tất cả quá trình thâm nhập và thất bại của bọn chúng, CIA vẫn cố tìm mọi cách bưng bít, giấu giếm không cho bọn tay sai trên đất Thái Lan cũng như trên đất Mỹ biết tin Hoàng Cơ Minh đã bị bắn chết. Lúc thì chúng phao tin Hoàng Cơ Minh đang “lãnh đạo công cuộc kháng chiến tại một mật khu ở Cao Nguyên Trung phần Việt Nam” lúc thì chúng lại tuyên truyền rùm beng Hoàng Cơ Minh đi “công du” tại một số nước trên thế giới để “mưu cầu ngoại viện”. Từ Caliphonia những tờ truyền đơn và những cuốn sách nhỏ in “lời hiệu triệu” của Hoàng Cơ Minh vẫn tiếp tục được biên soạn, xuất bản và phát hành rộng rãi trong khối cộng đồng người Việt di tản tại nhiều nước trên thế giới.

Trên đất Thái Lan, sau khi toàn bộ 3 Quyết đoàn do Hoàng Cơ Minh bị tiêu diệt, những tên cầm đầu còn sống sót trong cái gọi là “mặt trận quốc gia thống nhất giải phóng Việt Nam” lấy lý do những vị trí xuất phát bị lộ, đã triệt thoái và xóa bỏ dấu vết toàn bộ các căn cứ 81, 83, 84 đặt trong huyện Buntharic thuộc tỉnh Ubon của Thái Lan, di chuyển “Sở chỉ huy” vào sâu hơn nữa trên đất Thái Lan, ẩn náu trong vùng núi Phu Mạt thuộc huyện Takan tỉnh Ubon, cách căn cứ cũ hàng

trăm kilômét.

Bọn chúng lại tiếp tục đi vào các trại tị nạn ở Xikiu, Aranaphathit, Panatnhikom... tuyển mộ “kháng chiến quân”. Theo lời khai của những tên sau này bị bắt, trong khoảng thời gian từ tháng 2 đến tháng 5 năm 1989 bọn chúng đã tuyển mộ được khoảng gần 100 tên “lính mới” đưa về một căn cứ trên đất Thái Lan mà chúng đặt tên là “căn cứ Chi Linh” để huấn luyện về quân sự và chính trị.

Tại căn cứ này, bộ tư lệnh tối cao gồm có hai tên: Ba Hoàng và Trần Lộc.

Dưới sự chỉ huy chung của Ba Hoàng và Trần Lộc còn có một số tên được chỉ định làm chỉ huy trưởng các quyết đoàn như Trần Quang Đô, Nguyễn Văn Đông, Ngô Biên, Nguyễn Ngọc Hùng, Hồ Xuân Tiến, Lê Văn Tiến, Nguyễn Trung Tấn... Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau đó, khi được chỉ định xúc tiến công cuộc chuẩn bị để thâm nhập Việt Nam tên Nguyễn Trung Tấn chỉ huy quyết đoàn 1419 đã hoang mang dao động và bỏ trốn. Cho đến tháng 1 năm 1989 trong tay Ba Hoàng và Trần Lộc cũng mới chỉ có 2 quyết đoàn.

Do quyết đoàn trưởng Nguyễn Trung Tấn đã bỏ trốn nên Trần Quang Đô được chỉ định làm chỉ huy trưởng Quyết đoàn 1419. Nguyễn Ngọc Hùng là quyết đoàn phó phụ trách tác chiến. Gọi là quyết đoàn nhưng toàn bộ số quân do Trần Quang Đô chỉ huy chỉ có 38 tên.

Nguyễn Văn Đông được chỉ định làm quyết đoàn trưởng quyết đoàn 2589, Dương Hoài Vận làm quyết đoàn phó phụ trách tuyên vận, Lê Văn Tiến làm quyết đoàn phó phụ trách tác chiến. Toàn bộ quyết đoàn này cũng chỉ có 30 tên.

Một ban chỉ huy chung gồm 7 tên do Mai Văn Hùng cầm đầu được thành lập để chỉ đạo cả 2 Quyết đoàn này trên đường hành quân thâm nhập Việt Nam.

Tháng 6 năm 1989 cả hai quyết đoàn gồm 68 tên đã chuẩn bị xong, sẵn sàng lên đường. Ba Hoàng và Trần Lộc triệu tập các tên chỉ huy của hai quyết đoàn, trao nhiệm vụ:

Lập một “căn cứ tạm” ở khu vực giáp ranh các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Đà Nẵng và Gia Lai - Công Tum. Từ căn cứ tạm này sẽ tìm cách bắt liên lạc với lực lượng “kháng chiến quân” đã về nước từ

trước (bọn Trần Quang Đô vẫn chưa biết là tất cả lực lượng trong hai đợt hành quân Đông tiến 1 và Đông tiến 2 đều đã bị tiêu diệt) khi có thêm lực lượng, sẽ phát triển xuống vùng châu thổ sông Cửu Long, chọn Châu Đốc là nơi lập căn cứ địa. Từ căn cứ địa này sẽ từng bước phát triển cơ sở phát triển lực lượng. Cùng trong lúc tuyển mộ thêm dân địa phương sẽ tiến hành các hoạt động phá hoại một số mục tiêu quan trọng như cầu cống, đường xe lửa, xí nghiệp... để phô trương thanh thế, tổ chức ám sát cán bộ, công an, bộ đội; thu thập tin tức tình báo gửi về trung tâm ở Thái Lan để rồi sẽ từ Thái Lan chuyển tới đại bản doanh vùng tình báo Trung ương ở Mỹ.

Ngày 22 tháng 8 năm 1989 lễ chính thức xuất quân được tổ chức trên đất Thái Lan. Mỗi quyết đoàn trưởng được trao cho từ 6 đến 7 lạng vàng để chi tiêu trong cuộc hành quân. Trần Quang Đô được chỉ định làm chỉ huy trưởng cuộc hành quân.

Đúng 17 giờ ngày 22 tháng 8 năm 1989 toàn bộ bọn chúng được “các chiến hữu Thái Lan” bố trí đưa lên một xe ô tô vận tải quân sự và 3 xe ô tô nhỏ từ căn cứ xuất phát đi trong đêm tới bờ sông Mê Kông tiếp giáp với Lào. Tới 23 tháng 8 năm 1989 bọn phỉ Lào dùng thuyền gấn máy và 5 thuyền chèo đưa bọn Trần Quang Đô vượt sông Mê Kông vào đất Lào. Chúng dẫn bọn Trần Quang Đô tới chân núi Phu Keo thuộc huyện Vapi tỉnh Xaravan rồi quay trở về căn cứ của bọn phỉ Lào đặt ở Thái Lan. Từ Phu Keo, bọn Trần Quang Đô tự lực dùng bản đồ và la bàn mò mẫm đi theo hướng đông tìm đường về Việt Nam. Thế nhưng chưa đầy 70 giờ sau chúng đã bị các lực lượng vũ trang nhân dân Lào phát hiện và bao vây, truy kích. Trần Quang Đô vội tách lực lượng “hành quân đông tiến” làm hai toán, một toán do Trần Quang đô trực tiếp chỉ huy, một toán do Nguyễn Văn Đông chỉ huy, cố lườn rừng, lủi bụi tìm đường vượt qua biên giới Lào tới vùng rừng núi Việt Nam. Nhưng chúng vẫn không sao thoát khỏi mạng lưới bao vây truy quét dày đặc của nhân dân hai nước Lào Việt. Sau hơn 3 tuần bị lùng sục, truy quét, nhiều tên chết và bị thương, cuối cùng vào ngày 19 tháng 9 năm 1989 Trần Quang Đô cùng với 36 tên còn sống sót đành phải ra hàng.

Một lần nữa, kế hoạch Đông tiến của bọn phản động lưu vong di tản sang Mỹ lại bị đập nát vụn. Dĩ nhiên, Cục tình báo Trung ương Mỹ vẫn còn cay cú chưa cam chịu thất bại.

CIA đang tìm cách tạo ra “gương mặt mới” cho những con bài chính trị để quy tụ người Việt ở hải ngoại, hình thành lên nhiều tổ chức chính trị phản động, một loạt con bài tay sai của CIA lại đang được chuẩn bị ném vào những cuộc phiêu lưu mới. Một số tướng tá ngụy đang sống vất vưởng ở Mỹ lại được CIA moi ra hòng tạo dựng nên những con thiêu thân mới trong mưu đồ phá hoại và lật đổ ở Việt Nam.

17. NHỮNG MƯƠ ĐỒ PHÁ HOẠI VÀ LẬT ĐỔ CỦA CIA VẪN TIẾP TỤC

Tháng 4 năm 1990, tại Hà Nội, thủ đô nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, tổ chức UNESCO của Liên hiệp quốc đã tổ chức cuộc hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa của Việt Nam và thế giới, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người. Nhiều đoàn đại biểu quốc tế từ khắp năm châu đã tới dự.

Trong đoàn đại biểu Mỹ có một ông cụ tuổi cao sức yếu, đi lại khó khăn phải chống gậy, vẫn cố gắng tới Việt Nam, không những chỉ dự hội thảo tại Hà Nội mà còn tới tận Kim Liên thăm ngôi nhà tranh đã sinh ra, một vĩ nhân vĩ đại mà đại biểu người Mỹ gọi một cách trân trọng là Bác Hồ. Vị đại biểu người Mỹ này không phải ai xa lạ, mà chính là AKimedixi Patti, nguyên trưởng phòng Đông Dương thuộc sở tình báo chiến lược Mỹ OSS, tiền thân của CIA, người đã gặp Bác Hồ hồi đầu năm 1915 tại Côn Minh, tiếp đó lại dẫn đầu phái đoàn quân sự Mỹ tới Hà Nội tiếp nhận sự đầu hàng của đội quân Phát xít Nhật bại trận, sau khi cách mạng tháng tám năm 1945 đã bùng nổ thắng lợi.

Năm 1957 Patti đã rời khỏi quân đội với cấp bậc đại tá, nhưng đến năm 1959 lại được chính phủ Mỹ mời ra làm cố vấn về các vấn đề Đông Nam Á tại Hội đồng an ninh thuộc Nhà trắng đến mãi năm 1971 mới hưu trí về nghỉ tại bang Voreginia. Năm 1982, sau khi hoàn thành cuốn hồi ký “tại sao Việt Nam?” Patti đã trở lại thăm Việt Nam với tư cách một nhà báo và nhà nghiên cứu lịch sử. Lần này, Patti lại tới Việt Nam dự hội thảo quốc tế và kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mặc dù đã 78 tuổi, sức khỏe giảm sút nhưng đầu óc Patti vẫn còn minh mẫn. Ông đã dành những lời tốt đẹp, chân thành để ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam. Ông cũng ôn lại nhiều kỷ niệm sâu sắc trong những dịp tiếp xúc với Bác Hồ tại Côn Minh và Hà Nội. Đặc biệt, ông đã nhiều lần nhắc tới câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh chia tay lần cuối cùng với ông tại Hà Nội ngày 26 tháng 10 năm 1945:

“Những người như ông lúc nào tới đây cũng được hoan nghênh”.

Đúng là có nhiều người Mỹ, trong đó có cả những quân nhân và tình báo viên, sau một thời gian tiếp xúc với nhân dân Việt Nam, đã có thái độ thiện chí, mong muốn có những quan hệ tốt đẹp giữa Việt Nam và Mỹ. Về phần mình, nhân dân Việt Nam với truyền thống hòa bình hữu nghị, cũng luôn luôn mong muốn được sống trong khung cảnh hòa bình, ổn định, có những quan hệ bình thường với tất cả các dân tộc, sẵn sàng đón tiếp những người nước ngoài tới Việt Nam với tấm lòng bầu bạn. Tuy nhiên, với rất nhiều kinh nghiệm đau xót đã trải qua, nhân dân Việt Nam phải luôn luôn cảnh giác với những người đến đất nước mình với thái độ thiếu thiện chí, thậm chí lại có hoạt động thù địch, hoạt động tình báo với mưu đồ diễn biến hòa bình và thực hiện các kế hoạch kích động chính trị gây rối trật tự phá hoại, lật đổ.

Sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, chuyến máy bay lên thẳng cuối cùng đã chở một số quan chức Mỹ trong đó có đại sứ Mỹ Martin từ Sài Gòn ra tàu sân bay đậu ở ngoài khơi để về Mỹ. Nhiều người Mỹ khác vẫn còn nán lại miền Nam Việt Nam cùng với những kiều dân nước ngoài khác. Sau khi các lực lượng vũ trang nhân dân đã giải phóng Sài Gòn, chính quyền cách mạng vẫn đối xử đúng mức với tất cả những người nước ngoài đang sinh sống ở đây. Tuy nhiên, chỉ một thời gian sau, cơ quan an ninh của ta đã phát hiện được trong số họ có những người không phải bị “mắc kẹt” phải ở lại, mà là cố tình nán lại để hoạt động do thám. Được nhân dân phát hiện kết hợp với kỹ thuật nghiệp vụ, các chiến sĩ an ninh nhân dân đã nắm chắc trong số người nước ngoài ở lại Sài Gòn sau khi chế độ ngụy sập có cả thiếu tướng tình báo Mỹ Tô Cơ đã gây dựng được nhiều đầu mối gián điệp ở Sài Gòn; Brichman một nhân viên CIA ngụy trang dưới chức vụ một quan chức ngành du lịch Mỹ; Mirco sĩ quan quân báo có vợ là người Việt; Xlruhac, nhân viên CIA có vợ là người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Ngoài ra còn có tên Lsacava quốc tịch Nhật Bản; Oaitơ quốc tịch Anh; PieXan quốc tịch Pháp cũng đều là điệp viên CIA. Những vị khách “không giữ mà cứ cố tình ở lại” đã lần lượt bị trục xuất khỏi Việt Nam sau khi cơ quan an ninh của ta đã nắm trong tay nhiều bằng chứng về các hoạt động do thám của họ, vi phạm luật pháp của Việt Nam.

Sau khi miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng khỏi Mỹ ngụy, một số tên tay sai của CIA ra đầu thú trước chính quyền cách mạng đã khai báo, trong những ngày cuối cùng trước khi buộc phải rời khỏi Sài Gòn, giám đốc chi nhánh CIA tại Sài Gòn là Rônmét Pônga còn triệu tập những tên tay sai lại và căn dặn: “Hiện các đảng phái chống đối ở miền Nam Việt Nam còn rất yếu và không có cơ sở. Hơn nữa, cộng sản cũng không cho phép tổ chức những đảng phái đối lập. Vì vậy phải tận dụng các tôn giáo là những tổ chức có quần chúng để chống lại chính quyền cộng sản”.

Điểm mặt những tên tay sai CIA bị bắt quả tang hoạt động gián điệp và gây bạo loạn ta thấy bọn chúng không chỉ chui vào hoạt động trong đồng bào theo đạo Thiên chúa, đạo Tin lành mà cả trong các tín đồ đạo Phật, đạo Cao đài, đạo Hòa hảo. Tên Nguyễn Văn Ngợi, pháp danh Nguyễn Long Châu can tội hoạt động gián điệp, chống đối chính quyền nhân dân, có âm mưu gây bạo loạn, bị bắt ngày 26 tháng 6 năm 1977 đã thú nhận được CIA bố trí, cài lại hoạt động tại miền Nam Việt Nam, có nhiệm vụ móc nối với nhiều phần tử phản động trong các tôn giáo khác nhằm thành lập một liên minh các tôn giáo chống lại Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, gọi tắt là “Liên tôn chống Cộng”. Hắn đã khai tên một loạt nhân vật trong các giáo hội đạo Phật, đạo Thiên chúa, đạo Tin Lành, đạo Tam Kỳ Phổ độ, đạo Bahai, mà hắn đã tiếp xúc nhằm xúc tiến “kế hoạch” “liên minh” chống lại Tổ quốc, chống lại nhân dân, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa.

Từ những ngày đầu năm 1990, trước tình hình diễn biến phức tạp tại các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, CIA càng ráo riết tìm cách lôi kéo những phần tử xấu trong các tổ chức tôn giáo tại Việt Nam chống lại cách mạng. Một số tên phản động đội lốt tôn giáo đã ngồi họp với nhau, chuẩn bị khi nào “có thời cơ” sẽ đứng ra thành lập các đảng phái chính trị của tôn giáo theo kiểu các đảng dân chủ Thiên chúa giáo, đảng dân tộc Cơ đốc giáo, liên minh dân chủ Thiên chúa giáo... ở châu Âu, lợi dụng các đảng phái này làm công cụ để chống lại chủ nghĩa xã hội.

Cùng trong lúc vẫn tiếp tục tuyển mộ những người Việt di tản vào các tổ chức vũ trang và bán vũ trang, chờ cơ hội thâm nhập vào các vùng dân tộc thiểu số để gây bạo loạn, CIA cũng rất chú trọng đến việc lôi kéo, mua chuộc giới trí thức, văn nghệ sĩ, sinh viên nhằm gây

rối loạn trong nước. Tình hình Đông Âu trong những ngày đầu năm 1990 càng kích thích CIA, lao vào những mưu đồ gieo rắc những nọc độc của các tư tưởng cực đoan để gây mầm cho những hoạt động chống đối. Một điệp viên CIA là Alen Kippơ đã nhấn mạnh: “Những cuộc biểu tình và bãi công cũng có thể dẫn đến hành động lật đổ, đôi khi còn hiệu quả hơn là những hoạt động vũ trang bạo loạn”, CIA hiểu rằng muốn có hoạt động chống đối, trước hết phải có tư tưởng chống đối. Để gieo rắc nọc độc của tư tưởng chống đối không gì bằng kích động những phần tử trí thức, văn nghệ tung ra những ý niệm về dân chủ cực đoan, về tự do vô tổ chức, về chủ nghĩa vị kỷ dân tộc,... Những “bùa mê bả độc” về lối sống Mỹ, về cuộc sống phồn vinh hời hợt của “thế giới tự bản” cũng được tận dụng phục vụ cho các âm mưu phá hoại và lật đổ của đế quốc Mỹ.

Nếu như trong những ngày đầu tiên sau khi miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng CIA tích cực kích động những người Việt Nam di tản ra nước ngoài nhằm gây rối loạn thêm tình hình trong nước, thì đến nay, một mặt vẫn tiếp tục kích động di tản, mặt khác CIA lại “ủ mầm” bất mãn, nhằm vào những phần tử bất mãn ở trong nước để dấy lên các hoạt động chống đối. CIA còn ôm ảo vọng lợi dụng cả những đảng viên thoái hóa, xa đọa, bất mãn làm “ngọn cờ cho những phong trào chống đối do chúng nhen nhóm”.

Nếu trước kia, CIA chủ trương chính quyền Mỹ cần phải “bao vây phong tỏa” nhằm cô lập Việt Nam về chính trị và kinh tế thì ngày nay CIA lại chủ trương nên thiết lập quan hệ bình thường với Việt Nam rồi tận dụng những quan hệ đó để diễn biến hòa bình và phá hoại. Việc Việt Nam mở rộng cửa để nước ngoài đầu tư và phát triển du lịch cũng được CIA lợi dụng, coi đó là cơ hội tốt để tung tình báo gián điệp thâm nhập Việt Nam, gieo rắc mầm mống gây rối loạn, phá hoại và lật đổ.

CIA còn câu kết với các mạng lưới tình báo của nhiều nước đế quốc tư bản cũng như những nước thù địch hoặc không hữu nghị với Việt Nam ở châu Âu và châu Á, hình thành một “liên minh” nhằm chống lại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Những mưu đồ của CIA không phải mới mà đã tồn tại gần nửa thế kỷ nay. Điều cần nhấn mạnh ở đây là, mặc dù suốt nửa thế kỷ qua, chúng đã liên tiếp gặp nhiều thất bại ở Việt Nam, CIA vẫn ngoan cố

lao vào những cuộc phiêu lưu mới, áp dụng những hình thức mới, thủ đoạn mới thích hợp với tình hình mới và hoàn cảnh mới nhằm tiếp tục mưu đồ phá hoại và lật đổ ở Việt Nam.

Tuy nhiên nhân dân Việt Nam với truyền thống yêu nước, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa đã xây dựng được những cơ quan an ninh trung thành tận tụy, có những chiến sĩ an ninh dày dạn kinh nghiệm trong cuộc đấu tranh quyết liệt chống kẻ thù giai cấp và được sự hỗ trợ hiệp đồng chặt chẽ của lực lượng vũ trang hùng mạnh, biết dựa vào dân và phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành các cấp, nhất định sẽ làm phá sản mọi mưu đồ thâm độc của CIA cũng như của tất cả các cơ quan gián điệp đế quốc khác.